

KỶ NIỆM ĐỆ NHẤT CHU NIÊN

BÁCH KHOA

Số 25 - 26 x 15 - 1 - 58



RƯỢU : — Rượu Ấu mạnh «EAU DE VIE cũ» 40o và 50o
— Rượu Tàu «LÃO-MẠNH-TỬU»
— Rượu Tàu «ÍCH - THỌ - TỬU»

SI-RÔ «VERIGOUD» :
— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6o :
— Dấm «DISTAROME»

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU

THƠM «D. I. C.» ::

Naturelle — Fougère

D.I.C. 5 — Lavande

Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ VÀ TIỂU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



Đi PARIS hoặc HONGKONG
bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON - PARIS

(chuyến bay « THANH - LONG »)
cất cánh 20 g 30 mỗi thứ sáu



SAIGON - HONGKONG

(chung với AIR FRANCE)

cất cánh 8 g 30 mỗi thứ ba
thứ năm
thứ sáu



Xin hỏi VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. 22.446 - 47, 21.624 - 25 - 26



De SAIGON, avec le
Super G
d'AIR FRANCE
vous pouvez aller à



AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

12, Đại-lô Thống-Nhất
SAIGON

Tel 20.981 à 20.984



Société Indochinoise de Documentations et de Représentations Commerciales (S.I.D.E.R.C.O.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques D A V U M
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Ben Bach Dang
SAIGON

Tél. : 20.055

La Société Urbaine Foncière (S. U. F. O.)

18, Ben Bach Dang à Saigon

Vous présente ses meilleurs voeux pour 1958

BÁCH-KHOA

SỐ ĐẶC BIỆT

BÁCH-KHOA.....	Lá thư tòa soạn.
HUỲNH-VĂN-LANG.....	Một chính sách hối đoái ở V.N.
HOÀNG-MINH-TUYNH.....	Thông điệp của Đức Giáo Hoàng.
NGUYỄN-ĐỒNG.....	Tự-lực văn đoàn.
QUANG-HUẤN.....	Syrie, bài học lịch sử về kỹ thuật cướp chính quyền của Cộng-Sản.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ.....	Văn thề hùng vĩ.
NGUYỄN-NGU-Í.....	Hồ-quí-Lý.
PHẠM-HOÀNG-HỘ.....	Nguồn gốc loài người.
Cô THOẠI-NGUYỄN.....	Bà Phan-bội-Châu.
Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI....	Thơ mừng báo Bách-Khoa.
NGUYỄN-ANH-LINH.....	Luật bánh trưởng của thân thể trẻ em.
TRẦN-VĂN-KHÊ.....	Âm-nhạc Việt-Nam.
NGUYỄN-NGU-Í.....	Thi sĩ vốn xưa kia là gió (thơ).
VÕ-PHIẾN.....	Mưa đêm cuối năm.
THUẦN-PHONG.....	Con chó theo quan niệm ta trong văn thơ.
HOÀNG-NGỌC-LIÊN.....	Lá thư xuân (thơ).
LÊ-VĂN-SIÊU.....	Khâu đit chuột.
MẶC-THU.....	Hội trăm hoa.
NGUYỄN-NGU-Í và Yã-Hạc	
NGUYỄN-VĂN-TRUNG.....	Trường hận ca (thơ dịch).
BÌNH-NGUYỄN-LỘC.....	Ba con cáo.
VI-HUYỀN-ĐẮC.....	Khói lửa Kinh-thành.

BÁCH-KHOA

SỔ ĐẶC BIỆT

ĐÓN CỎI

BÁCH KHOA SỔ MÙA XUÂN

Với những thiên khảo luận công phu,

Với những sáng tác văn nghệ đặc sắc,

Của các cây bút quen thuộc đã viết trong
sổ đặc biệt này,

Sẽ là một kỷ niệm đầu xuân Mậu-Tuất
lười đẹp và giá trị,

Xứng đáng với lòng tin yêu mà bạn đọc đã
dành cho Bách-Khoa từ trước đến nay.

Các bạn thân mến,

BÁCH-KHOA ra mắt các bạn đến hôm nay là đúng một năm.

Buổi đầu cũng như hiện nay, Bách-Khoa không có tham-vọng vạch sẵn một đường lối biên-khảo hay sáng-tác nhất-định, mà chỉ mong được hợp-tác với tất cả các bạn đang « băn-khoăn vì hiện tại nhưng tin-tưởng ở tương-lai và quyết tâm hành-động ». Hợp-tác để cùng nhau làm những việc gì, dù lớn dù nhỏ, miễn là lợi-ích cho nước nhà, hợp-tác để cùng nhau góp những ánh lửa bé rải-rác bốn phương, nhập lại thành cây đuốc, hợp với trăm ngàn cây đuốc khác, làm sáng tỏ thêm đoạn đường mà dân-tộc ta đương tiến bước.

Với chủ-trương trên, trong một năm qua, Bách-Khoa đã sẵn-sàng tiếp-nhận mọi ý-kiến xây-dựng, nhằm mục-đích « đóng góp một chút công, một chút lòng thành cùng toàn-thể, trong công- cuộc chấn-hưng đất nước », và cũng nhờ đó Bách-Khoa đã một phần nào làm tròn nhiệm-vụ diễn-đàn chung cho

những người thiết-tha với các vấn-đề
chính-trị, kinh-tế, văn-hóa, xã-hội...

Phải chăng nhờ thế mà Bách-Khoa đã
được các bạn đọc gần xa, trong nước
cũng như ngoài nước, gửi về rất nhiều
bài-vở cùng thư-từ khuyến-khích. Và số
bạn của Bách-Khoa mỗi ngày mỗi tăng
chứng tỏ những tấm lòng thông-cảm
với chủ-trương của Bách-Khoa mỗi
ngày mỗi thêm.

Chính nhờ những ý-kiến của các bạn
xa gần mà Bách-Khoa được biết rằng
với trên hai mươi số vừa qua, Bách-
Khoa đã thu lượm được vài kết-quả
đáng lưu-ý : xuất-bản đều-đặn ; thành-
tâm nêu ra những biện-pháp cụ-thể,
nhất là trên lãnh-vực kinh-tế ; bài-vở
tương-đối đứng-đắn, mỗi ngày mỗi dồi-
dào phong-phú hơn ; khai-thác cái hay
cái đẹp trong kho tàng văn-hóa Đông-
phương mà đồng thời cũng không bỏ
qua việc sưu-tầm những cái mới, cái lạ
của nền văn-minh Âu-Mỹ... Nhưng bên
cạnh những ưu-điểm đó, Bách-Khoa còn
nhiều khuyết-điểm : nội-dung khô-khan,
các bài khảo-luận diễn-đạt đôi khi khó
hiểu, chưa thỏa-mãn được đòi-hỏi của
mọi tầng lớp nhân-dân, hình-thức quá
nghiêm-trang nên thiếu hấp-dẫn, ảm-
loát còn dễ lầm-lỗi nhiều khi đáng tiếc.

Những lời phê-phán trên đây rất xác-
đáng, Bách-Khoa xin chân-thành cảm-ơn
tất cả các bạn và ước-mong số đặc-biệt
ra mắt các bạn hôm nay sẽ chứng-minh

nỗ lực của Bách-Khoa cải-tiến về mọi mặt, cũng như thiện-chí của Bách-Khoa tiếp nhận mọi ý-kiến phê-bình xây-dựng, cố-gắng phát-triển các ưu-điểm, khắc-phục lần lần các khuyết-điểm, để dần dần đáp trong muôn một thịnh tình của các bạn thân-mến.

..

Bách-Khoa ra đời trong một hoàn cảnh vô-cùng khó-khăn, biết rằng tiếng nói của mình còn nhỏ bé, vang âm giữa đồng-bào còn mơ-hồ ngấn-ngủi, biết rằng trở-lực về mọi mặt có rất nhiều và còn mãi-mãi, nhưng với thiện-chí và quyết-tâm của một số anh em buổi đầu, Bách-Khoa dám mạnh-dạn tiến bước, chính vì Bách-Khoa đã nghĩ rằng :

Cách đây hai mươi tám năm, nhà ái-quốc Nguyễn-Thái-Học, với một lực-lượng non yếu, nếu không dám cùng các đồng-chí của mình đem xương máu mà xây thêm một nhịp cầu dù là nhỏ bé, để góp phần xây-dựng cái cầu vĩ-đại cho dân-tộc ta bước sang mảnh đất Độc-lập, thì có-lẽ ngày nay những tự-do dân-chủ đối với ta còn xa vời. Giết được vài chục tên thực-dân, trừ được một số người Việt phản-quốc, kể ra về phương-diện quân-sự thì không thấm vào đâu, so với bộ máy an-ninh của kẻ thống-trị. Nhưng rất vĩ-đại là lòng dũng-cảm của con người đã dám ra tay hành-động, tuy sức còn yếu mà mãnh-liệt tin-tưởng ở ích-lợi và thắng-lợi của công-việc

mình theo đuổi. Tấm gương anh-hùng đó đã thúc đẩy bao nhiêu người dân Việt sau này không ngần-ngại đem tài-năng và sinh-mạng dâng cho đất nước.

Trong hoàn-cảnh hiện nay, hẳn là mọi việc chưa được như ý muốn của toàn dân, chắc chắn việc phân-phối trách-nhiệm chưa được hoàn-toàn thích hợp với tài-đức của mọi người trong nước, chắc-chắn bắt công còn nhiều... Muốn cho tương-lai tươi đẹp, gương của Nguyễn-Thái-Học vạch cho ta rõ, chỉ có một con đường là lẫn mình vào công-việc và dũng-cảm gánh lấy trách-nhiệm. Hành-động không phải vì tự cho mình là tài cao đức lớn, nhưng vì thành-thực và mãnh-liệt tin-tưởng nơi lợi-ích ở phần đóng góp của mình. Trên bước đường phục-vụ cho đất nước, nếu những người đầy thiện-chí cùng được gặp-gỡ nhau, cùng có dịp đoàn-kết với nhau, tất sẽ thấy chan-hòa một niềm phấn-khởi vô-biên và sẽ tạo thành một sức mạnh hùng-hậu.

Trên căn-bản nhận-định đó, Bách-Khoa hi-vọng qua năm thứ hai này, sẽ được nhiều bạn «đồng thanh tương ứng» hơn nữa, để Bách-Khoa chóng tiến tới chỗ hoàn-hảo, làm phản-ảnh trung-thành nổi bản-khoản, niềm tin-tưởng và lòng cương-quyết của tất cả các bạn.

BÁCH-KHOA



MỘT CHÁNH SÁCH HỐI-ĐOÀI Ở VIỆT-NAM

HUỲNH-VĂN-LANG

LỜI NÓI ĐẦU

NÓI đến hối-đoái đã là một việc khó, nói đến chánh-sách hối-đoái lại một việc khó hơn. Nhưng kẻ viết bài này cũng cố-gắng để cho bạn đọc hiểu được phần nào tình-trạng khó-khăn phức-tạp của một quốc-gia mới độc-lập mắc phải về phương-diện hối-đoái, để rồi từ những cái khó-khăn phức-tạp ấy, một chánh-sách hối-đoái được quan-niệm và thành hình dần dần, nghĩa là từ trong tình trạng thực-lẽ xuất hiện ra hơn là một chánh-sách được quan-niệm sẵn có trong óc hay trong sách vở. Hơn nữa, những người quan-niệm và thực-hiện chánh-sách này là những người trẻ trung bỏ ghế nhà trường cách đây giới lắm năm ba năm, chớ không hơn. Họ có rất nhiều thiện-chí, có khi cũng nhiều sáng-kiến, nhiều thông-minh, nhưng kinh-nghiệm thì họ vẫn không được nhiều nhồi cho lắm. Điều này cũng không đáng-lấy làm lạ, vì Viện Hối-Đoái là một

trong những cơ-quan mà chánh quyền thực dân nắm đến giờ phút sau hết và vì tình hình đặc biệt là hiệp-dịnh Genève, họ giao trả một cách đột ngột, đến đâu có người so sánh sự giao trả Viện Hồi-Đoại cho Việt-Nam như thất một trái Điện-Biên-Phủ nữa, nhưng chỉ là một Điện-Biên-Phủ kinh-lẽ tiền-lẽ cho thực dân.

Cho nên, đứng trong thời gian thì cái chánh-sách tôi muốn trình bày ra đây chỉ mạnh nha từ 1955, từ khi Pháp giao trả Viện Hồi-Đoại tại cho chánh-phủ Việt-Nam, nghĩa là mới có ba năm đến cuối năm nay (1957). Từ 1955 đến giờ thì mới có thể nói đến chánh-sách hồi-đoại ở Việt-Nam được, vì trước kia Viện Hồi-Đoại Đông-Dương (O. I. C.) là một phòng đại-diện cho Sở Hồi-Đoại ở Bắ-lê và chỉ làm một việc thừa-hành, và nếu có chánh-sách hồi-đoại ở Việt-Nam thì chỉ là một chánh-sách « ruồi dơi » của một chánh-sách hồi-đoại chung của Pháp ở Bắ-lê thôi, không hơn không kém.

Ngày nay chủ quyền hồi-đoại ở Việt-Nam, tất nhiên là hồi-đoại phải nằm vào kinh-lẽ Quốc-gia Việt-Nam và chánh-sách hồi-đoại là một phần của chánh-sách kinh-lẽ tiền-lẽ tổng quát của Việt-Nam. Nhưng một chánh-sách mà tôi đem ra phân tích ở đây không có nghĩa là một chánh-sách hoàn-toàn của Chánh-Phủ Việt-Nam. Kể viết bài này có ý viết với tinh cách một nhà kỹ-thuật có phần trách nhiệm về hồi-đoại quốc-gia từ 1955, nghĩa là từ

lúc đầu, và chỉ có thể thôi. Đứng về mặt Chánh-Phủ, chánh-sách hồi-đoại không thể quan-niệm một cách tuyệt-đối được, vì nó chỉ là một phương diện có khi là một phương tiện cho chánh-sách chánh-trị, kinh-lẽ hay xã-hội của Chánh-Phủ. Vì thế mà kẻ viết bài này không có tham vọng đem ra đại-diện Chánh-Phủ nói về chánh-sách hồi-đoại của Chánh-Phủ, song chỉ muốn trình bày một chánh-sách hồi-đoại đã thực hiện và có lẽ tiếp tục được thực hiện sau này. Cho nên ở đây phương diện kỹ-thuật hồi-đoại được chú trọng hơn là những phương diện khác.

Bạn đọc hay cả những chuyên viên ngoại-quốc ở Việt-Nam cũng chính những chuyên viên V. N., không đồng ý kiến với tác giả về nhiều điểm, song chánh-sách ấy trước sau cũng vẫn thực hiện lần lần được. Tiếc rằng sự bất đồng ý kiến như thế nhiều khi làm mất thời giờ và có khi ngăn trở chánh-sách ấy ít nhiều là khác. Nhưng một khác cũng không thiếu người đồng ý kiến với chúng tôi, nhất là những bề trên của chúng tôi, để cho phép chúng tôi được đeo đuổi một chánh-sách hồi-đoại sát với thực-tế và đa thặng-bổ định đoạt, để chánh-sách hồi-đoại ấy phụng sự kinh-lẽ nước nhà, tức là phụng sự dân-tộc Việt-Nam. Bạn đọc đọc để hiểu biết việc làm của chúng tôi và tán-thành hay không cũng là người khuyến-khích chúng tôi và chúng tôi biết ơn, nhất là nếu có dịp chu

chúng tôi biết điều hay, điều dở của chúng tôi để đi đến chỗ hoàn bị hơn.

Như trên đã nói, chánh-sách hồi-đoái chúng tôi nói sau đây do hoàn-cảnh thực-tế này nở ra hơn là do sách vở lý thuyết hay óc tưởng tượng. Cho nên, trước khi nói đến chính chánh-sách ấy, chúng tôi sẽ nói qua những yếu-tố chánh-trị kinh-tế tài-chánh, là những khuôn khổ cho sự sinh nở một chánh-sách hồi-đoái. Kể đó, cho được hiểu chánh-sách hồi-đoái này qua các biện-pháp nhỏ lớn được đem ra áp-dụng, thì cần phải nêu ra những đặc-điểm cơ sở hồi-đoái ở Việt-Nam lúc bấy giờ, nghĩa là từ năm 1955. Những đặc-điểm chánh của cơ sở hồi-đoái cũng là những yếu-tố định-đạo lấy chánh-sách hồi-đoái ở Việt-Nam.

PHẦN I

Khung-cảnh chánh-trị, tiền-tệ, kinh-tế, hành-chánh của một chánh-sách hồi-đoái ở Việt-Nam

Trận Điện-Biên-Phủ kết-liệu lực lượng binh bị Pháp trong vòng tháng 5-1954. Kể đến hiệp-định Genève trong tháng 7-1954, chia nước Việt-Nam làm đôi, cũng có nghĩa là cắt phân nửa nước Việt-Nam Tự-Do giao cho Đế-quốc Nga Tàu. Sự kiện giặc giã kể đến sự kiện chánh trị trên đây, không những là có ảnh hưởng dân-sinh nặng nề trên miền Nam, mà còn có những ảnh hưởng vừa chánh-trị, kinh-tế, tiền-tệ hết sức nặng nề.

Một số đông đồng-bào, gần một triệu người lần lượt kéo vào Nam mà những người này ít ra trong hai năm đầu chỉ có thể tưởng tượng một sự di-cư nhu cầu tiêu thụ mà không có một sự di-cư sản xuất tương xứng bù chi lại cho miền Nam. Nhưng mặt khác, những người này có bao nhiêu tài-sản đều vơ-vét bán đồ tháo để đem bạc vào Nam. Có thể nói gần hết những người giàu có, tiền của nhiều đều mang vào Nam, trong số này nên lưu ý đến những người ngoại-quốc ở Bắc cũng di-cư cái gì được cái nấy vào Nam. Một tình trạng tâm lý càng đáng e ngại hơn nữa : những người giàu có Việt-Nam hay Ngoại-Quốc lại quan niệm rằng Sài-gòn chỉ là một giai-đoạn để di-cư đi nữa, họ vào đây để chờ cơ-hội và tìm phương tiện đi và mang tài-sản ra ngoại-quốc.

Không cần phải nói nhiều về kinh-tế Việt-Nam lúc bấy giờ, vì mười năm giặc giã — và thù giặc gi — đã cấu tạo ở Việt-Nam một nền kinh-tế giặc đặc biệt, khác hẳn kinh-tế giặc ở xứ khác. Ở đây, kinh-tế giặc có nghĩa là sự sản xuất trong nước bị phá-hoại về mọi mặt, vấn đề phân phối nhân sinh và thị trường xáo trộn sâu xa, vấn đề lưu thông bị giặc giã chi phối... Tất cả những cái ấy biến kinh-tế Việt-Nam thành một cái xác, không phải nhờ máu huyết của mình mà sống, song nhờ máu huyết của nước Pháp chuyển qua theo hệ-thống « Quân-đội viễn-chinh » : quân-đội viễn-

chính Pháp đến tiêu xài hàng-nóa và nhưt là dịch vụ của Việt-Nam sản xuất trong nước và hơn nữa Quân-đội viễn-chinh là nguồn sanh ngoại-tệ của Việt-Nam để V.N. có ngoại-tệ mua hàng hóa Pháp mà Việt-Nam cần càng ngày càng nhiều từ vải bô thuốc men đến nước hoa, hột xoàn. (Xem bản 1) (1)

BẢN 1. — Chi tiêu của Chánh-Phủ Pháp ở Việt-Nam

(Tinh bằng triệu phật lang)

1953 (1) . . .	163.254,6
1954	215.749,
1955	40.300,
1956	310, (sáu tháng đầu)

(1) Kể cả cho 3 nước Việt, Miên, Lào, 70 % riêng cho Việt-Nam.

Nhờ Quân-đội Viễn-Chinh (lối 200 ngàn người) mà Việt-Nam trong thời gian đánh giặc 10 năm vẫn dư thừa ngoại-tệ để mua hàng hóa Pháp và để cho một nhóm công-ty Pháp và Huê-kiều nhờ giặc làm giàu to, tha hồ chuyển tiền lời, tiền vốn ra ngoại quốc, để ở khắp thế giới : Pháp, Thụy-Sĩ, Hongkong và cả Mỹ...Thường thường người ta chuyển qua Pháp rồi từ đó qua Thụy-Sĩ để rồi đi nơi khác. Ở một nước bị giặc bao giờ cũng có một nhóm tư bản bu vào để lợi dụng cho nhiều, nhưng sau lưng còn có cái trào-lưu chuyển vốn đi vẫn ngấm ngấm thực hành,

khi mạnh khi yếu tùy theo sự tiến thối của quân-đội.

Ở Việt-Nam, cái trào-lưu này mạnh nhưt là từ Điện-biên-phủ và hiệp-định Genève, đem tất cả những cái sức mãnh liệt của nó xuống miền Nam cùng với số người và tài-sản di-cư vào Nam.

Tóm lại tình hình chánh-trị, giặc giã nói trên đã gây cho miền Nam những vấn đề tiền-tệ hết sức khó-khăn : cuộc lạm-phát — có nghĩa tiền-tệ hay thừa cầu « excess demand » — trước kia ngấm ngấm ở toàn cõi Việt-Nam, nay bột phát ở miền Nam, gây ra nhu-cầu ngoại-tệ để mua hàng-hóa dịch-vụ hay tiêu xài ở ngoại quốc hết sức mãnh liệt cũng như nhu-cầu ngoại-tệ để chuyển vốn đi cho nhanh chóng (xem bản 2).

BẢN 2. — Khối lượng tiền tệ (V.N. \$) (cuối năm)

1954	15.459.499.476,74
1955	17.349.000.000,
1956	17.579.000.000,
1957	16.630.000.000, (31-9-1957)

Một điều đáng lưu ý nữa là trước và sau Điện-biên-phủ, chủ quyền hối-doái vẫn còn nằm trong tay người Pháp cho đến đầu năm 1955, mà 80 % những người mang vốn đi là người Pháp và 80 % hàng-

(1) Các tài liệu thống kê sau đây do Tạp chí kinh tế Ngân-Hàng Quốc-Gia.

hóa V.N. mua là hàng hóa của Pháp. Cho nên những tháng cuối năm 1954 là những tháng Viện Hối-Đoái Đông-Dương (O.I.C.) tha hồ dễ dãi cho chuyển vốn ra ngoài dưới mọi hình thức vì chỉ có lợi cho nước Pháp và người Pháp. Lại nữa những người Pháp trước

kia sinh sống ở đây năm ba đời, sau Điện-biên-phủ họ lại lục tục kéo nhau ra đi theo một nhịp với Quân-đội viễn-chinh Pháp. Mà số người Pháp ấy lại đông cả 3, 4 vạn, tương trưng một phần xuất tích sản của Việt-Nam khá lớn. (Xem bản 3)

BẢN 3. — Tổng số Xuất-Nhập-Cảng của Việt-Nam

(Tinh bằng triệu VN \$)

Năm	Nhập-Cảng (1)	Phần của Pháp	Xuất-Cảng (2)	Phần qua Pháp	Tỷ-lệ (2) và (1)
1954.	11.429.928	75,5 %	2.011.282	36,6 %	18 %
1955.	9.211.626	52,4 %	2.415.400	37,4 %	26 %
1956.	7.374.000	24,7 %	1.471.000	67,5 %	20 %
1957 (6 tháng đầu). .	4.686.895	27,2 %	1.249.981	60 %	20 %

Sau Hiệp định Genève, Quân-đội viễn-chinh Pháp cấp tốc về nước vì lý-do ở lại Việt-Nam không còn nữa. Sự kiện này có ảnh hưởng không ít trên kinh-tế và hối-đoái V.N.. Quân-đội viễn-chinh Pháp khởi sự rút đi nhanh trong khi Pháp giao trả Ngân-Hàng Quốc-Gia (hay viện phát hành cũ) và Viện Hối-Đoái cho Việt-Nam. Như thế là một mặt Chánh-phủ Pháp lo tiêu-pha cho nhanh chóng số ngoại-tệ do quân-đội viễn-chinh đã mang vào đang đảm bảo phần nào đồng bạc V.N., một mặt nguồn gốc sinh ngoại-tệ vì yếu tố chánh trị phải cạn dần dần đến chỗ tối thiểu,

Tóm lại : tình trạng kinh-tế chung do giặc già, chánh sách hối-đoái, đường lối chánh-trị của Pháp cùng tình trạng xã-hội ở Việt-Nam trong cuối năm 1954 đã như một luồng sóng thần, từ Bắc đập trùm miền Nam như dội vào một cái dè mỏng manh hay như một luồng khí áp được bơm xuống miền Nam, ứ đọng lại trong một cái bình nhỏ dễ vỡ tan. Miền Nam về mặt hối-đoái phải đương đầu với một sự đem vốn đi khổng lồ, một sự cung bạc VN dồi lấy ngoại-tệ quá mạnh, đang khi mức sản xuất và xuất cảng trong nước xuống tột bậc thấp. (Xem bản 4)

**BẢN 4. — Số Xuất-cảng, Nhập-cảng, Chuyển-ngân vô hình
và chuyển-vốn từ năm 1954**

(tính bằng triệu đồng VN \$)

Năm	Xuất-cảng	Nhập-cảng	Chuyển-ngân vô hình	Chuyển vốn
1954	2.011,282	11.429,928 (1)	12.617,72 (2)	844,72 (3)
1955	2.415,408	9.211,626	2.330,157	218,588.241
1956	1.471,000	7.374,000	1.747,587	178,428
1957 (9 tháng đầu). . .	1.978,624	7.491,845	1.394,554	3,302

(1) (2) (3) Còn chuyển vốn dưới mọi hình thức khác ở trong hai mục (1) (2) này, không được ghi phân biệt ra (3).

Cái đề hay cái bình nói trên lúc bấy giờ là O. I. C. (Viện Hối-Đoái Đông-Dương) có một tổ chức vừa nhỏ nhen, vừa không phù hợp về cả mặt hành-chánh, kỹ-thuật cũng như về mặt phong-hóa. Nhân viên của Viện Hối-Đoái Đông-Dương là nhân viên của Sở Hối-Đoái Pháp, luật-lệ hối-đoái là luật-lệ Pháp, cách tổ-chức Viện như một phòng vừa bừa-bãi, vừa chật hẹp và mờ ám. Cái chánh-sách của họ đeo đuổi ở O.I.C. là một chánh-sách «mục nát» để bảo tồn được phần nào quyền lợi kinh-tế tài-chánh Pháp còn ở Việt-Nam. Thành thử không lấy làm lạ tại sao họ không thấu nhận tập sự do Chánh-phủ Việt-Nam đề-nghị từ giữa năm 1954. Hiệu quả : Việt-Nam nhận O.I.C. lại, nhưng những cán bộ lãnh nghề thì chưa bao giờ được đào-luyện, dù là đào-luyện cấp-thời. Đầu năm 1955, một nhóm thanh niên hăng hái nhưng thiếu kinh-nghiệm đã nắm Viện Hối-Đoái

cho đến ngày nay. Họ có thể làm lãn được nhưng không ai ngờ vực được thiện-chí của họ.

PHẦN II

**Hệ-Thống Hối-Đoái
ở Việt-Nam 1955**

Sau khi nói sơ qua về khung-cảnh chánh-trị, kinh-tế, hành-chánh của chế-độ hối-đoái ở Việt-Nam, bây giờ cần phải nói đến chính hệ-thống hối-đoái ấy qua những đặc điểm của nó. Trước hết phải nói ngay ra rằng ở Việt-Nam đã phải kiểm-sát hối-đoái từ 1946, tiếp theo sự kiểm-sát hối-đoái của nước Pháp (1939). Không cần phải nói người ta cũng hiểu vì sao mà phải kiểm-sát hối-đoái, vì thường thường kiểm-sát hối-đoái là một việc bất đắc dĩ phải làm trong lúc nước nhà, hoặc thiếu ngoại-tệ để mua những hàng-hóa, nhất là nguyên-liệu cần kíp cho kinh-tế nước nhà, hoặc đồng bạc đối với ngoại-tệ đã định giá quá cao làm cho hàng ngoại - quốc quá rẻ. Nhưng dù lý lẽ này hay lý lẽ kia thì cũng tại kinh-tế trong nước

quá kém, sự sản xuất trong nước quá thấp, đây là lý lẽ chính buộc một quốc-gia phải kiểm-sát hối-doái để chờ khi sản xuất trong nước theo kịp ngoại-quốc hay ít nữa là khi sản xuất trong nước tương đương với nhu cầu trong nước. Ở Việt-Nam cũng như các nước, 10 năm giặc giã làm hỏng cả sự sản xuất trong nước đến nỗi thiếu đang khi nhu cầu (có khi cũng tại giặc giã) lại càng ngày càng tiến lên.

Kinh-tế giặc giã do Quân-dội Viên-chính Pháp cấu-tạo và nhờ quân-dội viên-chính Pháp nâng đỡ sẽ lỗi bộ mất thật của nó ngày mà quân-dội viên-chính bỏ nước Việt-Nam, ngày mà giặc hết, để lại một kinh-tế thật sự chớ không giả tạo nữa, chừng ấy các vấn đề kinh-tế tiền-tệ sẽ thấy rõ ràng trong thực-tế của nó hơn.

Ở đây không nói dài bao la về các vấn đề ấy, song chỉ nói riêng đến một vấn đề liên-quan với đề-mục nói trong bài này, tức là giá-trị của đồng bạc V.N. ở thị trường nội-địa cũng như ở thị trường quốc-tế, như Hongkong, Singapour, San Francisco... Từ năm 1954 đến giờ Việt-Nam chánh thức giữ giá đồng bạc: $1 \text{ VN\$} = 1/35 \text{ US\$}$ hay 10 frs hay 1/98 £. Trong lúc chinh chiến giá chánh thức của đồng bạc VN nhờ đồng phạt lảng do Chánh phủ Pháp đem vào qua hệ-thống quân-dội viên-chính, nghĩa là trong lúc kinh-tế Việt-Nam ở trong tình trạng giả-tạo do chiến tranh gây ra, thì đồng bạc Việt-Nam định giá như trên không thấy rõ là quá cao. Nhưng từ khi giặc giã đã hết, nguồn sinh ngoại-tệ là quân-dội viên-chính không còn nữa, nghĩa là lúc kinh-

tế Việt-Nam kiệt-quệ trở lại bộ mặt thực-tế của nó thì sự định giá quá cao của đồng bạc VN càng thấy rõ dần dần và trào-lưu chuyển vốn đi, nhu-cầu ngoại-tệ để mua hàng hóa, dịch-vụ của thời bình càng mãnh liệt thì sự chênh-lệch của giá chánh-thức VN\\$ và giá thực-tế của nó ở thị trường đen (parallèle) càng ngày càng to.

Trào-lưu chuyển vốn đi là do tình-trạng chánh-trị gây ra và sự di-cư tài-sản cùng với nhân-sinh vào Nam để rồi đi nữa làm cho trào-lưu ấy hết sức mạnh mà cả sức mạnh bao ấy miền Nam Việt-Nam phải chịu tất cả như trên đã nói. Sự bình an từ 1954 sẽ lập lại lần lần, nhưng phong trào chuyển vốn này chưa dứt được vì hiệp-định Genève còn đó, Tổng Tuyên-cử vẫn được người ta đề ý luôn cho đến hết tháng 7 năm 1956. Phong trào chuyển vốn chưa hết thì với sự bình an lập lại lần lần, bao nhiêu nhu cầu hàng hóa, dịch-vụ — chỉ nói đến nhu-cầu tiêu-thụ mà thôi — của quần chúng càng ngày càng mạnh, bề sâu như bề rộng. Và dường như người ta thì đua nhau để tiêu xài, để mua sắm hàng hóa — khi nước nhà chưa sản-xuất được thì đã có ngoại-quốc cung cấp cho — để bù chi lại những ngày cực khổ trong khi giặc giã, hay để tiêu xài vì không biết làm gì khác khi đã có tiền sẵn, khi chờ đợi đi nơi khác đầu-tư vững chắc hơn, khi chưa thể đầu-tư trong nước được. Những thói quen tiêu xài do giặc giã cấu-tạo ra hay do giặc giã kèm-hãm, được

phần nào ngày nay nỡ tung ra một cách bông bột.

Chắc chắn là một mình Việt-Nam không thể nào đương đầu nổi với phong-trào chuyển-vốn hay tiêu xài ấỵ được. Viện-trợ Mỹ từ 1954 đã giao hẳn cho Việt-Nam trực tiếp xử dụng, tuy với điều kiện này, điều kiện kia và thẻ thúc nầy, thẻ thúc nọ, và số tiền càng ngày càng nhiều. Nhưng Viện-trợ Mỹ chỉ trả lời về nhu-cầu hàng hóa và một phần thời, còn phong trào chuyển-vốn và nhu-cầu dịch-vụ thì vẫn để Việt-Nam một mình đảm nhiệm lấy. Mà với tài-nguyên riêng Việt-Nam cũng trả lời được phần nào về trào-lưu chuyển-vốn và nhu-cầu dịch-vụ mà thôi. Trừ ra Chánh-phủ Việt-Nam phải làm đi gì khác để mở nắp ra như thị trường tự do với sự gia nhập có giới hạn mà chúng tôi sẽ nói sau (xem bản 5).

BẢN 5. — Viện-trợ Mỹ

1953 — 1954 . . .	140.000.000 US \$ (1)
1954 — 1955 . . .	300.180.768 US \$
1955 — 1956 . . .	203.149.155 US \$
1956 — 1957 . . .	262.811.799 US \$

(1) cho 3 nước Việt, Miên, Lào, con số này không được chắc chắn.

Ngoại-tệ do Viện-trợ Mỹ không thuộc phạm-vi Viện Hối-Đoái Quốc-Gia điều khiển, song do một ủy-ban khác là Ủy-Ban Nhập-Cảng (C.N.I.) nằm trong Nha Thương-Vụ và do Chánh-phủ Mỹ kiểm-sát, cho nên chúng tôi không nói gì về nó được ở đây hơn là điều này:

tuy Viện-trợ Mỹ có nhiều, nếu đem so sánh với ngoại-tệ riêng của Việt-Nam, nhưng vì nhu cầu hàng hóa quá mạnh mà đồng bạc VN định giá quá cao, thành ra thay vì hạn chế người ta lại khuyến khích sự tiêu xài đến cực độ, mà những hàng hóa ấy có khi chỉ có lợi cho kinh-tế ngoại-quốc mà hại cho kinh-tế Việt-Nam. Thành thử với 1 VN\$ = 1/35 US \$ thì hàng hóa ngoại-quốc hóa ra quá rẻ, cho đến đầu năm 1957 chế độ thuế khóa mới, mới chận đứng được phần nào nhu cầu hàng hóa. Nhưng người ta lại áp dụng chánh sách ấy có hơi trễ, nghĩa là trong lúc mà các mặt khác người ta cũng đã áp dụng mọi biện pháp hạn chế nhu cầu, để rồi chế độ thuế khóa mới đến sau thay vì làm lợi lại làm nặng nề thêm tình hình giảm phát chung do các biện pháp tiền-tệ kinh-tế khác gây ra. Chúng tôi sẽ nói sau về chế độ thuế khóa này trong phạm vi có liên lạc đến hối-xuất đồng bạc VN, nghĩa là liên lạc mật thiết với chánh sách hối-đoái.

Cơ sở hối xuất. — Khi kinh-tế đã kiệt quệ, nhu cầu càng lên quá mạnh mà đồng bạc lại định giá quá cao thì tất nhiên là sanh ra một cơ sở hối-xuất phức tạp và đa nguyên hối-xuất càng ngày càng to. Từ khi Pháp giao trả chủ quyền hối-đoái cho Việt-Nam (1 tháng Giêng 1955) đến bây giờ, có hai biện pháp là Thị-trường Tự-do thành lập từ 30 tháng 6-1956 (Đu 36 ngày 30/6/56)

và gần đây Chế độ 35% xuất-nhập-cảng (Nghị-định 429-KT ngày 1/10/57) để sửa chữa sự phức tạp về hối-xuất được phần nào mà tôi sẽ nói sau đây, còn trong khoảng thời gian ấy thì vấn đề đa nguyên hối xuất cảng ngày càng phức tạp. Tình hình cơ sở hối xuất từ đầu năm 1955 đến gần đây, như là đến khi lập chế độ 35% xuất-nhập-cảng, thì không có gì thay đổi về phương diện đa nguyên hối xuất đáng lưu ý.

Đầu năm 1955 đến 30 tháng 6, 1956, ở Việt-Nam có thị trường chánh thức mà đồng bạc được đánh giá là 1 VN\$ = 1/35 US\$ hay 10 Frs. Kể bên thị trường chánh thức ở Ngân-Hàng Quốc-Gia, Viện Hối-Đoái và các Ngân-Hàng trên một con đường gần Ngân-Hàng Quốc-Gia có một thị trường đen (parallèle) về các vụ chuyển-ngân mua dịch-vụ hàng-hóa cũng như các vụ vô hình khác. Cái gì định đoạt lấy hối-xuất ở thị trường sau này? Trước hết là các vụ chuyển vốn ra ngoại-quốc, các chi-phí du-lịch ở ngoại quốc và như là các vụ nhập cảng « không ngoại tệ » (1) trong đó có các món hàng-hóa khan hiếm ở Việt-Nam như đồ hộp, đồ ăn uống, thuốc bắc và cả vàng bạc, hột xoàn... Đó là bên cầu, còn bên cung thì đã có một bọn người có tiền sẵn ở ngoại quốc bằng cách buôn bán lậu hoặc là những ngoại tệ ẩn cắp của Viện Hối-Đoái hoặc

của Viện-trợ Mỹ (C. N. I.). Thị trường này do người Tàu chi-phối hẳn (Một bài riêng về thị trường này có lẽ sẽ cho bạn đọc rõ lực lượng tài chánh của người Tàu ở Việt-Nam và tất cả những cái hại họ làm cho kinh tế tiền tệ của chúng ta). Cũng nên biết là thị trường này rất thanh hành dù đứng ngoài vòng Pháp-luật, đã có từ lâu năm trước đây rồi và được chánh-phủ thuộc địa nuôi dưỡng để qua thời gian giặc nó trở thành một con quái vật muôn hình vạn trạng to lớn và mạnh mẽ vô cùng. Sự hiện hữu của thị trường này không có gì là lạ, vì một khi đã có kiểm soát hối-đoái và ở thị trường chánh thức những vụ chuyển ngân để mua hàng hóa dịch vụ hay các vụ vô hình khác được hạn chế và kiểm soát thì là có thị trường đen. Nhưng đáng lấy làm lạ là sự thanh vượng và to lớn của thị trường này và tình cách chi phối kinh-tế của nó ở Việt-Nam. Trọng lượng nghiệp vụ không biết rõ được, nhưng cung bạc VN ở thị trường Hongkong hằng tuần cũng đủ cho ta có ý niệm về thị trường này, vì thị trường này mật thiết liên lạc với thị trường tự do ở Hongkong. (xem bản 6)

(1) Gọi là nhập cảng « không ngoại-tệ » nghĩa là nhập cảng mà không dùng ngoại tệ của Chánh-phủ nhưng lại dùng ngoại tệ mua ở chợ đen.

BẢN 6. — Cung bạc V. N. ở thị-trường tự-do Hongkong

(tính trung bình hằng tuần và từng triệu bạc V.N.)

	1954	1955	1956	1957
Tháng Giêng			8,5	12,3
Tháng Hai	8,8		5,8	11,5
Tháng Ba		7,2	11,8	11,4
Tháng Tư	10,4	8,3	11,0	9,8
Tháng Năm	13,3	12,8	10,5	11,4
Tháng Sáu	14,5	9,8	9,8	10,3
Tháng Bảy	16,8	9,0	11,3	11,6
Tháng Tám	10,5	10,8	8,3	10,7
Tháng Chín	9,1	10,9	14,0	8,7
Tháng Mười	10,	8,6	14,3	8,0
Tháng Mười Một	7,9	9,3	16,0	
Tháng Chạp	9,5	9,3	13,3	

Trừ ra 2 thị trường nói trên còn có thị trường Xuất-phí-phụ (Efac), nửa chính thức nửa không chính thức. Xuất-phí-phụ là số ngoại tệ người xuất cảng được tự do bán cho nhà nhập cảng để nhập cảng hàng hóa hay trả dịch-vụ gì chút ít. Chánh thức vì Chánh-phủ cho phép nhà xuất cảng tự do xử dụng hay bán ra để nhập cảng, nhưng bán chánh thức vì hối-xuất được tự do định đoạt giữa người mua kẻ bán không ai kiểm soát cả. Vì tính cách chánh thức của thị trường này và nhất là người ta được chánh thức dùng ngoại tệ xuất-phí-phụ này để nhập cảng những món hàng hạn chế không được nhập cảng trong khuôn khổ thị trường chánh thức, nên hối-xuất ở thị trường này bao giờ cũng cao hơn ở thị trường đen nói trên. Hối-xuất này lại càng cao hơn nữa vì những nhà xuất cảng là

những nhà bán xuất-phí-phụ có bè là bè nhà xuất cảng Pháp và người mua xuất-phí-phụ cũng có bè với nhau mà phần đông là Pháp hay Tàu. Vì thế mà hối-xuất xuất-phí-phụ rất cao, phần vì nhu-cầu mà một phần khác vì tính cách giả-tạo độc quyền của nó. Cho nên hối-xuất ấy cũng không chắc trọng trung giá thực tế của đồng bạc V.N. được. Nhưng vì những lẽ nói trên mà giá ấy vẫn giữ được rất cao một cách lâu bền. (Xem bản 7)

BẢN 7. — Hối-xuất bạc V.N. trên thị-trường E.F.A.C.

(đối với 1 Mỹ kim)

	Tối đa	Tối thiểu	Trung bình
1955	100\$ VN	80\$ VN	90\$ VN
1956	150\$ VN	100\$ VN	125\$ VN
1957	130\$ VN	100\$ VN	115\$ VN

Ở đây cần phải nói về chế độ Xuất-phi-phu và mậu-dịch tương-tiêu (Echanges compensés) vì chính chế độ này định đoạt lấy sự đa nguyên hối xuất ở Việt-Nam một cách kinh niên. Chế độ xuất-phi-phu và mậu-dịch tương-tiêu đã có ở Việt-Nam từ trước 1955 cho đến gần đây thay thế bằng chế độ 35 % duy nhất. Ngay chế độ mậu-dịch tương-tiêu đến bây giờ vì nhiều lẽ mà chưa tuyệt hẳn, dù đã có chế độ duy nhất 35% rồi.

Chế độ xuất-phi-phu và mậu-dịch tương-tiêu là một cách phá giá đồng bạc VN\$ không hơn không kém và đồng bạc VN bị phá giá theo tỷ lệ xuất-phi-phu để cho các nhà xuất cảng. Trước hết có những món hàng như cao su, gạo thì được hưởng 15% xuất-phi-phu, đó là một thái cực này, còn thái cực kia là mậu-dịch tương-tiêu, nghĩa là 100% xuất-phi-phu, vì tất cả ngoại tệ do xuất cảng đều được để cho nhà xuất cảng xử dụng để nhập cảng hàng hóa. Giữa 2 cái thái cực 15 % và 100 % thì có những món hàng được hưởng xuất-phi-phu 30 % như lông vịt, 50 % như trà, 75 % như muối... Ở đây không cần phải nói rằng chính yếu tố kinh-tế là năng xuất kém, giá vốn quá cao đã định ra thứ trợ cấp kiểu xuất-phi-phu hay mậu-dịch tương-tiêu như thế. Ở đây chỉ muốn lưu ý đọc giả về sự đa nguyên hối xuất bên xuất cảng, gần như mỗi thứ hàng xuất cảng là có một hối xuất xuất cảng riêng

do tỷ lệ xuất-phi-phu được hưởng định. Song cũng cần phải nói liền ở đây là ở Việt-Nam không có mấy món hàng xuất cảng được, và chỉ Cao su, Gạo và thứ ba là Lông vịt đã chiếm gần 90 % xuất cảng ở Việt-Nam xét về trọng lượng như về thâu ngoại tệ. Dù vậy vấn đề đa nguyên hối xuất hết sức phiền toái vẫn còn không bớt được phần nào. Hơn nữa gần đây lại có chế độ trợ cấp trực tiếp xuất cảng thêm vào để nâng đỡ một hai món hàng cần phải xuất cảng như cá, gỗ. Cái trợ cấp xuất cảng này dù là một biệt lệ nhưng trên thực tế nó chỉ là một hình thức phá giá đồng bạc và làm cho sự đa nguyên hối xuất càng thêm phức tạp.

Cho đến đầu năm 1957, là lúc áp dụng một thứ thuế mới gọi là thuế sản xuất đánh trên các món hàng nhập cảng từ 15, 25, 35 % thêm vào với quan thuế, thì phía bên nhập cảng, trừ ra những món hàng nhập cảng theo xuất-phi-phu, mậu dịch tương-tiêu, thì tất cả đều được hưởng hối xuất chánh thức. Thuế sản xuất nói trên đây cho tác giả bài này là một loại thuế hối-doái hạ giá đồng bạc xuống và về mặt « mãi lực » có những hiệu quả hoàn toàn như một cuộc phá giá đồng bạc Việt-Nam từ 15 %, 25 % đến 35 % bên nhập cảng. Trước khi áp dụng thứ thuế phá giá này thì bên nhập cảng cũng như bên xuất cảng đã có nhiều hối xuất phức tạp rồi.

PHẦN III

Chính-sách Hối-Đoái

Chánh sách hối-đoái như trên đã nói chỉ là một phần của chánh sách kinh-tế chung cho nên nó cũng phải đi một hướng như chánh sách kinh-tế trong nước. Ta có thể tóm tắt chánh sách ấy như sau. Ở thị trường đen hay xuất-phi-phu, vì nhiều lẽ giá đồng bạc V.N. được định quá thấp đang khi ở thị trường chánh thức giá đồng bạc V.N. lại được định quá cao. Sự xa cách giữa 2 giá có từ 1 đến 3, nếu lấy giá chánh thức 1 US\$ = 35VN\$ và giá Efac 1US\$ = 105VN\$ thôi. Biết rằng hai giá thái cực ấy không được hợp lý và tin chắc rằng ở giữa hai giá ấy ta có thể tìm được một hối xuất vững chắc quân bình mà ta không thể tự ý nhưt định là bao nhiêu được, vì kinh-tế Việt-Nam hiện giờ quá linh động (mouvant) và các tài liệu thống kê không đầy đủ hay chắc chắn. Hơn nữa giữa hai hối xuất thái cực còn rất nhiều hối xuất quá như đã nói trên. Cho nên chánh sách hối-đoái ở Việt-Nam đeo đuổi mục tiêu này : 1/ làm sao đưa đồng bạc V.N. từ dưới lên lần lần, 2/ như thế làm cho bớt lần lần sự xa cách ấy và tức là làm cho bớt đa nguyên hối xuất. Đưa đồng bạc V.N. từ dưới lên sẽ là bớt lần lần đa nguyên bằng cách dành khách hàng của thị trường đen, bắt thị trường đen theo các biện pháp hối-đoái của Chánh-phủ để nó mất hẳn tính

cách quan trọng của nó, thành ra một thị trường bên lề không ảnh hưởng gì nữa trên giá trị đồng bạc, bằng cách loại hẳn các thứ hối xuất mà chánh-phủ công nhận công khai bằng cách xuất-phi-phu mậu dịch tương tiêu hay trợ cấp trực tiếp để áp dụng một hối xuất duy nhất làm luật chung cho các vụ xuất cảng như nhập cảng.

Những biện pháp để áp dụng các chánh sách hối-đoái ở trên và đeo đuổi những mục tiêu đó là sau lúc và rồi cũng một lúc kiểm soát hối-đoái chặt chẽ, Chánh-phủ tổ chức 2 thị trường hối-đoái, có tính cách đặc biệt. Thứ nhất là thị trường tự do để cho các vụ chuyển ngân vô hình, thứ hai là thị trường xuất nhập cảng tạm gọi là chế độ 35%. Đó cũng là 3 giai đoạn của chánh sách hối-đoái.

Kiểm-sát Hối-đoái. — Trong giai đoạn đầu là từ 1955 đến tháng 7, 1956, tất cả các vụ chuyển ngân vô hình, hữu hình đều được tập trung về thị trường chánh thức. Nhưng vì nhu cầu quá cao mà cung quá thấp, tài nguyên ngoại-tệ của Chánh-phủ rất ít nên tất cả đều bị hạn chế, những vụ chuyển ngân trả cho tư bản hay cần lao cũng như các vụ nhập cảng. Trong giai đoạn kiểm sát này không phải Viện Hối-Đoái chỉ biết hạn chế suông thôi, Viện Hối-Đoái còn cần phải sửa đổi luật lệ hối đoái, huấn luyện nhân viên, tổ chức công sở lại cho phù hợp với trách nhiệm mới, với tình hình mới. Hơn nữa

Viện Hối-Đoái còn phải chăm chú để tìm hiểu cho rõ thị trường và tình hình hối-đoái hiện tại để tìm những biện pháp thích nghi cần phải áp dụng sau này.

Trong khi hạn chế hối-đoái, Viện Hối-Đoái chủ trương dùng những tài nguyên của Quốc-Gia Việt-Nam một cách hết sức hợp lý, nghĩa là để chi tiêu dịch vụ hay hàng hóa rất cần thiết cho kinh-tế nước nhà và trong những giới hạn hợp lý, nghĩa là vừa đủ không dư, không thiếu. Bởi vì ngoại tệ riêng của Việt-Nam rất ít mà những nhu cầu khẩn cấp rất nhiều như chi tiêu của Chánh phủ ở ngoại quốc, sinh-viên, chuyên-viên ngoại quốc, chuyên chở..., càng ngày chỉ thêm lên, nên Viện Hối-Đoái còn chủ trương chánh sách dùng triệt để ngoại viện, vì đang khi V.H.Đ. phải đương đầu với bao nhiêu nhu cầu mà không sao thỏa mãn được thì Viện-trợ Mỹ mỗi năm vẫn không tiền xài cho tận hết. Cho nên cái gì dịch vụ hay hàng hóa mà Viện trợ Mỹ đài thọ được thì Viện Hối-Đoái đưa qua Viện-trợ Mỹ hơn là tự đài thọ với ngoại tệ riêng của Việt-Nam. Nhưng thực ra Viện-trợ Mỹ không có đài thọ những dịch-vụ, chỉ đài thọ cho hàng hóa thôi. (Có một số ngoại tệ mà Viện-trợ Mỹ nhận đài thọ các dịch vụ nhưng đó là ngoại tệ mà chính Việt-Nam đã phải mua lại của Pháp với đồng quan riêng của mình).

Sau một năm chủ quyền hối-đoái về Việt-Nam, Viện Hối-Đoái có

một quan niệm khá rõ ràng về tình hình hối-đoái lúc bấy giờ mà ta có thể tóm tắt lại như sau đây. Cung bạc VN\$ nhiều quá, hoặc dưới hình thức tiền lời lãi đọng lại từ hai ba năm về trước, hoặc dưới hình thức chuyển vốn từ Bắc vào Nam và từ Nam ra ngoại quốc, hoặc những nợ nần dịch vụ hay hàng hóa hai ba năm về trước Việt-Nam mắc ngoại-quốc, hoặc những số tiền nho nhỏ mà mỗi người rời xứ Việt-Nam hoặc du-lịch, tránh nạn... muốn mang theo để tiêu xài ở ngoại quốc. Như trên đã nói, có một tâm trạng như hoảng hốt làm cho Cung này thêm quá nhiều, gây một áp lực trên thị trường chánh thức ở Viện Hối-Đoái quá mạnh bạo mà V.H.Đ. nghĩ rằng không luật lệ kiểm soát, không sự hạn chế nào đủ sức kềm chế nổi. Đơn xin 10 mà Viện Hối-Đoái lúc ấy chỉ có thể thỏa mãn được 1, thì làm sao mà giá đồng bạc ở thị-trường đen lại không vọt lên rồi vấn đề đầu cơ buôn bạc nhảy xó vô làm cho tình hình thêm hỗn độn. (Kể viết bài này không bao giờ quên hình ảnh của một Viện Hối-Đoái nhỏ hẹp năm 1955, nhận viên không chắc chắn về kỹ-thuật như về phong hóa, đơn từ chồng chất ngồn ngang đầy tràn lất cả mọi bàn giấy, khách hàng tấp nập chen chúc nhau khắp các nơi trong sở, cả ngoài đường... và đủ thứ người đen, vàng, trắng, già, trẻ, lớn, bé, sang, nghèo đủ hạng. Tình trạng hỗn độn do sự chênh lệch

quá to lớn giữa cung cầu ngoại tệ mà ra, đã bắt buộc Viện Hối-Đoái phải nghĩ đến một giải pháp gì để thâu hút số bạc VN cung ở thị trường quá nhiều. Từ cuối tháng 9-1955, Viện Hối-Đoái đã nghĩ ngay đến một loại thuế hối-đoái và đã đề nghị lên trên. Nhưng đề nghị ấy vẫn không có ai đề ý trừ ra một nhóm chuyên viên liên bộ họp lại đề bác bỏ hẳn.

Thị trường tự do. — Kể đó một ý kiến được đưa ra thảo luận ở một Ủy-Ban Hối-Đoái gồm chuyên viên Việt-Nam và ngoại quốc trong tháng 10, 1957. Ở đây người ta nhận được 3 ý kiến chánh: Chuyên viên ngoại quốc không muốn tổ chức một thị trường tự do vì có lẽ e ngại cho quyền lợi người ngoại quốc hơn là về vấn đề kỹ thuật và đề nghị một biện pháp chọn lọc và hạn chế, nghĩa là đặt một hệ thống cho các loại chuyển ngân nào đáng cho chuyển trước và chuyển bao nhiêu. Một số chuyên viên Việt-Nam lại có người e ngại thị trường tự do hẳn vì e rằng đó là một cái cửa hở dễ phá giá đồng bạc cách chánh thức. Cũng có người cho rằng nên lập thị trường tự do nhưng lại lấy thị trường tự do làm luật chung nghĩa là loại thị trường chánh thức vào trong bóng tối thành ra một thị trường bìa lẽ. Viện Hối-Đoái lại chủ trương một thị trường tự do với sự gia nhập hạn chế và xem như một thị trường phụ thuộc thị trường chánh thức mà thôi. Vì

nhiều trở ngại mà thị trường tự do phải đòi hỏi 6 tháng mới ra đời được.

Sau đây là lý do chánh để thúc đẩy Viện Hối-Đoái tổ-chức thị trường tự do có giới hạn và đề nghị của V.H.Đ. sau khi đưa ra Ủy-Ban Hối-Đoái khảo xét cùng là hồi ý kiến chuyên viên ngoại quốc đã được Chánh phủ Việt-Nam chấp thuận bằng một Du ngày 30 tháng 6 — 1956.

Trước hết nhưng không phải hơn hết, Viện Hối-Đoái dùng thị trường này để thâu hút một số bạc VN cung quá nhiều trên thị trường bằng cách đem cung ngoại tệ cũng một số như trước mà với một hối xuất khác, để thâu bạc V. N. nhiều bằng hai ba lần khi trước, như thế tức khắc giải quyết được bao nhiêu đơn từ chồng chất đọng tại Viện Hối-Đoái, tượng trưng một nhu cầu quá mạnh không được thỏa mãn. Lý do thứ hai là hối xuất bạc VN ở thị trường tự do xuống gần thị trường đen thì lần lần khách hàng chợ đen sẽ sang qua thị trường tự do chuyển khối lượng nghiệp vụ qua thị trường tự do theo một mục thị trường tự do hoạt động và như thế bắt thị trường đen lần lần phải mất phần quan trọng của nó để trở về tánh cách bìa lẽ của nó như ở các nước khác. Lý do thứ ba là nhờ thâu hút những đồng bạc VN chất chứa đang đợi chuyển ra ngoại quốc, hiện gây áp lực trên thị trường và trên hối xuất đồng

bạc VN, thì thị trường tự do sẽ nâng đỡ giá trị của đồng bạc VN lên lần lần.

Thị trường tự do được tổ chức như sau. Cung ngoại tệ và Cầu ngoại tệ qua hệ thống ngân hàng, nhưng chỉ có cầu là bị kiểm sát một phần, cho nên mới gọi là « giá nhập hạn chế » và chỉ có « giới hạn » bên cầu mà thôi. Nói là giới hạn nhưng sự cho phép của Viện Hối-Doái rất dễ dàng và nhanh chóng. Viện Hối-Doái có kiểm sát là kiểm sát lý do xin mua ngoại tệ, vì thị trường tự do không phải là một cửa mở để chuyển vốn đi ngoại quốc tha hồ. Các lý do hay các loại dịch vụ được cho phép đem ra thị trường được chỉ định theo tiêu chuẩn sau đây : những vụ chuyển ngân đó hoặc đã lợi dụng giặc giã như tiền lời lãi, huê lợi... hoặc những vụ chuyển ngân không có tính cách cần thiết như đi du lịch... Tóm lại, chỉ có những vụ chuyển ngân có tính cách hết sức quan hệ như chi tiêu của Chánh phủ, sinh-viên, chuyên viên ngoại quốc và những vụ chuyển ngân trả dịch vụ như bảo hiểm, chuyên chở và hàng hóa còn giữ lại ở thị trường chính thức, còn kỳ dư thì đưa qua thị trường tự do hết. Về hối-xuất thì đầu tiên chúng tôi dựa theo hối xuất chợ đen để định lấy và từ đó thì tùy theo cung cầu hằng ngày thay đổi. Nhưng trước sau hối xuất ấy vẫn cao hơn hối xuất chợ đen : Thi dụ ở chợ đen

1 VN\$ = 1/80 US\$ thì ở thị trường tự do lồi 1/75 US\$, như trong lúc đầu tiên của thị trường tự do.

Ngày nay thị trường tự do đã hoạt động một năm rưỡi rồi và đã đem lại những kết quả nhy ý mong muốn trước, nghĩa là thu hút gần 3.000 triệu bạc VN, giải quyết hết những đơn chuyển ngân ứ đọng từ 2 ba năm về trước, dành hẳn khách hàng của thị trường đen và làm giảm hẳn sự quan trọng của nó và chi-phối nó. Mặt khác nó đã đem giá trị đồng bạc lên ở thị trường tự do từ 1/75 đến 1/70 và ở thị trường đen từ 1/100 đến 1/80. Một điều đáng lưu ý là với một số ngoại tệ như thế, trước kia không giải quyết được vấn đề chuyển ngân, nay với số ngoại tệ ấy Viện Hối-Doái đã giải quyết xong các vấn đề chuyển ngân. Về mặt tâm lý sự giải quyết ấy còn lợi gấp mấy, là làm cho người ta bớt hoang mang, giảm bớt áp lực trên thị trường, làm cho tiền bạc lưu thông về phương diện này hơn. Ở đây chúng tôi cũng không quên rằng chính sự sản xuất trong nước, chính chánh sách kinh tế mới có hiệu quả quyết định trên giá trị đồng bạc và trên vấn đề tiền-tệ hối-doái một cách sâu xa. Ở đây chánh sách hối-doái chỉ có một vai tuồng tiêu cực của nó, nhưng với thị trường tự do chánh sách hối-doái đã có kết quả tương đối của nó. (Xem bản 8)

BẢN 8. — Hối-xuất bạc VN\$ ở thị-trường đen (vào cuối tháng)
(tính theo 1 US \$)

	1954	1955	1956	1957
Tháng Giêng.	76	55	80,5	97,5
Tháng Hai.	78	58,5	74,5	93
Tháng Ba.	84	61,5	84	92
Tháng Tư.	81	63	84	90
Tháng Năm.	75	68,5	86	91,5
Tháng Sáu.	76	74	87	86,5
Tháng Bảy.	69	69,5	91,5	85
Tháng Tám.	63	66,4	90,5	84,5
Tháng Chín.	56	72,8	93,5	83,5
Tháng Mười.	57	74,5	97,5	80,5
Tháng Mười Một.	58	78	102	
Tháng Chạp.	50	85	95	

Những điểm cần phải lưu ý hơn nữa là nhờ hối xuất thuận lợi một số vốn cũ đã trốn ở ngoại quốc hoặc mới muốn đem vào kinh doanh ở Việt-Nam đã nhờ thị trường tự do vào Việt-Nam. Tuy không nhiều lắm nhưng nó hứa hẹn nhiều. Tỷ số can thiệp của Ngân Hàng Quốc Gia trên thị trường này càng bớt dần và tỷ số Cung ngoại tệ càng ngày càng cao. Yếu tố này ngày kia hy vọng sẽ mạnh mẽ — tùy ở điều kiện kinh tế trong nước — sẽ là một yếu tố mạnh mẽ nâng đỡ thêm giá trị của đồng bạc VN lên. Điều thứ 2 là trong 1 năm rưỡi hoạt động thị trường tự do đã đem lại cho chánh-phủ một số tiền lời hối-đoái, số tiền này khi cần đến sẽ giúp kinh tế Việt-Nam rất nhiều nếu không thêm sản xuất thì ít ra cũng giữ vững mức sản xuất cũ của những ngành kỹ nghệ đề xuất cảng. Khi nói về chế độ 35% sau

này tôi sẽ trở lại sự lưu dụng số tiền lời hối-đoái ấy.

Chế độ 35 %. — Như trên đã nói, từ trước cho đến tháng 10 năm 1957, xuất-phi-phụ và mậu-dịch tương-tiêu gây ra đa nguyên hối-xuất cảng ngày càng nhiều. Bên xuất cảng chẳng những là có xuất-phi-phụ mậu-dịch tương-tiêu và xuất-phi-phụ mậu-dịch tương-tiêu có nhiều phân xuất khác nhau, và còn có trợ-cấp trực-cấp nữa để rồi có khi một ngày kia sẽ có một hối-xuất riêng cho mỗi một món hàng xuất cảng. Phía nhập cảng trong khuôn khổ xuất-phi-phụ mậu-dịch tương-tiêu cũng không khỏi có nhiều hối xuất vì ngoại tệ được đem bán ra có nhiều giá khác nhau và giá ấy lại lên xuống trong thời gian tùy những điều kiện gì không rõ ràng.

Chế độ 35% tôi nói ra sau đây chỉ có mục đích là thay thế tất cả

những chế độ xuất-phi-phụ và mậu-dịch tương-tiêu ấy để tránh đa nguyên hối xuất, nếu không tránh được hết thì sẽ tránh được một phần lớn. Và như trên đã nói hối xuất xuất-phi-phụ của đồng bạc VN bị những nguyên do giả tạo làm cho quá thấp, cho nên chế độ 35 % này còn có mục đích sẽ đưa giá đồng bạc VN từ dưới lên lần lần. Đó là 2 mục đích mà chế độ 35 % đeo đuổi. Còn mục đích thứ 3 là hy vọng chế độ mới sẽ phá hẳn chợ đen, phần mà thị trường tự do chưa phá hết được, là phần chợ đen do những vụ nhập cảng « không ngoại tệ » nâng đỡ.

Chế độ 35% được định như sau : Về phía xuất cảng thì từ rày tất cả 100% ngoại tệ xuất cảng đem về phải nhượng lại cho Chánh phủ hết, nhưng 65% theo hối-xuất chánh thức nghĩa là $1\text{US\$} = 35\text{VN\$}$, còn 35% theo hối-xuất thị trường tự do nghĩa là lối $1\text{US\$} = 70\text{VN\$}$ mà Viện Hối-Đoái sẽ mua với tiền lời hối-đoái đã có. Người xuất cảng từ rày không còn quyền xử dụng % ngoại tệ như trước nữa. Về phía nhập cảng thì số ngoại tệ thâu vào theo hối-xuất tự do sẽ được đem bán ra với giá chánh thức thêm một thứ thuế quân bình do Viện Hối-Đoái định đoạt mà đầu tiên số tiền này được định theo 2 tiêu chuẩn hiện có là hối-xuất thị trường tự do và hối-xuất xuất-phi-phụ. Ví dụ : Viện Hối-Đoái bán ra

cho các nhà nhập cảng $1\text{US\$}$ giá $35\text{VN\$}$, trừ ra 35% nhà nhập cảng còn phải trả tiền bình giá là $110\$ - 35\$ = 75\$$ nữa, nếu hối xuất xuất-phi-phụ ở thị trường lối $110\$$. Viện Hối - Đoái muốn bán đắt hơn hối-xuất tự do vì 2 lẽ này : 1/ hiện ở thị trường Việt-Nam còn rất nhiều xuất-phi-phụ mà không lẽ Viện Hối-Đoái bán quá thấp để làm hại những người hiện giữ xuất-phi-phụ và hơn nữa có những món hàng nhập cảng theo xuất-phi-phụ giá chừng ấy, không lẽ Viện Hối-Đoái bán rẻ hơn để gây ở thị trường hàng hóa nhiều giá cả khác nhau. Còn một lẽ thứ ba nữa là có những món hàng không thể xuất cảng theo chế độ 35% được cần phải trợ cấp trực tiếp thêm bằng bạc VN\$. Cho nên nếu hối-xuất thị trường tự do là $70\$$ thì khi bán ra $1\text{US\$} = 110\$$ thì V.H.Đ. chỉ giữ cho Quỹ điều-hòa hối-đoái $70\$$ mà thôi, còn dư $110 - 70 = 40\$$ sẽ gởi cho Bộ Kinh-Tế dùng để trợ cấp trực tiếp.

Đơn-giản-hóa hối xuất thì chắc chắn chế độ 35 % đơn-giản-hóa được ngay, không hoàn toàn lắm nhưng đơn giản hơn trước kia rất nhiều. Nhưng làm thế nào để nâng đỡ đồng bạc VN và lấn áp hẳn thị trường chợ đen như nói trên ? Chế độ 35 % sẽ nhắm mục đích sau đây bằng cách cho nhập cảng rất dễ dãi và nhiều loại hàng mà trước kia khó nhập cảng vào

Việt-Nam. Hơn nữa Viện Hối-Đoái biết rằng trước kia trong khuôn khổ xuất-phi-phụ và mậu-dịch tương tiêu mỗi năm cho nhập cảng lối 300 triệu VN\$, đang khi đó nhu cầu có khi bằng 2 bằng 3. Với chế độ 35 %, Viện Hối-Đoái có một số ngoại tệ lớn hơn, ước lượng lối 800 triệu VN\$, thế thức dễ dãi thì chắc chắn hối xuất bạc VN trước kia ở trong chế độ xuất-phi-phụ hay mậu dịch tương tiêu sẽ lên. Nói tóm lại là Viện Hối-Đoái sẽ cung ngoại tệ nhiều hơn và nếu trong tình trạng giảm phát hiện tại thì cung ấy càng có ảnh hưởng rất nhiều trên giá trị của đồng bạc VN\$. Đối với chợ đen thì như trên đã nói phần vô hình thì đã có thị trường tự do dả phá nó rất nhiều và chi phối được gần hoàn toàn, nhưng phần hữu hình là phần nhập cảng hàng hóa (chánh thức hay lậu) bằng cách không xin ngoại tệ mà là mua ngoại tệ ở thị trường đen để trang trải, thì chế độ 35 % này sẽ dả phá và chi-phối cho kỳ được. Cho nên nếu khởi sự mà hối-xuất ở thị trường này có định quá cao $1 \text{ US\$} = 110\$$ thì mục tiêu của thị trường này là hối xuất $1 \text{ US\$} = 80\$$ là hối xuất thị trường đen. Đi lần lần đến hối xuất đó một cách chánh thức trong khuôn khổ nhập cảng 35 % này thì hối xuất thị trường đen sẽ xuống nữa, hy vọng rằng khi đến $1 \text{ US\$} = 80\$$

thì thị trường đen sẽ hết quan hệ và hối xuất đen chỉ còn lối 75 hay 70, bị hai thị trường 35% và thị trường tự do chi phối hẳn mất lần lần khách hàng của nó có trước kia. Khi đến $1 \text{ US\$} = 80 \text{ VN\$}$ thì những vụ nhập cảng « không ngoại tệ » sẽ vào chế độ mới 35%, bỏ hẳn thị trường đen.

Chế độ 35 % mới được hoạt động từ 2 tháng nay cho nên không thể đoán trước những kết quả của nó về hối xuất thế nào. Tuy nhiên hiệu quả trực tiếp của nó là giảm bớt rất nhiều sự đa nguyên hối xuất về phía nhập cảng và nhứt là về phía xuất cảng. Chế độ này sẽ có hiệu quả về giá trị đồng bạc V.N. nếu không có một biện pháp nào đi ngược lại, một biện pháp mà chúng tôi sợ nhứt là mậu-dịch tương-liều vì mậu-dịch tương-tiêu tức là tổng ra ở thị trường những ngoại tệ để cạnh tranh với Viện Hối-Đoái và làm hỏng cả chánh sách hối-đoái chung. Viện Hối-Đoái rất nhiều hy vọng vào chế độ 35% này, tuy dầu đến ngày nay số mua vào nhiều mà bán ra chỉ có ít thôi. Nhưng khi xuất-phi-phụ cũ liêu xài hết, hết mậu-dịch tương-tiêu nữa, nghĩa là hết người cạnh tranh với Hối-Đoái, thì chừng ấy chánh sách của V.H.Đ. là đem hối xuất đồng bạc V.N. lên sẽ được chòng có kết quả.

KẾT-LUẬN

Giữa hai hối xuất thái cực là $1\text{VN\$} = 1/35\text{ US\$}$ và $1\text{VN\$} = 1/110\text{ US\$}$ chắc chắn có một hối xuất sát với thực tế có thể làm căn bản hối-đoái lành mạnh. Nhưng hối xuất đó ở đâu, không ai có thể dám quả quyết chắc chắn được: $1/50$, $1/70$, $1/80\text{ US\$}$, cái gì nhứt định một cách chắc chắn được? Thành thử chánh sách hối-đoái hiện giờ là đi tìm cái hối xuất ấy. Không phải đi tìm để áp dụng tức khắc cái hối xuất ấy, vì không ai quên rằng vấn đề phá giá chánh thức hay không chánh thức vẫn hàm súc nhiều hậu quả hết sức tai hại, xem gương sự phá giá gián tiếp của đồng phật lạng Pháp mới đây. Nhưng sự đi tìm hối xuất bằng ấy để làm lý do cho một cuộc thâu hẹp lại sự xa biệt giữa hai hối xuất thái cực, và tức là giảm bớt lần lần sự đa nguyên hối xuất thì là một việc phải làm. Hối xuất thị trường tự-do lần lần về giá chánh thức $1/35\text{ US\$}$ và chế độ 35% sẽ đưa đồng bạc VN từ $1/110$, $1/90$, $1/80\ldots$ lần lần về giá thị trường chợ đen, $1/80\text{ US\$}$ hay thị trường tự-do $1/70\text{ US\$}$ là đưa đồng bạc VN từ dưới lên trên... Đang khi đó, nếu chánh sách thuế vụ nhứt là thuế sản xuất từ 15% , 25% , 35% có nghĩa là đưa đồng bạc VN từ $1/35$ xuống $1/40$, $1/50\text{ US\$}$ lần lần về giá thị trường tự-do, thì tức

nhiên làm chứng rằng chánh sách tiền tệ chung hiện giờ là đi tìm một hối xuất thực tế cho đồng bạc VN mà chánh sách hối-đoái là một phần của chánh sách tổng quát vậy.

Chính sách phá giá đồng bạc VN tổng quát hiện giờ lại là một vấn đề khác. Tuy nhiên cũng phải nói rằng: chánh sách phá giá đồng bạc VN có hiệu quả lâu dài là đưa giá trị của đồng bạc VN lên dần dần. Nhưng sự sản xuất, biện pháp kinh tế, mới là yếu tố chính nâng đỡ đồng bạc VN, hơn là mọi biện pháp tiền tệ.

Còn chánh sách hối-đoái hiện giờ để thâu hẹp lại sự chênh lệch giữa hai cái thái cực là hối xuất chánh thức và hối xuất xuất-phí-phụ, làm sao cho sự xa cách ấy ra tối thiểu đến triệt để, đơn-giản-hóa hối xuất đồng bạc VN. Nhưng có người muốn hỏi thêm: khi đến đó rồi thì làm gì nữa. Xin trả lời: khi đã đơn-giản-hóa triệt để rồi thì dù có muốn đi đến một bước nữa là phá giá đồng bạc VN hay không thì cũng không còn quan hệ nữa. Vì tình trạng của một cơ sở hối xuất được đơn-giản-hóa cũng có thể duy trì để làm căn bản cho một cuộc khuếch trương kinh tế vững chắc và lành mạnh được mà không phải đi xa hơn nữa.

HUỖNH-VĂN-LANG

GIÁO HỘI TRẦM LẶNG



TRONG những trang dưới đây, chúng tôi muốn trình bày một số bản văn chính của Đức Giáo Hoàng Piô XII, nói về hai vấn đề quan trọng được Giáo Hội lưu ý nhất từ sau cuộc đại chiến thứ hai, đó là cuộc tranh đấu chống chủ nghĩa Cộng sản vô thần, và cuộc thiết lập Giáo Hội tại các quốc gia mới giành được độc lập, bằng cách đưa lên hàng giáo phẩm một số giáo sĩ thuộc những nước từ trước vốn đặt dưới quyền các vị thừa sai, mà đa số là người Âu-châu.

Các bản văn nói về « Giáo Hội trầm lặng » (chỉ Giáo hội trong những nước đang sống im hơi lặng tiếng dưới quyền uy Cộng sản), có một tinh chất quan trọng khác với các bản văn nói về « Giáo hội tại các quốc gia mới ». Đối với chủ nghĩa Cộng-sản vô thần và duy vật, Giáo Hội Công Giáo vẫn lên án thường xuyên và quyết liệt, xưa cũng như nay.

Các vấn đề quan trọng nhất mà chủ nghĩa Cộng sản đặt ra trước Giáo hội phần nhiều gây nên bởi những cuộc bách hại ráo riết tại các nước theo chủ nghĩa Cộng sản chống lại Giáo hội, nên đa số chỉ là những vấn đề có tính chất thiên về thực hành, và như vậy thì lý luận thuộc phạm vi lịch sử « Giáo hội trầm lặng » nhiều hơn.

Tại những xứ hiện nay không còn phải là thuộc địa nữa, Giáo hội cảm thấy mình ở trên một địa hạt gần như mới mẻ, và phận sự Giáo hội ở những nơi đó là phải làm sao đưa những dân tộc còn thiếu thốn ấy tiến tới chỗ có thể phát huy đầy đủ năng lực thiêng liêng của họ.

Cuộc viện trợ của các nước tiến hóa hơn thế hiện ra trong Giáo hội dưới hình thức những cuộc truyền giáo do các linh mục thừa sai phụ trách, không thể dễ nở mưi lợi cho « chính quốc » này hay « chính quốc » nọ. Điều cốt thiết là phải làm sao lập nên tại những nước bị trị trước đây một Giáo hội bản quốc tự trị.

Ở đây chúng tôi chỉ xin trích lục trong số các bản văn của Đức Giáo Hoàng, những đoạn chủ yếu, và ở dưới mỗi đoạn, đều có ghi chú xuất xứ rõ ràng, để những vị nào muốn truy nguyên hoặc xem rộng thêm, có thể tìm thấy dễ dàng.

GIÁO HỘI TRẦM LẶNG

Cộng sản cần phải khảo sát lịch sử mà suy nghĩ lại. Họ sẽ thấy rằng : mỗi khi có xung đột giữa các quốc gia và Giáo hội, Giáo hội bao giờ cũng thua, khi muốn phát huy quyền uy thế tục của mình, và bao giờ cũng thắng, khi kháng cự để bảo vệ tính thần, cả những lúc Giáo hội ra chiều như đã bị tiêu hủy

E. MOUNIER

Phần nhiều những bản văn của Đức Giáo Hoàng nói về Giáo Hội tại các nước ở dưới quyền uy Cộng sản, đều biểu lộ sự sẵn sàng đặc biệt của Ngài đối với các anh em Công Giáo đang bị bách hại, và đều có lời nhắn nhủ mọi anh em khác nên để lòng mình cảm thông với những nông nỗi đắng cay của các phần tử đang ở trong cơn thử thách lớn lao. Có nhiều bằng chứng tỏ cho ta biết không phải mọi sự đều hoàn bị trong các nơi này đã trở nên Giáo Hội trầm lặng, song những hoàn cảnh khó khăn mà Giáo Hội ấy đang trải qua và chịu đựng, chính là nguồn mạch tẩy uế và tinh luyện cho Giáo Hội toàn thể vậy.

Diện mạo của Quốc Gia độc tài

Al nầy đều thấy rõ quốc gia độc tài và chống tôn giáo đòi hỏi và chờ đợi những gì ở Giáo Hội, để đáp lại thái độ khoan thứ và nin nhịn của Giáo Hội từ xưa đến nay. Quốc gia ấy muốn :

— Giáo Hội phải im lặng, khi Giáo Hội cần phải lên tiếng ;

— Giáo Hội làm suy yếu lẽ luật Thiên Chúa, bằng cách uốn lẽ luật ấy theo chiều thị hiếu loài người, trong khi Giáo Hội có bốn phân phải lớn tiếng xác định cùng bảo vệ ;

— Giáo Hội đòi bỏ nền tảng bất di bất dịch trên đó Chúa Kitô đã xây dựng Giáo Hội Người mà đặt mình trên bãi cát động là dư luận nhất thời, và buông mình theo dòng nước cuốn đi ;

— Giáo Hội đừng bênh vực những kẻ bị áp chế về tín ngưỡng, và những nước bị xâm phạm về quyền lợi chính đáng và tự do xứng hợp ;

— Giáo Hội chịu giam mình một cách dè dặt và hèn hạ trong phạm vi bốn bức tường của đền thánh mà quên lãng lời Chúa Kitô ủy thác lại rằng : « Hãy đi chiêu mộ môn đệ trong khắp mọi nước và dạy chúng giữ các điều ta đã phán bảo các con... » (Matthieu XXVIII, 19).

Phải chăng đó là Giáo Hội các con tôn trọng và yêu mến ? Các con có nhận thấy diện mạo của Mẹ chúng con trong nét mặt của một

Giáo Hội như vậy không ? Các con có thể tưởng tượng một đấng nối quyền thánh Phêrô mà chịu qui phục những yêu sách như vậy không ?

(Diễn văn cho dân thành Rôma ngày 20-2-49).

Phải bền lòng gìn giữ đức tin

Biết bao nhiêu giáo khu mới là những vườn nho đầy hứa hẹn của Chúa từng được tắm tưới bằng mồ hôi và máu của những tông đồ mới, và từng được chống đỡ bằng lời cầu nguyện cùng đức hy sinh của toàn thể giáo dân trong hoàn cầu, đã phứt chốc bị một cơn giông tố phủ phàng vấy bọc bẩn bẽ và tàn phá tận tuyệt, không chút tiếc thương, từ cây cổ thụ sum suê tới cành cây non nớt.

Không biết rồi sẽ còn lại những gì ở những giáo khu cũ và mới, sau ngày cùng của cơn bão cực, mà Ta hằng khẩn cầu Chúa cho mau mau tới. Đó là điều bi mật không thể đo lường của một Thiên Chúa tốt lành. Trong khi đợi chờ, cuốn Sổ Trường Sinh vẫn tiếp tục ghi thêm, rải rác khắp mọi nơi trên thế gian, những kỳ công của tình thần quả cảm, những huân công của chi khi anh dũng đã do chính Đức Chúa Thánh Thần kích thích nên dâng bảo vệ Đức Chúa Trời, Thánh Danh Đức Chúa Giêsu, đấng cứu chuộc duy nhất, và tiếng thom của Mẹ chi thánh Người. Những giáo dân bị bách hại thấy

đều biết rằng tất cả những của cải thiêng liêng tuyệt đích ấy phải mua bằng giá rất cao là sự hãm mình và sự hy sinh.

(Thông điệp «*Orientales Ecclesiae*» ngày 15-12-52).

Các con đã tiếp nhận Đạo Thánh Chúa như một gia tài của thánh Têphanô và của các vị tiền nhân anh dũng đã trao lại cho các con, mà các con cần phải ra sức tài bồi cùng gìn giữ sao cho được trọn vẹn. Đạo Thánh Chúa vốn là mẹ sinh ra những nhân đức cao trọng, nên Đạo Thánh Chúa rồi cũng sẽ có thể khiến cho các con trở nên sáng suốt và mạnh bạo, khi những kẻ chối bỏ danh Chúa và thần đức Người dùng lời nói mà vu cáo các con. Mong sao không một ai trong các con run chi, trái lại mỗi người sẽ kiên quyết nói lên những lời đáng khen ngợi...

(Thông điệp vô tuyến truyền thanh gửi Giáo dân nước Hung-gia-ly ngày 30-5-48).

Giáo hội không hề có ẩn ý hay dụng ý cổ võ thánh chiến

Thiên ân Chúa Giêsu ban xuống không phải chỉ thâm nhập vào lòng mỗi người một cách kín nhiệm, cũng như sự tôn thờ Danh vị chí thánh Người không phải là sự bí mật của mỗi giáo dân, mà là những điều công khai, mở ra cho hết mọi người. Vậy nên mọi người đều phải tri ân và phải phô diễn sự tri ân của mình một cách công khai nữa.

Ta cần phải nhấn mạnh điều trên hơn nữa, vì kẻ thù nghịch Chúa Kitô cùng kẻ chối bỏ Danh vị Người, toan dùng những âm mưu quỷ quyết bách hại Người trong Giáo hội Người và trong chi thể Người, với mục đích duy nhất là tiêu diệt ảnh hưởng Người trong mọi lãnh vực sinh hoạt của cá nhân và xã hội.

(Thông điệp vô tuyến truyền thanh gửi Đại Hội Thánh Thể thứ XIII tại Ý, ngày 9-9-51)

Chúng tôi là những kẻ vô thần. Chúng tôi không tin ở Thiên Chúa nào hết.

Thiên Chúa chỉ là một cái mặt nạ mà người ta đeo vào. Hành động của họ trái nghịch với nhân vị. Chúng ta không thể tin lời Thiên Chúa khi các linh mục và giám mục lấy nước phép rảy lên chiến cụ dùng vào việc giết người. Phải chăng đó là hình thức hoạt động cao siêu của con người?

(Lời Khrouchchev đáp lại bài phỏng vấn của một tờ báo Mỹ nhân dịp Lễ Giáng-Sinh năm 1957).

Những kẻ có dã tâm tổ cáo Thánh Tòa Giáo Tông Công Giáo có dụng ý gây một cuộc chiến tranh mới, thật đã sai lầm một cách rõ rệt. Trước đây và gần đây, không phải không có những phần tử toan dùng binh cách để đàn áp các dân tộc. Song Ta, Ta đã nhiều lần lên tiếng rao truyền một hòa bình chân thật: Giáo Hội muốn chinh phục các dân tộc bằng chân lý, chứ không bằng vũ khí, và chỉ muốn huấn luyện cho họ giữ gìn đạo đức và tôn thờ Thiên Chúa mà thôi...

Tất cả các điều đó, các con cần phải thẳng thắn dạy dỗ cho họ, vì chỉ khi nào các nguyên lý Đạo Thánh Chúa được tôn trọng và được người ta dùng làm phương châm trong cuộc sinh hoạt công, tư thì bấy giờ mới có hy vọng các cuộc xung đột giảm bớt khốc liệt và các tầng lớp dân chúng trong xã hội, các dân tộc, cùng các quốc gia kết hợp trong tình huynh đệ an hòa.

(Thông điệp « Summi Maeraris » ngày 19-7-50).

Giáo Hội Chúa Kitô noi theo con đường Người đã vạch sẵn cho. Giáo Hội biết mình bất diệt; Giáo Hội biết mình không thể bị tiêu hủy; Giáo Hội biết rằng những cơn phong ba dữ dội nhất cũng không thể siêu bạt, vùi dập được mình; Giáo Hội không ăn xin ân huệ; các cường quốc có dọa nạt, hăm he truất quyền cũng không bề gây được cái chí của Giáo Hội; Giáo

Hội không xen mình vào những vấn đề có tính chất thuần túy chính trị và kinh tế; Giáo Hội cũng không cần bản khoản, thắc mắc, tranh luận coi chính thể này có lợi hay chính thể kia có lợi, hoặc chính thể này có hại hay chính thể kia có hại; Giáo Hội lúc nào cũng muốn hòa hoãn với hết mọi người, bao lâu hòa hoãn còn tùy thuộc ở mình (Cf. Rom XII, 18); Giáo Hội trả cho César những gì thuộc quyền César; nhưng Giáo Hội không thể phản bội hay từ bỏ những gì thuộc về Thiên Chúa.

(Diễn văn cho dân chúng thành Rô-ma ngày 20-2-49).

Cảnh ngộ đơn độc của các vị Tử Đạo

Phàm ai lấy con mắt khách quan mà xem xét hoàn cảnh hiện tại, đều nhận thấy rõ rệt công cuộc truyền giáo của Giáo Hội đang vấp phải những trở lực nghiêm trọng. Hoặc có ai quên hay không biết điều ấy, thì chỉ việc xem, nếu có thể xem được, các sự việc xảy ra cho một số dân tộc đang bị giam cầm trong bức thành sắt và quan sát coi cuộc sinh hoạt siêu nhiên và tôn giáo của họ bị dồn ép vào những cảnh ngộ nào.

Họ sẽ thấy hàng triệu anh chị em Công giáo vẫn giữ nguyên truyền thống thủ tín với Chúa Kitô và kết hợp làm một cùng Tông Tòa này; họ sẽ thấy các dân tộc anh dũng biểu diễn tinh thần bảo vệ

đức tin và viết nên những dòng bất hủ trong lịch sử Giáo Hội; họ sẽ thấy nhiều khi các dân tộc ấy bị truất mọi dân quyền, và có khi cả tự do và an ninh của chính mình, cùng bị cắt đứt các giây liên lạc rất chắc chắn và bất khả xâm phạm với Trung Ương Công Giáo, cả về những vấn đề tối mật của tâm khảm, khiến lòng họ tràn ngập nỗi lo âu và có cảm giác sống trong hủi quanh và bị mọi người ruồng bỏ mình.

(Thông điệp vô tuyến truyền thanh gửi cho Thế giới, ngày 23-12-50).

Quan niệm của Giáo Hội về chủ nghĩa Cộng sản

Trong bản thông điệp vô tuyến truyền thanh Lê Giảng-Sinh năm trước, Ta đã bày tỏ quan niệm của Giáo Hội về vấn đề này, song năm nay Ta muốn xác định lại một lần nữa :

Căn cứ vào chủ thuyết Công Giáo, Ta phi bác sự coi chủ nghĩa Cộng sản là một phương sách tổ chức xã hội, và Ta có bổn phận phải đặc biệt xác nhận nền tảng lễ luật tự nhiên. Cũng vì lý do ấy, Ta phi bác ý kiến cho rằng người Công giáo ngày nay phải coi chủ nghĩa Cộng sản là một hiện tượng hay một giai đoạn trong lịch sử, là một « thời » cần thiết cho bước tiến của lịch sử, để rồi nhân đây thừa nhận chủ nghĩa ấy chính là do ý chỉ của Chúa quan phòng phát xuất ra.

(Thông điệp Lê Giảng-Sinh năm 1955)

HOÀNG-MINH-TUYNH phụng dịch

Trong số tôi :

Thông điệp Đức Giáo Hoàng về Giáo Hội tại các quốc gia mới.

☞ **T**ự mình khinh mình trước, người ngoài mới khinh mình sau.

MẠNH-TỬ

☞ **R**ất sang không đợi phải có chức tước, rất giàu không đợi phải có tiền tài.

HOÀI-NAM-TỬ

☞ **N**hất tâm ăn ở phải đạo thì trời cũng không hại nổi.

TUẦN-TỬ



TỰ LỰC VĂN-ĐOÀN

NGUYỄN-ĐỒNG

1. — Một thời đại văn học Việt-nam. (I)

BẮT đầu vào thế kỷ XX, văn-học nước ta khoác bên ngoài một áo choàng mới rồi vùn vụt tiến. Nhìn lại đầu thế kỷ này, ta thấy rằng nền văn chương cổ điển đã theo nho học già cỗi mà tàn; phái tây học quá khích muốn phá đổ cả nền móng cũ, và có những người nuôi mộng trở nên văn sĩ nổi danh trong văn giới Pháp. Nhà cựu học ngồi than thất thời, lơ vện, ngâm câu: « Nào có ra gì cái chữ Nho, ông Nghè, ông Cống cũng nằm co ! » cho rằng chữ Hán đã là « văn chương tàn cuộc ».

Nhưng, những học giả đứng đắn ý thức được sứ mạng nhà văn, có ý định tạo lập một văn học đặc biệt đặt cơ sở trên dân tộc tính Việt-nam. Trước hết, họ tán thành việc La-mã-hóa văn tự. Từ xưa đến nay, ta dùng chữ Nôm hoặc chữ Hán để diễn ý, mà thuộc được tất cả các mặt chữ ấy để có thể đọc văn thư không phải là chuyện dễ đối với đa số quần chúng thường có rất ít giờ nhàn vì sinh kế. Từ ngày 16-9-1869, nhà bác học Trương-Vĩnh Ký được cử làm chủ bút tờ « Gia Định báo », nỗ lực cổ sùy chữ quốc ngữ. Chữ quốc ngữ được phổ thông trước nhất trong Nam một phần cũng là nhờ tờ « Gia Định báo » vậy. Các học giả dùng quốc ngữ trước tiên để truyền bá học thuyết và tư-tưởng âu tây nổi tiếng nhất là Trương-vĩnh-Ký và Huỳnh-Tĩnh-Trai (tức Paulus Của). Hai ông soạn ra những bộ tự điển rất quan trọng, giúp cho người Nam thời bấy giờ có thể nhờ đó mà học tiếng Pháp. Mục đích của Trương-vĩnh-Ký là làm sao cho dân chúng chịu học chữ quốc ngữ, nên lúc đầu ông

(1) Chúng tôi chỉ phác qua bước tiến chính của văn học V.N.

Một dịp khác sẽ xin bàn lại vấn đề này kỹ hơn.

chịu khó in tất cả những truyện nôm cổ phổ thông bằng thứ chữ ấy. Những sách sau đó của ông cũng thường soạn theo sách nôm hoặc Hán cũ. Về sau, các tờ báo « Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo », « Đăng Cờ Tùng Báo », « Đại Việt Tân Báo » và « Nông Cờ Mìn Đàm », thường có rất ít tình cách văn-học. Quốc-văn chỉ mới bắt đầu thịnh từ ngày các tạp chí *Đông Dương* và *Nam Phong* ra đời. Bây giờ, lần theo thời gian, làng báo ngày càng trù mật và càng chú trọng đến giọng văn hoa-mỹ, đến cách diễn đạt tư tưởng. Các nhà văn tiên phong thường viết cho các tạp chí, nên ta có thể xem lại các báo mà khảo sát bước tiến của văn chương Việt-nam.

Trước tiên, văn chương ta vẫn còn ảnh hưởng nặng nề văn thể Tàu xưa. Trừ những cây bút đặc biệt tây học như Nguyễn-văn-Vĩnh viết theo lối tự-nhiên, linh hoạt, còn thì các nhà viết báo có nho học đều viết theo lối biên ngẫu của Tàu, và cho du nhập vào những điển-tích, thành ngữ mà bây giờ đều thành sáo cổ. Về tân văn tiểu thuyết thì lúc đầu ta chưa có gì, hầu hết là những truyện dịch, do hai cây bút đặc sắc nhất là Phan-Kế-Bính và Nguyễn-Đỗ-Mục.

Từ năm 1907, theo phong trào duy tân, dân ta bắt đầu làm quen với những danh từ mới về tất cả bộ môn văn hóa. Ngày 1-7-1917, báo *Nam Phong* ra đời, lại tiếp tục công việc phổ biến những danh từ về triết học, khoa học, văn học... Bây giờ ta mới được đọc ít nhiều truyện sáng tác thấm nhuần luân lý cổ điển của Nguyễn-Bá-Học. Đến Phạm-Duy-Tổn, ảnh hưởng Tây học đã sâu hơn, nên văn có giọng thiết thực và kết cấu cũng khéo. Mãi đến năm 1925, mới có truyện dài đầu tiên do người Việt-nam viết, là

truyện *Quả Dưa Đỏ* của Nguyễn-Trọng-Thuật, những truyện đầy những lời giảng giải, luân lý, không có vẻ « tiểu thuyết phiêu lưu » chút nào như tác giả đã nêu ra.

Nền văn học tây phương càng ngày càng thấm nhuần vào tâm hồn con người văn nghệ Việt-Nam. Luồng gió lãng mạn cũng theo đó mà ủa tràn trong lòng thanh niên Việt-Nam một thời. Người ta bắt đầu nói đến cái TÔI của mình và bộc lộ tất cả những tình cảm sâu thẳm bên trong. Thanh niên Việt-Nam vốn bị dồn ép trong gia đình cổ điển lại chịu ảnh hưởng tư tưởng cá nhân của tây phương. Tình cảm không thể nói ra được, chất chứa trong lòng khiến họ thành ra đa cảm, đa sầu, và những áng văn than mây khóc gió, với giọng văn dài, nỉ non, trầm lờng theo điệu « Giọt lệ thu », « Linh phương lệ kỷ », « Tổ tâm » rất được thưởng thức. Bây giờ, nhà viết báo cũng như nhà văn đều chú trọng về lối biên ngẫu đối nhau, văn viết sao đọc nghe có âm điệu như đọc bài từ lục khi xưa vậy.

Năm 1926, Hoàng-Tích-Chu từ Pháp về nước nhà, mang theo hoài bão cải cách lối văn xuôi. Và trên *Ngo báo*, cũng trên báo *Đông Tây* (khoảng năm 1932) Tích-Chu mạnh bạo thực hiện hoài bão đó. Phàm có sự thay đổi lớn lao thì khó tránh được sự quá khích, nên văn Hoàng-Tích-Chu biệt lập thành một thứ văn « cộc », đọc nghe lắc cắc, và vẫn chưa thoát khỏi hẳn sự đối chọi trong câu văn. Tuy vậy, nhờ ông mà văn chương tiến dần và lối biên ngẫu cũng không thấy xuất hiện trên văn đàn sau này nữa.

Ta nhận thấy sự đổi mới của văn chương rất đều hòa và mau chóng. Đi đôi với sự tiến triển của văn học là

giai đoạn thoái trào của cách mạng võ-trang. Sau ngày 17-6-1930, phái thống trị hoàn toàn thắng thế và Việt-Nam Quốc dân Đảng dần dần tan rã. Chính sách hiềm độc của thực dân càng đưa xã-hội đi sâu vào chỗ mục nát: những nhà nho phong kiến (dĩ nhiên không phải là nhà chân chính), những cường hào thừa dịp nhảy vào quan trường gây thêm biết bao tệ những. Buồn hơn nữa một nhóm thanh niên tuy có theo đòi tân học vẫn không thoát khỏi căn bệnh trầm trọng của thời đại, vẫn lấy thú vui vật chất làm lẽ sống duy nhất, trong khi đó dân quê càng bị đè nén trong cảnh áp bức, nghèo đói, dốt nát... Cho nên, ngoài một vài văn gia thiên hần về nội tâm, còn thì hầu hết những văn-nghe sĩ đều rung cảm theo nhịp sống của xã hội. Ở thành nội, *Vĩ-Trong-Phụng* vẽ lại cái mặt trái của xã-hội ăn chơi, *Trọng-Lang* diễn tả một cách linh hoạt « Hà-nội làm than », với những người dân nửa quê nửa tỉnh, *Lan-Khai* tả cuộc đời của phu mả « làm than ». *Nguyễn-Công-Hoan*, *Ngô-Tất-Tổ* cũng chừng bày ra cái thảm trạng của dân quê bị đàn áp dưới gót quan lại phong kiến. Nhưng, người nói lên được tất cả sinh hoạt thôn quê, cho ta thấy một bức tranh quê sống động, rõ hơn cả vẽ, nhờ diễn hết tâm lý và tình cảm, đó là *Tô-Hoài*.

Các nhà văn trên chỉ cốt tả cái chân tướng của sự vật, tuy có những đối tượng khác nhau, nhưng đều chung một khuynh hướng tả thực. Còn một nhóm văn gia khác cũng tả thực (phong tục, hoạt động của xã-hội) nhưng vì đã có sẵn định kiến, nên chú trọng đặc biệt một khía cạnh của xã hội chứ không nhìn toàn thể như nhóm trước. Dùng những kỹ thuật văn chương sắc bén, họ vạch cho độc giả thấy rõ nguyên nhân từng tệ đoàn

trong xã hội, có khi quan niệm được trình bày rõ ràng trong các tiểu thuyết luận đề, có khi luận đề ẩn hần vào trong truyện, nhà văn đề cho độc giả tự hiểu thấu qua lời tả. Nhân sự xung đột giữa mới cũ, các nhà văn — đa số đều là tây học — không ngần ngại thiên hần về phái mới. Trong các văn gia khuynh hướng cải tạo xã hội, nhóm có chương trình nhất định, có những văn phẩm giá trị, đáng tiêu biểu hơn cả là *Tự-Lực Văn-đoàn*.

II. - Thành lập Tự-Lực Văn-đoàn

Nhóm thanh niên ý thức được vai trò lịch sử của mình đứng ra lập một văn phái riêng biệt, vạch một chương trình nhất định, có cơ quan ngôn luận và nhà xuất bản, lấy tên là TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN. Văn đoàn gồm những văn gia đều theo tân học. Người đứng chủ trương là ông Nhất-Linh (Nguyễn-Trường-Tam), với các bạn hợp tác như *Khải-Hưng* (Trần-Khánh-Giur), *Lê-Ta* (Thế-Lữ Nguyễn-Thứ-Lễ), *Từ-Lý* (Hoàng-Đạo Nguyễn-Trường-Long), *Thạch-Lam* (Nguyễn-Trường-Lân), *Tú-Mỡ* (Hò-Trọng-Hiếu), *Đỗ-Đức-Thu*, *Trần-Tiểu*, *Xuân-Diệu*, *Huy-Cận*...

Ngoài ra, ta còn có thể kể thêm các họa sĩ như *Tô-Ngọc-Vân*, *Nguyễn-Gia-Trí*... vì các họa sĩ này đã giúp trực tiếp văn đoàn trong việc trình bày báo chí, sách vở. Tờ báo trước tiên do văn đoàn chủ trương là *Phong-Hòa tuần báo*, tờ báo vốn đã có sẵn, và giao cho văn đoàn từ năm 1932; rồi kế đó tờ *Ngày-Nay*, từ năm 1935 đến năm 1940. Nhà xuất bản *Đời-Nay* cũng là một cơ quan của văn đoàn Tự-Lực.

Chủ trương của Tự-Lực văn-đoàn

A. — *Phương diện xã hội*: Triệt để phá bỏ những hủ tục; bài trừ mê tín, bói toán, lệ tục phong kiến. Tiêu chuẩn

chính là cải tạo xã hội theo quan niệm mới. Nhận thấy thể văn nghị luận khô khan và ít được đa số hoan nghênh, họ viết những tiểu thuyết phong tục hoặc luận đề để tả rõ ảnh hưởng khổ khắc của chế độ cũ, và đồng thời vạch ra một chân trời hạnh phúc mới.

B. — *Phương diện văn học* : Chúng ta đã xét ở phần mở đầu lược đồ tiến-triển của văn chương ta. Nhóm Tự-lực ra đời sau khi đã gặt hái được những kinh nghiệm của những người tiên phong dĩ nhiên phải hoàn mỹ hơn. Và họ đã thành công phần nào theo chủ đích : bỏ lối văn dài dòng đầy hán tự nặng nề, diễn cổ khó hiểu, sáo ngữ kêu nhưng rỗng, và áp dụng những kỹ thuật mới, với cú pháp bình thường, giản dị để có thể phổ cập trong dân chúng.

Hoạt động của Tự-Lực văn-đoàn

Đã vạch rõ một tôn chỉ nhất định làm đường lối noi theo, các văn gia bắt đầu hoạt động mạnh mẽ theo đúng lý tưởng của mình. Trong các hoạt động văn hóa của nhóm này qua các tạp chí và sách vở, ta có thể phân biệt ra nhiều tiết khác nhau để sẽ xét theo thứ tự : cơ quan báo chí và xuất bản, phương diện gia đình, xã hội, chính trị và nghệ thuật.

III. — Cơ quan Báo chí và Xuất bản

Tờ báo *Phong Hóa* từ trước năm 1932 không được chú ý mấy, nhưng từ khi được dùng làm lợi khí tranh đấu và tuyên truyền cho lý tưởng của Tự lực văn đoàn thì trở nên nổi tiếng vô cùng. Phong Hóa quả đã đến hợp với thị hiếu của quần chúng bấy giờ đã nhàm chán tinh cách trang nghiêm đạo mạo của Nam Phong tạp chí. Ngoài sự chú trọng đến văn chương, báo còn được các giới

hoan nghênh nhiệt liệt nhờ ở phần trào phúng : những tranh khôi hài ý nhị đến nay vẫn còn lưu truyền lại các nhân vật điển hình (Xã Xệ, Lý Toét), những câu chuyện riêu cợt, những bài thơ nhạo đời vô cùng duyên dáng của Tú-Mỡ đã khiến Phong Hóa « đắt hàng » hơn các tạp chí khác đồng thời. Tờ Phong Hóa ra được ít lâu, Tự lực văn đoàn lại cho ra thêm tờ *Ngày Nay*, hình thức đẹp dễ, ít trào phúng nhưng nhiều phóng sự, lại kèm theo một phụ bản lịch sử (Hôm thiêng Yên thế Đề Thám). Được ít lâu, vì quá tốn kém, *Ngày Nay* đành phải đình bản. Còn một mình Phong Hóa tiếp tục đến năm 1935 cũng bị chính quyền tìm cách phá hoại. *Ngày Nay* lại được tái bản, cũng cùng một nội dung, về hình thức hơi thay đổi, và được chia [ra ba phần rõ rệt : trào phúng, tiểu thuyết và khoa học (dưới danh hiệu « trông tìm) ».

— Ngoài những bài của các nhà văn trong đoàn, Phong Hóa còn được nhiều cây bút sắc bén khác giúp. Thường những bài sau này cũng có một mục đích giống như tôn chỉ của nhóm Tự lực. Những phóng sự rất đặc sắc của Trọng-Lang hầu hết đều đã đăng trong Phong Hóa như : Gà chọi (1935) Đồng-bóng (1935-36), hay trong *Ngày Nay* như : Trong làng chạy (1935), Hanoi làm than (1937). Về kịch có Vi-Huyền-Đắc, với vở Kinh-Kha (Phong Hóa (1935), Kim tiền (Ngày Nay)... Về thơ, có Xuân-Điệu Tú-Mỡ...

Tự lực văn đoàn, còn lập một nhà xuất bản lấy tên là *Đời-Nay* để xuất-bản các tác phẩm của đoàn, hay những tác phẩm đã được văn đoàn mua bản quyền như của Vi-Huyền-Đắc (vở kịch dịch của J.J. Bernard : Mạc-tin), Vũ-Ngọc-Phạm..., nhất là những truyện được giải thưởng văn chương của đoàn, những truyện

của Nguyễn-Khắc-Mẫn (tập Nỗi Lòng), Nguyễn-Hồng (Bỉ-vô), Mạnh-Phú-Tư (Làm lẽ)... Để phổ biến các chủ trương, lại ra thêm loại sách *Lá Mạ*; và loại *Sách Hồng* cho các trẻ em. Ngoài ra, hàng năm còn có những giải phẩm đặc biệt như sổ Đặc biệt về Trung Thu, Sổ xuân...

— Bao của Tự lực văn đoàn chủ trương hoàn toàn phá hoại nếp sống phong kiến cũ bằng tất cả phương tiện. Họ không ngần ngại đem tất cả các thói hư tật xấu ra mà bông đùa, châm chọc. Những cái khôi hài xảy ra trong xã-hội đều được ghi lại trong ngôn ngữ, cử chỉ của các nhân vật hi họa rất điển hình: Lý-Toét, Xã Xệ và Bang Bạnh. Về văn chương, có mục *Tin văn văn* của Lê-Ta, giọng châm biếm rất cay độc, mục *hạt dạn dạn* để chỉ trích những cái dở, cái sai lầm trong các bài văn đồng thời. Có một điều đáng phiền là Tự lực văn đoàn ít khi khen những cái hay của các nhà văn, nhà báo không thuộc đoàn thể của mình, và thường chỉ nêu ra những điều dở của người để bêu diếu. Ngoài một vài tính xấu nhỏ nhen, báo Phong Hóa, Ngày Nay và nhà xuất bản Đời Nay đã góp công rất nhiều trong việc xây dựng quốc văn.

IV. — Quan niệm cải cách trong phương diện gia đình

A). — *Trình bày đại gia đình cổ điển*:
Trong cái gia đình cổ điển, con người hầu như không hề hưởng-thụ được một hạnh phúc cởn con nào. Nhất là trong đó lại xen vào một thiếu niên tân học, những định kiến cổ hủ càng làm cho các mầm non đầy thiện tính bị dấy vò, đè nén thêm nữa. Không thể giữ mãi không khí căng thẳng giữa mới và cũ được, phải giải quyết cho nhanh chóng và lọc bỏ hết những tệ tục cổ truyền.

Nhà văn trước hết phải có sứ mạng nhìn lại xem xã-hội xưa hư nát ở những chỗ nào để sau này sẽ xây dựng lại. Do đó mà có những tiểu thuyết chuyên tả phong tục.

Tuy chưa xảy ra xung đột, cái xã hội cũ vẫn bị lung lay. Khải-Hưng với cặp mắt quan sát lão luyện diễn rõ cái tai hại của « trai năm thể bảy thiệp » trong Thừa Tự và Thoát Ly. Bao nhiêu toan tính của bà Ân Ba (đi ghê trong Thừa Tự) rút cục không có kết quả gì, mà làm cho cả một gia đình điêu đứng. Trình và Khoa (hai anh em ruột) bất hòa cũng chỉ vì nghi ngờ nhau là tham Thừa Tự, phản hành hạ Cúc cũng chỉ vì vuột mất « mồi » Thừa Tự... Rút cục, ta xét thấy tất cả những vô lý trong sự thiết lập gia đình và xã hội Việt-Nam. Vấn đề Thừa Tự ngoài Bắc hay Hương Hỏa trong Nam há chẳng phải là nguyên nhân của những âm mưu xô xát trong gia đình ư. Người đàn bà thứ hai hay thứ ba... trong gia đình còn là thủ phạm của bao nhiêu tệ đoan khác. Hồng (trong Thoát Ly) đến lúc chết mới thoát khỏi cái đau đớn trong tinh thần vì mãi bị đi ghê hành hạ, xoi mói lúc sống. Nhưng bà phản nào có chịu rằng mình đã có tội rất lớn đối với con chồng. Mà thực vậy, bà không có tội gì hết, chỉ có cái xã hội mà bà sống trong đó, những tập quán mà bà chịu ảnh hưởng mới là nguyên nhân chính của những hạnh phúc đổ vỡ. Những tác phẩm phong tục của Khải-Hưng chứng tỏ điều ấy.

Nhưng vấn đề liên hệ đến hạnh phúc con người hơn cả chính là ái tình. Trong các văn phẩm của Tự-lực văn đoàn, không một cuộc hôn nhân cường bách nào dẫn đến một kết quả tốt đẹp. Đôi vợ chồng trẻ Lộc và Mai sẽ được hạnh phúc biết bao nếu không bị uy

quyền của người mẹ — bà Ân — phá hoại. Nhưng rồi quan niệm của người mẹ cổ lại thất bại, tác giả đã nói được một khía cạnh khác của gia đình: cấm đoán tự do kết hôn tức là đi ngược lại nhân vị. Thế vẫn chưa đủ, và một thành kiến tai ác khác được trình bày trong bức thư của Diên gửi cho Mai, trong đó luân lý cổ điển đã phạm đến tự do và danh dự cá nhân.

Trong cái xã hội hủ bại lạc hậu nhưng đầy uy quyền ấy, một nhân vật tân học vô phúc rơi vào sẽ rất dễ dàng thành nạn nhân của những định kiến. Nhất-Linh đã chứng minh điều này trong quyển Đoạn tuyệt. Ông viết về Loan đề tả ra rạch ròi sự xung đột giữa hai phái. Và Nhất-Linh không còn băn khoăn, chọn lọc nữa: ông quyết định đoạn tuyệt với chế độ cũ.

B) — *Lẽ hạnh phúc của chế độ mới.*

Thoát ra được cái đại gia đình cổ điển, Loan mới thực đã tự làm chủ lấy mình. Cuộc đời mới của nàng vẫn không kém phần hạnh phúc dù vương những trở lực của dư luận cổ. Chúng ta thông cảm được nỗi sung sướng của Loan, và không khỏi ngậm ngùi nhớ đến Nhung (Lạnh lùng), người đàn bà bị chế ngự bởi tập tục cũ. Nhung còn trẻ, lòng nào đã dứt yêu đương, nên đành chịu sự day nghiêng của cuộc xô xát giữa đạo lý và tình cảm. Sau cùng nàng vâng theo dư luận, cam chịu cảnh lạnh lùng, chần độn gối chiếc. Nàng sẽ được tiếng tốt, xứng với câu « Tiết Hạnh khả phong » nhưng không hề hưởng được một chút an lạc trong tâm hồn. Trong khi đó, Loan « sung sướng, đi ngoài mưa gió » mà « quên cả mưa ướt gió lạnh »...

Lẽ hạnh phúc của chế độ mới hoàn toàn tinh thần, không thể mua được

bằng tiếng tăm hay tiền của. Bao nhiêu người thoát ly gia đình phong kiến, chịu phong sương trong cuộc đời, mà vẫn cảm thấy rằng mình sung sướng.

Dùng (Đôi bạn) ra đi, và cái cảnh người trai hiền ngang trong phong cảnh hùng vĩ của thiên nhiên, lòng thanh thoát vì đã cởi mở tất cả xiềng xích của tập tục gia đình cũ, mới, chính là cái chân hạnh phúc của người thanh niên mới.

V. — Phương Diện Xã-Hội

Chúng ta đã xét nỗi đau khổ của những nạn nhân đương nhiên của hoàn cảnh xã-hội trong buổi văn minh giao thời. Chúng ta cũng đã khảo sát sự đoạn tuyệt một chế độ. Lẽ thường, đã phá đổ tất phải xây dựng. Tự lực văn đoàn được hoan nghênh trong khi thực hành chủ trương, tất không thể bỏ dở chương trình được. Đồng thời với tôn chỉ cải tạo gia-đình, họ không quên xã hội, mà ta có thể phân biệt hai vấn đề: Vấn đề dân quê và vấn đề thanh niên.

Vấn đề dân quê: (tôi tạm dùng chữ dân quê để nói chung các tầng lớp nghèo khổ trong dân chúng).

Có lẽ Khái-Hưng là người ít nói đến hạng người nghèo trong xã-hội nhất và chỉ viết nhiều về thanh niên, gia-đình. Còn Nhất-Linh, Hoàng-Đạo và Thạch-Lam đều có khuynh hướng ít nhiều về tả thực, phác lại (rất đơn sơ) sinh hoạt khổ nạn trong xã-hội thôn quê hay nơi đầu đường xó chợ của đô thành, rồi đôi khi trình bày một lẽ sống mới.

Nhất-Linh động lòng trước những cảnh đau đớn lầm than ấy, nhưng đó lại chỉ là sự rung cảm của một người ở giai cấp trên nhìn xuống. Trong những truyện ngắn của tập Tối tăm (đã tái bản với nhan đề: Thế rồi một buổi

chiều) tác gia đem cái óc mới của người có học mà truy tìm nguyên nhân của những đau khổ: đó chính là sự thất học, óc hủ-lậu. *Chết đói, Nghèo, Tiếng kêu thương*, đều là những cảnh vô cùng khách quan, Nhất-Linh đều cho những cảnh tối tăm ấy là do chính họ tự tạo. Sự thực, nếu suy nghĩ sâu rộng hơn, ta thấy rằng họ chỉ là nạn nhân của sự thiếu tổ-chức trong một xã hội bán khai. Dậu (trong Một kiếp người) đau khổ đến phải chết trong một bệnh viện làm phúc dù rằng cha mẹ nàng giàu nhất làng. Nếu xã-hội Việt-Nam được tổ-chức hoàn toàn, có sự cưỡng bách giáo dục, thì làm gì có cảnh gái quê giàu mà phải chịu cùng cực như Nhất-Linh đã tả. Một vấn đề xã hội khác lại được nêu ra trong đoản thiên *Hai chị em*. Thị Bim rất an phận để cha mẹ bán mình mà không một chút kêu ca nên được người làng nức nở khen là có giáo dục (!) mà kỳ thực « đời nàng với đời những con lợn kia biết đặng nào có giá hơn, đáng sống hơn »? Lạch, em Bim, đã ý thức được sự vô lý ấy, và can đảm thoát-ly. Nhưng nàng, sau khi ra khỏi gia đình, sẽ lại là nạn nhân của một mục nát khác: nạn mãi dâm. Lạch không có lấy một nghề để sinh nhai, còn gì dễ dàng hơn là dùng sắc đẹp làm phương tiện kiếm tiền? Vậy, Nhất-Linh đã khám phá được tề đoạn lớn: những cô Loan, cô Dậu, cô Bim đều không thể hay không dám thoát ly vì chưa có óc tự lập, mà óc tự lập ấy ẽ không thiếu trong xã hội hoàn mỹ.

Thạch-Lam cũng như Nhất-Linh, chỉ nhìn xuống, nhưng nhờ tinh cảm phong phú, ngòi bút tinh vi, ông diễn tả được tất cả những cảm giác ê chề của xã hội nghèo nàn. Cái « Đói » mãnh liệt, cái đau khổ của Nhà Mẹ Lê, ... đều là những bức phóng bút khuynh hướng tả thực vậy.

Nhưng Thạch-Lam chỉ rung cảm lòng ta, Nhất-Linh chỉ mới hé một vợi nguyên nhân. Người có óc xây dựng, muốn cải tạo xã hội bằng tiểu thuyết luận-đề, chính là Hoàng-Đạo. Ông trình bày tư tưởng trực tiếp trong quyển sách thuộc loại tu thân: *Mười điều tâm-niệm* (Đời Nay 1939). Mười điều tâm niệm là: Theo mới hoàn toàn — Tín lý tiến bộ — Sống theo một lý tưởng — Làm việc xã-hội — Luyện tinh khí — Phụ-nữ và xã-hội — Luyện óc khoa học — Cần sự nghiệp, không cần công-danh — Luyện thân thể cường tráng — Cần có trí xếp đặt. Với tâm trí thiết tha với xã-hội, Hoàng-Đạo không thể chịu được một sự bất công nào. Trong thiên phóng sự « *Trước vành móng ngựa* », ông thiên hẳn về hạng bình-dân cũng khổ trong xã-hội ta; tuy-nhiên, đó vẫn chỉ là sự thương tâm của một phú hào. Trong *Con đường sáng*, tác-giả đặt lý-tưởng xây dựng vào óc Duy, một thanh niên nhà giàu, chơi bời truy-lạc đến chán-nản, muốn tự-tử, nhưng đột nhiên bừng tỉnh vì tìm được con đường sáng, chàng kết hôn với Nga, một thiếu-nữ có tâm-hồn thanh cao, đề cùng chung lo xây đắp hạnh phúc cho dân quê. Cái lý tưởng của Duy hiện rõ trong đoạn sau:

« Duy nhận thấy mình như vừa khỏi một bệnh cổ truyền. Chàng đã là một người khác, không còn do dự như trước, có đủ can-đảm theo đuổi những công việc định làm cho đến cùng. Duy nghĩ đến dân quê, nhớ đến gian phòng sạch và vui mừng đã hiểu nguyên nhân giản dị của sự ngu muội đè lên tâm trí những người nghèo khổ, chàng cũng sẽ như họ, nếu chàng không được học và biết suy nghĩ.

« Chàng đã được học, đã hiểu biết, điều cốt yếu là chàng cần phải tự tu,

tự luyện hằng ngày để hiểu thêm và làm cho người khác cũng hiểu như mình».

Vấn đề thanh niên :

Những tiểu thuyết liên quan đến thanh niên thường là những tiểu thuyết khuynh hướng tả tâm lý. Những tâm lý của thanh niên thời đại được Tự-lực văn đoàn vẽ rất tỉ mỉ, vạch rõ cuộc sống vô lý tưởng của nhóm người « vui vẻ trẻ trung » ấy. Thanh niên đóng một vai tưởng rất quan trọng trong xã hội, nên những nhận xét của các văn gia trong Tự lực văn đoàn tưởng không phải là vô ích trong công cuộc cải tạo xã hội.

Người thanh niên khi chưa thoát ly gia đình cổ điển, chỉ có tinh thần là đã một phần nào vượt khỏi vòng kiềm tỏa, nên thích mơ mộng theo một lý-tưởng cực kỳ thanh cao. Trong cái rạo rức của tình yêu mãnh liệt, họ vẫn không quên « cái thế giới mộng ảo của lý tưởng » (ái tình của Ngọc và Lan trong *Hồn bướm mơ tiên*). Họ nhận thức được cái khuôn khổ chật hẹp của gia đình, nhưng chỉ dám thực hành trong mộng những lý-tưởng ảnh hưởng của nền học mới. Chẳng Ngọc hay Lộc đều khuynh hướng hẳn về « gia đình to tát và đông đúc » là « xã hội, nhân loại ».

Đến khi nắm lại được chủ quyền cá nhân, thanh niên vẫn không hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của chế độ giáo dục ấu trĩ. Tinh nhút nhát của Hạnh là đo hoàn cảnh xã hội tạo ra vậy. Nhưng còn có những thanh niên trong các gia đình tư bản mới thụ hưởng được tất cả tự do, và trưởng thành trong cái không khí đầy dẫy quan niệm mới. Nhưng, bỏ hẳn bộ áo đạo đức, họ lại bị thú vật chất chi phối, và, tuy rất có học thức, họ vẫn không làm nên chuyện gì. Họ thiếu hẳn một sức mạnh trong tinh

thần, một ý chí, một nghị lực để tiến thủ. Cái xã hội thanh niên truy lạc ấy được tả bằng những nét rất tinh diệu của Khái-Hung. Ta có thể xét tâm lý thanh niên vô lý tưởng điển hình qua các quyển *Bướm trắng*, *Trống mái* và *Bản Khoản*.

Trước nhất, không thanh niên nào có can đảm tự vạch cho mình một con đường sáng để noi theo. Trương cảm thấy mình sắp chết, thay vì lấy một ít tàn lực cuối cùng để làm một việc ích lợi cho xã hội, chàng chỉ biết phung phí hầu hưởng được một ít lạc thú trong những ngày hấp hối. Có điều, bản năng lương thiện của Trương vẫn còn, chàng không nỡ phá hại sự trong trắng của Thu, người tình nhân chàng tưởng chỉ yêu qua đường không ngờ lại có ảnh hưởng rất mạnh đến đời chàng. Tâm lý của Trương là điển hình của thế hệ thanh niên đã qua khỏi thời than mây khóc gió, nhưng vẫn chưa khỏi hẳn cơn bệnh sâu tinh của thời đại.

Cơn bệnh có lẽ bớt dần chẳng khi họ đã biết luyện tập thân thể? Rút cục, quan niệm đẹp hoàn toàn vật chất lại dẫn tới một xã hội rất vui vẻ trẻ trung mà không xây dựng nên gì cả. Cả một tầng lớp phong lưu mà Hiền là đại diện trình bày cho ta tất cả những lỗ bịch của thị hiếu theo thời.

Mãi đến tập *Bản khoản* (dường như tác phẩm sau cùng của Khái-Hung) ta mới thấy được một chút nền người của thanh niên. Cảnh, Đoàn, Oanh,... đại diện của nhóm thượng lưu trí thức đã, nếu không sa ngã, cũng không dùng được một phần của những sở đắc vì vẫn còn ở trong tình trạng bản khoản. Nhưng không như những tác phẩm vừa kể trên chỉ mới trình bày, lần này Khái-Hung đã hé mở một lối thoát. Cảnh,

một tâm hồn « không tầm thường tí nào » nhưng rất trụy lạc đã bị Lan Hương dùng tư tưởng thanh cao chinh phục. Sự hồi tâm của Hảo cũng là một bằng chứng giác ngộ của giới thanh niên. Đạp xe ngược dốc không phải là chuyện dễ dàng, nên ta có thể tạm bằng lòng với lối thoát rất nhỏ và mờ của các thanh niên « bản khoán ». Chúng ta hẳn không thể quên những cơn thiêu thân trong « Đời mưa gió », những cái bằng hoại của cuộc sống nhơ nhớp vẫn hấp dẫn và cứ tiếp diễn không ngừng trước những người có thiện chí. Chương (trong *Đời Mưa gió*) đã thất bại trong ý muốn cứu Tuyết, thì bây giờ một chút thành công của Lan-Hương cũng đủ an ủi lòng chúng ta.

VI.— Phương diện Chính trị

Ở một đôi truyện rất kín đáo Tự-lực văn-đoàn đưa ra một vài lý tưởng chính trị: Tinh thần phụng sự quốc gia. Không phải là những tiêu thuyết cách mạng thuần chất, nhưng các tác giả đã khéo đưa người thanh niên đến con đường hoạt động. Thạch-Lam đã khéo gây cho độc giả một tinh thần yêu quê hương bằng những đoạn văn đầy thi vị, nói lên tất cả cái đẹp của một đô thành lịch sử (*Hà nội băm sáu phố phường*). Ở Khái-Hưng, ta cũng gặp được vài nét « sống » trong truyện ngắn *Bãi sậy vườn cam*: Hùng cũng như Dũng (trong *Thế rồi một buổi chiều*) đều không bị lôi cuốn bởi những hạnh phúc nhỏ nhen « yên lặng và kín đáo ». Ta nhận thấy Khái-Hưng hay Nhất-Linh đều không hờ hào, cổ võ một cách ầm ỹ. Bằng một vài nét tả tình vi, tài viết truyện khéo léo, hai ông đã đề cho độc giả tự hỏi trong tâm trí, rồi tự trả lời lấy. Những công việc của Hùng, của Dũng, của Trúc hay của Độ, Thái..., những bước lang thang của họ

có thể tự nói cho độc giả biết họ đã đi về đâu sau khi thoát ly.

Chúng ta lại nhận thấy một dụng tâm của Tự lực văn đoàn: phải mới thường hướng thiện hơn phải cũ. Điều này chúng ta thấy hiển hiện rất rõ trong *Đôi bạn* và *Đoạn tuyệt*. Cái ích kỷ của gia đình phong kiến với tư tưởng khoảng đạt của các thanh niên mới đủ cho thấy phải nào có tinh thần vị tha đẹp đẽ và cao quý.

VII.— Phương diện Nghệ thuật

Chủ trương đòi hỏi văn chương, về dịch thuật cũng như sáng tác.

Trước Tự-lực văn-đoàn cũng đã có nhiều cây bút dịch thuật xuất sắc như các nhà văn nhóm Đông-Dương và Nam Phong. Nhưng các ông Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh thường chú trọng dịch các văn phẩm cổ điển, và văn dịch chỉ cốt đúng ý, lưu loát chứ không tả lại được linh thần của câu văn trong nguyên bản. Đến bây giờ, các nhà văn trong đoàn cùng các nhà độc lập khác cộng tác mở rộng phạm vi « *Gió bốn phương* ». Những truyện ngắn nổi tiếng của các nước trên thế giới thường được in vào các tập *Hương xa*, *Hoa lạ*. Thường những tác phẩm thuần chất nghệ thuật thế kỷ XIX hay XX của những văn hào như A. Daudet, E. Dabit, Nagai Kafu, S. Zweig, L. Pirandelle, R. Tagore, L. Tolstoi, F. Miranda Nieto, S. Maugham, v.v. đều được dịch, cả đến những truyện hay trong Kim Cổ Kỳ Quan hay của Lý-Bạch cũng có trong *Hương xa*. Ngoài ra, còn bản dịch những truyện dài quốc tế của các nhà văn hợp tác: Vũ-Ngọc-Phan (dịch *Treasure Island* của Stevenson, *Anna Karénine* của Tolstoi v.v.) Huyền-Hà (*The painted Vail* của Maugham),

Huyền Kiêu (The Good Earth của P. Buck, Tartarin Tarascon của A. Daudet) v.v. Những nhà dịch thuật sau này thường là những cây bút tài hoa, nên dịch phẩm có phần đặc sắc hơn thời trước.

Về sáng tác, những thể tài mới mẻ trong văn nghệ ngoại quốc đều được áp dụng. Ngoài việc phát huy các bộ môn văn học còn xa lạ với dân Việt như Phê bình, Kịch, Phóng sự, Tùy bút... còn những công tác rất lớn trong thi ca. Thế-Lữ được xem như là người có công đầu trong phong trào thơ mới. Đem những cái rạo rực, bông bột của tây phương vào thi ca Việt-Nam thì có Xuân-Diệu, và giữ được tinh chất trào phúng đặc biệt Việt-Nam chính là Tú-Mỡ.

Tinh thần nghệ thuật của Tự-lực văn đoàn còn ảnh hưởng sang cả các bộ môn khác. Các họa-sĩ, nhạc-sĩ Nguyễn Gia-Trí, Tô-Ngọc-Vân, Nguyễn-Xuân-Khoát đều là những nghệ-sĩ có biệt tài, đã nâng trình độ nghệ thuật nước ta lên đến một mức khá cao. Hội họa, âm nhạc của ta bắt đầu có giá trị vững chắc và vang bóng sang nước ngoài.

Tuy nhiên, muốn rõ sinh hoạt tinh thần của các nghệ-sĩ thời bấy giờ, ta cần xét theo những phản-ảnh trong các tác-phẩm của Tự-lực văn đoàn. Dân Việt trí thức đã có óc thiên về nghệ-thuật, và các nghệ-sĩ (dù chỉ là bên ngoài) được ái mộ và trọng vọng. Điều này chúng ta thấy rất rõ trong tiểu thuyết «*đẹp*» của Khái-Hưng. Nhân vật chính trong truyện, Nam, say mê hội-họa đến quên cả tình yêu. Nhưng buồn thay, chàng chỉ vẽ như một con chim hót, đem vui thú trong trời thanh cao dâng cho những người thích quay về cuộc sống bên trong. Chàng làm việc theo tình cảm và quên mất phần lý trí, nên

chàng vẫn chưa hề nghĩ đến một con đường sáng. Quanh chàng, một nhóm nghệ-sĩ khác cũng đều quên rằng xã-hội không phải chỉ gồm có một tầng lớp...

Nhưng rồi nghệ-sĩ cũng phải bán khoán. Và Doãn (trong *Hai vẻ đẹp* — tập *thể rồi một buổi chiều* của Nhất-Linh) tự hỏi: «Sao mình lại yêu có mỗi một cái đẹp về hình sắc», rồi chàng hết lòng đi tìm cái đẹp cho người khác như đã tìm các vẻ đẹp về hình sắc để ghi trên vải, lụa. Chàng thấy rằng «cảnh đời đẹp đẽ của dân quê cũng là một bức tranh đẹp», chàng phải tìm cách hòa hợp lòng yêu nghệ-thuật với lòng trắc ẩn trước những cái đau khổ ở bên ngoài. Doãn đã có những tư tưởng như Minh (trong *Gánh hàng hoa*), nhưng Minh tiến thêm một bước nữa. Sau bao nhiêu lăn-lộn với cuộc đời, Minh cho rằng trách-nhiệm của nhà văn là nâng cao trình độ của bình dân.

Kỹ-thuật hành văn của Tự-lực văn-đoàn

Lối hành-văn của Tự-lực văn-đoàn đánh dấu một bước-tiến tự nhiên của văn xuôi Việt-Nam. Tinh chất chính là trung hòa cái giọng dài lê thê, đầy hán-tự nặng nề của Nam Phong với giọng lắt-cắc của lối văn Hoàng-Tích-Chu. Văn được xem là đặc sắc trong một thời nhờ những đức thuần chính, tinh xác, gọn gàng, hàm súc và giản dị.

Trong các tác phẩm đầu tay, giọng văn thường bay bướm và dài dẽm. Ví dụ:

«... Rồi thỉnh thoảng hưởng một vài giờ thư nhàn mà tưởng nhớ tới em, mà yêu-dấu cái hình ảnh dịu dàng của em, cái linh-hồn cao thượng của em. Trời ơi! anh sung sướng quá, anh trông thấy rõ rệt con đường tương-lai sáng sủa của anh rồi». (Nửa chừng xuân).

Hay :

— «... Tiếng sóng rào rào không ngớt làm cho lời mình nói có ý nghĩa thâm kín, những ngọn phi lao nghiêng theo chiều gió như khúc-khích cười, cổ lẳng tai nghe. Đàng xa, làn nước trắng xóa dưới ánh trăng vàng như nụ cười bất tuyệt của một giai-nhân... » (Trống Mái).

Ta nhận thấy văn đọc nghe rất êm tai, nhưng giọng không được tự-nhiên. Nhất là tác giả đã đặt vào lời nói của nhân vật thì càng không hợp lý. Trong câu dưới có nhiều hình ảnh so sánh quá hoa mỹ, gần như sáo. Về sau, bút pháp biến đổi hẳn, giọng văn trở nên bình dị trong sáng vô cùng. Nhưng, quả như Nguyễn-hiến-Lê đã nhận xét rất đúng, các nhà văn nhìn bằng lý trí nhiều hơn tình cảm. Với cặp mắt quan sát tinh tế, họ nhìn rồi giảng lại cho độc giả, thành văn tuy có khéo léo, linh hoạt vẫn thiếu hẳn chất mạnh mẽ, làm sống hẳn cảnh vật và cũng không có bản sắc riêng biệt. Triều-Sơn than rằng văn chương ta không có tả mà chỉ kể thôi không phải là vô lý.

Chúng ta thử đọc một đoạn trong tác phẩm của Khái-Hưng và Nhất-Linh :

« Chương và Tuyết ngồi câu bên gốc cây sung. Thân và cành xù xì vì trẻ con luôn luôn bám chặt để lấy nhựa. Lá sung to bản rủ rườm rà xuống mặt nước, và trông sắp bóng, thành những chấm đen vẽ đậm nét lên nền trời xanh trong, vờn mây trắng. Nước ao yên tĩnh. Thỉnh thoảng một con cá quẫy hay một quả sung rụng làm mặt nước đương phẳng lặng rạn ra một chỗ, rồi vết rạn lan tròn rộng mà dần biến mất. » (Đời mưa gió).

Trừ một vài sen tả thật khéo, còn thì hầu hết các đoạn văn của Tự-Lực văn đoàn đều giống như trên. Vì tính chất tự nhiên ấy, văn của Tự-Lực văn đoàn phổ biến rất nhanh và ngày nay không còn gì đặc sắc.

Nếu văn xuôi của Tự-Lực văn đoàn bây giờ không có gì lạ thì thơ cũng thế. Đọc thơ Thế-Lữ, ta miễn phục lời thơ trác luyện của ông, nhưng lòng ta chưa hẳn đã hoàn toàn chạy theo nhịp rung cảm của nhà thơ.

Lời thơ rất đẹp, chải chuốt và chọn lời rất kỹ :

*Thôi! hãy để giọng buồn thương ta thán
Cho chúng tôi là một bọn nhạc công,
Trăm ngàn năm này mãi sợi tơ lòng
Ca những phút sầu vui tình thiên hạ.*

Huy-Cân cũng chú trọng đến ma lực của chữ hơn là phó mặc cho tình cảm lôi cuốn. Thi nhân chỉ khéo nói lên tiếng than thở chung của nhân loại :

*Nếu chúa biết bao nhiêu hồn ly tán
Vì đã nâng bình lửa ấp lên môi,
Thì hẳn chúa cũng thẹn thùng hỏi hận
Đã sinh ra thân thể của con người.*

Hai nhà thơ có nhiều bản sắc nhất có lẽ là Tú-Mỡ và Xuân-Điệu. Khoảng mấy chục năm nay, ta ít đọc được những câu duyên dáng đặc Việt-Nam như trong tập *Giòng nước ngược* và cái rạo rức của Xuân-Điệu vẫn còn mới mẻ trong làng thơ trẻ Việt-Nam :

*Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy
ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
— Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !*

Sau Xuân-Điệu chắc không có ai viết ra những tình cảm như vậy.

NGUYỄN ĐỒNG

Ký sự : ĐỊA VI « TỰ LỰC VĂN ĐOÀN » trong văn giới Việt-Nam.

SYRIE, bài học lịch-sử về kỹ-thuật cướp chánh- quyền của Cộng - sản

QUANG-HUÂN



NGUỜI ta đã biết những việc đã xảy ra : cuộc khủng-hoảng ở Trung-Đông gây ra bởi vấn- đề kinh Suez, (tháng 7-1956) thái-độ chống tây-phương của Ai-Cập sau khi quân-đội cơ-giới của Do-Thái làm chủ bán-đảo Sinai (tháng 10-1956), cuộc thanh-trừng can-đảm của vua HUSSEIN xứ Jordanie (tháng 4-1957), cuộc cướp chánh quyền chớp nhoáng của nhóm thân-cộng ở Syrie (tháng 8-1957), sự lo-âu của thế-giới trước những bài diễn-văn đầy sát-khí của Khrushchev và Gromyko, viễn-vọng của một cuộc chiến tranh có thể xảy ra sau một cuộc chạm súng nho nhỏ ở biên-thùy Thổ-Syrie.

Đặt chân lên được ở Syrie, Nga-Sô đã hiển-nhiên dành được một thắng-lợi to tát, vì Syrie là một vị-trí quân-sự và kinh-tế trọng-yếu ở Trung-Đông, có thể trở thành bàn-đạp để Nga-Sô bành-trướng thế-lực trong các nước Á-Rập khác, cùng tiến về Phi-Châu và Ấn-Độ. Nếu cuộc điều-động hạm-đội thứ 6 của Mỹ ở Địa-Trung-Hải đã giúp cho cuộc thanh-trừng của vua Hussein được dễ-dàng, thì, trái lại, ở Syrie, Nga-Sô đã dùng một chiến-thuật tuy quen-thuộc nhưng luôn luôn bất-ngờ : tuyên-truyền ào-ạt để người ta tưởng rằng vấn-đề Syrie chỉ là một vấn-đề nội-bộ của nước ấy, dọa sẽ can-thiệp

nếu các nước Tây-phương ủng-hộ đảng đối-lập với nhóm thân-cộng, trong khi trên thạt-tế Nga-Sô đã giúp khi-giới cho nhóm này lật đổ chánh-quyền hiện hữu.

Quả vậy, ai cũng có cảm-tưởng rằng Syrie là nước độc nhất tự đặt mình dưới sự thống-trị của Nga-Sô. Đó là một nước chư-hầu loại mới, trên đường lệ-thuộc hẳn-hỏi khối Cộng, tuy không có ranh-giới chung với Nga-Sô, tuy trong nội - bộ không có một đảng Cộng-sản mạnh-mẽ. Tuy vậy, cuộc cướp chánh - quyền bởi một thiểu số thân cộng đã có kết quả mỹ-mãn. Đây là những giai-đoạn chính của cuộc đảo chánh ấy :

— Năm 1954, chế độ độc-tài của tổng-thống Shishekly bị lật đổ bởi một cuộc đảo-chánh do quân-đội lãnh-đạo. Từ đó, 12 chánh phủ khác kế tiếp nhau ở Damas, chủ-trương một chánh-sách trung-lập giữa hai khối, ngoại-trừ thái-độ gây-hấn với Do-thái.

Đầu năm 1955, Nasser lên cầm-quyền ở Ai-Cập, hô-hào các nước Á-Rập thành-lập một mặt trận thống-nhất để chống Do-Thái, cùng

lật đổ ảnh-hưởng của Anh-quốc ở Trung-Đông. Nga-Sô lợi dụng phong-trào ấy để đặt chân vào Trung-Đông, ủng-hộ quan-niệm diệt trừ Do-Thái của Liên-Minh Á-Rập. Trước sự từ-chối của Tây-phương không cung-cấp khi-giới cho các nước Á-Rập để gây-hấn với Do-Thái, Ai-Cập nhận viện-trợ quân-sự của Nga-Sô. Đầu năm 1955,

Syrie theo gót Ai - Cáp nhận khi - giới của khối Cộng, dù rằng đảng bảo-thủ vẫn còn nắm chánh - quyền. Nhờ tuyên - truyền khéo - léo và biết lợi - dụng sự hiềm-khích của dân-chúng Á-Rập đối với Do-Thái, Nga-Sô đã làm các nhà lãnh - đạo Syrie tin rằng

sự ủng-hộ của Nga-Sô chỉ có lợi cho không riêng gì Syrie, mà cả cho các nước Á-Rập, tuy bất-hòa về nhiều điểm, nhưng cùng nuôi hiềm-khích đối với Do-Thái, dù sao cũng là con đẻ của Tây-phương và là một cái gai cho toàn-thể khối Á-Rập.

Nhân vật chủ trương thân-thiện với Nga-Sô là đại-tá Abdul Hamid, trưởng phòng an-ninh của quân-đội Syrie, sĩ-quan trẻ tuổi, nhiều



tham vọng, rất hoạt-dộng bằng lòng trả vôi bất cứ một giá nào sự tiêu diệt Do-Thái. Hamid liên-minh với đảng xã - hội cực - đoan của Akram Haurani, đảng này chỉ có 15 ghế trong quốc-hội Syrie (142 ghế). Tuy là một thiểu số không đáng kể, nhưng đảng này rất hoạt động.

Cuối năm 1956, đảng bảo-thủ Syrie cùng tướng Tewfiq Nizamed-din, tham-mưu-trưởng, nhìn rõ nỗi hiểm-nguy cho đất nước, toan lật-đổ Serraj và đồng bọn, nhưng vì hành động không đúng lúc, nên thất-bại : âm-mưu của Anh-Pháp dùng biện-pháp quân-sự tái chiếm kinh Suez, sức mạnh như vũ-bão của đoàn quân cơ-giới của Do-Thái đã làm cho dân chúng và cả Liên-Minh Ả-Rập có cảm-tưởng như an-ninh của họ bị đe-dọa và luôn đẩy, ảnh hưởng của Nga-Sô ở Trung-Đông tăng lên gấp-bội, nhất là khi Nga-Sô đã dùng áp-lực của mình để buộc Anh-Pháp và Do-Thái ngưng chiến, cứu quân-đội Ai-Cập khỏi bị hoàn-toàn tiêu diệt.

Tháng 8-1957, dưới áp-lực của phe Hamid, chánh-phủ Syrie lên tiếng tố cáo sứ-quán Mỹ ở Damas âm-mưu « cùng những phần-tử phản-động » để lật đổ chánh-quyền hiện-hữu của Syrie. Hai ngày sau, giữa một tình-hình nội bộ căng-thẳng, tướng Nizameddin được thay-thế bởi đại-tá Azif Bizry lên nắm quyền chỉ-huy quân-đội. Đài phát-

thanh Syrie bắt đầu thỏa-mạ các nước Tây-phương, ca-tung Nga-Sô ; các phái đoàn quân-sự và kinh-tế của Syrie lên đường đi Mạc-tư-Khoa, và Nga-Sô lên tiếng đe dọa sẽ không ngăn ngại can-thiệp bằng võ-lực nếu các cường quốc Tây-phương dùng áp-lực ngoại-giao hay quân-sự để ủng-hộ phe bảo-thủ.

Cuộc đảo-chánh thành-tựu trong không đầy 48 tiếng đồng - hồ. Chương-trình Eisenhower đưa ra để tránh cho Trung-Đông khỏi rơi vào ảnh-hưởng của Nga-Sô đã hoàn-toàn bất-lực trước cuộc đảo-chánh ở Syrie. Trên nguyên-tắc, Tổng-thống Hoa-Kỳ có thể sử-dụng quân-lực của nước Mỹ để giúp bất cứ một nước Trung-Đông nào, khi có lời thỉnh-cầu của chánh-phủ nước ấy. Trong trường-hợp nước Syrie, chánh-phủ đã bị những phần-tử thân-cộng chi-phối và cuộc đảo-chánh được thực-hiện như một cuộc cách-mạng nội-bộ. Một sự can-thiệp của Tây-phương ngỗ hầu để lật ngược tình-thế không thể thực-hiện được.

Syrie như vậy đã hiển-nhiên thành một chư hầu của Nga-Sô. Đặt chân lên được ở một cứ-diểm quan-trọng ở Trung-Đông, Nga-Sô có thể dùng làm bàn đạp tiến về ngã các nước Jordan và Liban.

Chinh ông Hendreson, thứ-trưởng bộ ngoại-giao Mỹ, sau khi quan-sát tình-hình, đã nói rõ rằng cuộc đảo-chánh ở Syrie gây ra một tình-trạng bất-an thường-xuyên ở Trung-Đông. Thật ra, nếu tiềm-lực quân-sự và kinh-tế của Syrie không đáng kể, thì ảnh-hưởng của nước này trên dân-chúng Ả-Rập là một động-lực có thể thúc-dẩy các nước Trung-Đông duyệt lại lập-trường của họ đối với Tây-phương.

Có thể rằng trong những ngày gần đây, tình-hình ở Trung-Đông sẽ êm-dịu hơn, vì Nga-Sô còn cần phải rảnh tay để củng-cố chánh-quyền cộng-sản ở Syrie, tổ chức lại quân-dội, biến nước này thành một căn-cứ quân-sự đe dọa nền an-ninh của Thổ và Do-Thái. Gây ra tình-hình căng-thẳng ở biên-thùy Syrie Thổ, phóng vệ-tính nhân-tạo mấy ngày sau, có thể Khrushchev đe dọa cùng phò-trương lực-lượng để cản-trở sự can thiệp của các nước Tây-phương nhất là của Mỹ. Nếu quả Tây-phương có ý-dịnh lật ngược tình-thế bằng một biện-pháp ngoại-giao dựa trên sự phò-trương lực-lượng quân-sự có thể đây là mục-phiêu của cuộc lập trận mùa thu của quân-dội Thổ, ngay gần biên-thùy Thổ-Syrie; hạm đội thứ 6 ở Địa-trung-Hải được đặt trong tình-trạng báo-dộng thì thật ra cũng đã quá muộn. Các nước Ả-Rập liền lên tiếng phản-đối hành-vi mà họ nói là gây-hấn của Thổ và cả

những nước thân-thiện với Tây-phương; như Arabie Séoudite và Irak cũng tuyên-bố sẵn sàng ủng-hộ Syrie nếu Thổ gây hấn. Trong vấn đề Syrie cũng như trong vấn đề Ai-Cập mỗi liên lạc giữa các Nước Ả-Rập nhiều khi đưa đến những cái bất ngờ có thể làm đảo ngược tình thế.

Thật ra cuộc khủng-hoảng ở Trung-Đông còn đang ở thời kỳ phôi-thai, nó sẽ còn kéo dài và sẽ gây ra nhiều biến cố. Trước khi có dầu-hỏa, Trung-Đông đã là một địa điểm chiến-lược và là mối bất hòa giữa các cường-quốc. Ngày nay, Trung-Đông có dầu-hỏa và là ngã ba đường tiến sang biên thùy Ấn và Phi-châu, thêm vào đấy khối Ả-Rập là mục-phiêu tuyên-truyền của ý-thực hệ cộng-sản và tự-do. Nếu, mai đây, sau khi nhờ viện-trợ của Nga tổ-chức được một quân-dội hùng mạnh, Syrie sẽ hù-hào các nước Ả-Rập gây hấn với Do-Thái, con đẻ của Tây-phương, chiến-tranh sẽ xảy ra ở Trung-Đông và nhờ tình-hình xáo trộn gây ra bởi chiến-sự, có thể Nga-Sô sẽ tiến một bước nữa về vịnh Ba-Tur và kinh Suez. Vịnh Ba-Tur từ bao lâu đã là mục-phiêu cuối cùng chưa bao giờ đặt tới của thời đại Nga-hoàng, ngày nay có thể chỉ là mục-phiêu đầu của Nga-Cộng.

Những việc xảy ra ở Syrie quả là một bài học lịch-sử đáng để cho

các dân tộc tiên-tuấn trên mặt trận chống cộng chiêm-nghiệm. Trong hiện-tình của thế-giới ; Cộng-sản hầu như đã chuyển chiến-thuật của họ từ địa-hạt quân-sự sang địa-hạt chánh-trị. Tiềm lực quân-sự chưa cho phép họ tái diễn tấn-tuồng Triều-Tiên trong khi họ chưa sẵn sàng để thắng trong một cuộc chiến - tranh toàn-diện. Cộng-sản nay trở về với cái chiến-thuật cổ-hữu của họ : thâm-nhập chánh-trị, lợi-dụng những mâu-thuân nội bộ của các nước để gây rối và cướp chánh-quyền, thỏa-hiệp tạm thời để gây cơ-sở. Rất có thể những gì đã xảy ra ở Syrie sẽ tái diễn ở Đông-Nam-

Á, nơi mà quan-niệm chung-sống hòa-bình đang được Ấn-độ, Nam-Dương, Miến-Điện chấp thuận và gần ta hơn, bên Lào đang có sự thỏa-hiệp giữa chánh-phủ Hoàng-gia và Pathet Lào. Người ta nói đây là một thỏa hiệp cần thiết để bảo toàn lãnh-thổ quốc-gia, nhưng phải chăng đó là một thỏa hiệp nguy-hiểm cho chính nước Lào và có thể nguy-hiểm cho cả các nước láng giềng của Lào ? Phải chăng chỉ vì con người không chịu hiểu mà lịch-sử, bao giờ cũng như bao giờ, chỉ là sự tái diễn của bấy nhiêu sự-kiện.

QUANG-HUẤN

Liều-tồn-Nguyên tiền người đi làm quan

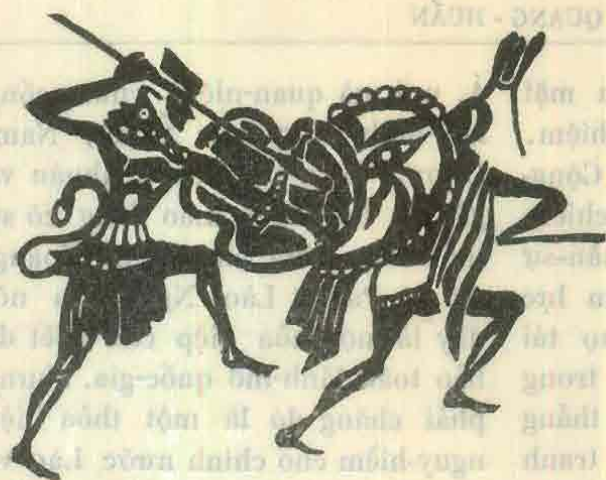
Liều-tồn-Nguyên, người Hà-dông, đời nhà Đường, linh lợi, tài giỏi, thi đậu tiến-sĩ, làm thứ-sử, văn thơ có tiếng ở Trung-quốc. — Một hôm nhân có người Tiết-tồn-Nghĩa là bạn đồng liêu sắp được bổ đi làm quan, ông đặt tiệc tiễn hành ở bờ sông — Trước khi nhập tiệc, ông rót chén rượu mời Tiết-tồn-Nghĩa, nói :

« Làm quan, phải biết chức vụ của mình là làm việc cho dân, chứ không phải sai dân làm việc cho mình. Dân nộp thuế là cốt để lấy tiền đó thuê quan giữ sự công bình cho dân. Thế mà nay có nhiều người làm quan, biết lấy tiền thuế của dân mà công việc của dân thì để bê trễ, có khi lại lợi dụng địa vị của mình để ăn cắp của dân nữa.

Như ta đây bỏ tiền mượn người thu dọn cửa nhà mà người ấy không những để cửa nhà ta rác rưởi, lại còn manh tâm ăn cắp của ta, tất ta phải giận và nặng lời trách mắng cùng đuổi đi nữa — Kẻ làm quan ngày nay, có nhiều người giống thế mà dân không dám giận và nặng lời trách mắng cùng đuổi đi là tại sao làm sao ? Đó là tại thế lực khác, không làm được đó thôi. Song thế lực tuy khác mà lý vẫn là một.

Này Tồn-Nghĩa, ông trước đây làm huyện trưởng Linh-Lăng, đã nỗ lực thức khuya dậy sớm để lo chính sự, xử kiện công minh, thâu thuế phải chăng, khiến cho dân chúng trong hạt thấy đều mến phục. Ông lấy tiền thuế của dân thật là đáng vậy.

Ta đây chức nhỏ, không được dự bàn việc xét công của kẻ làm quan để thăng thưởng hay trách phạt. Nên thấy ông đi làm quan, ta chỉ biết thưởng chén rượu này với đôi lời trân trọng để tiễn ông lên đường.



MỘT VĂN - THỂ CHƯA PHÁT-ĐẠT Ở NƯỚC NHÀ: **VĂN-THỂ HÙNG-VĨ**

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

ÔNG H. Blair, trong cuốn *Cours de Rhétorique* nói thể văn hùng vĩ không xuất hiện ở phương Đông. Tôi không được rõ văn-học các dân tộc Á-Rập và Ấn-Độ, nhưng cứ xét văn thơ Trung-Quốc và Việt-Nam thì lời ấy có phần đúng.

Lịch-sử Trung-Hoa ghi biết bao việc xả thân vì nghĩa có thể làm đề tài cho văn thơ hùng-vĩ. Đọc những bộ *Đông Chu liệt quốc*, *Tây Hán chí*, *Tam Quốc chí*..., ta ngưỡng mộ những vị anh kiệt như Kinh Kha vào hang cộp Tần, Trương Lương phá sản vì nước, Hạng-Vô chịu chết chứ không chịu nhục, Trương-Phi hét một tiếng mà quân Tào tâng dõm... Nhưng những

hành vi hùng dũng, văn-nhân Trung Quốc chỉ chép lại một cách giản-lược, không gây nổi cảm xúc mạnh và những thiên anh hùng ca của họ, nếu có, thì giá trị cũng tầm-thường.

Một trong những ngôi bút có khí lực nhất của họ là Tư-Mã-Thiên mà chép việc Kinh-Kha qua Sông Dịch cũng chỉ viết được như vậy :

... Bèn đi ! Thái-Tử (Đan) cùng các khách biết chuyện ấy đều mặc áo mũ trắng để tiễn chàng (Kinh Kha). Đến trên sông Dịch-Thủy, (..) Cao Tiêm Ly gảy đàn trúc, Kinh Kha theo điệu mà hát theo giọng « biến chuyển », mọi người đều sụt sùi sa nước mắt. Lại tiến lên mà hát rằng :

« Gió hiu-hắt chừ, sóng lạnh ghê !
Tráng-sĩ một đi, chẳng lại về !

Lại hát theo giọng « Vũ » khảng
khải, mọi người đều trợn mắt, tóc
đầu dựng đứng chọc lên mũ ! Thế
rồi Kinh Kha lên xe đi, không hề
nhìn trở lại !

(Bản dịch của Nhượng-Tống)

Tự sự giản và gọn, nhưng thiếu
miêu tả và tưởng-tượng, nên người
đọc không xúc động.

Lạc-Tân-Vương, một thi-hào đời
Sơ-Đường, cũng vịnh cảnh đó,
giọng tuy cảm khái mà cũng không
hùng :

Thử địa biệt Yên Đan,
Tráng-sĩ phát xung quan.
Tích thời nhân dĩ một,
Kim nhật thủy do hàn.
(Đây chỗ biệt Yên Đan,
Tóc dựng, khi cầm gươm.
Anh-hùng xưa đã khuất,
Nước lạnh, hận chưa tan.

Đến thiên tài như Lý-Bạch, nhớ
Trương-Tử-Phong, dùng thể ngũ
ngôn cổ phong (1), mà lời cũng
chỉ hùng kính, chứ so với những
anh hùng ca của Pháp, như *Chan-
son de Roland*, sức lời cuốn kềm
hẳn một bậc.

Khi tả những cảnh vật hùng vĩ,
tài của thi-nhân Trung-Hoa cũng
không hơn gì mấy. Mà có phải là
họ thiếu những cảnh lạ đâu : họ
có những con sông dài vào bậc
nhất thế-giới, những ngọn núi cao
vào bậc nhất thế-giới, sa mạc của
họ mênh mông mà những trận lụt

của họ kinh khủng, rồi những bão
cát, những đông tuyết.... Vậy mà
trong ba ngàn năm văn học, ta chỉ
thấy mỗi một phái xuất hiện trong
mỗi một thời là phái *biên tài* ở
Thịnh Đường là tả những cảnh ghê
rợn đó. Họ tả ra sao ? Đây, xin bạn
đọc một bài mà tôi cho là hùng-
hồn nhất, bài *Thục đạo nan* của
Lý Bạch :

Y ! Hu ! Hi ! Nguy hồ cao tai !
*Thục đạo chi nan, nan vu thượng
thanh thiên !*

*Thượng hữu lục long hồi nguyệt
chi cao tiêu,
Hạ hữu xung ba nghịch triết chi
hồi xuyên,
Hoàng hạc chi phi thượng bất đắc
quả,
Viên nao dục độ, sâu phan viên !*

*Thục đạo chi nan, nan vu thượng
thanh thiên !
Sử nhân thỉnh thử, điều chu nhang
Liên phong khứ thiên bất doanh
xích,
Khô tùng đảo quả, ỷ tuyết bích,
Phi thoan, bộc lim tranh huyền hồi,
Băng nhai, chuyển thạch, vạn hác
lôi.
Kỳ hiểm dã như thử !*

(1) Tức bài Hạ Bi Di Kiều hoài Trương
Tử Phong, bản dịch của Vô danh, trong
cuốn *Đại cương Văn học sử Trung Quốc*
(Quyển II) của Nguyễn-Hiến-Lê.

Đường Thục khó

Ôi ! Chà ! Gớm ! Hiểm mà cao thay !
Đường Thục đi khó, khó hơn đường
lên trời !

Trên là núi cao như sáu con rồng
ngăn bóng ác,
Dưới thì dòng sông quẩn-quại, thác
dội sóng vỗ nước chảy lùi.
Cánh con hạc vàng không thể vượt,
Khỉ vượn muốn qua, lo vịn nơi !

Đường Thục đi khó, khó hơn đường
lên trời !

Nghe nói má hồng râu, dãn-deo.
Dãy núi cách trời chẳng đầy thước !
Thông khô vách đá vẫn treo ngược !
Suối tung âm-âm, nước sáng choang.
Khe ngòi đá chuyền, như sấm vang.
Nó hiểm là như thế !

(Ngô-Tất-Tổ dịch)

Cảnh rừng rợn dấy :
Khỉ vượn muốn qua, lo vịn nơi !
Nghe nói, má hồng râu, dãn deo.

Chi tiết khéo lựa dấy :
Dưới thì dòng sông quẩn-quại, thác
dội sóng vỗ, nước chảy lùi,
Thông khô vách đá vẫn treo ngược !

Nhưng vẫn chưa thể đặt ngang
hàng với những danh tác của Vir-
gile hay Homère được, vì phần
tưởng tượng không mạnh.

Văn-chương qui-phái của Trung-
Quốc như vậy ; còn văn-chương
bình dân mà ta tưởng là chứa nhiều
xúc cảm nồng nhiệt hơn vì không

bị niêm luật, quy tắc câu thúc, thì
thực ra, đã chẳng hơn gì mà có
phần còn kém nữa.

Bài *Mộc lan từ* là thiên anh hùng
ca dài nhất của họ, (62 câu, mỗi
câu 5 chữ) được học sinh của họ
học thuộc lòng mà khi vị thật rất
ít. Bài đó xuất hiện đời Lục Triều,
chép chuyện nàng Mộc-Lan cải
trang đầu quân thay cha, mười
hai năm sau thắng trận về triều,
vua phong chức thượng thư, nàng
từ chối, chỉ xin một con thiên lý
mã để mau về thăm nhà.

Đây là đoạn tả nàng ra chiến
trường :

Vạn lý phó nhung cơ,
Quan san độ nhược phi.
Sóc khi truyền kim thác
Hàn quang chiếu thiết y.
Tướng quân bách chiến tử,
Tướng sĩ thập niên qui.
(Vạn dặm tới quân cơ,
Ái núi qua như bay.
Khi phương Bắc truyền vào cái thác
bằng vàng (1)
Ánh sáng lạnh chiếu trên áo sắt.
Tướng quân trăm trận, chết,
Tướng sĩ mười năm về).

Trừ hai câu giữa hơi gọi cảm
một chút, còn thì nhạt nhẽo làm
sao !

Vậy lời của H. Blair đúng với
Trung Quốc.

..
Còn Việt Nam ? Trừ những bài
ca-dao văn thơ của ta hồi xưa là
một hình ảnh gần đúng của văn

(1) Cái thác là một đồ linh dùng để
đánh cầm canh.

thơ Trung Hoa. Ta hơn họ nhờ những tiểu-thuyết dài bằng thơ cực hay như Truyện Kiều, Hoa Tiên; song ta lại kém họ về phương diện kịch và về phương diện tiểu-thuyết bằng văn xuôi như Tam Quốc-chí, Thủy-Hử, Kim-binh-mai, Hồng-lâu-mộng, ngoài ra thì Hoa, Việt đều như nhau, mà ta cũng như họ, thiếu loại anh hùng ca.

Xét trong văn cổ, chỉ có bài *Hịch các chiến-sĩ* của Trần-Quốc-Tuấn, bài *Văn tế trận vong tướng-sĩ* của Nguyễn-văn-Thành; trong thơ chỉ có ít đoạn tả Tì-Hải của Nguyễn-Du là có giọng hùng-tráng.

Đây là một đoạn trong bài *Hịch bắt hủ* :

Huống chi ta cùng các người sinh ở đời nhiều-nhương, gặp phải buổi gian-nan này, trông thấy những ngục-sĩ đi lại rầm-rập.

Ngoài đường, uốn lưỡi củ điều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ; lại cậy thế Hốt-Tất-Liệt mà đòi ngọc lụa, ỷ thế Văn-Nam-Vương để vét bạc vàng; của kho có hạn, lòng tham không cùng; khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau !

Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ, ruột đau như cắt, nước mắt đầm-đìa; chỉ căm tức rằng chưa được sả thịt lột da quân giặc, dầu thân này phơi ngoài nội cỏ, xác này gói trong da ngựa, thì cũng đành lòng.

(Bản dịch của Trần-Trọng-Kim)

Lời thâm-thiết, phẫn-khởi được lòng người chứ hùng thi chưa bằng những câu dưới đây của Nguyễn Văn-Thành :

Kể thời theo cơ địch, chạy sang miền khách địa, hăm-hở mũi nanh giữa vuốt, chỉ non tây thề chẳng đội trời chung; kể thời đón viết mao trở lại chốn sơ cơ, dập diu, vén cánh nường vầy, trông côi Bắc quyết thu về đất cũ.
(Trích trong Quốc văn trích diễm của Dương-Quảng-Hàm)

Hùng hồn nhất là những câu của Tổ-Như :

*Rầu hùm, hàm én, mây ngải,
Vai năm tấc rộng, thân mười
thước cao.*

*Đường-đường một đấng anh-
hào,
Còn quyền hơn sức, lược thao gồm
tài.*

*Đội trời, đạp đất ở đời,
Họ Tì, tên Hải, vốn người Việt-
Đông.*

*Giang hồ quen thói vẫy vùng,
Girom đàn nửa gánh, non sông
một chèo.*

.....

Dùng thể lục bát mà lời mạnh được như vậy là rất khéo; song hạng tân học chúng ta đã được biết ít nhiều văn thơ Anh, Pháp, vẫn chưa được mãn-nguyên, Vậy đối với nước nhà, lời của H. Blair cũng đúng nữa.

Gần đây, vài thi sĩ dùng những thể thơ khác, hoặc tám chữ, hoặc chín chữ, có câu mười hai chữ, và mượn phép hành văn của Âu,

sáng tác được những bài thơ rất
lợi cuốn. Thành công nhất là Huy
Thông và Nguyễn-Hoàng-Tur. Cả
hai gần đạt được cái hùng-vĩ. Tôi
đã có lần (trong cuốn *Luyện văn I*)
trích bài *Hạng Tích Than* của Huy
Thông, dưới đây xin giới-thiệu
một đoạn khác :

Giấc mộng đế-quốc của
Lê-Dại-Hành

Ta sẽ đưa binh Nam đi vùng vẫy
Khắp bốn phương trời nước mịt-
mù tăm !
Ôi ! bầu mệnh-mông chuyển động
tiếng loa gầm,
Tiếng gươm ca, tiếng trống hồi,
tiếng ngựa hí !
.. .. .

Binh Nam Quốc như hải triều kiêu
hãnh,
Sẽ cuốn theo, cùng cát phủ, cùng
mây nhanh, cùng gió mạnh,
Đồng Man-Di rải-rắc núi non Hời !
Rồi bóng khiên rợp mát bốn phương
giới,
Như thác nước cao văng thân
vĩ đại.
Quán xông-xáo tới bên bờ Thiên-
trúc hải...
Và co cương trên mảnh đất cuối
cùng nhỏ,
Đắm say nhìn biển vô tới Hư-vô !
Song thế-giới vô biên khi cúi đầu
khép nép,
Binh-sĩ ta sẽ cho là đất hẹp,
Ngọn trường thương không đủ chỗ
tung-hoành.
Vì muốn đủ tầm xa vút cánh bằng
nhANH,

Muốn sức kinh được tự do ngang
đọc,
Biển bao la với tầng trời không góc,
Cần mệnh-mông, cần bát ngát, cần
xa-xôi,
Như không gian, chỉ cảm thấy...
trong mơ thôi...

Và đây là một đoạn trong kịch
thơ *Trần-luy* của Nguyễn-Hoàng-Tur
đăng trong báo *Thanh-niên* năm
1944 :

(Theo thần-thoại Hi-Lạp, bán thần
Prométhée (Nguyễn-Hoàng-Tur dịch là
Lỗ-Minh-Tiên) thương loài người lắm
than, bèn ăn cắp lửa thiêng ban cho họ,
từ đó nhân loại mới có công nghệ và
văn-minh. Thần Jupiter (Lục-Di-Tiên),
vị chúa ở trên Trời, giận sai cột Lỗ
Minh-Tiên vào hòn núi giữa Châu-Âu và
Châu Á)

Lỗ-Minh-Tiên uất ức, nói một mình :
Lục Di Tiên, chúa bạo của trời cao cả,
Người chỉ là một thần hẹp dạ, nông
tâm.
Người dùng vũ lực thỏa-mãn tánh
ganh hiềm,
Người mong Lỗ Minh Tiên cúi đầu
thần phục ?
Lòng hiền ngang, ta không bao giờ
chịu nhục !
Ừ, Lục Di Tiên, người ngự - trị
muôn dân,
Người có quyền vô hạn với ngọn
sét thần,
Nhưng người không thể thắng nổi
lòng người nghĩa-sĩ,
Vì loài người, ta dám muôn vạn
khổ lụy.

(Thử cự động, vùng vẫy)

Than ôi ! Sắt vô tình đã trói thân
 ta !
 Thân ta như đề nặng dưới khối
 sơn hà !
 Trời hỡi ! Thôi ta còn mong gì
 vùn-vẫy !
 Gió than ôi, sao mi chưa dùng chổi
 dầy !
 Biển mịt-mùng trướng triều sóng
 gợn lăn-lăn,
 Sao mi chưa kéo nước ngập cõi đất
 bằng ?
 Sao mi không trợ lực cuồng phong
 bão tố,
 Dâng ngọn hải triều cho núi đồi
 nghiêng đổ,
 Đề cứu ta, vì thủy-tổ của văn-minh !
 Ôi, biển lặng, mây âm thầm, gió
 làm thinh ;
 Các người cũng vô tình như lòng
 chúa bạo !
 Kia chân trời nhẹ kéo làn sương mờ
 ảo.
 Thôi trời sắp tối ! Vũ-trụ sắp mờ-
 mông ;
 Và ta nghe gì ? Văng-vẳng nhạc
 thu không ;
 Dân đã trở về với chốn nông, lửa ấm,
 Duy ta sẽ bơ-vơ nhìn trời tối
 sẫm !...
 Trời hỡi ! Lòng ta tê-tái trước
 không-gian !
 Ta lại nghe gì trong gió bẽ mệnh-
 mang !
 Có phải chăng Lục Di Tiên đã buông
 sết
 Đề đánh cho non thần theo ta tiêu
 diệt ?

So với những đoạn của Nguyễn-
 văn-Thành, Nguyễn-Du thì hai
 đoạn này cảm-xúc mạnh hơn,
 tưởng-tượng dồi-dào hơn, chỉ tiếc
 lời chưa được đúc, nên ta thấy
 nhiều chữ thừa, nhất là trong thơ
 của Nguyễn-Hoàng-Tur. Tôi có cảm-
 tưởng như ông cố giữ cho mỗi câu
 đủ chín cước, mà lời hóa non.
 Chẳng hạn hai câu cuối có thể rút
 bớt lại thành :

Phải chăng Lục Di Tiên buông sết ?
 Đánh non thần theo ta tiêu diệt ?

..

Xét bài *Thục đạo nan* của Lý
 Bạch, với hai bài của Huy-Thông
 và Nguyễn-Hoàng-Tur, ta thấy văn
 chương Hoa, Việt ít có cái hùng-vĩ,
 không phải — như một số người
 Âu tưởng lầm — tại Việt-ngữ cùng
 Hoa ngữ thiếu tinh-cách hùng-hồn
 mà chỉ có tinh cách du-dương.
 Không. Lý do ở chỗ khác.

Trong chương *Tổng kết bộ Trung-
 Quốc văn học sử*, tôi đã đưa ra
 một nguyên-nhân là tinh-tinh của
 người phương Đông chúng ta ưa
 cái điều-hòa, cái tế-nhị hơn là cái
 hùng-vĩ. Tinh-tinh đó một phần do
 bẩm-sinh, một phần do giáo-dục.
 Hai dân tộc Việt, Hoa đều lấy nghề
 nông làm căn bản mà dân tộc
 chuyên nông nào cũng trọng sự an-
 nhàn, yên-tĩnh, không tìm những
 cảm-xúc mạnh. Lại thêm đạo Nho
 dạy giữ tinh-cảm được trung hòa,
 ghét những tư-tưởng quá khích,
 cho nên trong đời sống hàng ngày,

kẻ sĩ thường trầm-lĩnh, ít nói, và trong văn thơ, những câu gọn-gàng, hàm-súc được thưởng-thức nhất.

Ngoài nguyên-nhân về tính-tình đó, có lẽ còn một nguyên-nhân nữa là sức tưởng-tượng của người phương Đông chúng ta kém người phương Tây. Trong cả lịch-sử văn học Trung-Hoa chỉ có mỗi một nhà là Khuất-Nguyên mà sức tưởng-tượng cùng cảm-xúc phi thường, được nhiều nhà phê bình đặt vào hàng đệ nhất văn hào cổ kim. Ông gặp nghịch cảnh mà tâm hồn cao-thượng, không chịu a-dua, uất-hận viết thiên *Ly Tao* và bài phú *Hoài-Sa* rồi gieo mình xuống dòng nước

hồi mới ngoài ba chục tuổi. Nếu sống thêm ít chục năm nữa, chắc ông đã sáng-lác được nhiều thiên anh-hùng ca và đã thành một Homère của Trung-Quốc.

Ngày nay, chịu ảnh-hưởng của phương Tây, tâm-hồn ta đã thay đổi, loại văn thơ hùng tráng tất được trọng. Sau Huy-Thông và Nguyễn-Hoàng-Tư, chắc nhiều thi-sĩ muốn tìm hiểu nghệ-thuật các văn hào châu Âu để luyện tài về thể đó. Nghệ thuật đó ra sao chúng tôi xin thử phân-tích ở dưới đây.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Tập Niên Lịch Phật-Giáo

của

Hội Phật-Học Nam-Việt

Chúng tôi được tin *Tập-Chi Từ-Quang*, cơ-quan truyền-bá giáo-lý của Hội Phật-Học Nam-Việt sẽ xuất-bản trong dịp Tết này một tập phụ trương đặc san trong có phần lịch, lấy tên là « NIÊN LỊCH PHẬT GIÁO » MẬU TUẤT — 1958. Đặc-biệt của quyển Niên-Lịch này là theo đúng tinh thần nhà Phật, có ghi rõ các ngày khánh tiết, trai giới và chứa đựng nhiều tranh ảnh danh lam thắng cảnh trong nước.

Vậy xin giới thiệu cùng bạn đọc thập phương và Quý-vị tín đồ Phật-Giáo.

HỒ - QUI - LY

(1.336 — ?)

Một gương thất bại vĩ đại và đau thương

NGUYỄN-NGU-I

LỜI NÓI ĐẦU. — Bài này, chúng tôi đã sẵn sàng để đăng trong « BÁCH-KHOA » số 22, ra ngày 1-12-1957. Vì một lẽ riêng, chúng tôi phải đề đến số Kỷ-niệm đệ nhất chu niên.

Tự nó, bài này đầy đủ ý nghĩa; riêng các bạn mới của « BÁCH-KHOA » có thể xem lại bài mở đầu, đăng ở số 21, nói về :

« THỜI THẾ ẤY... », — « CON NGƯỜI ẤY... »

Những việc làm của con người ấy trong thời thế ấy

THỜI thế ấy là một thời thế đang đầy dân tộc ta lặn xuống hố. Thở dài, chép miệng than năm ba câu ưu thời mẫn thế gì đó, hay « nhủi đầu vào bụi dày », rút hồn vào câu kinh tiếng kệ, vào gió sớm mây chiều, điệu thơ sườn mướt, tiếng đàn hiu hiu, cái thái độ trốn đời, tránh việc, « xuôi dòng trôi xuôi », đó là thái độ thông thường của người thường, người yếu.

Hồ-Quy-Ly là một kẻ hùng. Thấy xe sắp đổ mà tin chắc rằng mình giữ xe lại được, rồi đưa khỏi khúc đường nguy để chạy bon bon trên

đại lộ phẳng bằng, tốt đẹp, con người ấy phải làm việc ấy.

Và Hồ-Quy-Ly xông vào.

Và, trước khi gạt phắt họ Trần tàn tạ, họ Hồ đã — trong hai mươi năm trời — tốn bao nhiêu là tâm trí, là cơ mưu, là khéo khôn, là quyết liệt để những ông vua bê tha nhu nhược nợ một mực tin dùng, để cả cái triều đình thái nát kia cho mình thực hành những điều cải cách, để cho cả dân chúng đau khổ nhiều vì tai trời, nạn nước, cắn răng chịu những xáo trộn, phiền hà không tránh được mà chưa chống lại, gươm cầm tay, và nhất là để lớp người không hiểu chí mình, ưa xưa sao nay vậy, chỉ thấy

chút lợi nhỏ trước mắt mà quên cái họa tày trời đang chờ đợi, để lớp người ấy chẳng thể hại mình, bằng lời hay bằng gươm giáo !

Ồi ! Đoạn trường ai có qua cầu ?

Hơn năm trăm năm qua, ta lật lại trang sử cũ, xét lại chương trình cải cách của Hồ-Quy-Ly cùng



những gì đã thực hiện được trong hai chục năm cầm quyền, một năm ở ngôi và sáu năm làm Thái thượng hoàng, ta không khỏi thán phục con người của thế kỷ XIV ấy, con người của một dân tộc bé nhỏ, bị Bắc-phương đô hộ hơn ngàn năm, và bị cảnh « học nhờ viết mượn », tuy bao phen vùng vẫy giành lại

được nền độc lập, nhưng tư tưởng thì vẫn tư tưởng ai, còn văn hóa thì chưa thoát khỏi dầm khợp của người chủ cũ.

Chương trình ấy với bao thực hiện ấy thừa sức để tự chúng biến họ hùng hồn cho Hồ-Quy-Ly : một kẻ chỉ biết có cái lợi ích-kỷ (thân mình, nhà mình, họ mình), một kẻ chỉ biết có hưởng thụ, thì lao tâm khổ trí làm chi nữa ! Cứ ì ra đó mà vui chơi, mà phá phách, mà tận hưởng, rồi sau đó, sống chết mặc bay !

Nhưng Hồ-Quy-Ly muốn sau đó, nước Việt phải Trường tồn, nòi Việt phải Vinh quang, nên họ Hồ — mặc cho tuổi lớn chất chồng, mặc cho trở ngại dập dồn — luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, thực hiện.

Dân đói.

Người lo cho dân phải đặt vấn đề ăn cho dân lên đầu. Quy-Ly, ngoài việc đem lại an ninh thật sự cho dân (dẹp nội loạn, dồn quân Hời xuống phía Nam), còn lo ngừa trước những cơn đói kém bất ngờ : mỗi lộ (1) dựng một kho Thương-bình, tức là kho trữ lúa của Nhà-nước ; xuất công quỹ mua lúa những lúc được mùa ; được mùa, tự nhiên là lúa nhiều và rẻ, song Nhà-nước mua lúa lúc bấy giờ chẳng phải để đầu cơ, trục lợi, mà để giúp dân, nâng đỡ hạng người tay lấm chân bùn : giá lúa rẻ, song

(1) Lộ : khu vực hành chánh lúc bấy giờ, như trấn, tỉnh, đạo.

Nhà-nước mua với giá cao cho dân nhờ ; rồi những khi giáp hột, hoặc những khi bị tai trời ách nước, lúa kém, thì lấy lúa vừa trong kho mà bán với giá rẻ cho dân, còn những nơi nào mùa thất nặng hay dân quá khổ vì những tai họa lớn lao, bất ngờ, thì lúa kia được đem ra phát không cho đám người xấu số.

Họ Hồ đã thân dân bằng việc làm, và đã áp dụng câu : « Cai trị là phòng trước », mà những nhà chính trị lão luyện mới nhận chân đầu hồi vài trăm năm sau thì phải.

••

Dân ăn no, mặc ấm, ở yên, nhưng rủi lâm bệnh nặng, bệnh nguy, thì Chánh-phủ có làm gì được chẳng ? Công cuộc cứu dân khi bệnh hoạn, nhà Trần lúc thịnh trị cũng có nghĩ đến rồi, song chưa có tổ chức, thành ra chẳng khác nào một công cuộc từ thiện, gặp lúc nào làm lúc ấy : dân nghèo mà đau đến xin thì được phát một ít gạo, một ít tiền, hai hoàn thuốc trị trăm thứ bệnh.

Hồ-Quy-Ly cho việc *lo sức khỏe cho dân* là một bổn phận của Nhà-nước. Không còn những cuộc « bố thí » một cách tài tử như trên kia, mà cũng không có những cuộc coi bệnh, phát thuốc ở at chỉ để quảng cáo như ta thấy sau này ở những nước mà Chánh-phủ mị dân. Quy-Ly không dùng những phương sách tạm thời, cũng không chịu những việc phỉnh phờ hay

phơn phớt mặt. Việc lo sức khỏe cho dân, với Quy-Ly, là một việc vĩnh cửu, sâu xa.

Các Quảng-tế-đường hay Quảng-tế-thự được lập ra để chăm lo cho dân đau yếu. Phải chăng họ Hồ đã đặt nền móng cho những nhà thương công cộng mà ta giờ gọi là nhà thương thí hoặc bệnh viện bình dân ?

Dân còn được lo như thế, nói chi là quân, những người dân được chọn đem sanh mạng mà giữ gìn đất nước, bảo vệ đồng bào, và khi cần, mở mang bờ cõi. Cùng với nhà thương dân sự, họ Hồ thành lập nhà thương quân sự ; những thầy thuốc giỏi, những nhà châm cứu có tài, đều được giao trọng trách điều khiển các cơ quan y tế.

••

Nước ta vốn là nước sống về nghề nông.

Việc ruộng đất giải quyết không hợp lý, thì khó mà êm ấm bên trong ; mà trong không êm ấm thì bão tố từ lòng dân dễ bề nổi dậy, và sóng gió từ ngoài được dịp cuốn cuộn dập vào.

Cuộc cải cách điền địa, cho nông dân vay tiền dài hạn, giúp bản nông tậu ruộng đất riêng của nước Cộng-hòa ta giờ đây, phải chăng là tiếp tục công trình của nhà độc tài Hồ-Quy-Ly, dở dang từ trên năm trăm năm trước.

Bên Tàu, xưa ruộng đất chia đều cho dân, theo phép « tỉnh điền » : chín phần bằng nhau, khu chính

giữa là ruộng Nhà-nước, tám khu chung quanh là ruộng tư nhân. Mỗi nhà làm mỗi khu và cùng bảy nhà khác chung sức làm khu công điền, hoa lợi khu này đóng cho Nhà-nước. Thế là trả công ơn cho Nhà-nước, còn hoa lợi tư điền thì hưởng trọn vẹn. Con trai đến hai mươi tuổi được lãnh trăm mẫu, nhưng rủi chết hoặc đến sáu chục tuổi, Nhà-nước lấy lại ruộng để cấp cho người khác. Vì thế, cảnh kẻ giàu ruộng đất có bay thẳng cánh, cảnh người nghèo không một tấc đất cắm dùi, là cảnh ít thấy. Sự giàu nghèo không quá chênh lệch như sau khi nhà Tần áp dụng phép « thiên mạch » của Thương-Ũng : người dân nào cũng được quyền tự-do khai khẩn ruộng đất, có sức bao nhiêu thì làm bấy nhiêu, có tiền bao nhiêu thì mở mang bấy nhiêu, không còn bị hạn chế như xưa. Cho nên nền kinh tế nông nghiệp thay đổi.

Nước ta đời Trần dân đã khá đông, châu thổ sông Hồng và sông Mã đã chật người, nạn nhân mãn và sự sống gay go bắt đầu rõ rệt. Không khéo kịp thời khoét lỗ mở lù, thì tức nước sẽ vỡ bờ, con ngụy chưa biết sao mà lường được. Nước hẹp, dân dư, đất đai tương đối có phần nghèo, phép « thiên mạch » áp dụng ở nước ta thế nào rồi cũng gây tai hại : kẻ giàu hoặc có thần thế sẽ giàu thêm, mạnh thêm, người nghèo hoặc yếu thế sẽ càng ngày càng nhà trống tay không. Chính quyền trung ương

suy nhược hay dung túng hà lạm, bất công, nước nhà gặp hồi rối rắm do loạn bên trong hay giặc bên ngoài, thì lòng tham tha hồ mở rộng, tình ác mặc tình hung hăng, đám dân lành thất thế, bần cùng bị bóc lột tận xương tận tủy.

Một người thiết tha đến tiền đồ dân tộc, có óc sáng suốt và thực tiễn như Qui-Ly chẳng thể đồng lõa với phường quý tộc và đại điền chủ mà phần đông không thức thời và thiếu lòng nhân đạo.

Ngay khi nhà Trần còn tại vị, họ Hồ đã mạnh bạo thực hành phương pháp *chia ruộng đất và hạn chế nhà giàu*.

Luật buộc những người có điền thổ phải kê khai số ruộng đất, để các quan địa phương đi kiểm đạc, ghi vào địa bộ, luật này được ban hành năm 1398. Năm năm phải xong. Những ai khai gian bị trọng tội ; những ai giấu giếm không khai thì sau năm năm, ruộng đất ấy bị kê là ruộng đất hoang, Nhà-nước lấy làm của chung và phân phát cho dân nghèo.

Qua năm sau, một luật khác tiếp theo, dung chạm mạnh quyền lợi thiết thực của lớp phú nông : ngoài hàng đại-vương và trưởng công chúa, không người công dân nào được làm quá mười mẫu. Số đất ruộng dư, ít nhiều gì cũng phải nộp cho Nhà-nước để chia đều cho những người không tấc đất. Sự cách nhau giữa giàu và nghèo nhờ thế mà không cách biệt quá.

Đề cho công điền được nhiều, — nhiều đề phân ra cho lớp dân xấu số — Qui-Ly cho phép những kẻ làm quan bị giáng và thường dân bị tội được chuộc bằng ruộng đất.

Lớp đại điền chủ bị thiệt thòi vì công cuộc xã hội này, mà bốn năm sau (1401), đến hạn con vua cháu chúa, cũng chẳng còn quyền tự do nuôi kẻ ăn người ở như xưa. Ruộng đất bị hạn chế, mà số nô tì cũng bị hạn chế : kẻ quyền qui tùy theo thứ bậc mà nuôi đầy tớ, không được quá luật pháp đã định.

Đành rằng trong sự hạn chế này, Hồ-Quy-Ly có ý phòng xa : e phường quý tộc có số gia nhân quá đông dễ bề âm mưu này nọ, lợi dụng để tổ chức nọ kia ; hạn chế gia đình, là một cách bứt lỏng chặt cánh họ. Nhưng thêm vào đó, ta còn thấy ý muốn nhân đạo của Quy-Ly : giải phóng một số người mà số kiếp tòi đời hoặc cuộc đời quá thiệt thòi khiến mất ít nhiều nhân phẩm.

Nói theo bây giờ, ta có thể cho rằng trước đây hơn năm thế kỷ, nhà độc tài họ Hồ đã tỏ ra tôn trọng thật sự nhân vị.

Đề ngăn nước mặn làm xấu ruộng nương, họ Hồ đốc suất dân chúng củng cố đề điều đã có, đắp thêm đề mới.

Nhưng đầu lo lắng cho dân đến đâu, cũng chẳng thể giải quyết hoàn toàn vấn đề : sao cho người cầm cày có ruộng riêng để mà cày. Nông dân không có chút ruộng đất riêng có khác chi con người thiếu linh hồn.

Như trên đã nói, dân ta một ngày một đông, đồng bằng sông Mã, sông Hồng và các phụ lưu đã « rán hết sức mình » mà chẳng đủ cung cấp cho số người sống chen chúc trên ấy. Miếng ăn hằng bữa mà chẳng đủ cho đám người cần cù kia thì nó là đầu dây mối nhợ bao rắc rối, bao hiểm họa về sau.

Di dân là điều cần, lại là việc cấp.

Họ Hồ bèn đẩy cái đà tiến về Nam thêm mạnh. Con đường sống còn của dân tộc từ ngàn xưa được Qui-Ly sửa dọn lại, mở mang thêm, thành sau này nó cứ theo cái trớn mạnh đó mà chạy cho đến mũi Cà-mau. Lại nữa, kẻ thù hùng hổ miền Bắc cứ lăm le xâm chiếm nước mình, thì người láng giềng hiếu chiến phương Nam đã làm khổ mình hơn một hạn cần phải loại ra khỏi vòng hiểm họa thường xuyên.

Lịch-sử mở mang bờ cõi của dân tộc Việt — *phải mở mang bờ cõi vì lẽ sống còn* — trước đã ghi một Lý-Thánh-tông với Địa-lý, Ma-linh, Bồ-chính (2), một Trần-Anh-tông, một Huyền-Trần công-chúa với « hai châu Ô, Lý (3) vương nghìn dặm », giờ lại ghi thêm một Hồ-Quy-Ly, khi dùng ngoại giao, lúc dùng quân sự, đem về cho đồng giống đất Chiêm-động và Cổ-lũy (4) để lớp dân thừa nhựa sống tràn vào lập nghiệp, thay thế cho người Chăm bản xứ đang độ tàn suy.

(2) Quảng-binh, Quảng-trị.

(3) Ô, Lý hoặc Ô, Rì : Thừa-thiên.

(4) Quảng-nam và Quảng-ngãi.

Chương trình thực dân đã được thi hành một cách có kế hoạch : để tiện cho dân di cư đi, để tiện cho quân lính di chuyển, để tiện việc tiếp tế binh lương, con đường thiên lý từ Tây-dô (5) chạy vào châu Hóa (6) được mở rộng ra, tu bổ lại. Đất mới có thêm, là dân không ruộng đất lần lượt kéo vào. Đám dân nghèo hay vô nghề nghiệp, muốn đổi cuộc sống hoặc thích phiêu lưu, ưa mạo hiểm này được khuyến khích — hoặc bị bắt buộc — đi lập nghiệp với vợ con, được ghép thành hàng ngũ, tập tành quân sự để khi cần, bỏ chuỗi cày, cán cuốc mà vác súng cầm gươm chống giữ mảnh giang san mới dựng.

Qui-Ly lại lợi dụng tánh ưa chuộng hư danh của con người muốn thuở mà thêm thêm sức đóng góp của kẻ giàu : ai có trâu bò hiến Chánh-phủ thì được Chánh-phủ ghi ân bằng cách ban tặng phẩm tước. Số trâu bò này để cung cấp thêm cho đoàn người đi mở đất.

Di dân là công cuộc dài hơi để chống lại cái nạn nhân mãn, song còn cái nạn trước mắt, thập thò ngoài cửa, cái nạn dường như đã thành dĩ nhiên : giặc phương Bắc.

« Ta làm thế nào có trăm vạn quân để đánh giặc Bắc ? »

Nỗi âu lo canh cánh bên lòng của họ Hồ đã bật thành câu hỏi giữa triều-đình. Họ Hồ quả đã biết người lắm vậy. Và cũng đã phòng xa.

Mà, nói như ai, hỏi tức là trả lời.

Qui-Ly trả lời bằng việc làm :

— sổ khai sinh ra đời, bắt phụ huynh phải khai tên con em khi được hai tuổi, và mọi người dân phải ghi tên vào sổ, những người đi buôn bán xa phải về nguyên quán để khai, ai trốn tránh thì bị phạt nặng. Nhà-nước nắm trong tay sổ đinh rồi, thì khi cần, gọi người nhập ngũ là điều dễ và dễ có kết quả mỹ mãn : nhờ vậy mà về sau kiểm lại, dân số và quân số tăng hơn trước rất nhiều.



Quân đông, luyện kỹ, còn phải có khi-giới nhiều và tốt. Bốn kho lớn được cất lên để chứa binh khí do những xưởng công binh rèn đúc ; thợ khéo giỏi khắp nước được tuyển vào những xưởng này để chuyên việc rèn gươm chế súng.

(5) Ở Thanh-hóa.

(6) Thừa-thiên.

Binh bộ chia làm đại quân, trung quân, doanh, đoàn, đội, vệ, kỷ luật nghiêm minh, khí giới đầy đủ.

Binh thủy được tổ chức kỹ càng ; đặc biệt là những chiến thuyền lớn do Qui-Ly sai đóng : thuyền to này ở trên có sàn, dễ dễ bề day trở, dưới để cho thủy thủ chèo chống, sự chiến đấu nhờ thứ thuyền mới này mà tiện lợi hơn trước nhiều.

Họ Hồ lại còn lo phòng ngự các cửa biển và những chỗ hiểm yếu ở các con sông lớn : sai đóng cọc gỗ để chặn quân giặc tiến vào nội địa theo đường thủy.

Rồi nào đắp Tây-dò để thủ hiểm, nếu Đông-dò (7) có mất thì dời vào, nào đắp thành Đa-bang ở tỉnh Sơn-tây, từ đó lập đồn ải chạy dài ở phía Nam sông Thao, sông Cái, đóng cọc giữa sông, rồi ra lệnh cho dân chúng Bắc-giang, Tam-dải dựng nhà sấn, ở phía Nam sông lớn ; hệ giặc đến là dời chỗ ngay để lánh giặc, rồi cho phép các vị công hầu được mộ lính giúp vào việc chống địch.

Có người đời sau cho rằng nước ta không lúc nào được phòng thủ kiên cố như đời Hồ, tưởng chẳng phải là lời nói ngoa.

∴

Lo cho dân giàu, nước mạnh, xã-hội tiến lên đến chỗ công bình, bao nhiêu đó cũng đủ nêu cao thiện chí và tài năng của con người có óc cách mạng là Qui-Ly. Nhưng

những mặt khác của đời sống quốc gia cũng được họ Hồ đặc biệt chú ý. Ta hãy xét về mặt *tài chánh*.

Muốn công-quĩ được dồi dào để xúc tiến những việc công ích, họ Hồ lập nhiều thứ thuế, hoặc sửa đổi lại những thuế đã có mà chưa hợp lý : ngoài thuế ruộng đất, chủ các thuyền bè đi buôn bán, những người khai thác rừng rú hoặc hầm mỏ, đều phải chịu thuế cả. Thuế đinh thì căn cứ vào diện tích ruộng, (trước, thuế đánh đồng đều cho cả mọi người). Bần nông, cô nhi, quả phụ đều được miễn thuế. Đặt chức giám thị để chăm nom việc bán buôn, bán hành luật thương-mại, qui định đồ đo lường : cân, đấu, thước.

Đã nói đến công cuộc cải cách của Qui-Ly về tài chánh thì không thể nào chẳng nhắc nhở đến sáng kiến *phát sanh tiền giấy* của họ Hồ, ý nghĩ về việc này, trước kia — cách họ Hồ trên ba trăm năm — tể tướng Vương-An-Thạch (1021 — 1086) đời Tống bên Tàu đã từng có, song thực hành là hoàn toàn thất bại. Họ Hồ — may mắn hơn hay tài ba hơn — đã thành công trong việc này. Mà sau này — cũng cách họ Hồ trên ba trăm năm — bên trời Âu nhà kinh tài John Law (1671 — 1729) lại thất bại thảm thương trong một việc làm tương tự.

Thời bấy giờ, an ninh không có, trật tự chẳng còn, dân chúng nom nớp cho ngày mai của mình : của

(7) Thăng-long.

liền đánh đục tiền fan hay vào tay kẻ khác một cách ghen ngào. Chôn sâu, giấu kỹ, lo xa như thế chẳng riêng gì ở nước ta, lối năm trăm năm về trước, mà bất kỳ ở phương trời nào, và tháng năm nào. Và cũng chẳng riêng gì thường dân, cả những kẻ quyền quý, và ngay nhà vua cũng chôn, cũng giấu như ai (8). Sử còn ghi việc vua Trần-Phế-đế đem chôn kho báu trên núi Thiên-kiên.

Tiền bạc trở nên khan, thì nền kinh tế lâm nguy tức khắc. Cần phải đối phó cấp tốc, quyết liệt.

Những đạo luật khắt khe được ban hành liền. Ai bị bắt được quả tang chôn giấu bạc tiền sẽ bị tử hình.

Hơn thế nữa, năm 1396, tiền giấy được phát hành. Lắm người — nhất là người đương thời — vội cho là Hồ-Quy-Ly quả túi tham không đáy, « bày đặt chuyện » để vơ vét của dân ; có biết đâu đó là một phương sách thần diệu để làm giàu công quỹ, gián tiếp đánh đổ cái tật giấu chôn (rất chính đáng đối với dân, nhưng rất nguy hại đối với nước) : một lượng vàng, một nén bạc quý giá hơn, đáng được nâng niu, gìn giữ kỹ càng hơn là một tờ giấy bạc có giá trị tương đương ! Và tiền giấy được lưu hành mạnh thì kinh tế mới thịnh vượng, đời sống của quốc gia và của dân mới vững chắc. Đó là không kể những tiện lợi rõ ràng của việc dùng tiền giấy, mà nay không nước nào xứng với hai tiếng văn minh mà chẳng nhận.

Và giấy bạc do Nhà-nước phát hành ấy, đóng dấu rồi phải tiêu dùng thay thế cho tiền đồng. Tiền đồng phải nộp Chánh-phủ. Ai chê bai, không nhận : ở tù ; ai giấu giếm tiền đồng, ai làm giấy bạc giả : chết chém.

Nhìn vào tờ giấy bạc Cộng-hòa, in hình con chim Lạc, con Rồng, em bé chăn trâu, người cày sâu, kẻ cuốc bẫm, chiếc ghe còn đậu, mái nhà chờ ai, chúng ta sao khỏi nhớ : hơn năm trăm năm chực chờ về trước, nước ta đã có những thứ tiền giấy :

- rêu biển, ăn 10 đồng tiền
- con sông, — 30 —
- đám mây, — 1 tiền
- con rùa, — 2 —
- con lân, — 3 —
- con phượng, — 5 —
- con rồng, — 1 quan

Chúng ta sao khỏi ngùi ngùi, nghĩ rằng năm thế kỷ rưỡi trôi qua, chúng ta phải đợi người thực dân Pha-lang-sa từ vạn dặm sang chiếm nước ta, bóc lột dân ta, và ép buộc ông cha chúng ta... dùng tiền giấy, cho đến ngày nay.

Ở nước Việt, phải chăng chẳng có việc gì mới, lạ ?

(8) Giữa thế kỷ XX chúng ta đây, ta còn được thấy « không gì mới lạ dưới mặt trời » : tiền bạc gởi trước qua các Ngân-hàng của những nước trung lập, thật trung lập, hoặc biến thành đồn điền của những nước xa, thật là xa.

Và giờ, nhìn những chữ :

« Hình luật phạt khổ sai những kẻ nào làm giả mạo giấy bạc do ngân hàng quốc-gia phát ra »,

những bạn nào từng sống vùng Nam-Ngãi - Bình-Phủ chẳng hạn, trong thời giành độc lập vừa qua, đã được nghe hoặc thấy những vụ xử tử hình những kẻ phạm tội làm tin phiếu giả, hẳn chẳng còn choán tâm hình mà Qui-Ly ban cho những kẻ làm giấy bạc giả là vô nhân đạo : hơn năm trăm năm chực năm về trước, trong tình thế ấy, lần đầu tiên tiền giấy ra đời...

Thị uy, khi cần, cần cho nghĩa cả, chút máu chảy, không thể không dừng.

Thị uy, khi chẳng cần, hay chỉ cần cho hả chút hơi riêng, thỏa con giận nhỏ, một chiếc đầu rơi là mộtбет máu bầm ấn sâu trán hẹp.

☆

Chúng ta càng cảm mến con người lắm tài, nhiều việc ấy, khi họ Hồ, tuy độc tài thế — mà không độc tài có được cho chăng? — mà còn đề ý tìm hiểu nguyện vọng của dân cùng cách cai trị của những kẻ « dày tớ dân ».

Nhưng hơn những điều ta nghe thấy ở thời nguyên tử này, không có những hội nghị lớn, nhỏ, ngày, đêm, nơi đó người ta nói nhiều mà dân lành giữ kín những gì mình ghét hay yêu, không có những cuộc thanh tra rầm rộ, trên giấy tờ hay tại công sở, mà sự thật được che lấp hay phết sơn.

Nhà độc tài cương quyết của chúng ta, thời ấy, đã đặt tai gởi mắt mình cùng khắp : tổ chức những đoàn « thơ sinh mặt trắng », những đoàn « quan thiếu, hay mất cơ quan sinh dục » đi lẫn vào dân chúng, đến sát cửa quan quyền, lắng nghe bao lời xầm xì, lắng thấy lối làm việc, tư cách của hạng thay mặt vì Thiên-lũ; về kinh, họ báo cáo lại, kể tự cho mình thay mệnh Trời diu dắt dân sẽ lấy đó để làm cái chuẩn, cái đích mà thưởng, phạt, giáng, thăng, sửa, đổi, bớt, thêm, ngầm nghĩ...

☆

Lo giữ nước : cường bách tòng quân, chế tạo binh khí, tích trữ lương thực, tập rèn binh sĩ, đắp lũy xây thành, cất đèn đóng cọc... ;

Lo an dân : di dân lập ấp, hạn chế nhà giàu, lập kho chứa thóc, làm nhà thương chung, phân ruộng chia đất, ngăn nước mặn tràn, kiểm soát quan lại chặt chẽ và bí mật, phát hành tiền giấy cường bách và mau lẹ ;

Người sau nỡ nào xô người đầu bạc, tâm can nát ngấu như tương kia vào vách tường dày, rồi dấn vào ngực ai : « Quân tham lam ! » « Đồ ích kỷ ! » « Đứa gian hùng ! »

☆

Kẻ bị một số người — số không phải nhỏ — đồng thời và hậu bối quăng vào mặt, ném xuống mồ những tiếng đòn đau kia, kẻ ấy dù sao cũng hơn hẳn kẻ đương thời và chẳng thua kẻ đến sau, (cả kẻ đến sau đến nửa thiên niên kỷ) ở vài điểm :

Tin ở tài mình, tin ở sức sống của giống nòi, cả chống lại sự nô lệ dưới mọi hình thức, và nhất là cả chống lại sự nô lệ về tư tưởng.

Mà cái nô lệ này mới đáng sợ biết bao !

Mất độc lập về chính trị, người dân cam tù túng, mất độc lập về kinh tế, người dân đành khốn khổ, nhưng tư tưởng mà bị « đè đầu cỡi cổ », thì quốc hồn, quốc túy, quốc tộ phải tiêu ma, và họa diệt vong đứng hờm đầu đó sẵn. Đó là nói trường hợp tư tưởng bị đè đầu cỡi cổ », còn nói chỉ trường hợp « tự mình dút cổ chui đầu vào vực thẳm, » hay « có cơ thoát khỏi hố sâu mà chẳng chịu tho đầu nghênh cổ. »

Kinh nghiệm thời Bắc-thuộc hẳn đã làm họ Hồ lúc bấy giờ — và cả chúng ta thời này nữa — giật mình.

« Chính sách cai trị khôn ngoan, vừa thôn tính nước ta xong, đã đem lễ nghi phong tục Tàu sang truyền bá, và đầu đầu cũng mở trường dạy văn hóa Tàu. Học với Tàu, sống theo Tàu, nhiều người Việt cơ hồ đã thành Tàu mất rồi » (9).

Và vì vậy, mà chúng ta càng thương họ Hồ biết mấy ! Chỉ quật cường, sức bất khuất của nòi Việt kết tinh nơi Qui-Ly, dám chời nầy lợc với Người, đã rõ rồi, đã tàn rụi với cuộc trần ngập và thâm nhập của tướng sĩ Tàu, của văn hóa Trung-hoa.

Tinh thần độc lập và quyết chẳng « học nhờ viết mượn » đã bộc lộ rõ ràng từ khi còn làm tòi nhà Trần. Nhận gương và cớ đo

Nghệ-tông ban thưởng, có chữ đề : « Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức » (10) Qui-Ly không như vua mượn chữ nước người trong khi nước mình đã có chữ, mà thảo một bài thơ chữ Nôm dâng lên tạ ơn vua. Phải chắc lòng thương của vua, phải tin ở lẽ phải việc mình, mới dám có một hành động cách mạng như thế, và ngay giữa Triều đình vốn thủ cựu đến ươn hèn.

Khinh ghét lối học từ chương, Qui-Ly quyết tâm mở đường khai lối cho thực học. Quyết xây nền quốc học, họ Hồ thực hiện nhiều điều đặc biệt.

Năm 1383, lập thư viện trên núi Lan-kha để thu thập sách vở bị thất lạc khá nhiều trong mấy năm loạn lạc ; giao Trần-Tông làm trưởng viện để tìm tòi, sắp xếp, giữ gìn sách và đào tạo học trò. Sau lại cho tìm gia phả các họ trong nước (1400).

Lập thư viện là việc lâu dài và lo xa, chọn nhân tài để phụng sự đất nước quê hương, theo tinh thần mới, là điều cần tức khắc.

Năm 1396, bỏ môn viết mò văn cổ trong các kỳ thi.

Năm 1404, sửa đổi phép thi : thêm môn viết tập và môn toán.

Điều ít thấy, thi sinh trúng tuyển rồi còn phải qua một kỳ thi cuối

(9) Quách-Vũ. — « Công đức Trưng-vương », tuần báo « Thanh Niên », số 26, ngày 26-1-1941.

(10) « Nghề văn nghiệp võ tài hoàn toàn, Vua tôi cả hai cùng có đức ».

cùng, đề thi chính họ Hồ ra, đề định bậc thấp cao.

Nhưng, với Quí-Ly, chọn nhân tài, chẳng phải chỉ có đường khoa cử. Kể học giỏi, có tài được tiến cử vào triều. Tờ chiếu sau đây, là con đẻ của họ Hồ, và tiếng « Trẫm » ta có hiểu là Quí-Ly, cũng không sai cho lắm (chiếu ban năm 1397, Trần-Thuận-tông)

« Đòi xưa, nước có nhà học, ở thôn vắng có nhà tự, ở xóm có nhà trường, là để mở mang giáo hóa làm cho tốt phong tục vậy. Ý của Trẫm hàm mộ lắm. Nay thể chế ở kinh đô nước ta đã đầy đủ, mà ở châu huyện còn thiếu, thì biết lấy gì để mở rộng đạo cho dân ru ? Bằng nay ở các lộ Sơn-nam, Kinh-bắc, Hải-dông, mỗi phủ đều đặt một học quan, ban cho ruộng công có thứ bậc : châu và phủ nào lớn mười lăm mẫu, châu và phủ vừa mười hai mẫu, châu và phủ nhỏ mười mẫu để cung vào việc chi dụng dạy học ở miệt mình (một phần làm lễ cáo ngày mừng một, một phần việc học, một phần sách và đèn). Các quan ở lộ phải đốc sức học quan dạy dỗ học trò, để cho thành tài nghệ. Mỗi cuối năm phải chọn kẻ học giỏi tiến vào triều. Trẫm sẽ thân ra thi và cất dùng làm quan ». (11)

Sau này, sáng lập triều Hồ, Quí-Ly dùng hẩn văn quốc âm để làm sổ, biểu, công văn, sắc, chiếu. Dân gian có mù chữ nghe đọc lên là đủ hiểu Chánh-phủ nói gì, chẳng mang thêm cái bệnh « điếc chữ » nữa, chẳng cần nhờ ai dịch lại.

Phải chăng những sắc chiếu này là những bài văn xuôi trước nhất của một nền văn chương hoàn toàn Việt ?

Quí-Ly còn nâng cao thứ chữ do người Việt sáng chế để ghi tiếng Việt : lần đầu tiên, tiếng nước nhà được dùng để diễn dịch một lối văn khó nhất là triết học.

Thiên Vô-dật trong Kinh-Thư được họ Hồ dịch để dạy vua Trần-Thuận-tông (năm 1394), thiên này là một thiên nói về chính trị và văn học.

Hai năm sau, Kinh-Thi lại được dịch và giảng giải ra quốc văn, cho các cung phi học tập. Một việc đáng kể : bài tựa của Chu-Hi bị bỏ, họ Hồ thay nó bằng một bài tựa khác của chính mình viết, và những lời chú, lời giải là của riêng mình, chớ chẳng bắt chước Chu-Hi. Làm thế, họ Hồ đã tỏ mình không chịu nô lệ cổ nhân, dù cổ nhân đó đã được tôn sùng từ bao thuở và đã

(11) Nguyễn-Đổng-Chi. — « Việt-Nam cổ văn học sử ».

Nguyên văn :

« Cổ giả quốc hữu học, đẳng hữu tự, toái hữu trường, sở dĩ minh giáo hóa, đôn phong tục dã. Trẫm ý thậm mộ yên. Kim quốc đô chi chế dĩ bị, nhi châu huyện thượng khuyết, kỳ hà dĩ quảng hóa dân chi đạo tại ? Ưng kim Sơn-nam, Kinh-bắc, Hải-dông, chư lộ, phủ, các trí nhất học quan, tứ quan diên hữu sai, đại phủ châu thập ngũ mẫu, trung phủ châu thập nhị mẫu, tiểu phủ châu thập mẫu, hẩn dĩ cung bản học chi dụng (tạo sóc nhất phân, học nhất phân, thư đẳng nhất phân). Lộ quan đốc học quan giáo huấn sinh đồ, sử thành tài nghệ, mỗi tuế qui tắc tuyên trí giả cống vu triều. Trẫm tương thân thí nhi trạc chi yên. »

được người đời xem là « bất khả xâm phạm »; làm thế, họ Hồ đã tự lãnh trách nhiệm mình trước lịch sử văn học. Thái độ tự trọng và thẳng thắn ấy, vào thời đó, quả là một thái độ hiếm có, làm vinh diệu cho người, cho nước.

Càng vinh diệu hơn nữa là trong thời đạo Khổng được độc tôn, Quí-Ly tung ra quyển « Minh-đạo » (1392). Mười bốn thiên trong sách này đã được những lời ngợi khen nồng nhiệt của Trần-Nghệ-tông, thì cũng bị những lời bác, chê nặng của một số đồ đệ trung thành của đạo Nho — một đạo Nho đã bị học giả đời Tống làm sai phần nào, nếu không xuyên tạc —

Chẳng những nhà học giả khác thường là họ Hồ ấy mạnh bạo lên án những Hàn - Dũ, Trình - Hạo, Trình-Di, Chu-Tử v.v. (nhà Nho ăn trộm, học rộng mà tài sơ, chuyên môn cấp lột văn chương tư tưởng của người đời trước, mà chẳng chú trọng đến sự thật) mà còn dám ngờ cả đức Khổng-Khâu. Họ Hồ ngờ hẳn điều sau đây trong «Luận-ngữ»:

1. — Khổng-tử ra mắt nàng Nam-tử ;

2. — Khổng-tử bị tuyệt lương ở nước Trần ;

3 và 4. — Công-Son-Phật-Nhiều, Phật-Bật triệu, mà Khổng-tử muốn theo.

Cuốn « Minh-đạo » đã bị quân Minh đem về cõi u minh, nên chúng ta đành chẳng biết bốn điều nghi của Quí-Ly căn cứ vào đâu, lý luận thế nào để có thể cho rằng đúng hay không, phải hay quấy.

Song chỉ nội cái tinh thần hoài nghi trong học thuật, cái dám « hạ bệ » những oai quyền tinh thần cổ cự cũng đủ cho sách sử ghi tên.

Suy nghiệm, phán đoán, soi sáng tỏ hay bác bỏ đi, họ Hồ có gần những đức tánh căn bản của một nhà học giả chân chánh thời nguyên tử.

Giới thiên môn cuối đời nhà Trần đã sa đọa lắm rồi, Hồ-Quý-Ly mạnh tay thu dọn cửa Phật. Năm 1396, lệnh ra, bắt những sư tăng vào chùa gõ mõ tụng kinh mà chưa đến năm mươi tuổi phải trở về sống đời công dân như thiên hạ. Còn trên năm mươi tuổi, thì phải thi, có thông kinh giáo thì mới được giữ áo cà sa và được trao cho các chức đặt cho hàng tôn-giáo.

Dùng quốc tự, trọng quốc văn, dựng nền quốc học..., tiếu thay, họ Hồ mang gông cùm theo quân cướp nước về Tàu, là ngọn đuốc tự cường về văn hoá, độc lập về tư tưởng tất phụt ; mãi năm trăm năm sau, tinh cờ của lịch sử khiến người dò họ tự trời Tây đến vô tình giúp và gọi ta phải kêu lại ngọn lửa thiêng kia đã không tỏa sống tự mười đời.

Sáng kiến, cả gan của họ Hồ quả là một sự kiện lịch sử mà ta có thể bảo rằng « trước không, sau chẳng ».

Ngàn năm mới có một thuở, thuở ấy vừa vươn lên không may bị gãy, thì hận để lại đáng là một hận dài muôn thuở.

(còn tiếp)

Tân-phong-hiệp, ngày Chiến sĩ trận vong, năm Đinh-Dậu (1957).

NGUYỄN-NGU-Í



NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI (1)

PHẠM-HOÀNG-HỘ

Theo ý muốn của tác-giả, Ông Phạm-hoàng-Hộ, Thạc-sĩ Vạn-vật-học, Phó Giám-đốc Hải-học-viện Nha-Trang, những chữ có gạch-nối trong bài này, đều in dính lại với nhau.

VẤN ĐỀ gốc tích loài người là một câu hỏi, nói theo các nhà lâm báo, đã làm « chảy không biết bao nhiêu mực và hao không biết bao nhiêu giấy » và đã gây không biết bao sự tranh luận vô cùng sôi nổi. Thuyết DARWIN ra đời gặp gió, gặp bão cũng vì đã động tới nó, và chứng tỏ, mặc dù không viết ra, rằng thủy tổ chúng ta là thú. Nhưng than ôi ! nó cũng như vấn đề sinh vật tiến hóa, một vấn đề vĩ đại, mà nay ta chưa giải quyết xong. Mặc dù chúng ta biết rằng chúng ta cũng do thú mà ra, nhưng khoa học hiện tại chưa vạch rõ rệt, chắc chắn, tông môn chúng ta.

Trước hết chúng ta hãy xem vị trí của chúng ta ở giữa sinh vật.

Trong sự phân loại động vật thì chúng ta thuộc về bộ tứ thủ chung với khỉ,

vượn, lười vượn, hồ hầu, phủ hầu, v.v... Chúng ta không xa các loài khỉ hơn các loài khỉ với nhau nhiều. LINNE xưa, không khi nào nhìn nhận rằng loài người do khỉ mà ra, nhưng đã sắp người và khỉ vào một giống Homo ! Mà thật, không có con thú nào giống ta hơn là các khỉ, nhất, là các khỉ nhân hình (không đuôi). Con lười vượn, tên Pháp là « orang outang » do một tiếng Mã lai : orang nghĩa là người, outang nghĩa là rừng : orang outang nghĩa là một thứ người riêng ở rừng.

Ở thần thoại ta thiếu gì chuyện, trong đó chúng ta cho các khỉ một sự thông minh không kém ta : « Tề thiên đại thánh » đã náo động cả bầu trời, đến Ngọc hoàng

(1) Trích sinh vật Tiến hóa sắp xuất bản.

còn phải sợ ! Ở chỗ khác quanniêm của chúng ta gần giống như quanniêm của một số đông các nhà có đạo Thiềncửa xưa, cho rằng loài khỉ là do người, vì phạm tội lỗi mà bị thối hóa vào lớp khỉ. Tỉ như trong truyện « Phú TrưôngGiả » khỉ xưa kia là một Phú Ông, vì ăn ở không lành mà bị Đức Phật cho biến thành khỉ ; đit chai là vì ngồi phải vào một viên đá nóng ! Tóm lại, ở thầnthoại và cồitich ta, các loài khỉ được đề gần loài người hơn cả.

Xét lại như thế không có gì là hoàntoàn trật cả. Loài khỉ là những sinh vật khôn nhưt của các thú, hơn chó, ngựa, mèo v.v... Nhất là với mây khi nhàn nhinh : khỉ đột, lười ười, hầctinh tinh, « tam đại » của các thú.

Các mẩu chuyện lý thú, có thật chớ không phải cồitich, về chúng, nhiều không kể xiết. Các bạn chắc ai cũng thừa biết, tôi chỉ kể vài câu chuyện trội nhất của những khỉ danh tiếng.

Như ở Anh vào năm 1920, cô CUNNINGHAM có nuôi một con khỉ đột tên là JOHN DANIEL. Nó được cồ cứng lắm và nuôi nấng như một đứa trẻ : có một phòng riêng, tối ngủ có một cái giường. Mà thật chudáo như thế không ưỡng. Nó rất khôn. Ngủ biết đắp mền và nằm gối, ăn biết dùng muỗng như ai, sáng thì trangđiểm dằghoàng ở một cái lavabô, khi vào phòng, trời tối biết thắp đèn điện, khi ra biết tắt. Vì sự khôn bất thường của nó nên đã có ghi vào « sở động vật học » (Zoological Society) những bài luận văn viết hết sức ngộ nghĩnh.

Nó sống như một công dân văn minh dằghoàng. Khi đến giờ ăn, chuông reo thì nó đi vào phòng ăn, kéo ghế ngồi và trong bữa ăn giữ cử chỉ chỉnh tề, ăn từ từ không hấp tấp một tý nào, ăn xong biết xỉa răng bằng một cái tăm. Nó cũng

như khỉ khác ưa uống nước, nó có một cái tách riêng của nó, tự nhiên là nó mau biết xỉa các vôi nước và tách không xaxi, uống xong khóa lại kỹ càng.

Còn biết bao chuyện khác không kể xiết, chứng tỏ rằng nó không phải là cái máy tự động. Có chuyện này làm cho ta hầikinh. Một ngày kia cô CUNNINGHAM đang trangđiểm đề đi viếng một người bạn. Cô mặc một cái áo dài màu tươi. Như thường lệ, Daniel muốn leo lên bắp về cô mà ngồi. Cô sợ bắp áo mới lấy tay xê nó ra và nói « không ». Daniel ta bẽn nằm xuống đất mà khóc như một đứa trẻ. Nhưng không lâu, anh ta suy nghĩ ra rồi. Có mình không cho ngồi là sợ bắp áo đi. Tức khắc nó trông quanh phòng và gặp một tờ báo, chụp lấy và chạy lại trái lên đầu gối cô, xong leo lên ngồi ! Thế là nó đã suy ra tại sao cô không cho nó ngồi, mà suy ra như thế, tài tâm lý của nó cũng phải tương tự như của ta !

Theo giáo sư BOULENGER thì Daniel là một con khỉ có trí khôn trội hơn cả loài ; so với đồng loại nó cũng như một vĩ nhân trong xã hội loài người vậy.

Nhưng các con thường cũng không kém gì lắm. Ở vườn bách thú New-York (Mỹ) có nuôi rất nhiều lười ười. Mỗi buổi sáng người gác mở khóa chuồng vào quét hay cho ăn. Các con lười ười tự nhiên đã biết cửa ở chỗ nào nhưng nó mở không được. Sau rớt, có lẽ nó hiểu là tại vì có khóa, và khi thấy người gác dùng chìa khóa để mở cửa nó đứng im xem và trông ra chiều suy nghĩ rất lâu. Bỗng một ngày kia, nó lấy đầu được một miếng cây hình vóc cỡ cái chìa khóa và xấmxấm lại ống khóa dằg mở. Không còn nghi ngờ gì nữa là anh ta đã biết rằng phải có một cái chìa như vậy thọc vào thì cửa mới mở ra và ta mới có thể thoát khỏi cái ngục cũi túng này !

Nó rất bền chí và tìm đủ cách để mở khóa với khúc cây của nó.

Một con lườiười khác ở Luândôn, nhờ một lỗ thủng của chuồng, đã vượt ngục được. Nhưng thoát khỏi ngục lại lọt vào một gian nhà kín mít. Trông kỹ lại có cái cửa sổ bằng kiếng, hy vọng vẫn còn. Bận thử nghĩ coi nó làm thế nào để ra? Lấy tay mà đập, chạy thật nhanh mà phóng vào, tất phải được. Nhưng đó không phải là thuởng sách, vì có lẽ sẽ đau đớn đứt tay hay trầy mình lắm. Các con thú khác thì đã chịu như vậy rồi (tỉ như một con beo ở vườn bách thú Pháp), mình lắm ra sao thấy kệ nhưng được tự do. Còn lườiười không biết tại sao lại có kinh nghiệm cao như thế: nó tìm mãi ở trong phòng đầu được một chậu bông, vứt bỏ cây đi, cầm cái chậu mà vứt ra cửa sổ. Kính bể tung ra và anh ta thủng thủng đi, không mất một cọng lông.

Ở các gánh xiếc ta còn gặp nhiều con khỉ làm nhiều trò tài tình như đi xe đạp, đóng đinh, rửa chén, quét nhà, đánh diêm hút thuốc v.v... Xe ba bánh thì chỉ cần ba buổi học là nó biết đi rồi.

Trí nhớ của chúng cũng nẩy nở. Nhiều con lườiười sau sáu tháng vẫn còn nhớ những điều mà chúng đã học. Nó có thể nhớ mặt những người quen xa cách một năm.

••

Xem thế, làm sao phân biệt loài người với các khỉ? Chỉ là một vấn đề lượng à? Người ta muốn cho đó là một vấn đề phẩm, nghĩa là loài người khác hẳn

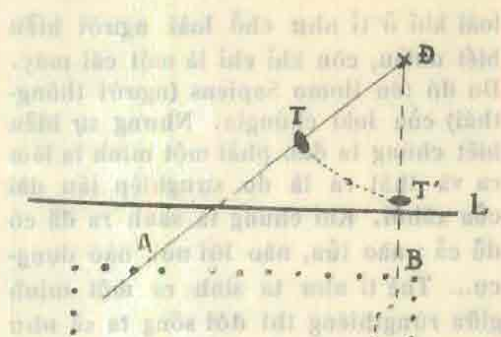
loài khỉ ở tỉ như chỗ loài người hiểu biết nhiều, còn khỉ chỉ là một cái máy. Do đó tên Homo Sapiens (người thông thái) của loài chúng ta. Nhưng sự hiểu biết chúng ta đâu phải một mình ta làm ra và thật ra là do sự nghiệp lâu dài của xã hội. Khi chúng ta sanh ra đã có đủ cả; nào lửa, nào lời nói, nào dụng cụ... Thế tỉ như ta sinh ra một mình giữa rừng thiêu thì đời sống ta sẽ như con khỉ và tròn đời ta, chưa chắc lúc đó ta sẽ khôn ngoan nhiều hơn. Người ta tìm được các đũa nhỏ do thú nuôi: chúng ăn thịt sống, tru, hú chớ không biết gì cả. Không, những sự hiểu biết của ta chỉ là một sự bắt chước. Vậy thì không thể lấy sự hiểu biết của ta để làm tiêu chuẩn của sự cao cấp được, vì ta chỉ nhờ đứng trên vai các tiền nhân ta mà trông thấy xa chớ thật ra không phải vô cùng cao đâu. Đó là nhờ ta có trí nhớ. Song trí nhớ thì sinh vật nào lại không có? Và rất nẩy nở ở khỉ như ta đã thấy.

Tiêu chuẩn có lẽ là óc chế biến. Người ta cho là loài người có cái tên người — thật sự người — là từ khi mà người biết dùng dụng cụ. Và người ta muốn cải tên khoa học của con người lại: thay vì Homo sapiens, người thông thái, phải gọi là người chế biến Homo faber (Bergson). Khỉ chỉ là một con vật chuyên môn bắt chước như một cái máy chớ không biết xài dụng cụ, chế tạo cái gì cả.

Nhưng cái đó không lấy gì làm chắc cho lắm. Ở các nhân hình, nhất là ở con hắc nhân tinh, chúng ta có nhiều ví dụ làm cho ta kinh ngạc về sức ứng biến của chúng.

Danh ngôn, danh lý trong số này gồm những
« câu nói hiền ngang »

đề cao « nhân phẩm »



Con hắc tinh tinh ở trong lồng; AB là hàng song sắt. Với tay nó có thể thò tay ra ngoài và lấy những món ăn tới gần L mà thôi. Ở xa lồng người ta buộc vào điểm D một sợi giây. Trên sợi giây buộc món đồ ăn, khoảng cách TD bằng T'D, mỗi giây cho vào trong lồng phía bên A như hình 1.

Con hắc tinh tinh thấy mỗi từ nhiên biết kéo sợi giây để lấy. Nhưng vì chéo, nên mỗi không thể vào tới mức L được. Các thú khác thì chỉ ở kéo mãi sợi giây cho đến đứt mà thôi. Con hắc tinh tinh thì khác. Nó rất khôn, nó chuyển sợi giây từ song này qua song khác, để lần lần đi đến vị trí mà sợi giây sẽ thẳng góc với gần L và lúc đó món ăn sẽ gần nó nhất, và ở trong tầm với của nó. Trào phúng, chúng ta có thể nói rằng nó đã biết một nguyên lý căn bản của kỹ thuật: một đường thẳng góc bao giờ cũng ngắn hơn một đường xiên! Ở cuộc thí nghiệm này, con hắc tinh tinh biết mau hơn cả, các khỉ khác lần mò rất lâu.

Chúng biết xài dụng cụ. Người ta treo một trái chuối ở trên không, con khỉ với không tới. Nhưng nếu bên cạnh có một cái ghế thì con khỉ biết lợi dụng để trèo lên lấy miếng ăn ấy. Thật ra con chó cũng biết làm như thế. Nhưng con hắc tinh tinh biết kê hai cái thùng, cái này trên cái kia, nếu một cái không đủ cao.

Chúng biết xài dụng cụ, nhất là gây. Ta hãy bỏ vào lồng một cây gây, để khều các món ăn ở ngoài lồng, mà tay không đủ dài để lấy. Chúng không phải chỉ biết xài gây khi nào đó là một cây gây: không có gây, chúng thế bằng một nhánh cây hay một sợi giây sắt nào cũng được v.v...

Dùng gây là đặc sắc của các khỉ nhân hình cao cấp mà thôi. Nếu ta có nhiều gây dài vẫn khác nhau, con hắc tinh tinh biết lựa cây nào dài là lấy.

Hơn nữa người ta cho nhiều cây ngắn nhưng cây này tra vào cây kia được. Con hắc tinh tinh biết tra vào để xài khi một khúc không đủ!

Tra gây và kê các thùng, đó là khởi đầu của óc chế biến.

Trở lại việc các khỉ nhân hình biết dùng gây. Sự ấy quan hệ hơn ta tưởng. Biết dùng gây chứng tỏ rằng con khỉ, nếu không dùng động từ « tưởng tượng », đã thấy sự vật sau khi có cây gây. Sự vật ấy khác lúc trước khi có cây gây, vì cây gây làm cho nó có thể chạm đến các vật ở xa hơn lúc trước. Vì các thú hạ cấp không « thấy » như nó mà đứng trước một món ăn ở xa và một cây gây ở cạnh chỉ luôn luôn làm những cử chỉ vô ích.

Sự « thấy » là sự thấy trong đầu nó. Thấy như thế cần phải có những ảnh. Ví dụ như khi ta tưởng tượng một chiếc phích, ta phải đã gặp phích và có kỷ niệm nó. Lúc ta tưởng tượng phích, ta « thấy » nó, tưởng tượng là hoà hợp những ảnh với nhau.

Sự ứng biến (tra gây, kê thùng) của con hắc tinh tinh chứng tỏ rằng nó đã có ảnh ở trong đầu và biết hoà hợp những ảnh như thế để tạo thành những cảnh mới. Ứng biến là sắp đặt lại những kinh nghiệm đã có. Nhờ thế mà nó mới

thấy được rằng sự vật quanh nó sau khi, có cây gậy, khác lúc trước khi có.

Những cái ảnh ấy, ở các khí, không « sống » lâu như ở ta. Trước mặt một con hắtinhtinh người ta thấy một quả chuối trong một cái học, xong người ta đem nó đi xa, trong lúc ấy người ta thay quả chuối bằng một vật không ăn được. Khi con hắtinhtinh được tự do nó liền đi kiểm quả chuối mà nó đã thấy. Khi kéo học tử ra, không gặp, nó tỏ ra *lấy làm lạ*. Chứng tỏ rằng sự mà nó thấy khác cái mà nó định hình sẽ thấy. Trong đầu nó có ảnh quả - chuối - ở trong học-tử, ảnh ấy theo tự nhiên phải như hiện ra khi nó mở học tử.

Nếu ta nhốt con hắtinhtinh 24 giờ sau khi thấy quả chuối thì nó không tìm nữa : ảnh quả-chuối-trong học-tử không còn nữa.

Đó là một điều yếu của khí : một trí nhớ kém.

Khí lại thua ta ở chỗ khác nữa : nó không biết nghĩ đến tương lai. Gậy khi gặp thì nó dừng, chờ không biết đề một bên đề về sau khi gặp một trường hợp như thế còn dùng được.

Nó tựa như người mê bạc có tiền bao nhiêu là đổ vào sông, không lo gì đến ngày mai cả. Nhưng không phải khí hoàn toàn không có quanniệm tương lai. Khi người ta tập cho khí dùng những « Jeton » bỏ vào máy phát kẹo, khi máy không chạy, nó giữ « Jeton » đề khi nào máy chạy sẽ dùng.

Tóm lại, trí khôn của khí đã đưa chúng đến trình độ có óc tưởng tượng. Nhưng óc tưởng tượng chưa ra xa hiện tại lắm. Và nó không ra ngoài vòng cụ thể để đi đến những khái niệm, những sự liên hệ trừu tượng.

HAMILTON cho các khí đứng trước bốn cái cửa như nhau. Chỉ có một cái có thể mở được dễ dàng, ba cái kia không. Cái cửa nào mở ở kỳ này thì kỳ sau không mở được nữa. Giải pháp là không nên mở cái cửa nào mà kỳ rồi vừa mở. Muốn thế phải hiểu một sự liên hệ trong thời gian, một sự cấu tạo trừu tượng : không có một con khí nhân hình nào « hiểu » nổi sự liên hệ đơn sơ ấy.

Muốn hiểu sự liên hệ ấy, 600cc óc không đủ. Phải một óc to bằng hai : chỉ có người mới thấy những sự liên hệ trừu tượng.

✽

Theo khoa học bây giờ thì ta có thể chắc rằng loài người không phải do một trong loài khí nào của hiện tại mà ra cả. Nhưng chắc chắn là một loài y như khí xưa lần lần sanh ra thủy tổ chúng ta. Và nếu phải chọn lựa thủy tổ chúng ta giữa các thú thì chỉ có tam đại : Hắtinhtinh, lườiười hay khỉ đột vì là gần ta nhất.

Ta và khí không những gần nhau về mấy phương diện trên và còn gần nhau nhất là về phương diện cơ quan học, nhất là với các khí nhân hình, 5 đốt xương móng, mấy đốt xương cụt (coceyx) teo lại và dính nhau, cuống ruột dư, tinh trùng như nhau v.v... vòng kinh nguyệt, mấy sự phản ứng về máu, sự biến hóa của chất đạm N trong cơ thể, các nhóm máu v.v... đều giống ta. Khí nhân hình cũng bị những bệnh như ta : rét, lao, sỏi (rougeole) sưng màng phổi, trái rạ, cúm, bại.

Nhưng tại sao khoa học cho rằng loài người không thể là con cháu của các khí hiện tại, mà chỉ là cô cậu cùng nhau ? Chúng ta cho rằng ta và khí khác nhau về lượng. Nhưng lượng ấy khá nặng.

Trước hết là óc các khỉ bây giờ rất nhỏ thó, con lớn nhất không hơn 600cm³, trong lúc loài người trung bình cỡ 1.350 cm³ cũng có khi bất thường to đến 2.000 cm³ hay nhỏ hơn 1.200 cm³. Tỷ lệ sức nặng của óc đối với sức nặng chung của cơ-thể của loài người rất cao : từ $\frac{1}{40}$ tới $\frac{1}{60}$ trong lúc hắc-

tiêntinh $\frac{O}{+} \frac{1}{114}$, $\frac{O}{+} \frac{1}{149}$, lườiười $\frac{O}{+} \frac{1}{112}$, $\frac{O}{+} \frac{1}{170}$,
khỉđột $\frac{O}{+} \frac{1}{170}$, $\frac{O}{+} \frac{1}{120}$, tới $\frac{1}{438}$. ($\frac{O}{+}$ = cái, $\frac{O}{+}$ = đực)

Hìnhthức của cái đầu cũng khác. Ở các khỉ mặt rất to, trái lại trán rất nhỏ hay không có. Ở chúng ta thì trán rất to bằng một phần ba cái mặt cho nên ở khỉ hai mắt ở gần trên chót vót, còn ở loài người gần giữa mặt.

Sợ nếu cắt đứng ngay thì thấy ở khỉ bề ngang rộng nhất ở phía 1/3 dưới, còn ở người thì ở 1/3 trên như một cái quai vó.

Ở góc mặt cũng khác. Góc mặt định-nghĩa do hai đường này : một đường đi từ lỗ chân răng cửa tiếp tuyến với trán, một đường đi từ lỗ chân răng ấy quá lỗ tai. Ở lườiười được 28°5, khỉ đột 32°2, 38°8 hắctinh và người Âu cỡ 72°.

Ở khỉ còn mấy điều khác nữa : ở trên mắt xương phù to ra thành một vành cao : vành chân mày, còn ở loài người thì không có. Ở hàm loài người có một cái cằm, còn khỉ thì không có như ở thú khác, phần đứng của hàm dưới của khỉ rất to và ở loài người có xu hướng bé lại.

Các răng của khỉ mọc theo một lần, gọi là vành răng, hình chữ U hai nhánh

song song, và răng của loài người có hình Parabol.

Ở bộ xương, xương sống loài người uốn khúc ba lần đề hợp với bộ đứng thẳng, còn khỉ thì chỉ có hai nên khỉ đi thường với hai chân hai tay, khỉ đột có khỉ bằng hai chân không, song còn khum rất nhiều.

Tay của các nhânhình rất dài, chân ngắn, ở ta ngược lại.

Chân thì hai bên cũng khác xa. Chân chúng ta chỉ đề mà đi, mấy ngón chân ngắn, ngón cái không co vào lòng bàn chân được, trái lại ở khỉ mấy ngón chân dài và ngón cử động dễ dàng : chân khỉ công dụng không khác gì tay.

Ở khỉ, lông chỉ không có ở lòng bàn tay, chân và mặt. Ở loài người lông rất ít và trái lại lông nách, lông háng, tóc là đặc biệt.

Ở khỉ nhânhình, bộ phận sinh dục con cái không có môi to (thệp) và màng trinh, mấy cái này là đặc điểm của người đàn bà.

(còn nữa)

Người quân tử mới được nhưng không dụ được, bỏ được nhưng không khinh được.

VĂN-TRUNG-TỬ

Một tấm gương trong

Bà PHAN-BỘI-CHÂU

(1866 - 1936)

Cô THOẠI-NGUYỄN

NÓI đến sự nghiệp cụ Sào-Nam mà chẳng nhắc đến bà Phan-Bội-Châu, thì đó là một điều thiếu sót mà nữ giới có quyền phàn nàn. Chính cụ Sào-Nam, kẻ lược sử bà cho con, đã than rằng :

« Mẹ này thiệt chẳng phụ ta, ta phụ mẹ này ! »

Thế thì chúng ta nhắc nhở đến Người « Sống đã không trơ xong nợ nước, chết lại chưa rửa sạch thù chung, khi giận mệnh mông, ngàn Hồng sông Lam nghìn dặm dẫu », (1) lại im lặng về Người « Tình cờ gặp khách năm châu, hơn ba mươi năm chồng có như không, cổ dưng vừng mới ghé, ngậm đắng nuốt cay tròn đạo mẹ » (2), thì chẳng há phụ kẻ đã ôm « một bầu nhiệt huyết (...) vùi xuống cội nguồn còn đóng cục » (3) lắm ru ?

Cho nên, sau khi ông Phạm-Hoàn-Mĩ viết bài hoài-niệm cụ Sào-Nam, nhân ngày giỗ thứ 17 của cụ (4), tôi thấy có bốn phần tiếp lời ông mà nhắc nhở người bạn đường đặc biệt của người « thất bại anh hùng ».

Người bạn đường đặc biệt, vì trọn đời thay chồng phụng dưỡng cha già, dạy nuôi con dại, gần chồng chẳng đặng bao năm, rồi nhượng chồng cho nước non đang độ cần người.

Hai mươi năm trời, ai bốn ba hải ngoại, cảnh kẻ chân mây người góc biển, là chuyện đã đành, người vợ có mỗi mòn trông đợi cũng chẳng quá xót xa. Chớ như : người một ra đi, nay đã trở lại, việc lấp biển và trời đành để cho kẻ khác, mà gặp nhau lại tại tỉnh nhà không hơn ba mươi phút bao nhiêu, chỉ có một câu, rồi kẻ về quê cũ, người đến chốn lồng giam, mười một năm sau là kẻ dương gian, người âm cảnh, ai là người chẳng tủi cho phận một mình một bóng.

(1) Về đầu một câu đối của Cụ, do Lưu-Trần-Thiền dịch đại khái ; nguyên văn : « Sinh bất năng trừ thiên hạ họa, tử bất năng triết ý trung cừ, trường hận mang mang, Lam-Thủy Hồng-sơn thiên cổ tại. »

(2) Về trên câu đối cụ Phan-Bội-Châu khóc bà.

(3) Một đoạn về đầu câu đối cụ Dương-Bà-Trạc khóc cụ Sào-Nam.

(4) Xin xem « BÁCH-KHOA », số 20, ngày 1-11-1957.

Ấy mà câu bà nói với ông giữa hai mươi năm chẳng gặp và hơn mười năm không thấy ấy, lại chẳng vì mình :

« Vợ chồng li biệt nhau hơn hai mươi năm nay, được một lần gặp mặt thầy, trong lòng tôi đã mãn túc rồi từ ; đây trở về sau, chỉ trông mong cho thầy giữ được lòng xưa, thầy làm những việc gì mặc thầy, thầy chớ nghĩ đến vợ con ».

Khi chồng bốn bề là nhà, tay cò, tay kiếm thì cầu chi lớn đạt thành, lúc ai phải cá chậu chim lồng, cảm dỗ bủa quanh, thì mong lòng son giữ chặt, còn việc vợ, việc con, chớ có bận tâm, mấy ai mà được như người yếm vải, váy nâu của huyện Nam-dân ấy.

Phan-Bội-Châu phu nhân, tên Huyền, họ Thái, vốn người thôn Đưc-năm, làng Diên-lãn, huyện Nam-dân, tỉnh Nghệ-an, Thân-phụ bà tên Thái-van-Giai, một bậc túc nho, bạn đồng song với thân-phụ cụ Sào-Nam.

Hai cụ thân nhau từ thuở cấp sách đến trăng, nên đính hôn với nhau lúc hai cụ mới một tuổi đầu. Song mãi đến năm bà hai mươi ba tuổi, bà mới về làm dâu nhà họ Phan.

Nhà cụ Phan vốn nghèo, thân mẫu cụ lại lìa trần tám năm trước, thân phụ cụ bị bệnh nặng, cụ lại còn em gái còn thơ, bao gánh nặng ấy, cụ nhờ bà gánh vác. Và bà đã không phụ lòng chồng mong mỏi.

Cụ nhờ thế khỏi bận việc nhà, mới đi ngồi dạy học đó, đây, hun đúc tinh thần đám trẻ, tìm bạn đồng tâm, chớ ngày toan việc lớn.

Cụ đi dạy học, bổng cũng khá nhiều, nhưng lo chi tiêu về việc khác, lo giúp đỡ bạn bè, thành — theo lời cụ — bà chưa xài phí một đồng xu nào của cụ cả. Bà buồn gánh bán bưng từ sớm tới chiều, thuốc thang cho cha chồng, cơm nước cho con em, thầy thầy do một tay bà cả.

Nhà, gạo trong vò không khi nào có quá hai ngày ăn, thế mà vì chuộng khách, cụ đưa về khi năm, khi mười người bạn thân hay vừa quen biết. Bà phải chạy vạy, rồi nước cơm tiêm tất, khách về nào biết cái khổ của nữ chủ gia. Nhưng cụ, cụ biết, cụ càng trọng người vợ đảm. Ba mươi năm, cụ kể lại công lao bà cho các con nghe ; mười bốn tiếng sau đây đủ cho ta thấy đức hạnh của bà :

« Khô cực lắm, nhưng sắc không buồn ; khó nhọc lắm, nhưng không tiếng giận. »

Nghệ thuật làm vợ — lại làm vợ một nhà chi sĩ, lại một nhà chi sĩ một nước nô lệ — đến thế tưởng đã đến chỗ ít ai hơn.

Lại còn điều này, khiến cụ càng kính nể bà. Cụ là con một, thân phụ cụ đã sáu mươi, lại mắc bệnh nặng, cứ lo nhắm mắt chẳng thấy cháu nối dòng. Bà đọc được ý cha chồng, nên thuyết cụ phải có người vợ thứ, và chính bà tìm chọn người ấy cho cụ. Cưới vợ cho chồng rồi, bà lui lại sau, nhường sự êm ấm gối chăn cho người em mới. Một cậu bé chào đời, khiến thân phụ cụ vô cùng vui sướng, đến lúc lâm chung, còn cổ trối lại cụ : « Ta chết rồi, mày phải hết sức dạy cháu ta, và lại hết sức thương vợ mày. Vợ mày thơ ta rất hiểu, chắc Trời cũng làm phúc cho nó ».

Phần bà, trước sau như một, dùm bọc con bà vợ thứ như con mình, thân ái với bà này như chị em ruột thịt.

Bà tánh tình rất nên kin đáo. Việc lớn chồng đeo đuổi, bà chẳng lạ gì, nhưng không một lời. Chỉ có một lần, mình ông, mình bà, bà đứng dựa cột mà nói một câu khiến suốt đời cụ chẳng thể quên :

« *Thầy loan bắt cạp đó mà ! Cạp chưa thấy bắt mà người ta biết đủ nhiều, sao thế ?* »

Lấy chồng được mười bốn năm, bà mới được cái vui thấy công đèn sách của chồng kết quả : cụ đậu Giải-nguyên.

Nhưng cái vui này là cái vui hoàn toàn thuộc về tinh thần. Bởi, hơn ai, bà biết rõ chí hướng chồng. Cụ Phan nào có nghĩ đến việc dùng cái Giải-nguyên của mình để làm nấc thang bước lên cảnh vinh hoa phú quý, mà bà cũng chẳng phải như ai ôm ấp giấc mơ « *võng anh đi trước, võng nàng đi sau* ». Cái Giải-nguyên kia, cụ chỉ dùng nó để dễ bề tiếp xúc với nhân sĩ đương thời.

Rồi khi cụ từ giã quê cha đất tổ, bà chim bầy nổi ở nước người dè lo đại sự, thì bà ở nhà cũng chịu cảnh gian truân : giận cá chém thớt, nhà cầm quyền hết nghi lại ngờ, hết đòi lại hối, luôn luôn theo dõi, khiến bà, bà hai và hai cậu con trai (Phan-Nghi-Huynh và Phan-Nghi-Đệ) lắm phen vất vả, ngậm đắng nuốt cay.

Cho đến ngày bà bệnh nặng, biết mình không sống được (lúc ấy bà đã bảy mươi), bà căn dặn con, rề ràng cho ông biết, cả khi bà có nhắm mắt ; chỉ khi

nào bà nằm yên dưới đất đen, chỉ chừng ấy mới cho cụ rõ.

Thật bà chu đáo đến cùng !

Bà mất ngày mùng 1 tháng tư năm bình-ti, nhằm ngày 21 tháng 5 năm 1936, thọ 70 tuổi.

Tin bà mất làm quốc dân rất đổi buồn. Người ta trọng cụ gặp bước đường cùng mà giữ tròn khí tiết, người ta thương bà một đời vẹn đạo, gián tiếp giúp chồng trong việc cả, nêu gương dâu thảo, vợ hiền, nêu gương người bạn đời xứng đáng của một nhà chí sĩ nhiệt thành.

Trên mặt báo, biết bao là lời chia buồn, thơ, đối, khóc người bạn đời của nhà ái quốc Sào-Nam.

Báo « *Công-Luận* », ngày 27-6-1936, có đăng bài truy điệu :

« **Chồng kẻ công lao vợ với con** ».
Xem qua chừng hững cái tin buồn.
Sống lia đã tỏ lòng băng tuyết,
Chết biệt còn vang tiếng nước non.
Đề nhớ dễ thương trời đất thọ,
Có hình có họa xác phàm chung (1).
Đời bà dành chẳng đều di hận,
Không hổ cùng ông dạ sắt son.

NHU-SƠN (Gò công)

Báo « *Tiếng-dân* » là nơi gặp gỡ những ai rõ cụ, biết bà, chung nhau khóc người hiền phụ. Xin trích lại đây một số câu đối khóc bà để chúng ta thấy tấm tình thương tiếc đậm đà của người quen kẻ lạ.

(1) Ông Thảo-Trung-Lan trích đăng bài này trong quyển « *Cái gương của nữ giới* » (bà Phan-Bội-Châu), có chứa lại chữ Chung ra chữ Suông, vì ông cho là xuất vận. Chúng tôi xin trọng nguyên văn.

— Dầu thơm Trưng-nữ, mệnh mông mặt nước hồ Tây, lữ Rừng Tiên sa sút trăm chiều, trai có ra gì chưa nói gái.

Giọng hát Trang-Chu, phảng phất bên thuyền bến Ngự, nợ sông núi nặng nề lắm nỗi, bà không rồn lại dễ giùm ông.

NGUYỄN-ĐÌNH-KIÊN

— Ái oăm thay trẻ Tào trêu người, mấy mươi thu vắng bóng phu quân, hai vai gánh vác gia-dinh, công quản bao day trẻ thay chồng, khi tiến thối, lúc nóng tang, đình ninh hai chữ dễ lòng, đời trải tuyết sương, già nhắm mắt nhân tâm đều mến tiếc.

Khe khắt nhẽ cuộc đời đơn bạc, hai tay trắng gầy nên gia nghiệp, một tấm lòng vì nghĩa vụ, việc chưa đến và trời lấp biển, cũng phong trần vì cảnh ngộ, son sắt một niềm tạc dạ, nay về cảnh Phật, tiếng gọi hồn quân chúng vẫn còn thơm.

D.T.L.

— Nghe nói bà gian truân hiền phụ, chồng vẫn gahalo tinh vẹn trăm đường; nhà còn tề, chồng hân còn tề, dầu bể cuộc tàn, vui đất ngàn thu không nát ngọc.

Nhân hỡi ông thất bại anh hùng, vợ với nước thương yêu cùng một mối; nước như rửa, vợ nay như rửa, non sông khi uất, đập trời một tiếng muốn quăng gương.

SIÊU-TÙNG

Tiếp theo đây là những câu đối chữ Hán, do cụ Huỳnh-Thức-Kháng dịch:

— Quần xoa lưu kỷ đặc thử thiết thạch trường gia; nằm tải cò dâng, cam nhượng sở thiên vì quốc hữu.

Anh hùng hán chính như thâm chủng tộc thống giả, chích thân tứ hải, bất tăng vô phụ khước quan cư.

NGUYỄN-HOÈ

(Bàn quần xoa mấy kẻ dạ sắt gang, một bóng dưới đèn, đành nhượng tấm chồng làm của nước.

Trai anh hùng đương xót lòng nò giống, chiếc thân bốn biển, chịu quên có vợ hân mình đời).

— Thừa phụ chí nan, thành kì phụ vi chi sĩ thả cư nan; thệ đồng tâm vì nhứt phần tử chi quốc dân, nội ngoại thù đồ, sơn trọng các phần kiên bán dõm.

Tử tương li khổ, sanh tiền cứu bất tương kiến ưng cánh khổ; kì phiến diện ư tam thập niên chi đại biệt, can li sở ngữ, thạch nhân đương hạ lệ thiên hàng.

HOÀNG-ĐỨC-TRẠCH

(Chiều chi chồng là khó, giúp chồng làm nên chí sĩ càng khó nhiều hơn; thề đồng lòng lo một phần tử quốc dân, hai ngã trong ngoài, núi nặng kẻ vai chia nửa gánh.

Chết lia nhau vẫn đau, sống không được gặp nhau lại đau xấp mấy; giáp nửa giờ sau ba mươi năm cách mặt, mấy lời gan phôi, đã sa giọt lệ nhỏ đôi hàng).

— Hà sơn chích ảnh, nằm dư niên khả vô nội cố ưu; can quốc tu mi, nam đặc bạch đầu tương tín xứ.

Tân tảo nhứt thân, thập chỉ thượng năng kiên phân tử trách; trình hồn nghi phách, đa ưng đồng quần đặc thư tiên.

NGUYỄN-QUÍ-HƯƠNG

(Non sông chiếc bóng, ba mươi năm không lụy đến gia đình ; chân yếm mây râu, tóc bạc mấy ai tin đến thế !

Tần tảo một mình, trên mười ngón làm xong phần trách nhiệm, hồn trinh phách nghĩa, bút son rõ đáng chép đầu tiên).

..

Người ngoài còn tiếc thương đến thế, nói chỉ là người trong cuộc. Cụ Sào-Nam gợi cả tình thương kính người bạn trăm năm trong hai câu đối, một Việt, một Hoa :

I. — *Tình cờ gặp khách năm châu, hơn ba mươi năm chồng có như không, cổ đứng vững mới ghê, ngậm đắng nuốt cay tròn đạo mẹ.*

Khen khéo giữ nền từ đức, ngoài bảy chục tuổi sống đau hơn chết, thôi về mau cho khỏe, đền công giả nợ nặng vai con.

II. — Trấp niên dư cầm sắt bất tương văn, thê phong khổ vũ, chỉ ảnh vi phu, nhứt hương sản nhi huy nhiệt lệ.

Cửu tiền hạ thân bằng như kiến vấn, điền hải di sơn, hữu thủy tương bá, thiên xai lão hân bá không quyền.

Cụ Mich-Viên dịch :

Ba mươi năm cầm sắt khéo xa nhau, nước sâu gió thảm, chỉ bóng làm chồng, ngồi ngó trẻ con rơi lệ nóng.

Đời chín tuổi thân bằng như hỏi đến, lấp biển đời non, nào ai giúp bác, chỉ lừa mình lão mứa tay không.

..

Nơi chốn Thanh-thản, hẳn bà đã quên bao nỗi xót cay. Và hẳn bà từ lâu đã trả lời câu hỏi của ông : « *Công nhĩ vong tư* », chắc mẹ mày cũng lượng thứ cho ta chứ ! » bằng một nụ cười êm. Còn cụ, sống thêm bốn năm nữa, vẫn nhắc đi nhắc lại với con :

« *Mày nên biết, nếu không có mẹ mày, thời chỉ của cha mày đã hư hỏng những bao giờ kia !* »

Tưởng không lời khen tặng nào xứng đáng cho bằng !

Bà cam tâm làm một cái bóng của ông, một cái bóng khiêm tốn biết bao, nhưng lại tỏ đậm hình ông biết mấy.

Nhắc nhở bà, nói đến cái bóng của ông, sao tôi bỗng nhớ câu thơ này của một nhân vật trong một vở kịch Pháp, một vở kịch tình cảm tế nhị, mơ buồn, dường như vở « *Les plus beaux yeux du monde* » (*Đôi mắt tuyệt trần*) của Jean Sarment thì phải :

« *Nos deux ombres serrées feront une ombre étroite* »

mà có người thoát dịch :

« *Hai bóng ta kề, một bóng thôi* ».

Sao tôi lại nghĩ đại rằng, sáu mươi tám năm về trước, hai ông bà đã im lặng « nói » với nhau câu ấy, nguyên dù sao, cũng *tay trong tay, đi trọn đường đời*.

Chắc nơi nao, Cụ ông và Cụ bà nghe đăng, cũng chẳng mắng nào một kẻ hậu sinh quá giàu tưởng tượng và quá giàu tình thương kính hai Người : một Người hoàn toàn hiến thân cho Nước lúc Nước chẳng còn, để lại ngàn sau một lịch sử thất bại oai hùng và xây dựng ; một Người hoàn toàn lo liệu cho Nhà, khi Nhà rơi tả, để lại cháu con một tấm gương trong chẳng gợn chút bụi mờ và cả Hai là Một vinh dự chung cho nòi giống.

Người đồng thời đều cảm phục, kể đến sau xứng đáng quyết chẳng phụ chi, tình Ai...

« *Hai bóng Ai kề, một lăm Gương...* »

25-11-57

CÔ THOẠI-NGUYỄN

Mừng kỷ-niệm đệ-nhất chu-niên tạp-chí Bách-Khoa

L. T. S. — Bách-Khoa đã được vinh-dự có sự hợp-tác một năm nay với nhà thơ lão-thành : Cụ Á-Nam Trần-Tuấn-Khải, nay lại được thêm vinh-dự, vì quá yêu Bách-Khoa, Á-Nam Tiên-sinh lại gửi tặng cho một bài hát nói nhân-dịp kỷ-niệm đệ-nhất chu-niên Bách-Khoa.

Tự xét chưa được xứng-dáng với lời khen nồng-nhiệt trong thơ của Tiên-sinh, chúng tôi cũng cứ dâng bài hát nói trên vì nghĩ : khiêm-tôn không bằng vâng mệnh !

B. K.

MIÊU

Lợi danh tranh cướp tung dôi,

Đường hay lẽ phải ai người ngó qua ?

Đáng mừng riêng nhóm BÁCH-KHOA :

Trong trường ngôn-luận vững đã thanh cao.

Hát nói

BÁCH-KHOA Bán-nguyệt-san chu-niên kỷ-niệm,

Giữa làng văn riêng chiếm một phương-châm.

Đem học tài kinh-nghiem sánh lương-tâm,

Mong vạch rõ lối lầm cùng sửa chữa.

Bút-giới quyền-hành vô cổ ngã,

Luận-đàn thao-túng hữu kinh-luân :

Nào văn-chương chinh-trị, nào xã-hội nhân-quần.

Từ vật-chất đến tinh-thần cùng đổi mới.

Chuông cảnh-tỉnh ra công khua gọi,

Đã năm trường vang dội khắp gần xa.

Đủ các môn xây dựng nước non nhà,

Trên dải mùa xông-pha cùng thế-giới.

Biên khoa-học vạch thêm đường lối mới,

Nghiep phú-cường dong đuổi há thua ai ?

BÁCH-KHOA trường-thọ muôn đời...

Sau ngày Nguyễn-Đán Dương-lịch

Á-Nam Trần-Tuấn-Khải viết tại Thảo-lư Bình-thái Sài-thành
đề lưu tặng BÁCH-KHOA Bán-nguyệt-san.

LUẬT

BÀNH TRƯỚNG

của

THÂN THỂ TRẺ EM

NGUYỄN ANH LINH

XEM xét sơ sài trẻ em sinh trưởng, chúng ta thấy thân thể chúng lớn lên không đều: so sánh với người lớn, chúng thiếu cân xứng: khi đầu to, tay vắn, bụng phệ; khi chân quá dài, có vẻ khô khoang, ngực lép, mắt lồi... Nghĩa là những hiện tượng sinh lý liên triển *cách gián đoạn*. Nói đúng ra, khi hiện tượng này ngừng khuếch trương, thì hiện tượng khác lại tiếp đến để bành trướng; khi tay không nẩy nở, thì chân lại thay thế để tăng cường: *luật tuần hoàn* đi đôi với *luật gián đoạn*.

Trong thân thể, những cơ quan thuộc bộ bạch huyết, như hung tuyến, lá lách, tiến rất nhanh và đạt đến cực độ, khi trẻ gần đến tuổi dậy thì; nhưng rồi giảm dần từ 13 đến 25 tuổi.

Bộ thần kinh phát triển mau lẹ mấy năm đầu (đến 6 tuổi), và đến tuổi dậy thì đã hoàn toàn đầy đủ.

Cơ quan sinh dục cũng như các bắp thịt, sau một thời gian đình

chỉ, bắt đầu nẩy nở cấp tốc từ 12, 13 đến 20 tuổi.

Cơ quan nội tạng, bộ hô hấp, tiêu hóa, tăng tiến điều hòa từ 0 năm đến 9 tuổi, nhưng kỳ dậy thì, lại nẩy bật lên.

Chung quy, tuổi dậy thì là trung tâm của mọi hiện tượng phát dục, vì đến tuổi đó, các cơ quan mãnh liệt bành trướng hay đã toàn vẹn rồi. Nên tuổi dậy thì là giai đoạn trọng yếu của thân thể cũng như của tâm hồn.

Luật tuần hoàn và luật gián đoạn đã được ứng nghiệm trong cuộc gia tăng của các xương dài như tay và chân: 6 tháng bề ngang chân và tay lớn lên; 6 tháng sau, đến lượt bề dài. Hơn nữa, ngay trong một bộ phận cũng vậy, chẳng hạn, khi xương cẳng tay to lên, thì xương cánh tay dài ra, rồi lần lượt thay phiên nhau.

Để minh chứng điều đó, Godin so sánh chân với tay:

Tuổi.	13,5 - 14	14 - 14,5	14,5 - 15	15 - 15,5	15,5 - 16	16 - 16,5	16,5 - 17	17 - 17,5
Cẳng tay m/m. .	4	7	8	1	9	0	5	4
Cánh tay m/m. .	4	5	5	9	3	7	1	2
Cẳng và cánh tay.	8	12	13	10	12	7	6	6
Chân m/m. . . .	10	13	9	17	7	12	5	1

Từ trung, 6 tháng trước tuổi dậy thì, chân dài ra, (15 đến 15 tuổi 5); và 6 tháng sau tuổi dậy thì, đến lượt cẳng tay. Từ 14 đến 17 tuổi, chân tay thay nhau phát triển.

Nếu xét toàn thể, thì cuộc phát dục tháng đầu, khi trẻ còn trong lòng mẹ, nhanh hơn khi trẻ sinh ra: tiểu noãn khuếch trương 8000 lần thể tích của nó. Và Godin cũng nhận thấy cuộc bành trướng tháng đầu trong kỳ dưỡng thai nhanh hơn tháng cuối; cuộc bành trướng khi trẻ ra đời nhanh hơn khi trẻ gần đến tuổi thành niên.

Luật tuần hoàn chi phối thời kỳ dưỡng thai cũng như thời kỳ phối thai. Kỳ dưỡng thai, có ba giai đoạn bành trướng về bề cao:

- tháng đầu thai,
- tháng 5 và tháng 6,
- ngày trước kỳ phối thai.

Sinh ra, trẻ cũng trải qua ba giai đoạn:

- năm thứ nhất và năm thứ hai, bề cao từ 0m50 vọt lên đến 0m70, và 0m80. Lên hai, thân hình trẻ đã gần $\frac{3}{5}$ khi mới sinh, và $\frac{1}{2}$ khi đến tuổi dậy thì.
- Lên 6, 7 tuổi;

— Lên 12, 13 tuổi; trước khi vào tuổi dậy thì, sau cơn biến động thứ ba, bề cao tiến rất thong thả.

..

Căn cứ vào khám phá trên, chúng ta có thể phân biệt cách rõ ràng những giai đoạn bành trướng của thân thể trẻ em:

- Tiểu ấu nhi: từ sơ sinh cho đến 2 năm 6 tháng;
- Trung ấu nhi: từ 2 năm 6 tháng cho đến 6 năm;
- Đại ấu nhi: từ 6 tuổi cho đến giai đoạn trước tuổi dậy thì;
- Thanh xuân: từ giai đoạn trước tuổi dậy thì cho đến giai đoạn sau tuổi dậy thì;
- Thanh niên: sau tuổi dậy thì cho đến tuổi trưởng thành.

Tuy nhiên, cách phân biệt này không có gì tuyệt đối, vì trẻ sinh trưởng khác nhau tùy hoàn cảnh, khí hậu, chủng tộc, gia đình, giáo dục... Nhưng nó sẽ giúp ta nhận định trải bao thay đổi, những hiện tượng đặc sắc của mỗi tuổi.

Giai đoạn tiểu ấu nhi tức là giai đoạn từ khi sinh ra cho đến khi đủ bộ răng sữa: thân hình và trọng lượng nẩy nở phi thường; các chi thể tròn trĩnh và đầy đặn; đầu và thân mình chiếm phần ru

thẳng. Trẻ sơ sinh, đầu gần bằng $\frac{1}{5}$ bề cao, trong khi đến tuổi thành niên, đầu chỉ còn $\frac{1}{7}$ bề cao; diện tích đầu trẻ bằng nửa đầu người lớn; chu vi đầu hơn chu vi ngực 2,3 phân. Ngực người lớn thì hình thuận, còn trẻ, thì hình trụ. Nhưng ngực trẻ bé hơn bụng. Giữa ngực và bụng, chưa có đường phân chia. Chân tay mập mạp và ngắn độ 20 phân là cùng. Mãi đến 6 tuổi, hình dung chân tay mới thay đổi. Mấy năm đầu, chân dài ra khá nhanh, nhưng tay lại thông thả: lên 3, chân dài gấp đôi và lên 5 tay mới đạt đến mức đó. Chỉ khi trẻ biết ngẩng đầu, (3 tháng), biết ngồi, (6 tháng), biết chạy, (8 tháng), thì xương sống mới có ba khúc rõ rệt.

Trung ấu nhi: từ khi đủ bộ răng sữa cho đến khi bắt đầu mọc răng trưởng thành. Hình dáng trẻ vẫn không thay đổi mấy: má phính, trán thẳng, ngực bé, bụng phệ.

Cuộc bành trướng về bề cao chậm lại để nhường chỗ cho bề ngang.

Đại ấu nhi: từ 6 tuổi đến kỳ trước dậy thì. Ở Âu-Châu, từ 6 đến 11 tuổi, (trẻ nữ), 12 tuổi, (trẻ nam). Ở Việt-Nam, từ 6 đến 10-11 tuổi, (trẻ nữ), 11-12 tuổi, (trẻ nam). Có hai hiện tượng đặc biệt: chân bắt đầu dài ra; trẻ xem như gầy còm; thân mình thon lại; các nhà giáo dục thường gọi thời này là «thời xuất nhi». Đầu trẻ xem bé hơn trước; trán nhô lên, má có lưỡng quyền, nét mặt thông minh, tinh lọc mạch, hay chất vấn.

Kể đó, cuộc bành trướng về bề cao giảm bớt, nhưng bắp thịt lại nảy nở.

Thời kỳ này, những đặc tính về nam nữ xuất hiện: đầu, mặt, tóc, xương chậu. Vì thế, Pende gọi tuổi lên 7 là tuổi «*tiểu dậy thì*».

Để phân biệt hai giai đoạn trung ấu nhi và đại ấu nhi, Plattner cho biết:

% CỦA THÂN THỂ	TRUNG ẤU NHI	ĐẠI ẤU NHI
Chu vi đầu	46,8 %	42,9 %
Chu vi ngực	50	47
Chân dài.	52,9	54,6
Thân mình dài.	31,3	29,7
Vai rộng.	22,1	21,8
Bề ngang xương chậu.	17,0	16,4



Tuổi thanh xuân: Ta có thể định giới hạn tuổi này từ lúc những hiện tượng sinh dục phát khởi cho

đến kỳ sau tuổi dậy thì (vào quãng 5, 6 năm). Trẻ nữ sớm hơn trẻ giai độ 1, 2 năm.

Ở Âu-Châu, từ 10-11 tuổi đến 15-16 tuổi (trẻ nữ); từ 12-13 tuổi đến 17-18 tuổi (trẻ nam).

Ở Việt-Nam, từ 10-11 tuổi đến 15-16 tuổi (trẻ nữ); từ 11-12 tuổi đến 17-18 tuổi (trẻ nam).

Tuổi thanh xuân thường chia ra hai thời kỳ: thời kỳ trước tuổi dậy thì, và tuổi dậy thì thực thụ.

Trong thời thứ nhất hiện tượng đặc sắc là trẻ đột nhiên cao vọt lên, nhưng trọng lượng bớt dần; vì thế thân thể mất thăng bằng: tay dài, ngực thóp, trẻ đâm ra xấu xí, vụng về. Nền tuổi đó là tuổi « *vô duyên* ». Bắp thịt không tiến kịp đà của các bộ xương, nên trẻ không đủ sức ăn học hay làm những công việc nặng nhọc. Trước kia, nếu trẻ nhất lớp, nay, trẻ có thể rất thất thường. Đàng khác, ngực lép, nên tim và phổi khó bề khuếch trương, trẻ dễ mắc bệnh lao, nếu cha mẹ bắt ép con mình vất vả học tập. Cách ngồi học ở nhà trường cũng hay làm cho trẻ tuổi đó gù lưng, xương sống vẹo.

Một hai năm sau, trẻ bước vào giai đoạn dậy thì thực thụ.

Ở Âu châu, trẻ nữ: 12-13 tuổi; trẻ nam: 14-15.

Ở Việt-Nam, trẻ nữ: 11,5-15, trung bình 13,5; trẻ nam: 13,5-16,5, trung bình 15 tuổi. Giai đoạn này kết thúc 3 năm sau.

Đặc tính của giai đoạn này là trạng thái thành thục của cơ quan sinh dục sự phát xuất của những

hiện tượng sinh dục phụ thuộc. Dựa vào kinh nguyệt đầu tiên của trẻ nữ, ta biết rõ thời kỳ dậy thì; nhưng sớm hay chậm cũng tùy chủng tộc, khí hậu, ăn uống, sinh hoạt: trẻ ở thành thị sớm hơn thôn quê; kém ăn hay tâm hồn bất an cũng làm cho chậm lại.

Tuổi dậy thì của trẻ nam khó định hơn; Godin chủ trương nhìn nhận những hiện tượng sinh dục phụ thuộc, như tiếng vỡ, lông mao. Đồ-xuân-Hợp so sánh đường kính xương chậu với đường kính xương vai, nhận thấy đến tuổi dậy thì, xương chậu trẻ nữ bành trướng rất nhanh, nhưng xương vai trẻ nam bao giờ cũng hơn trẻ nữ: lên 12, trẻ nữ xương chậu tăng thêm 1,7 phân (tối cao điểm số), trong khi trẻ nam lên 14,15 xương vai tăng thêm mỗi năm 1,7 phân (tối cao điểm số) — Xem bảng thống kê ở đoạn kết luận —

Dù sao, tuổi này, trẻ lằng cồng về mọi mặt. Theo Godin, thân thể trẻ nam từ 14 đến 15 tuổi cao vọt lên 7 phân, nhưng từ 16 đến 17 chỉ có 3 phân 8. Trẻ Việt Nam, lên 11 cao hẳn 6,1 phân và 13 tuổi, 6,7 phân (trẻ nữ). Còn trẻ nam lên 14,15, cao 6 phân.

Thân mình trước kia vẫn và đẹp, nay bắt đầu to ngang, nên cảnh bất tương ứng các bộ phận trong thời đại ấu nhi trở nên điều hòa, xinh xắn. Đồng thời, gân thịt khuếch trương, trọng lượng đạt đến độ tối cao: trẻ ấu, từ 15 tuổi đến 15 tuổi rưỡi, lên 3214 gam; từ 15,5 đến 16, 3044 gam. Trẻ Việt-Nam

lên 15 tuổi nặng thêm 4433 gam, và trẻ nữ lên 13, nặng thêm 4630 gam. Trái lại, như ta vừa thấy, trước tuổi dậy thì thực thụ, bề cao thẳng số.

Về tuổi dậy thì, Gobin cho biết rõ :

— Thân thể cao lên, một phần căn cứ vào chân, trước giai đoạn dậy thì ; nhưng đang tuổi dậy thì, và sau tuổi đó, thì lại nhờ ở thân mình : Việt Nam : trẻ nam : 12 tuổi chân dài thêm 3 phân 6 : trẻ nữ : 11 tuổi, 4 phân 6. Trẻ nam, thân mình, lên 14, dài thêm 3 phân, 6 ; trẻ nữ lên 13, thêm 5 phân.

— Thân thể cao vọt lên trong hạn một năm trước tuổi dậy thì.

— Thân thể nặng trĩu xuống trong hạn 6 tháng trước tuổi dậy thì.

— Cuộc bành trướng trọng yếu về bề cao của thân mình xuất hiện trong hạn 6 tháng trước tuổi dậy thì ; nhưng về bề ngang, thì trong kỳ dậy thì.

— Phần nào trước tuổi dậy thì đã phát triển nhanh, thì sau tuổi dậy thì sẽ chậm lại. Nói ngược lại cũng được.

Bao giờ tuổi dậy thì kết thúc ? Khi cơ quan sinh dục thành thực hoàn toàn nảy nở. Ở Việt-Nam, trẻ nữ vào quãng 16 tuổi, trẻ nam 18 tuổi. Lúc đó, thân thể vẫn tiếp tục tăng cường, nhưng rất chậm : trẻ nữ mãi đến 20 tuổi và trẻ nam đến 25 tuổi mới ngừng hẳn. Nay trẻ đã vị thành niên.

∴

Để kết luận, xin chép lại dưới đây hai bảng thống kê của Đố-Xuân-Hợp đã dày công đo lường thân thể trẻ Việt, năm 1942-43. Tuy nhiên, những kết quả, ngày nay, không còn được ứng nghiệm, vì hoàn cảnh, đời sống, đã đổi mới nhiều ; nhưng chúng ta sẽ thấy các luật bành trướng về thể xác được áp dụng.

TRẺ NỮ VIỆT-NAM					TRẺ NAM VIỆT-NAM			
Tuổi	Bề Cao mỗi năm	Trọng lượng mỗi năm	Chân dài mỗi năm	Thân mình mỗi năm	Bề cao mỗi năm	Trọng lượng mỗi năm	Chân dài mỗi năm	Thân mình mỗi năm
7	4,2	1,02	0,2	4,0	4,4	1,07	3,0	1,4
8	4,7	2,08	4,4	0,3	4,1	1,439	2,2	2,0
9	4,5	1,42	4,5	0,6	4,3	1,797	2,4	1,9
10	5,9	1,48	1,3	4,6	4,5	1,871	3,0	1,5
11	6,1	3,18	4,6	1,5	4,0	1,667	2,3	1,7
12	4,8	3,17	2,2	2,6	5,8	2,599	3,6	2,2
13	6,7	4,63	1,7	5,0	5,6	3,735	3,4	2,2
14	4,6	2,87	1,8	2,8	6,1	4,395	2,5	3,6
15	4,0	2,36	0,0	4,0	6,0	4,433	2,7	3,3
16	1,8	1,05	0,2	1,6	4,3	3,602	1,5	2,8
17	3,9	3,29	1,3	2,6	2,4	2,880	0,9	1,4
18	3,0	2,00	0,1	2,0	0,6	0,891	0,0	0,6
19					1,2	2,223	0,7	1,2
20					0,4	0,908		0,4

TRẺ NỮ VIỆT-NAM					TRẺ NAM VIỆT-NAM			
Tuổi	Bề ngang xương chậu	Tăng thêm mỗi năm	Bề ngang xương vai	Tăng thêm mỗi năm	Bề ngang xương chậu	Tăng thêm mỗi năm	Bề ngang xương vai	Tăng thêm mỗi năm
6	18,0		22,7		18,0		24,2	
7	19,1	1,1	24,1	1,4	18,9	0,9	24,3	0,1
8	19,3	0,2	24,3	0,2	19,6	0,7	25,6	1,3
9	20,2	0,9	26,0	1,7	20,2	0,6	27,0	1,4
10	21,5	1,3	27,3	1,3	20,9	0,7	27,5	0,5
11	22,4	0,9	28,1	0,8	21,6	0,7	28,6	1,1
12	24,1	1,7	28,9	0,8	22,2	0,6	29,9	1,3
13	25,1	1,0	30,0	1,8	23,5	1,3	31,1	1,2
14	27,4	2,3	32,0	1,3	24,8	1,3	32,8	1,7
15	28,4	1,0	32,2	0,2	26,5	1,7	34,5	1,7
16	28,8	0,4	32,8	0,6	27,8	1,3	35,8	1,3
17	29,2	1,2	34,1	1,3	28,5	0,7	37,1	1,3
18					28,7	0,2	37,6	0,5
19					29,1	0,4	38,1	0,5
20					29,1	0,0	38,8	0,7

NGUYỄN ANH LINH

Uy-hậu với sứ nước Tề

Uy-hậu, mẹ Uy-vương nước Triệu thời Chiến-quốc thường dự việc triều-chính và nổi tiếng là một nhà chính-trị giỏi. Một hôm có Tề-vương sai sứ thân sang dâng thư thăm bà. Tiếp sứ thân, Uy-hậu trước khi xem thư, hỏi:

— Nước Tề năm nay có được mùa không? Dân chúng có được bình yên không? Đức vua có được mạnh giỏi không?

Vị sứ thân nghe Uy-hậu hỏi, tỏ vẻ bất bình:

— Tôi vâng lệnh vua tôi sang sứ, ngài không hỏi thăm vua tôi trước, mà lại hỏi thăm mùa màng cùng dân chúng trước là nghĩa làm sao?

Uy-hậu đáp:

— Nếu không có mùa màng thì làm gì có dân chúng và nếu không có dân chúng thì làm gì có đức vua. — Ta đây sao có thể coi ngọn hơn gốc được?

Rồi Uy-hậu hỏi luôn:

— Sứ-sĩ Chung ly-Tử bėa ấy có được bình yên không? Người ấy có lương bổng cũng vậy mà không có lương bổng cũng vậy, có áo mặc cũng vậy mà không có áo mặc cũng vậy, thật là người giúp vua nuôi dân đấy, sao đến bây giờ vẫn chưa được triệu ra làm quan? — Cử Nghiệp dương-Tử nữa có được bình yên không? — Người ấy thường kể quan-quả, giúp kẻ cô-đơn, chữa tế kẻ đói khát, nâng đỡ kẻ bần cùng, thật là người giúp vua lợi dân đấy, sao đến bây giờ vẫn chưa được triệu ra làm quan? — Nàng Anh-nhi-Tử ở Bỉ-cung có được bình yên không? — Nàng ấy cốt bỏ nữ trang, ở vậy không lấy chồng để nuôi cha mẹ, thật là người giúp vua giữ đạo hiếu cho dân đấy, sao đến bây giờ vẫn chưa vào chầu? Hai vị Sứ-sĩ chưa được làm quan, và một nàng hiếu nữ ấy chưa được vào chầu, thì vua nước Tề làm sao trị nổi muôn dân? — À, Tiên-Tử-Trọng ở Ô lăng vẫn còn đấy chứ? — Tên ấy đối với bề trên ăn ở không hết đạo, đối với gia đình, sửa trị không đến nơi, ở giữa lại không chịu kết giao với ai, thật là kẻ dạy dân trở nên vô dụng, sao đến bây giờ vẫn chưa truất bãi nó đi?

Uy-hậu hỏi hết bấy nhiêu câu rồi mới mở thư của Tề-vương ra đọc.

ÂM - NHẠC VIỆT - NAM

TRẦN-VĂN-KHÊ



NGUỜI ngoại quốc thường lầm nhạc Việt với nhạc Trung-Hoa. Không lầm sao được khi chẳng những nhạc-khí Việt và Trung-Hoa giống nhau, mà cách ký âm và nhiều khúc điệu lại giống nhau. Nhưng đứa con đầu giống mẹ đến đâu cũng là một người riêng biệt và lìm kìm, mình cũng nhận được nhiều nét khác nhau giữa mẹ và con.

Phương chỉ âm nhạc Việt đâu phải hoàn toàn do âm nhạc Trung-Hoa mà ra. Dòng văn-hóa Trung-Hoa đi từ Bắc xuống Nam, nền văn-hóa Ấn-độ từ Tây sang Đông đã gặp nhau trên đất nước Việt, hòa hợp với những mầm văn hóa có sẵn nơi đây với những cá tánh của nó, để tạo ra một nền văn-hóa mới. Trong nghệ thuật điêu-khắc hai ảnh-hưởng Trung-Hoa và Ấn-Độ đã hòa hợp nhau một cách rõ rệt. Nhìn lại những bức chạm vào đá dưới chân cột chùa Phật-Tịch tại Vạn-Phúc (Bắc-Ninh) mà các nhà khảo cổ cho rằng đã có từ thế-kỷ thứ IX hay muộn nhất cũng dưới đời nhà Lý (thế-kỷ thứ X-XI), ta thấy rằng nếu bộ điệu của các nhân vật có nét uyển-chuyển, vẻ mặt trầm tĩnh như các La-Hán của bức tượng Ấn-độ, nếu toàn thể mảnh đá giống các mảnh đá chạm của Chiêm-Thành, — một tiểu quốc hoàn toàn chịu ảnh hưởng văn-hóa Ấn, ở về phía Nam nước Việt ngày xưa — các nhân vật, nhìn kỹ, ta sẽ thấy mang xà-cạp bó chân như người Trung-Hoa.

Trong số các nhạc khí chạm vào đá, ta thấy cây cầm năm dây gốc ở Trung-Hoa, cũng như trống yếm-cổ y hệt như trống « damaru » người Ấn và những hồ cầm, địch, tiêu, các nhạc khí này đều có ở Trung-Hoa và Ấn-độ. Trong âm nhạc cũng vậy. Nếu điệu Bắc, chắc chắn do Trung-Hoa đem đến, thì điệu Nam là phản ảnh của lối nhạc Chăm ai-oán, và qua

nhạc Chàm, Việt Nam chịu ảnh hưởng nhạc Ấn-độ.

Trong khuôn-khổ một bài ngắn, chúng tôi không thể nói đến lịch-sử âm-nhạc Việt, nguồn gốc các nhạc khí và các khúc-diệu. Chúng tôi chỉ phác-họa vài điểm căn bản và mai sau chúng tôi mong sẽ có dịp đi sâu vào mỗi vấn-đề. Hiện giờ chúng ta thử nhìn lại các luồng ảnh-hưởng Trung-Hoa, Ấn-độ, Âu-Châu và phần của Việt-Nam đóng góp vào công việc xây dựng nền âm nhạc Việt. Trong một bài khác, chúng ta sẽ cùng nhau lần lượt xem qua các thể, các loại âm nhạc Việt.

Âm nhạc Việt đã chịu ảnh hưởng nào ?

Ảnh hưởng nhạc Trung-Hoa. — Âm-nhạc Trung-Hoa và âm-nhạc Việt gần nhau như mẹ với con. Hầu hết các nhạc-khí, dù gốc tại Trung-Hoa hay do nước nào sáng chế, cũng đi ngang qua nước Trung-Hoa rồi theo dòng văn-hóa từ Bắc xuống Nam mà vào nước Việt. Đàn cầm năm dây, đàn cầm bảy dây, đàn sắt hai mươi lăm dây, đàn không hầu hai chục dây, đàn đoản (cũng gọi là đàn Nhật hay đàn Tàu), đàn xến, đàn cò (nhị), đàn gáo (hồ), ống địch, ống sáo, ống tiêu, ống quản, bài-tiểu, sanh hoàng, kèn đại, kèn trung, kèn tiểu, kèn song hi, đại cổ, tiền-cổ, đặc-khánh, biên-khánh, bác-chung, biên-chung, huyền phương hưởng, đồng la, thanh la,

chiêng, chuông, mõ đều do Trung-Hoa mang đến. Tên các nhạc-khí hầu hết bằng chữ Hán mà cách tổ chức các giàn nhạc ngày xưa cũng bắt chước người Trung-Hoa. Nhất là sau khi vua Lê-Thái-Tông giao cho hai ông Nguyễn-Trãi và Lương-Đăng sứ mạng kê cứu nhạc nhà Minh để định nhã-nhạc Việt-Nam (1).

Đến tháng chín năm thứ ba, niên hiệu Thiệu-Bình (1437) Lương-Đăng trình hai đội Đường-thượng-chi-nhạc và Đường-hạ-chi-nhạc (2). Xem qua các nhạc-khí, chúng ta phải nhìn nhận rằng Lương-Đăng đã phỏng theo các giàn nhạc Triều-hạ-yến-hưởng-chi-nhạc (năm thứ nhất niên hiệu Hồng-Võ nhà Minh 1368) và giáo-phường-ti-nữ-nhạc (3).

Người Việt cũng dùng mấy chữ hò xự xang xê cống liu ú (合, 四, 上, 尺, 工, 六, 五) mà chép nhạc.

Nhạc-khúc được cấu tạo thường nhất trong hệ thống ngũ cung (Système pentatonique) và 10 bản Bắc (cũng gọi là 10 bài ngự hay 10 bài Tàu) đã chứng minh một cách rõ-rệt ảnh hưởng Trung-Hoa trong âm-nhạc Việt. Nhìn lại kịch trường : một đạo sĩ nhà Tống dưới triều Lý

(1) Ước trãi đi tập quyền 5, tờ 9 b Đại-Việt sử ký toàn thư quyển 11, tờ 38 a Khâm-định-Việt-sử thông giám cương mục quyển 17, tờ 2 b.

(2) Đại Việt sử ký toàn thư quyển 11, tờ 46 a

(3) Minh sử quyển 61, tờ 7 a, b

đã sang Việt-Nam dạy người Việt ca kịch theo Trung-Hoa (4).

Rồi đến binh sĩ Trần-hưng-Đạo bắt được một kịch sĩ nhà Nguyên tên Lý-nguyên-Cát, sau khi Toa-Đô bị thua quân Việt. Lý-nguyên-Cát đã dằn ƠN tha giết bằng cách dạy người Việt múa hát (5).

Trong các lối nhạc, Việt học hỏi với Trung-Hoa rất nhiều. Ở phía Nam nước Việt có nước Chiêm-Thành tuy nhỏ bé nhưng đã hấp-thụ nền văn minh sâu-sắc của Ấn và khi người Việt bao phen đụng chạm với người Chăm không tránh khỏi ảnh-hưởng ấy.

Ảnh-hưởng âm nhạc Chăm (và ngang qua đó ảnh-hưởng của âm nhạc Ấn-độ).

Từ trống phong yêu cổ, hai mặt tròn, thắt đáy lưng ong như trống damaru người Ấn đến cái trống cơm mà Lê-Tắc đã gọi là phạn cổ và chưa thêm (bỏ vì Chiêm-Thành giả : (6) *gốc của người Chiêm-Thành*), người Việt đã mượn trong âm nhạc Chăm và gián tiếp trong âm nhạc Ấn, không những mấy nhạc khí vừa nói trên, mà lại còn học của nhạc Chăm những điệu ai oán tủi hờn. Sử chép rằng vua Lê-đại-Hành đánh bại Chiêm-Thành năm thứ ba niên hiệu Thiên-Phúc (982) và đã bắt về, ngoài một nhà sư Thiên-trúc, còn có hơn 100 ca kỹ người Chăm (7).

Cung đàn, điệu múa dân Chăm đã lọt vào cung điện nhà vua nước Việt. Tháng tám năm 1060, vua

Lý-Thánh-Tông (1054-1072) đã chép lại một khúc nhạc Chăm đưa cho nhạc-công ca và chính tay người đánh trống phụ họa (8). Rồi đến vua Lý-Cao-Tông (1170-1210) ra lệnh cho nhạc-công Việt đặt bản « Chiêm-Thành Âm », tiếng nhạc trong, nhưng ai oán bi thương người nghe phải chan hòa giọt-lệ đến nỗi ông Tăng-Phó Nguyễn-Thường phải lên tiếng can vua. (9) Dân tộc Chăm ngày nay đã bị tiêu diệt còn đâu di-tích nhạc Chăm để ta so sánh với các điệu Nam trong Việt-Nhạc mà coi ảnh hưởng nhạc Chăm trong nhạc Việt được bao sâu.

Nhưng bao nhiêu đó cũng đủ chứng tỏ rằng trong một thời, nhạc Việt đã nhuộm mùi Chăm.

Ảnh hưởng nhạc Nam-Dương.

Ngày nay người Việt và người Nam-Dương cách biệt ngàn trùng. Nhưng ngày xưa trên giải đất mà

(4) VŨ-NGỌC-PHAN, Tạp chí (Franco-Annamite) ngày 1-4-1933.

(5) ĐÀO-DUY-ANH, Việt-Nam Văn-hóa sử cương trang 296.

ĐOÀN-NÔNG, Sự tích và nghệ thuật hát bộ trang 13.

(6) LÊ-TẮC. Annam chi lược quyền 1 từ 12 A.

(7) Đại Việt sử ký toàn thư quyền 1, từ 16a.

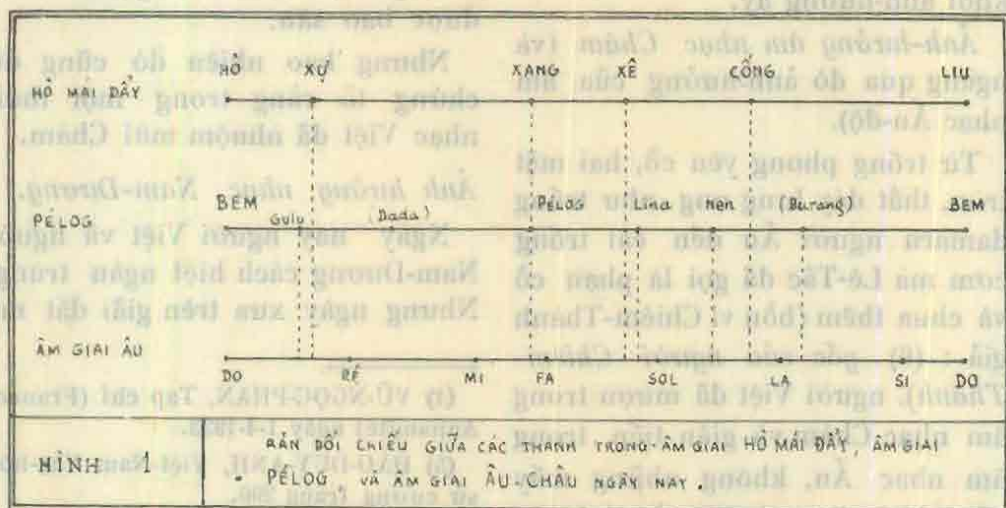
(8) Đại Việt sử ký toàn thư quyền 3, từ số 2b.

(9) Khâm - định Việt - sử thông giám cương mục quyền 5, từ 28a

Đại Việt sử ký toàn thư quyền 4, từ 23a.

hôm nay là lãnh thổ Việt-Nam, một dân tộc đã chiếm cứ, dân tộc ấy đã băng rừng, vượt biển và đi đến quần đảo Nam-Dương. Dân tộc ấy có để lại vài điệu nhạc chi chằng? Chúng tôi chưa đủ tài liệu để quả quyết rằng có. Nhưng từ chuyện ông G. Condominas (joocjor-Công-dô-mi-nát-xơ) tìm ra được một cây thạch cầm tại làng Nduť Lieng Krak (10) trong vùng Dalat đến chỗ giống nhau giữa âm giai hò mái dầy miền Trung và âm giai Pélog (pê-loc) của người Nam-Dương, chúng tôi thấy rằng đó không phải là chuyện ngẫu nhiên.

Hò mái dầy và hò mái nhì phải chăng là một di tích của người chẻ ra điệu Pélog ở Nam-Dương? Các nhà khảo nhạc ngày nay vẫn còn đánh một dấu hỏi về nguyên thì của hai điệu Pélog và Slendro (xơ-lênh-dờ-rô) của người Nam-Dương (11). Theo thiên-kiến của chúng tôi, sau khi đo cao độ của những âm chánh trong âm giai hò mái dầy và âm giai Pélog, chữ xự và chữ cồng lơ lơ của các điệu hò Huế hẳn là bà con xa gần với thanh gulu và Nem trong âm giai Pélog.



Phần đóng góp của dân tộc Việt trong việc xây dựng nền âm nhạc Việt-Nam.

Học hỏi, hấp thu nhạc nước ngoài, dân Việt thay đổi âm điệu cho phù hợp với sở thích của mình. Ngay như học chữ Hán với người Trung-Hoa, mà lúc đọc, lại phát những thanh khác. Ngày xưa, ông Nguyễn-dinh-Địch, làm quan nội-

điện cung-phụng quân tiên hữu dôi, dưới đời Cảnh-Hung (1740)

(10) Georges-Condominas, Le Lithophone préhistorique de Nduť Lieng Krak (Thạch cầm vào khuyết sử thời đại tại làng Nduť-Lieng-Krak) Tập kỷ yếu trường viễn đông bắc cổ năm 1952 tập 2 TXXV-fasc 2 trang 364.

(11) Jaap Kunst, De l'origine des échelles javano-balinaises (Nguồn gốc của các âm giai nhạc Ba-li tại java) trang 3.

học đàn Nguyệt-cầm mà lúc gảy biến đổi theo ra tiếng Nam. Cũng như ông Vũ-chi-Đồng người làng An-Thái học nhạc Trung-Hoa biết đủ các tiếng các bài (Bắc-diệu) nhưng lúc đàn lại « Tinh thủ đàn vi nam âm » đàn ra tiếng Nam (12).

Hầu hết nhạc khí Việt do người Trung-Hoa mang đến. Một số nhỏ do người Chăm. Nhưng người Việt cũng đã chế ra vài nhạc khí đặc biệt Việt.

Theo sách « Đại Nam liệt truyện tiền biên » thì ông Luận-quốc-Công húy là Dục — chẳng biết ông sanh năm nào chỉ biết ông thất lộc năm 1753 — thấy rằng giọng ca tiếng hát véo von khi trầm khi bổng mà chẳng có một nhạc khí nào phụ họa cho đúng, nên đã lược những cái hay trong đàn cầm, đàn sắt và đàn tỳ bà để chế ra cây Nam-cầm 8 dây : Ông Luận-quốc-Công dạy một người hầu đàn hát rất hay. Chỉ tiếc là cây đàn ấy, nay đã thất lạc phương nào và mất còn chẳng ai biết được. (13) Cây đàn độc huyền hay đàn bầu chẳng ai biết từ đâu mà đến. Theo ông Hoàng-Yến thì đàn ấy từ miền Bắc theo một đoàn xam xoan (người mù đi hát đạo) vào miền Trung vào khoảng năm 1896 (14). Người Trung-Hoa không có đàn một dây. Người Nhật-bản có đàn *Ichigen-K'in* (nhứt-huyền-cầm) nhưng họ chỉ chặn dây bằng một tsume bằng ngà để đàn, theo lối một nhạc công xử dụng lục-huyền-cầm Hạ-uy-di (Guitare Hawaïenne). Người

Cao-Miên có đàn Sadiou (Xa-di-u). Người Ấn có đàn một dây Gopiyatra (Gô-pi-i-ăng-tờ-ra) đàn pinaka (pi-na-ca) đàn ananda-lahari (a-năn-da-la-ha-ri) nhưng họ cặp đàn vào tay trái rồi cứ vừa khảy vừa uốn nắn giọng chờ chẳng biết dùng bồi-âm (Harmonique) như người Việt. Đàn Yektar (y-êch-ta) của miền Bắc nước Ấn, phải kéo bằng cung. Chỉ có đàn độc huyền, nhờ dùng bồi âm, mà giọng uyển chuyển nỉ non như tiếng người, và dần phồng theo các đàn Ấn để chế ra đàn độc huyền người Việt đã đi đến chỗ tinh vi.

Từ hơn hai thế kỷ nay, người Việt dùng mấy chữ hò xự xang xê cộng 合, 四, 土, 尺, 工, để ghi chép nhạc, nhưng ngày xưa đã biết dùng mấy chữ tinh, tĩnh, tình, tính, tung, tàng, tang, 性, 靜, 情, 星, 窩, 藏, 藏 để chép bản dờn cho các nhạc khí loại giấy tờ, và tin, âm, hò, tịch, tốt, tò, he, 信, 音, 連, 寂, 子, 徂, 希, để chép bản cho các loại kèn sáo (15). Rồi bao nhiêu khúc điệu trong dân-gian, câu hò tiếng hát do những người lao công sáng tác : quan họ, hát

(12) PHẠM-ĐÌNH-HỒ Vũ Trung tùy bút tờ 67b.

(13) HOÀNG YẾN, La musique à Huế (Âm nhạc Huế) Bulletin des Amis du Vieux Huế. Juillet-Septembre 1919 trang 252.

(14) HOÀNG-YẾN, La musique à Huế B.A.V.H. Juillet-Septembre 1919 trang 250

(15) PHẠM-ĐÌNH-HỒ, Vũ trung tùy bút, tờ 67a, b.

chèo, hát dùm, hát trống quân đến cả hát ả đào, chỉ rõ rằng người Việt đóng phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng nền âm-nhạc Việt-Nam.

Ảnh hưởng Âu-châu

Sơ lại các ảnh hưởng Trung-Hoa hay Ấn-độ đã ăn sâu vào nền tảng âm nhạc Việt, ảnh hưởng âm nhạc âu-châu chưa thấm vào đâu. Người Việt, bảo thủ như người Trung-Hoa, không tiếp nạp ảnh hưởng ngoài một cách dễ dàng. Không phải tại chuyện mấy gánh cải lương dùng bản *Madelon* (Ma-dờ-lông) hay *Marseillaise* (Mạc-xây-i-e-zô) trong lúc « chưng lớp » hoặc đặt lời Việt theo giọng *J'ai deux amours* (Je-dơ-za-mua), hay chỗ nhạc công Việt dùng đàn Mandoline (Măng-dô-li-nơ), đàn Violon (Vi-ô-lông) đàn vọng cổ mà ta có thể nói rằng cổ nhạc Việt cũng đã chịu ảnh hưởng nhạc Âu-châu.

Có điều, nhạc Việt rất tĩnh (statique) như hầu hết âm-nhạc Á-châu, và nhạc Âu-châu rất động (dynamique). Một viên đàn đang lẩn, chạm vào một viên đàn đang đứng cũng đầy viên này lẩn được một phần nào. Do sự dụng chạm đó, mà từ năm 1917 có sự thay đổi trong kịch trường. Cải lương ra đời mà từ cách bài trí trên sân khấu, thêm sơn thủy đến chỗ dùng nhạc tài-tử đặt lời ca mới, cải lương na-nà giống các loại « opé-

rette » (ô-pê-rét : tiểu ca kịch Âu-châu) Vào khoảng 1919-1920 ông Trần-quang-Quơn chế ra các thứ đàn mới, đặt bản mới nhưng theo điệu cũ, cũng Bắc, cũng Nam, cũng ai, cũng oán. Mãi đến sau năm 1935, các nhạc-sĩ Việt mới thử sáng tác các điệu mới theo âm giai và cách ký âm Âu-châu. Đến khi các điều kiện chính trị, kinh-tế thuận tiện hơn, âm nhạc mới đã ra đời. Trong nhạc mới từ cách kết-cấu đến mấy chỗ chuyển cung (Modulation) hay kết thúc bản nhạc bằng chủ-âm (tonique) cách dùng nhạc đề (thème) rồi thêm biến-khúc của nhạc đề (Variations) nhạc sĩ Việt đã chịu ít nhiều ảnh hưởng nhạc Âu-châu. Đi hết bề rộng sang bề sâu, nhạc sĩ Việt dùng cả hòa âm (harmonie) trong nhạc mới. Trong bài này, chúng tôi chỉ nêu ra một vài ảnh hưởng nhạc ngoại quốc trong nhạc Việt. Chúng tôi chưa bàn đến cái hay và cái dở trong sự áp dụng nhạc thuật ngoại quốc, lúc sáng tác nhạc Việt.

Âm nhạc Việt trải qua bao nhiêu thời đại, chịu bao nhiêu ảnh hưởng. Một ảnh hưởng tốt hay xấu đều do nơi mình biết hay không biết chọn cái hay và bỏ cái dở.

Paris, đông 1957

TRẦN-VĂN-KHÊ

(Trong một bài sau, chúng ta sẽ xem qua các thể, các loại trong âm nhạc Việt).

Thi sĩ vốn xưa kia là Gió

Gửi T.V. KHÈ đề nhớ một nhà thơ
và một mái nhà thơ thương

Gió từ nơi nao tới ?
Gió về phương trời nào ?
Đất, Trời vừa dựng :
Là có Gió rì-rào...
Là loài Người xôn xao...



Gió mơn trớn Đất hiền nằm ngóng đợi,
Gió vỗ về Đá lạnh giữa chơi vơi.
Gió làm mai thiết thiết chơi chơi
Cho Nhụy nọ gởi vào lòng Hoa nọ.
(Cho hạt giống từ đâu bằng tới đó.)

Khi nhảy múa với Lá Vàng gần bó,
Lúc điên cuồng cho Cát Bụi xác xơ...
Gió thổi dài ve vượt Mặt bờ phờ,
Hay đập nhỏ Cây, Nhà hống hách.

Ai căng buồm cho thuyền ai trình bạch
Mang Tình Thương, Hiểu Biết đến xa xa ?
Ai xúc, quăng Nước mặn nặng bao la
Để chôn chặt bao phường giặc cướp ?
Ai thổi lửa để tiêu tan — trong chớp
Mắt — bao cơ đồ dựng với máu xương ai !
Nhưng đôi khi, ai cũng quá bi ai
Bay lên Nguyệt để cùng ai thủ thi.



Và vì thế, mà GIÓ thành THI-SĨ.

1939-1956

NGUYỄN-HỮU-NGUYỄN
(Có những bài thơ...)

MƯA ĐÊM CUỐI NĂM

VÕ-PHIẾN

NGỌC và Lung ngồi trên một tảng đá lớn, đã nghe thấy lạnh. Trăng sáng trên cái mênh-mông ngun-ngút của núi rừng. Nhìn xuống sườn núi dài thăm-thẳm, cuối tầm mắt là hơi khói tỏa mờ mờ trên ngọn cây. Bóng hai người như hai con quạ đen kỳ quái ngả dài trên đá.

Ngọc nói :

- Mai đồng chí đi ?
- Sáng mai phải đi thì chiều mười tám mới đến Ân-hiệp kịp hẹn.



— Thao đường đi Ân-hiệp chưa?

— Vừa mới nói ban chiều rằng đây là lần đầu đi về vùng ấy.

— Xa ba năm rồi nhưng mình chắc về Ân-hiệp mình không quên một con đường nào. Nghĩa là mình nhớ từng gia-dinh, quen từng nhà...

Lung không nói, y biết rằng Ngọc đang ngập ngừng trước một câu hỏi mà anh ta đã nhắc lại hai lần rồi : « Tại sao mình lại không được phân công đi Ân-hiệp hả ? » Lần này thì Ngọc chùn lại kịp, không thốt ra câu hỏi. Nhưng anh ta mất trón nói chuyện, ngồi yên lặng.

Lung nghĩ đến những làng thượng du sẽ đi ngang qua. Đêm nay ở hang Tà-léc. Chiều mai có thể đến Nước Dòng, đêm mai nếu tình hình khá có thể ngủ bên một bếp lửa... Y quay lại nói với Ngọc :

— Đồng chí Ngọc, kiểu nhà sàn người thượng bên Nước Dòng ngộ lắm. Cửa lớn ngó lên ngọn núi. Về phía chân núi có một cửa sổ nhỏ nhỏ. Mình ở dưới nhìn lên thường thường trông thấy trẻ con thấp thò ló đầu ra giống như những con thỏ con nhốt trong chuồng, xinh quá. Đồng chí đến Nước Dòng chưa?

Ngọc không đáp lại. Lung ngả lưng nằm ngửa, khoanh hai tay vòng lên đầu làm gối, nhìn bạn. Lung không có cảm tình với vẻ mặt ấy. Hai con mắt của Ngọc sâu mà nhanh nhẹn quá. Có một cái gì không thẳng-thắn trong cái nhìn của anh ta, Lung có cảm tưởng

như thế, vì Ngọc không chịu đựng nổi một khi bị người khác nhìn lại. Những lúc ấy anh hoảng hốt, tránh trở tháo lui, vội vàng ngó lảng ra phía khác. Cảm anh ta nhọn, hai môi mỏng, gương mặt gầy, lưng quyền nhô cao. Nhất là cái nước da ngăm ngăm và tron bóng lên của anh ta, Lung thấy ghét lạ. Lúc này nằm ngửa nhìn lên, Lung tò mò ngăm gò má bên phải của anh ta sáng lên một đường viền dưới trắng. Trán của anh có bề rộng nhưng lại thấp, rất thấp và có hai lần nhăn trông cộc-lốc. Lung nghĩ : « Một tư tưởng thiên cận nào đã có cơ hội in sâu vào những nét nhăn ấy thì thực khó bề mà đuổi cho đi khỏi ». Ngọc không có những ý-nghĩ sâu sắc, tế nhị, nhưng anh ta thật là dai-dẳng, đã húc đầu vào một tư-tưởng nào thì cứ như bấu riết vào đấy, không tài nào gỡ ra được. Tuy vậy, nếu bị công kích, hay chỉ là bị chỉ trích xa xôi, anh ta vội-vàng tháo lui, lảng trốn như bỏ trận chạy dài. Thế rồi công kích xong, đầu lại vào đó, anh ta lại trở về với tư tưởng của mình, ròn rên, lặng lẽ, tuồng như là vụng trộm, nhưng mà rất ương ngạnh. Anh ta có những biểu-lộ thiếu tự-tin ở cặp mắt, nhưng ương ngạnh, thiên cận vì cái trán.

Bỗng Ngọc lên tiếng hỏi Lung :

— Đồng chí có thấy tôi nhút nhát lắm không ? Tôi thật là nhút nhát... nghĩa là tôi hành động không cương quyết gì cả. Nhiều lần tôi

tự kiểm thảo thấy rằng chỉ vì e dè, do dự, thiếu mạnh dạn mà tôi hỏng việc rất nhiều. Nghĩa là tôi rất sợ người. Đồng chí hiểu không? Tôi sợ người... Nghĩa là khi nào đối tượng của hành động tôi không phải là sự vật mà là một con người thì tự nhiên tôi e-ngại, rình từng cái phản ứng, có khi tưởng-tượng trước những phản ứng của đối tượng, sinh ra ngập ngừng, rút rè rồi làm hỏng việc. Đồng chí hiểu chưa? Thí dụ thế này, nếu cấp trên giao cho tôi vận chuyển một tấn lúa đi năm cây số, tôi có thể làm được, nếu bảo tôi tìm ra khuyết điểm của một cây súng xấu để sửa chữa lại, tôi có thể tìm tòi ra được, vì tôi chỉ đối đầu với những khó khăn vật chất. Nhưng nếu phải đi thương lượng với một nghiệp đoàn xe ngựa để bằng lòng giáo dục các đoàn viên về thái độ nhã nhặn và nhường thêm ít nhiều quyền lợi cho cán bộ thì tôi khó mà đi tới kết quả tốt đẹp. Nghĩa là tôi e dè dặt, tôi khó tạo ra được một không khí hiểu biết lẫn nhau giữa đại diện nghiệp đoàn với mình, tôi cứ rút rè, trịnh trọng, làm cho không khí nặng nề, khó chịu. Đồng chí hiểu chưa, nghĩa là...

— Tôi hiểu...

— Vâng, nghĩa là ví dụ thế, chứ bây giờ, giai đoạn này thì không có công-tác gì với nghiệp đoàn xe ngựa.

Lung bật cười. Ngọc quay lại nhìn như lo lắng, và vội vàng tiếp tục:

— Không, không! đồng chí nên hiểu đó là một trường hợp tâm lý

rất kỳ-quặc, một trường hợp tàn phế về tâm lý. Hồng lắm, hồng lắm. Tôi tiếp xúc với một người la khó khăn, đau khổ hơn đáp phải lửa. Sợ đồng loại là nghĩa lý gì? Vô lý thể mà không sao sửa chữa được. Tôi thường tự nhắc với mình luôn luôn rằng người ta ai cũng giống nhau, cứ tự nhiên, đừng trịnh trọng, nhất định đừng tạo ra cái không khí trịnh trọng, cứ vượt khỏi những câu nói cử chỉ lễ mễ xã giao lúc đầu, là ta gặp một con người y như mình. Thế mà tôi không vượt qua khỏi. Tôi thấy có những kẻ giao thiệp rất tự nhiên, họ tiến áp ngay đến những cái vô vai, bá cổ, những câu đùa giỡn, không có gì khó khăn cả. Còn tôi, tôi đến tiếp xúc với một người lạ, làm quen với một đồng loại mà y như kẻ rút rè, bước vào một biệt thự sang trọng, rón rén từng bước chân, nín từng tiếng ho, ngại ngừng đủ chuyện, thật là khổ sở, khổ sở. Một người khách mà mình rót nước, đưa thuốc ra mời, với một người bạn nằm chung một giường gác chân lên mình nhau mà ngủ, có gì khác nhau đâu, họ giống như nhau cả. Ai cũng muốn nói những câu tự do, có những cử chỉ tự nhiên đối với nhau, ai cũng thích đối đãi thân mật, muốn có thể vui vẻ cãi um lên với nhau để xem ỏi ngon hơn xoài, quit ngon hơn đu đủ hay là trái lại, xem bôi lột thú hơn hay đá bóng sừng hơn, ai cũng ghét trịnh trọng, ghét những câu mời mọc xã giao, những câu đối đáp lễ phép lạt lẽo vô vị cả. Chỉ cần

bạo dạn xô ngã cái tường ngăn cách giả tạo một cái là ta ulla đến ôm nhau nói cười. Thế mà tôi không làm được. Nghĩa là, đồng chí hiểu chưa...

— Tôi hiểu — Nhưng tại sao đồng chí đêm nay lại nghĩ về chuyện đó ?

— Không, nghĩa là thế này. Đồng chí đừng cười chế diễu như thế. Tôi có nghĩ về chuyện đó nhiều lắm đâu — Không !

Lung nin cười, vẫn nằm ngửa, nhìn lên, tò mò ngắm cái vể lúng túng trên gương mặt tròn bóng của Ngọc. Anh ta lại chạy tránh. Giống như một con chim nhát gan, nghe một cái lá rơi nhẹ vội nhảy lung tung trong lồng.

— Tôi không bảo đồng chí nghĩ về chuyện đó là có gì khuyết điểm. Đồng chí có thể nghĩ về vấn đề ấy chứ...

— Không, không có lý do gì cả, không có lý do gì làm cho tôi đặc biệt chú ý đến vấn đề đó cả. Nhưng nghĩa là thế này, tôi lấy một ví dụ: tôi chắc người con gái nào khi đã gần gũi với mình rồi cũng thích được hôn hít cả, cũng có thể nói những câu vớ vẩn, riu ra riu rít, bàn tán với mình những chuyện vu vơ, nghĩa là cũng là một người đàn bà tầm thường như nhau cả. Vậy thôi. Thế mà khi còn cách biệt, khi mà mình chưa làm quen, chưa phá đồ được bức tường trinh trọng ngăn cách, chưa nói được câu thân mật đầu tiên, thì xung quanh họ, chao ôi là... huyền bí. Mùi hương

thơm của họ phất qua cũng khiến mình nghĩ ngợi liên miên, chạm được cái tà áo của họ một lần cũng bao nhiêu là xúc động, và nhớ và nghĩ, như một kỷ niệm quan trọng. Một chút gì lúc đó cũng có ý nghĩa cả. Và bởi vì mình vẽ vời tưởng tượng ra nhiều ý nghĩa quá cho nên mình lại càng dè-dặt từng cử chỉ, lời nói của mình, cho nên lại khó tự nhiên, thân mật. Nghĩa là cũng như khi mình tiến tới trong một căn phòng lộng lẫy quá thì mình không dám khua động sỗ sàng đấy mà. Tôi chắc rằng những kẻ gọi là giỏi tán gái chính là những kẻ không thấy những cử chỉ, ngôn ngữ, những cái ngó cái nhìn của con gái có « nhiều ý nghĩa » quá đáng, là những kẻ có thể tầm-thường-hóa được hết mọi phụ nữ. Cứ tự nhiên mạnh dạn, thẳng thắn phá vỡ cái lớp vỏ trang trọng do cuộc sống xã-hội bọc quanh mỗi người, vào trực tiếp với cuộc sống thân-mật, bản năng của họ, thì... thì... như nhau cả... giống nhau, có thể gần nhau lắm..., hà... hà...

Ngọc nhìn Lung cười nhẵn nhừ. Lung nhìn hai đường ánh sáng mỏng viền quanh hai vành tai anh ta rất ngộ-nghĩnh. Lung nói :

— Tôi muốn đồng chí đưa một ví dụ cụ thể hơn nữa. Một trường hợp có người có việc, có tên có tuổi rõ ràng...

— Không, không ! Nghĩa là tôi ví dụ thế. Đồng chí nên hiểu tổng quát chung cho cả sự giao thiệp giữa người và người, chứ không

riêng giữa nam nữ. Những người công-tác dân vận có hiệu quả là...

— Tôi phá vỡ cái vỏ của đồng chí đây! Xin tiến vào cuộc sống thân mật: tôi chắc đồng chí đang nghĩ đến những chuyện ái tình không may mắn của chính đồng chí?

— Không, không! Nghĩa là tôi nói tổng quát thế...

Lung phá lên cười, gác một chân lên đùi Ngọc, và giơ tay phất mạnh vào lưng anh ta:

— Nói thế chứ có ai ép cung khai đâu. Nhưng việc gì mà dấu?

— Nghĩa là nói tổng quát thế. Chứ riêng trường hợp tôi thì hỏi còn công tác hai năm liền ở Ân-hiệp...

— Á! Ở Ân-hiệp! Hèn nào...

— Không, nghĩa là không nhiều đâu. Chỉ có một vấn đề thôi.

— Vấn đề?

— Không, chỉ có một câu chuyện, nghĩa là một câu chuyện ái tình thôi. Không đi đến kết quả. Nghĩa là không có thì giờ để đi đến kết quả. Vì chúng tôi yêu nhau vô cùng, tha thiết lắm...

Ngọc ngó Lung có vẻ vừa ngỡ vực, vừa bối rối:

— Nghĩa là Cúc và tôi hiểu nhau rồi, hiểu là yêu nhau rồi. Chỉ còn một cơ hội mạnh dạn phá một cái màn ngăn cách rất giả tạo, một thái độ dè-dặt của cả hai bên rất vô lý, giả dối, chỉ còn chờ một cử chỉ, một câu nói thành thực là xò được cái màn cách biệt rất mong

manh đó đề... yêu nhau thực sự. Vậy mà... đồng chí biết đấy chứ, vâng, đồng chí đã hiểu là tôi không có tài tạo ra cơ hội ấy. Thực là vô lý. Nhưng tôi có thể nói chắc là suốt đời cả hai đứa không bao giờ quên được nhau. Nghĩa là nếu đồng chí hỏi lấy gì làm bằng chứng thì tôi không thể kể ra một câu thề thốt nào, một lời hứa, một câu nói nào cả, nhưng đồng chí nghĩ coi: làm thế nào có thể sống trong cái không khí sôi nổi của hai tâm hồn tha thiết yêu nhau mà không cảm thấy điều đó được? Không có một bằng chứng gì cụ thể rõ rệt cả, nhưng tôi nhất định rằng thời gian đó tôi được yêu. Một người mù, hoàn toàn mù, không trông thấy được ánh sáng, nhưng từ trong nhà mắt bước ra ngoài sàn nắng họ vẫn cảm thấy cái không khí bao bọc quanh mình thay đổi khác hẳn. Tôi có cái cảm tưởng chắc chắn đã bước vào trong cái phạm-vi ánh nắng tình yêu của Cúc, cái ánh nắng gắt gao vây quanh tôi, một thứ nắng làm ta say sưa ngây ngất như một ngày xuân đẹp trời.

— Đã lâu lắm rồi tôi không được nghe những câu lãng mạn như thế.

Ngọc nhìn Lung, lo lắng, không hiểu ý bạn nói gì. Chợt anh ta như vừa nghĩ ra, xấu hổ, lúng túng.

— Không, không. Nghĩa là đồng chí nên hiểu rằng chúng tôi đã yêu nhau hơn một năm trời. Tình yêu của chúng tôi như con vịt con đã

thành hình trong trứng, chỉ còn đưa mỏ ra mổ xé một cái màn mỏng là thoát khỏi vỏ. Thế nhưng đồng chí đã biết rằng tôi tàn tật...

— Tôi biết...

— Không, nghĩa là Cúc đẹp lắm, trời ơi, đẹp lắm, mới mười bảy tuổi. Năm đó Cúc mười bảy tuổi. Tôi tin chắc đồng chí mà quen biết Cúc thì cũng phải... cho là đẹp...

— Ý đồng chí muốn nói tôi cũng mê cô ta chứ gì? Thôi... Chúng ta còn phải ở núi lâu dài. Đề nghị chưa nên nói chuyện gái, chuyện sắc đẹp... Này! Đồng chí có thấy đói không? Chúng ta nhóm lửa lên thui mớ nấm còn lại ấy ăn cho hết. Mai sáng đồng chí sẽ kiếm mớ khác. Được không? Tôi nhất định ở xung-quanh gốc cây si ấy còn có thể ra được nhiều nấm nữa.

Có tiếng lá sột soạt gần bên. Cả hai người đều ngoảnh mặt nhìn về phía tiếng động; hai con nai con vừa ở đâu đến, đứng cách hai người không đầy mười thước, vênh đầu nhìn sững. Ngọc nhìn cặp mắt hai con nai mở to mà bình tĩnh, thản nhiên. Rồi chúng thông thả bước đi, không để ý đến hai người. Những cái bóng lá loang-lổ lấp loáng lướt qua trên mình chúng rồi rơi nằm xuống đất.

Trong lúc ấy tiếng một con rắn lục rít lên, lướt dài như thoảng qua ngang đầu.

Lung nhìn lại Ngọc thì vẻ mặt anh ta đã xa vắng. Lung có cảm tưởng như mình vừa lơ dềnh, quên theo dõi một con cá lơ dờ nổi gần

mặt nước, để cho nó nguẩy đuôi lặn biến xuống sâu lúc nào không hay. Và cả Lung cả Ngọc đều không nhớ đến chuyện mớ nấm nữa. Lung nằm im, nghĩ đến nhiều người con gái. Tuy rằng y đã hăm câu chuyện của bạn lại nhưng chính y cũng đang xao-dộng, nghe chỗi dậy nhiều nhớ nhung thèm khát lơ mờ.

Y vùng đứng dậy, đi vào trước cửa hang, thổi lửa lên, đun ba bốn cây gộc to cho ngọn lửa bốc cao, rồi sửa soạn đồng lá khô lót trong hang để nằm. Ánh lửa chập-chờn, nhiều mảng bóng đen nhảy múa trong hang, chồm chồm lên nhau như xô đuổi, vật lộn nhau, lộn xộn. Lung nhắm mắt lại. Nhưng trong trí y vẫn còn cái cảnh ấy: trước đây một năm, đã có lần y nằm với một người đàn bà thượng du trong hang này suốt ngày. Người đàn bà thượng du, y dẫn từ dưới làng Nước Nhỉ lên. Và y với người đàn bà vật nhau, giỡn nhau, chờn vờn trong cái hang lơ mờ như những tảng bóng tối hỗn độn đêm nay. Và hai người cười sặc sụa, giỡn la chi chóc như những con thú tự do khoái trá giữa chỗ núi rừng vắng vẻ. Người đàn bà đó bây giờ ra sao? Y đoán chắc đó là một người thượng du lai, vì khuôn mặt, mũi và miệng có nhiều nét giống người kinh. Nhưng sợi tóc vàng hoe-hoe dính trên áo y, và cái mùi khét nằng mà y mừng tượng còn ngửi thấy quanh mình mấy hôm sau, làm cho y không muốn tìm về Nước Nhỉ nữa.

Cô tiếng một con chim gì vỗ cánh bay rất nặng nề qua trước cửa hang.

Một lúc lâu, y ngủ. Ngọn lửa ha thấp lùn, thấp lùn. Rồi chỉ còn những cái lưỡi lửa, xanh có, vàng có, liếm loanh-quanh trên những cây củi gộc to. Quá nửa đêm, Lung mơ màng thức giấc, thấy như có cảm giác mơn man nhẹ nhàng trên khắp người. Y nằm im thoát dần ra khỏi tình-trạng lơ mơ, y chú ý thấy cảm giác được mơn man tập trung trên một cánh tay phải. Cuối cùng y tỉnh táo hẳn, mở lim-dim hai mắt trong bóng tối, và thấy Ngọc đã vào nằm bên y không biết từ lúc nào. Anh ta đang dùng tay trái nâng niu đỡ cánh tay phải của y lên. Còn tay phải của Ngọc thì vuốt ve nhẹ-nhàng trên tay y, xoa lên xoa xuống rất âu yếm mơn-trón. Y không kịp ngượng, nhìn theo cái cử chỉ kỳ dị ấy, như chờ đợi một kết cuộc lạ lùng. Y chăm chú theo dõi cái bàn tay phải của Ngọc úp xuống, lum lum ôm lấy cánh tay y, lướt phớt qua trên da thịt y, ấm-ấm. Ba phút rồi, Ngọc vẫn cứ tiếp tục một cử động ấy.

Lung nhìn lần lần lên mặt bạn. Y kinh ngạc hết sức: hai con mắt của Ngọc vẫn nhắm tít như người ngủ kỹ. Y không tin, mở dần mắt của mình ra để nhìn, thì vẫn quả như thế. Ngọc nhắm mắt như đang ngủ. Nhưng có lẽ anh ta không ngủ: hai bên gốc chân mày của anh ta nhui nổi lên, về mặt anh

ta diễn tả một sự chăm chú, thiết tha dè mê, đồng thời một bồn khoăn, gần như khổ sở. Về mặt anh ta không phải là về mặt của một người đang ngủ. Nhưng tại sao y nhắm mắt và cử-dộng, như trong một giấc mơ? Lung lạ lùng, nhìn Ngọc, không cử động. Năm phút, mười phút qua, dần dần Lung thiu thiu, mắt y mờ và khép lại như ngọn lửa lặng lẽ tắt trên một cây củi gộc trước cửa hang. Trong cảm giác lơ-mơ trước giấc ngủ, y vẫn còn nghe bàn tay của Ngọc lướt nhẹ nhàng trên cánh tay y.

Sáng hôm sau y thức dậy thì Ngọc đã đi đâu, không còn trong hang nữa. Y mở tủi xem lại hành lý và tài liệu, chuẩn bị ra đi. Lúc y sắp đi thì Ngọc vừa về. Anh ta nói:

— Đêm qua con heo một lại đi ngang qua đây. Tôi vừa theo dấu chân, thấy nó loanh-quanh ở đây có lẽ lâu lắm.

— Đêm mai đồng chí ráng thức mà bắn, ta còn nhiều tên thuốc độc, cả mớ tên của tôi để lại đồng chí lấy mà dùng. Bao giờ về sẽ tạo mớ khác.

Ngọc bước lại gần:

— Đồng chí đi đấy à?

— Đi

— À... à

Anh ta ngập ngừng, bồn khoăn. Lung đặt tay lên gáy anh ta, thân mật dầy đi theo mình một đoạn đường. Anh ta nói, khó khăn:

— Đồng chí đi Ân-hiệp lần này, nếu có thể, nghĩa là nếu đồng chí gặp dịp, vàng, nghĩa là không có gì phiền hà thì đồng chí tìm gặp Cúc và bảo rằng tôi còn sống ở đây và có lời nhắn thăm Cúc... Thế thôi. Vàng, chỉ có thể thôi.

— Chỉ có thể thôi à ?

Ngọc cười theo Lung, không đáp lại câu chế riễu. Anh ta nhớ một điều nói thêm :

— Đồng chí có thể tìm ra dễ dàng, mà không phải hỏi đến tên Cúc. Anh ruột cô ấy, anh Hiếu, cũng là một đồng chí, nghĩa là trước kia, bây giờ thế nào đồng chí về đến Ân-hiệp thì biết ngay. Có lẽ đồng chí có cơ-hội tìm gặp dễ dàng.

Lung ngồi núp dưới lòng suối khô, chờ đợi. Đêm đã khuya. Y ngẫm nghĩ băn khoăn : người con gái có cái bí danh là Thu sắp sửa đến gặp y đêm nay đã « thông cảm vắn đề » chưa ? Đã được giải thích trước chưa ? Hay là người ta chỉ bố trí một cơ-hội thuận tiện rồi để mặc Lung, sự thỏa thuận chắc chắn sẽ đến ? Mặt mũi Thu ra sao nhỉ ? Trời tối như thế này làm sao y có thể trông thấy được mặt cô ta ?

Y nhớ lại nét mặt trông thấy một buổi chiều, cách năm hôm nay, trong nhà người đảng-viên có bí danh là Sơn. Hôm đó trời mưa, sân hè ướt bầy nhầy. Lung lên vào nhà lúc ba giờ chiều, mà trong nhà tối mờ-mờ. Sơn với y ngồi đối

diện nhau trước một cái bàn thấp đặt ở giữa nhà trên. Tất cả cửa lớn thông ra ngoài sân đều đóng, và biết vì trời mưa, ngoài đường vắng vẻ ít người qua lại, nên cả hai người cũng yên lòng.

Sơn kể lại với y về tình hình xóm làng, tinh thần của những người đảng viên cũ. Trong khi nghe anh ta kể, Lung để ý đến cái chông tre đặt dài phía trong hàng cửa, trong bóng tối. Trên chông, có một ông cụ già răn rúm, hình vóc nhỏ như đứa trẻ mười bốn tuổi, đầu trùm một chiếc khăn điều, chân mang đôi tất của quân đội, đắp chiếc mền đã cũ, nằm ngủ. Không biết ông cụ ngủ giấc ngủ gì vào nửa buổi chiều, và đến bao giờ mới dậy, mà suốt một giờ đồng hồ nói chuyện với Sơn, Lung không thấy ông ta trở mình, cựa quậy. Lung tò mò nhìn những sợi râu ngắn xơ xác của ông ta vểnh lên, vàng vàng. Dần dần Lung để ý đến một thứ tiếng rì rầm ở phía trong buồng. Một giọng đàn bà không còn trẻ nữa thì thầm có vẻ giận dữ day-dứt như một giọng mắng nhiếc, nhưng cố hãm thấp xuống. Lung nhìn nét mặt của Sơn thấy anh ta thản nhiên như không biết có việc gì xảy ra : anh ta hoàn toàn không quan tâm đến ông cụ già nằm ngủ sát bên cạnh và tiếng nhiếc-móc day dứt nổi lên phía trong buồng. Thái độ lãnh đạm thản nhiên hoàn toàn đó càng làm cho tình-trạng khó hiểu thêm. Vừa theo dõi lời trình bày của Sơn, Lung vừa nghĩ ngợi quanh-quẩn.

Tiếng rì rầm phía trong buồng có lúc nổi mạnh lên như hấn học giận dữ, như một ngón tay xĩa xoi, uất ức, rồi lại hạ xuống, tiếp diễn đều đều. Cứ như thế kéo dài hằng giờ đồng hồ.

Thình-linh Lung nghe tiếng cửa buồng mở ra kêu kệt kệt. Một người con gái trên hai mươi tuổi từ trong buồng ra, đi ngoặt xuống bếp. Tiếng rì-rầm nhể-móc nín bật. Lung ngạc nhiên về cái vẻ mặt hoàn toàn thần nhiên đứng-dừng của người con gái, cái thần nhiên khó hiểu, như chối phắt những điều vừa xảy ra trong buồng.

Giữa các sự việc trong nhà của Sơn lúc đó có cái gì thiếu mạch lạc, thiếu liên quan làm cho Lung tự thấy tưng-hửng.

Năm phút sau, người con gái lại từ dưới bếp đi lên, ngoặt vào buồng, nét mặt vẫn lạnh-lùng và đẹp kỳ dị. Khuôn mặt ấy có một vẻ gì bình tĩnh, tự tin, nhưng mà tươi vui hấp dẫn. Cánh cửa buồng vừa khép lại, tiếng rì-rầm lại nổi lên.

Lúc Lung bước ra đến hè, anh còn quay lại một lần nữa, nhìn vào cánh cửa buồng vẫn đóng kín.

Đêm nay, trong lúc ngồi chờ đợi một nữ đồng chí chưa từng biết mặt, y lại nghĩ đến người con gái ở nhà Sơn. Người đàn bà ở trong buồng rì rầm nhể-mắc suốt buổi chiều hôm đó là gì với Sơn, với người con gái? Tại sao những lời ấy không có một tác động gì cả, chỉ như tiếng mưa xối xuống sân đều

đều không ai chú ý? Thế là nghĩa lý gì? Những tháng sống trên núi cao, xa cuộc sống xã-hội, y không biết đến những ý-nghĩ như thế. Và hôm nay sự bận rộn của trí óc về những việc không đâu xung quanh cuộc sống phức tạp của con người thế này lại làm cho y thấy có cảm giác ấm áp, dễ chịu.

Những giờ phút chờ đợi của y thực là hồi hộp, bồn khoăn. Chủ-trương của địa-phương đã nhận định được nhu cầu tình cảm và sinh lý của y, quyết định rằng trong thời kỳ y công-tác ở đây phải bố trí cho y tiếp xúc với một người con gái tin cậy. Chốc nữa đây, y sẽ hành-động ra sao? Người ấy mặt mũi ra thế nào? Đến đây chỉ biết có nhiệm vụ liên lạc, hay là đã được « xây dựng » trước về ý định bố trí ấy?

Nhưng khi y nghe tiếng chân bước tới thì những việc xảy ra và tâm trạng của y giản-dị không ngờ. Để cho cái bóng người mặc đồ đen đi quá vài ba bước, y búng tay kêu đánh « chóc » một tiếng. Người con gái dừng lại. Y nhìn lên trông thấy một khuôn mặt trắng giữa nền trời. Y gọi :

— Đồng chí Thu ?

Người con gái không trả lời, ngồi xuống. Trong lúc trao đổi vài câu mật hiệu vắn-tắt để nhận nhau, y đề ý đến cái giọng của cô ta, không thanh và cao như giọng nói thường của đàn bà, mà lại trầm, ấm. Nhận xong ba tờ giấy nhỏ mà

Thu vừa lấy ra trao cho, y cất vào bọc rồi hỏi :

— Đồng chí ra đi có chắc không bị đề ý theo dõi ?

— Không hề gì. Có thể ngồi đây được nửa giờ.

Y đang tìm câu chuyện, thì Thu vụt nói :

— Tôi bị quan về tình hình lắm.

Trong lúc Thu ngừng lại, y nhìn lên, nói chậm rãi như dò xét.

— Trong lúc này có nhiều đồng chí thiếu tin tưởng.

Thu vụt chặn ngang :

— Đồng chí xem chủ trương của cấp trên đề ra trong giai đoạn gần đây và nhận định thế nào ? Về tổ-chức thì thu-hẹp lại, đình chỉ hoạt-dộng và giải tán nhiều cơ-sở quần chúng. Về đường lối thì không giải bày chính sách của ta, không tiếp tục tuyên-truyền chủ-nghĩa của ta, mà nhắm chỉ trích những thực hiện chủ-trương kinh tế, những công-tác giai-đoạn của đối phương, nặng nề về sự khai-thác những lầm-lẫn thối nát của cán-bộ đối phương. Như thế làm thế nào đồng-chí khỏi nản lòng ? Khi mà chúng ta được lệnh không nói về chủ-nghĩa cộng-sản nữa, mà chỉ lo nói xấu chế độ quân dịch, chế độ quân cấp công điền, việc thu thuế của đối phương, những vụ biển thủ chim-chuột của cán bộ đối phương, thì chúng ta chỉ xúi làm loạn chứ chúng ta thôi lãnh đạo một đường lối chính-trị nữa rồi.

Lung thích nghe cái giọng ầm áp ấy, và không chăm chú theo dõi câu nói. Tuy vậy, y cũng kịp hiểu và trả lời.

— Chắc đồng chí cũng phải nhận rằng tập hợp quần chúng xung quanh những mối bất-mãn đối với sự thực hiện chính sách của đối phương nhất định dễ dàng hơn là tập hợp quần chúng xung quanh một lý tưởng chủ nghĩa, dù là chủ nghĩa cộng-sản,

— Tôi nhận thấy hai điều bất-lợi. Một là chính sách của đối phương, dù thực-hiện thế nào, trên thực tế cũng có điều kiện dễ đem lại đời sống tốt đẹp hơn chính sách của ta trong thời kỳ kháng chiến vừa qua. Hai là ta bỏ qua phần tuyên truyền chủ-nghĩa trong khi đối phương tập trung đẩy kích ta trên phương diện lý luận chủ-nghĩa, thì toàn thể đồng chí sẽ nhận thấy một sự lùi bước trên mặt lý thuyết và giao-động tinh thần.

Lung lắng lặng ngồi im, trông cái bóng người con gái trước mặt. Y nghĩ thầm : chỉ có con gái mới có thể yên lặng như thế, không hề có một cử động nào suốt trong khi phát biểu ý kiến. Người đàn ông dù trầm tĩnh đến bao nhiêu mà ngồi trơ như thế cũng có vẻ cứng nhắc vụng về. Cuối cùng y nói :

— Đồng chí không đề ý rằng tình trạng tinh thần của quần chúng trong giai đoạn này không thuận lợi cho sự tuyên-truyền lý thuyết, bất cứ là lý thuyết nào sao ? Trước kia họ đang quyết tín vào những

tiêu chuẩn đạo đức phong kiến của Khổng Mạnh thì thành linh bị chủ-nghĩa ta công-kích triệt để, công-kích cả những lễ lối, tập tục, sinh hoạt cổ truyền được coi như dĩ-nhiên. Rồi chúng ta gây cho họ một tin tưởng mới, hướng dẫn họ tôn sùng những nhân vật, anh hùng mới, làm cho họ thấy đó là những cái gì tối thiêng liêng. Dùng một cái, đối phương phi-nhỏ thỏa mà cực lực vào những cái bất khả xâm phạm đó, gây thành một phong trào quần chúng ồ ạt đầy xáo cả đập lên những cái đó. Bấy nhiêu công chuyện xảy ra trong vòng mười năm làm cho bây giờ khó mà khiến cho quần chúng chịu tin tưởng vào một lý tưởng nào nữa. Nếu ta cố công vớt vát, củng cố lại sự tin-tưởng vào chủ nghĩa ta, thì công sức nhiều mà kết quả chẳng bao nhiêu.

— Làm thế nào chủ-trương được rằng đảng viên có thể tiếp-tục hoạt-dộng mà không củng cố tin tưởng?

— Tôi nói tình hình quần chúng chứ không phải nói những đồng chí đang hoạt-dộng. Tình trạng tinh thần ấy khó khăn cho ta mà cũng đồng thời là một khó khăn cho đối phương.

Người con gái vẫn không hề nhúc nhích. Lung không thể dò xét được tác động của lời nói mình như thế nào. Bỗng nhiên, cô ta bỏ lửng câu chuyện, nói :

— Tôi về. Đồng chí nghiên cứu các báo cáo vừa nhận được ấy,

lần gặp sau đồng chí cho biết ý kiến.

Cô ta sắp sửa đứng lên. Lung vội nói :

— Cô thể ngồi nán thêm một lát nữa không? Có lẽ không có gì đáng ngại... đồng chí vừa bảo thế? Đã lâu, ở trên núi chúng tôi ao ước gặp các đồng chí dưới này để nói chuyện.

Thu không trả lời cười và đứng dậy. Lung cũng đứng theo. Y nói :

— Ngày mai nếu có gặp lại chúng ta vẫn còn nguyên là những người lạ hoàn toàn.

Thu nhìn thẳng vào y, có ý chưa hiểu. Y tiếp :

— Nghĩa là tôi chưa biết mặt mũi đồng chí ra sao cả. Một lát nữa gặp nhau trong ánh sáng cũng không biết nhau.

Có tiếng Thu cười nho nhỏ. Y thấy phấn khởi, thích thú, nói tiếp :

— Nhưng cái giọng nói của đồng chí thì thật không bao giờ quên được... Chúng ta ngồi lại được một lúc nữa chứ?

Y đặt tay lên vai Thu, tự nhiên và thân mật dè xuống. Nhưng Thu bước nhích ra, nói :

— Đừng. Tôi về.

Rồi cô ta bước đi. Cái bóng đen nhòa, biến nhanh trong tối. Thành linh Lung thấy nóng bừng bừng hai bên mặt ; thẹn đổng người. Y vụt thấy Thu hiểu rõ dụng ý bố trí của đoàn thể, hiểu rõ ý-định của Lung, và sự từ chối của cô ta thật là vắn tắt lạnh nhạt. Y nhắc đi

nhắc lại trong trí : « Không thể nghi ngờ gì nữa. Hiển nhiên là hẳn hẳn hết. Thật là trơ trẽn... trơ trẽn. Như thế mà gọi là bố trí được à ? Y bước đi dưới lòng suối, không kịp để ý vệt những nhánh cây sà thấp. Nhiều giọt sương tu ở đuôi lá rù rì bị quệt rụng vào cổ y.

Ba hôm sau, đúng trưa, y lại ngồi ở chỗ cũ chờ Thu. Y đã bình tĩnh, tự bảo rằng nếu lần này Thu lại cứ đến thì sự sắp đặt của địa-phương được tuân theo nghiêm chỉnh, y không nên e ngại. Y nghĩ ngợi bâng quơ, lấy làm lạ rằng mới nửa tháng chạp mà lòng suối đã khô ráo quá. Trận mưa tám hôm trước không còn lưu lại được vũng nước nào.

Thu hiện ra. Cô ta cười ngay :

— Lúc ra đi thì trong nhà đang có mấy người hàng xóm đến chơi nên tôi không dám mặc đồ tử tế, phải giả vờ như đi quanh nhà. Nếu thay áo, người ta hỏi đi đâu, lại thêm chuyện phải đối quanh quất, nguy hiểm.

Lung hiều là Thu phân bua về việc cô ta mặc áo cánh, cắt tay. Y lấy trong túi ra năm tờ truyền đơn bằng chữ đánh máy, đưa cho Thu.

— Đồng chí cho phổ-biến những tin tức này. Tuần sau các đồng chí phụ-trách phổ biến sẽ chuyển lại trả tôi các tờ truyền đơn và báo cáo danh sách những người đã đọc được.

— Vẫn chuyển tay ?

— Chuyển tay. Y như lần trước. Không bao giờ nên tung vãi nữa. À ! Đồng chí có chắc rằng đối phương đang nghi cho cán bộ ta điều khiển những dư-luận phao đồn các điều di đoan về kinh thánh đại quan không ?

Y chợt nhìn chăm vào mặt Thu và kinh ngạc. Thu cười xòa, ranh mãnh. Thôi, đúng rồi, đúng là người con gái y đã trông thấy ở



nhà Sơn hôm nọ. Nét mặt ấy không thể quên được. Mi mắt mở lên chậm chạp, bình tĩnh, nhưng khi đôi mắt ấy chiếu về đâu là như reo vui lên ngay. Y hỏi :

— Đồng chí là... cô là em đồng chí Sơn ?

Thu chỉ cười mà không trả lời.

Trưa đó y ngồi bên cạnh người con gái được khá lâu. Có một lúc y chú ý đến hai cánh tay tròn và trắng muốt, trên đó óng ánh những

sợi lông vàng. Một con kiến nhỏ chạy loanh quanh hấp tấp trên cánh tay ấy, thỉnh thoảng chợt dừng lại, lưỡng lự quơ hai sợi râu. Y lẳng lặng nhìn, nhớ lại cái âm ảnh trong giấc mơ của Ngọc đêm cuối cùng trên hang núi Tà-léc. Y muốn được đưa tay ra xoa vuốt cánh tay ấy. Xoa vuốt, mơn man hàng giờ! Thu ngồi im, vẻ cam chịu.

..

Lung bị bắt vào lúc hai giờ chiều. Trời âm u suốt hôm ấy. Bầu trời im lặng và nặng nề, mây xé dịch chậm chạp. Không có một hơi gió. Dừa khấp xóm rũ lá đứng im.

Khi Lung vào đến khoảnh sân vôi, y đề ý thấy có mấy hạt mưa li ti rồi rạc rơi trên má. Và có tiếng con chích chòe kêu lớn bên một bờ rào rất gần.

Lung bước vào trong nhà thì mấy người lính bảo-an quay lại chặn đám đồng bào kéo theo xem, yêu cầu giải tán. Trong nhà hơi tối nhưng trông thấy sự bày biện bàn ghế với năm sáu viên chức ngồi lúi húi làm việc, y đã đoán ra đây là trụ sở của nha đại-diện hành-chánh miền thượng du này.

Vẫn chưa ngừng lại, y bị xua luôn lên một thang gác chật và tối. Hai tay bị trói, y không sờ soạng được, đi rất khó khăn. Nhưng y cố giữ cho thẳng người.

Ngồi chờ y trên gác là một người tầm vóc nhỏ, tuổi gần năm mươi, hai mắt sáng và sâu, nhưng linh động, cử chỉ nhanh nhẹn và hơi nóng

này. Ông ta ra lệnh mở trói và mời y ngồi đối diện với ông trên chiếc ghế lùn trước một cái bàn tròn.

Câu nói đầu tiên của ông ta có vẻ trịnh trọng như đã chuẩn bị từ lâu :

— Anh về hoạt-dộng vùng này thế nào cũng đã tìm hiểu thái độ và những hành-dộng, chủ-trương của tôi. Và chắc anh cũng dự biết rằng đã phụ trách miền này tất nhiên từ lâu nay tôi đã theo dõi hành vi tung tích của anh rồi. Kết quả như thế nào, anh đã thấy. Chắc hẳn anh phải công nhận rằng những người dân vệ bắt gặp anh hôm nay không phải là trong một trường hợp tình cờ. Trái lại chính lại đồng đảng của anh đã cho tôi biết rõ nhất cử nhất động của anh từ lâu rồi. Anh chưa tin điều đó ? Tôi đưa một bằng chứng : cái mui-dét hiện anh đang mang bên hông ấy từ trước đến nay anh vẫn giữ sát bên mình không rời ra bao giờ, tôi có thể nói rằng trong số những đồ vật chứa trong ấy có một con dao cạo, một ống bê-vi-tin viên, hai thước ka-ki xanh... Anh nên tin rằng những điều mà anh cho là bí mật, chúng tôi đã hiểu rõ trước khi bố trí bắt anh. Vậy cho nên trước khi anh tiếp xúc với cơ quan có trách nhiệm hỏi cung, tôi khuyên anh nên thành khẩn. Anh sẽ không che giấu được gì ích lợi cho đồng đảng đâu, nếu anh muốn quanh co. Trái lại, nếu anh thành thực, tôi tin chính phủ có thể có một thái độ khoan hồng.

Lung cố nói vắn tắt. Y chưa dò ra ý tứ thế nào, chưa biết công việc của y bị võ lỗ đến đâu. Chợt một câu nói của ông ta làm y giật mình :

— Trong lúc anh ngồi đây chúng tôi còn cho đi bắt một số người nữa, chẳng hạn như hai anh em tên Trần-Hiếu và Trần-thị-Cúc, để thu lại số tài-liệu và truyền đơn mà anh giao cho phổ-biến. Anh không nên dấu diếm che chở cho ai nữa...

Y nhìn Ông đại-diện, ngạc nhiên, nhưng bình tĩnh :

— Hiếu và Cúc... ?

— Đúng rồi — Bí danh là Sơn và Thu.

Lung từng hững và kinh hãi. Cho đến lúc này y vẫn vô tình không ngờ đến chuyện ấy. Trong lúc ông đại diện tiếp tục nói, y vẫn cứ loanh quanh nghĩ về Cúc và Hiếu. Y đã gặp Cúc Ân-hiệp của Ngọc ba lần mà y không biết !

Ông đại-diện bắt đầu dò hỏi vài điều về sự hoạt-dộng của y và đồng đảng. Y trả lời rất dè dặt. Có một lúc y ngờ rằng người thanh niên ngồi lúi húi viết ở góc phòng kia là một anh thư ký đang ghi chép lời khai của y. Nhưng sau y lại quả quyết là không phải. Người ấy vào khoảng ba mươi tuổi, nhưng ốm yếu, mặt không còn đầy đặn nữa. Tóc anh ta khô, nhưng mềm, không bù xù. Quần áo không còn lần ỏi. Trước mặt anh ta là một cái đèn bóng hột vịt, một ly nước, một đĩa cam chỉ còn lại hai miếng

chưa ăn. Từ lúc Lung bước vào đến giờ anh ta vẫn cầm cùi viết, không để ý đến sự hiện diện của y. Viết xong một đoạn dài anh ta dừng lại, cầm một miếng cam cùi mặt xuống ăn vội vàng, nhai ngốn ngấu ngon lành, phun hột xuống sàn. Anh ta lại nhe răng nhấm miếng vỏ cam. Rồi ngẩng lên, anh ta nhìn về phía hai người. Ông đại diện giới thiệu :

— Đây là tên Mai, tỉnh ủy viên cộng sản. Tôi đã nói chuyện với anh hồi tháng trước đây mà.

Mai là một tên giả của Lung. Người thanh niên đứng dậy, bước đến nhìn Lung vẻ chú ý, mắt nheo nheo lại như nhìn vào ánh sáng, miệng hơi nhếch cười thú vị, như đang tò mò ngắm một con két đẹp leo trèo trong lồng. Sự sỗ sàng của anh ta có vẻ tự nhiên, ngay thơ. Anh ta hỏi Lung :

— Anh ở trên núi ba năm rồi hả ?.. Tại sao anh chống lại chúng tôi ? Người ta đề anh lại với nhiệm vụ chống một chính quyền của thực dân, phải không ? Anh đã thấy chúng tôi không phải là một chính quyền như thế, tại sao anh lại chống với chúng tôi ?

Anh ta nghèo đầu chơ câu trả lời của y, vẫn với cái tò mò ngay thơ. Nhưng khi Lung chưa nói xong ba câu thì anh đã hết chú ý, và y chưa kịp dừng lại thì anh đã quay lưng đi sang phòng bên cạnh.

Lúc ông đại-diện cũng đứng dậy rời Lung đi thì trời đã chiều, trong phòng âm tối, trông không rõ mặt

nhau nữa. Có lẽ bên ngoài trời đang mưa. Không khi ỉu-xiu. Ban đầu y nghĩ thấy một mùi thoang thoang mát, có lẫn thứ mùi khét đất. Dần dần nghe ngọt ngào mát rượi, rồi lạnh lạnh.

Y lại ngồi gần cửa sổ, nhìn ra ngoài. Bầu trời âm đạm, một màu trắng đục lơ lơ. Khắp xóm, làn dừa la liệt, dày âm u, đứng yên lặng. Không có tí gió. Trong hoàng hôn nhà nhem mưa nhẹ hột cứ hạ xuống dịu dàng, hạ xuống khắp xóm làng. Có lúc y tưởng như thoang nghĩ thấy mùi thơm cay-cay của lá bưởi, lá cam xông lên với mùi nước mưa man-mát. Nhưng rồi chú ý chờ đợi lại không thấy gì nữa. Y cho rằng mình đã nhìn xuống đám cây bưởi, cây cam dưới vườn và tưởng tượng quá xa.

Y ngoài lại nhìn người lính bảo-an đứng ở đầu thang gác, trong bóng tối. Ngọn đèn hột vịt đặt trên chiếc bàn con ở góc bàn chỉ soi sáng y mờ mờ mà không chiếu đến người lính. Y không có một cảm tưởng gì về cảnh đó cả. Y đang nghĩ về Cúc.

Bỗng y chú ý đến câu nói ở phòng bên cạnh. Thì ra người thanh niên đang tri vừa rồi đang nói chuyện về y với ông đại diện hành chánh, và hình như là họ đang ăn cơm. Anh ta vẫn không hề để ý đến sự hiện diện của y ở phòng bên này, cười nói tự do :

— ...hả ? Bác ngại gì những tên còn ở lại trên núi ? Nếu bác không bắt được thì dần dần chúng sẽ

hóa ra khi hết chứ có gì là đáng ngại ? Bác chỉ lo giữ vững dân-tâm ở dưới này thôi. Khi một bộ-cán-hoạt-động chính-trị đã tách ra khỏi dân chúng mà chạy lui dần lên núi thì... thôi rồi ! Cứ để cho chúng hóa khí.

Anh ta phát lên cười, vui vẻ. Ông đại diện nói nho-nhỏ, Lung không nghe được. Anh ta lại trả lời :

— Tôi cho là tại cái ngoan cổ của triết học. Bác xem : khoa học, kỹ thuật thì tiến quá nhanh, tình-trạng xã-hội do đó cũng thay đổi theo nhanh chóng quá sức, mà tư tưởng chúng ta thì cứ khur-khur với những định kiến cũ. Xài cái đồng-hồ đeo tay kiểu cũ, đi cái xe du lịch kiểu xưa thì người ta lấy làm buồn ; đánh giặc bảy giờ mà Mỹ để cho Nga vượt mình một năm về kỹ thuật chế hỏa-tiên thì nguy hiểm. Thế nhưng bàn về những tư-tưởng chỉ đạo đời sống thì người ta vui vẻ bới sách nát của Lão-Tử, Khổng-Tử ra, và lấy làm hãnh diện mà đọc một câu nói cách đây hai mươi lăm thế kỷ. Mỗi một thay đổi trong địa hạt kỹ thuật ảnh hưởng đến bộ mặt đời sống và phải tác động đến quan-niệm của ta về xã-hội, về cuộc đời chứ. Khi phải xới đất từng nhát cuốc, cấy từng cây mạ, ta có một quan-niệm về sức lao động, về tổ-chức xã-hội, khác với khi mà ta dùng máy cấy hàng mấy chục mẫu đất một giờ rồi dùng phi-cơ gieo lúa giống chứ ? Hả ? Khác chứ ?

Khi phải đi cày suốt ngày không đầy ba mươi cây số, ta có một quan niệm về quốc gia, về chủng tộc, về thế giới, khác với khi ta có chiếc máy bay đi vòng quanh địa cầu trong ba bốn hôm, hay là có thứ hỏa tiễn khứ hồi lên mặt trăng trong mười giờ chứ? Vậy mà khoa học mỗi ngày mỗi phát minh, đời sống mỗi ngày mỗi đổi mới, còn những tư-tưởng chỉ đạo cuộc sống thì hàng năm mười thế kỷ họa may mới có một lần thay đổi. Có khi tệ hơn nữa...

Có tiếng phản đối của ông đại diện. Lung vẫn nghe không rõ tiếng ông ta. Rồi lại nổi lên giọng nói của người thanh niên:

— Phải, phải. Tôi đồng ý rằng quan niệm của mọi người có dần dà thay đổi. Các nhà tư-tưởng cũng cố gắng đuổi theo thời đại. Nhưng có điều lạ là những quan niệm mới không ảnh hưởng đến xã hội mấy. Học thuyết chính thống bao giờ cũng cũ-kỹ. Người ta căn cứ mãi trên những quan niệm đã lỗi thời để làm cơ sở lý thuyết xây dựng xã-hội. Mặc cho bao nhiêu xáo trộn suốt hàng vài mươi thế kỷ ở châu Á chúng ta vẫn quan niệm cuộc đời theo Khổng-Tử, tổ-chức xã-hội theo Khổng học. Đến thế kỷ này, học thuyết của Mác lại làm le muốn tranh đoạt cái địa vị ấy. Sinh ra đã một thế kỷ rồi, chiếm được địa bàn tung hoành ở một vài nước lớn rồi, cái học thuyết ấy lại cứng đầu cứng cổ đòi tiếp tục phát-triển bất chấp những biến chuyển của hoàn cảnh xã-hội ngày

này cho nên tình hình mới gay go đến thế này. Từ khi có nghiệp đoàn, có quyền đình công, tương quan giữa chủ và thợ đã khác xưa bao nhiêu; từ khi kỹ thuật đem đến những phương thức sản xuất mới, sự phân phối lợi tức ở các nước tư bản đổi khác khiến cho ngày nay viên giám-đốc một xưởng máy ở Mỹ mà lãnh được số lương bằng mười lần lương người thợ kém nhất cũng hiếm có, trong khi một kẻ thư lại được ưu đãi trong xưởng máy của Nga-xô có thể hưởng số lương gấp tám mươi lần lương thợ; tình trạng ấy khiến cho thợ thuyền ở những nước có kỹ-nghệ tiến bộ xa dần đảng cộng-sản, thế mà học thuyết kia cứ khư khư cho rằng tư bản càng phát triển càng mau đào lỗ chôn mình. Xã hội tư bản có thể sung túc và bình đẳng hơn ở các nước cộng-sản, chủ nghĩa cộng-sản cũng cứ đòi được thực hiện, và cũng cứ còn khối người đòi chết cho sự thực hiện chủ-nghĩa ấy. Tôi e rằng khi những phi cơ liên hành tinh cho phép đổ bộ xuống quả địa cầu những sinh vật dữ tợn như ma vương quỷ sứ tràn chiếm hết đất đai, thì chủ-nghĩa ấy cũng cứ quả quyết rằng cuộc tranh đấu gay gắt nhất vẫn là tranh đấu giữa người và người. Phải nhiều thế kỷ lắm lắm mới đuổi đi được một học thuyết lỗi thời. Học thuyết thì có nhiều, có nhiều lắm. Nhưng phần lớn thì như lảng vảng xung quanh đám đông, chỉ có một đòi học thuyết đâm nhào vào, thâm nhập vào

được quần chúng đông đảo. Và thế là xong, như con đại bàng cắp được công chúa rồi, đuổi không đi, đánh không nổi, rút không khỏi, giằng co đến rách thịt, tóe máu mới xong.

Ông đại diện nói rì rầm rất lâu. Có tiếng khua chén bát, có lẽ người ta đã thu dọn bàn ăn. Rồi im lặng ở phòng bên cạnh. Lung chờ bữa cơm của mình. Nhưng bỗng người thanh niên lại nói :

— Tôi không tin rằng rồi đây một quan niệm tổ-chức xã-hội sẽ thay đổi cuộc đời có hiệu quả bằng những phát kiến của khoa học. Bác nghĩ sao ? Nếu nay mai người ta chế tạo máy bay dễ dàng, ai nấy đều mua xài như mua xe đạp, nếu phạm vi cư-trú của loài người mở rộng bao gồm thêm lấy vài hành tinh nữa trong vũ trụ, thì có phải điều kiện sinh sống của mỗi người trong chúng ta sẽ đổi mới nhiều hơn là thực hiện bất cứ một chế độ chính trị nào chăng ? Kỷ nguyên này là của kỹ thuật. Các nhà tư-tưởng chậm chạp lắm, không nên can thiệp vào. Bác bảo làm sao họ không chậm chạp được ? Một người thợ giặt, người quét đường ngày nay làm việc khác với đồng nghiệp của họ hồi thế kỷ trước, họ có máy giúp đỡ họ hưởng thu được lợi ích của kỹ thuật mới. Nhà khoa học bây giờ làm việc với bao nhiêu là máy móc, phương tiện tinh xảo hơn một thế kỷ trước, họ có thể dùng một cái máy tính ba trăm ngàn con số một

giây, nhanh hơn óc họ gấp triệu lần. Còn nhà tư-tưởng thì lè lỏi và phương tiện làm việc vẫn như xưa. Ngày nay viết được một câu như trong kinh Xuân-thu cũng không nhanh chóng và dễ dàng hơn hồi thời Khổng-Tử một mảy may. Đọc sách vẫn mang kính lên mắt, một phút vẫn chỉ có thể đọc ngàn ấy chữ, viết ra một câu vẫn vẫn chùng ấy suy nghĩ, công phu, không có cái máy nào tinh cách chuyển mạch, đứt câu và chấm, phẩy giúp họ. Lè lỏi làm việc của họ còn hoàn toàn thủ công nghiệp như xưa. Trên thế giới tiến bộ này, thiệt thòi nhất là nhà tư tưởng. Tôi thương nhất những nhà tư-tưởng, nhà văn, nhà triết học đấy, bác ạ !

Anh ta cười ầm lên ở phòng bên cạnh. Rồi họ kéo nhau bước xuống thang gác. Xung quanh Lung hoàn toàn vắng vẻ.

..

Ngồi nhìn đêm tối qua khung cửa kính, y bỗng chồn lo lắng. Và rất buồn. Bên ngoài mưa cứ dội dằng ha xuống xóm làng, xuống đám dừa đen âm u, xuống ngọn đèn đỏ giữa xóm, xuống cuộc sống thân mật, yên lành. Trong im lặng mát mẻ, một giọng hát ru em một mối cait lên :

Một à mai con à cá hóa mai

Con à chim hóa liễu à... đậu hai
tùng nhánh tùng.

Giọng hát buồn buồn cổ truyền của người đàn bà Việt-Nam đã lọt

hết vẻ tàn-kỳ quái lạ của ý nghĩa câu thơ, khiến cho từ lâu rồi, y vẫn thản nhiên nghe câu ấy, yên trí rằng con cá hóa mai cũng không có gì lạ lùng hơn con cá hóa ra maim trong vại. Những hình ảnh của cuộc sống đêm nay tràn ngập cảm-quan của y là những hình ảnh quen thuộc lâu đời. Cuộc sống xưa cũ tầm-thường bỗng nhiên đối với y sao lại thân thiết quá. Y tự hỏi : thực y đã từng hoạt-dộng để tạo nên một xã-hội khác, hoạt-dộng để xóa sạch nếp sống thán mặt đó sao ? Thực tình y đã từng quả quyết như thế sao ? Mùi đất ướt, lá ướt, tiếng hát ru con, tiếng mưa nhẹ nhàng trong đêm tối sao mà quyến rũ quá, sao mà ngọt ngào quá, khiến y bồn chồn. Y bồn chồn như chưa từng sống tha thiết đến thế bao giờ.

Y nhớ lại nét mặt đau khổ và bàn tay của Ngọc xoa lên tay y trong một đêm khuya ở hang đá Tà-léc, cặp mắt thản nhiên của hai con nai, y nhớ ông cụ già trùm khăn đỏ ngủ trong gian nhà tối của Sơn, nhớ giọng mắng nhiếc ri-rầm, hẳn học mà mãi đến bây giờ y cũng không hiểu là thế nào, y nhớ những sự kiện rời rạc vô nghĩa, cùng nhau góp lại thành ra cái thú vị ư ờn của cuộc sống.

Y nhớ cái mùi thơm cay cay nồng nồng trên ngực áo của Cúc. Cúc mà y đã ôm trong tay, đã xô y ra, nhưng nhất định sẽ là của y nếu y không bị bắt sau lần gặp gỡ thứ ba. Y băn khoăn tự hỏi : y đã đến

chờ Cúc với cái tâm trạng của kẻ đến chờ phương tiện để thỏa mãn một nhu cầu, còn Cúc đã đến y với ý nghĩ gì ? Thân thể của Cúc có lúc mềm yếu đi là vì rung động hay vì phục tùng nhiệm vụ ? Dù sao thì ở Cúc cũng có gì phức tạp hơn những ý nghĩ hăm hở và đơn giản của Lung lúc ấy, ý nghĩ cộc lốc đến một nhu cầu...

Trên mười đầu ngón tay của Lung như còn cái cảm giác trơn trơn êm dịu của lúc áp trên làn áo lụa. Ý nghĩ sự đau khổ của Ngọc, đến sự lằm lộn tình cờ, đến con kiến len lỏi trên cánh tay Cúc, giữa những sợi lông vàng óng ánh... Sao đến lúc này y mới thấy tha thiết đến cuộc sống tầm thường, đến những tình cờ, những chi-tiết nhỏ nhất của cuộc đời đến thế. Còn mấy hôm nữa là y đã ba mươi mốt tuổi ! Và y sẽ xa cuộc đời không biết đến bao lâu nữa. Y sẽ bị tù bao lâu nhỉ ? Rồi Ngọc ở trên hang núi cao kia, đang nhớ đời da-diết, Ngọc cũng sẽ mò về và cũng sẽ như y hôm nay. Y vụt nhớ đến những câu nói xò-bồ của người thanh niên đăng trí ở phòng bên cạnh vừa rồi, có cảm tưởng như cả xã-hội đã nhao nhao thốt ra cái câu hất hủi và tàn nhẫn : « Để cho chúng hóa khí ! »

Một giọng hát dưới xóm vừa dứt. Hơi mưa nhẹ nhàng hạ xuống, nhận chìm dư âm câu hát trong đêm tối mát mẻ.

11-1957

VÕ-PHIẾN

CÔNG-TY KỸ-THUẬT VÀ THƯƠNG-MẠI VIỆT-NAM

(COMPAGNIE TECHNIQUE ET COMMERCIALE DU VIET-NAM)

121, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

*

IMPORT-EXPORT

Xuất Nhập Cảng

*

Quincaillerie — Métallurgie — Technique
Miroiterie — Produits chimiques

CÁC LOẠI ĐỒ KIM-KHÍ VÀ DỤNG-CỤ KỸ-NGHỆ HÓA-PHẨM

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue T Ô N - T H Ắ T - Đ A M

(Ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.707 — B.P. 19

PHNOM-PENH

126, Moha Vilhel Preah Bat Norodom

(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 335 et 543

B.P. 122

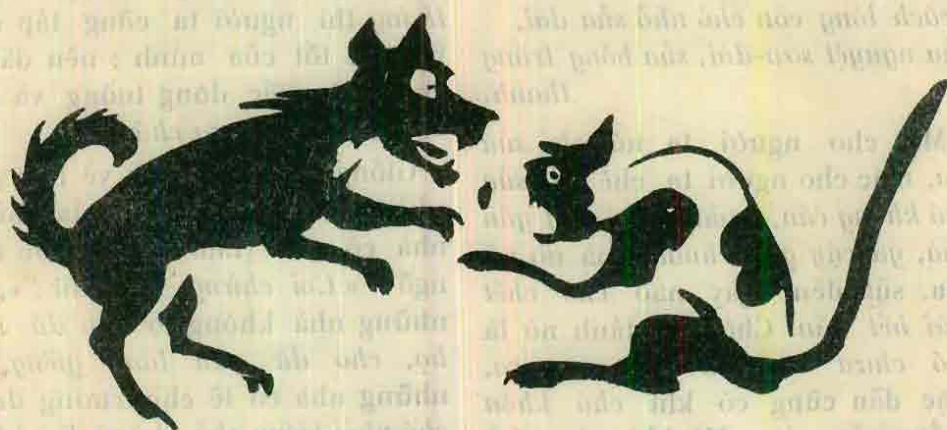
La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francefort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A »); à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN); à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Malta (British and French Bank); à Bâle (Banque pour le Commerce International); à Mexico (Banco del Atlantico); à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

CON CHÓ

Sắp đến năm Tuất
kể lần chuyện chó

THEO QUAN NIỆM TA

TRONG VĂN THOẠI THUẦN - PHONG



TẾT sắp đến. Năm Đinh-Dậu sắp qua. Năm Mậu-Tuất sắp lại. Con gà với con chó sửa soạn làm lễ bàn giao trong ba ngày nguyên-đán, như lời tục đã bảo rằng: gà què bị chó đuổi (1). Năm ngoái, các trẻ em tuổi Dậu đã hát:

*Tuổi Dậu con gà vàng lông,
Có mỏ, có mõng hay gáy ó ó.*

Năm nay đến phiên các trẻ em tuổi Tuất reo lên:

*Tuổi Tuất là con chó cò,
Nằm khoanh trong lò, đầu dít lọ lem.*

Không biết chắc rằng gà với chó đóng vai tưởng gì trong vận mạng của những người tuổi dậu, tuổi tuất; điều chắc-chắn là hai con ấy đã được cắt phần tự ngàn xưa

trong đời sống của bình-dân: chó giữ nhà, gà gáy trống canh, theo luật định là « vật dương nhơn », mặc dầu là luật-định không công-bình đối với độn căn bình-đẳng của Phật-giáo và của nho-giáo, chủ-trương: « Nhơn vật đạo đồng ».

Dầu sao, trong thực-tế, con chó vẫn giữ nhà và, theo câu vè đã chủ-định, nó nằm khoanh trong lò giữ bếp. Nhưng phải coi chừng, chó khá hoàn-toàn đặt tin nhiệm vào con mọi giữ của biếng-nhác ấy, bởi chó treo, mèo dầy, để bày nó ăn; lắm khi vì chó tha đi mèo tha lại, làm xáo-trộn cả trật tự an-ninh trong bếp:

*Vấy bếp người, tro trấu chẳng còn,
Ba ông tào lộn dầu, lộn óc.*

(Lục súc tranh công)

Phá rồi cuộc trị-an như thế đã làm phiền bà nội-trợ mang tiếng không khéo giàn-xếp trong nội-bộ cho an-bái, còn phiền hơn nữa là cái bệnh ham chó vô ngựa của nó càng làm đình tai nhức óc, khiến người khó ngủ phải trách rầy :

*Trách lòng con chó nhỏ sửa dài,
Sửa nguyệt sơn-đài, sửa bóng trăng
thanh.*

Mặc cho người ta nói chó sửa ma, mặc cho người ta chê chó sửa chó không cần, mắng chó cạy gần nhà, gạ cạy gần chuồng mà nó cứ sửa, sửa đến ngày nào chó chết mới hết cần. Chó bồn-tánh nó là chó chưa cần đã chìa răng ra, mặc dầu cũng có khi chó khôn chẳng cần cần. Mà khi nào chó khôn sửa là có người lạ đến :

*Chó đâu chó sửa lỗ không,
Chẳng cha ăn trộm, cũng ông ăn mày.*

Ngữ chó tấp ruồi vậy mà cũng đáng ghê, vì lắm khi chó cắn trộm : gặp ai không lành-lẽ bảnh-bao thì chó cắn áo rách ; những ai lên voi xuống chó đều phải lùi hờn đã khó còn bị chó cắn thêm.

Cái thứ chó chết thì hay hoang-dàng, hiệp bầy mèo đang chó điếm :

*Mèo hoang lại gặp chó hoang,
Anh đi ăn trộm gặp nàng bứt khoai.*

Dầu cho :
Cũng ra sức săn chồn, đuổi sóc,
Bao quần chui gai, lột gấc,
Chỉ nài mùa mỡ, lòn hang
(Lục súc tranh công)

tự trung giống chó săn chìm mỗi bao giờ cũng bị chỉ-trích vì khi đuổi con nai chạy đến đạt móng thì chính chó đã mệt le lười rồi !

Tuy chơi với chó, chó liếm mặt song chịu khó năng nỗ dạy chó leo thang thì người ta cũng tập cho nó đức tốt của mình ; nên đã có chó hát xiếc đóng tuồng và chó ông Thánh sửa ra chữ !

Giống chó ấy thuộc về loại chó nhà nào sửa nhà nấy, của những nhà có treo tấm bảng trước cửa ngõ : « *Coi chừng chó dữ !* », là những nhà không sợ dân dữ mất họ, chó dữ mất láng giềng, là những nhà có lẽ chủ-trương đánh chó, phải kiêng chủ nhà và là những nhà có dư thịt bò để cho chó ăn, vì người ta sợ chó gầy hồ mặt người nuôi ; người ta không thể có gan dạ nào mà nhìn thấy cảnh nghèo đói :

*Chó chực bữa cơm rơi nước mắt,
Mèo rình hũ gạo rụng lông nhoe !*
(Thơ xưa)

Thiếu gì chó đã rơi nước mắt với chủ nhà, nhưng chó không đành lìa chủ, nên chó chạy cong đuôi theo gót chủ luôn ; rùi khi vào rừng chẳng biết lối ra, chỉ vẫn có sẵn bên mình một cây kim chỉ-nam bốn cẳng theo lời thợ rừng đã dặn xưa nay : lạc đường thì nắm đuôi chó, lạc ngõ thì nắm đuôi trâu mà về nhà.

Chó với trâu đều có một tánh linh như thế, đều thuộc về giống

gia-súc, đều phải phục-vụ con người, đáng lẽ trong những điều-kiện tương-dồng như thế chó với trâu phải là hai bạn đồng chí đồng tâm, nhưng vì trâu trắng trâu đen mà con trâu tố-cáo con chó với chủ :

Thưa chủ xin nói thép một lời :
 Như loài muông, vô tưởng, vô tài,
 Nuôi giống ấy làm chi cho nhọc ?
 Ăn cho lớn, dưỡng vai, dưỡng vóc,
 Giốn với nhau vạch cửa, vạch sân,
 Một ngày ba bữa chực ăn,
 Thấy đến việc lên mình lét-lét ;
 Chưa rết đã phỏ rằng rết,
 Xo-rò đuôi quít vào trôn,
 Vấy bếp người, tro trấu chẳng còn,
 Ba Ông táo lộn đầu, lộn óc ;
 Chưa sốt đã nằm dài thở dốc,
 Le lười ra phỏng ước dư gang ;
 Lại thấy người lơ đỉnh lơ hoang,
 Tài ăn vụng thối thì hơn chúng.
 Như muông biết cày ruộng, bữa
 Thì muông kẻ biết mấy công ơn ?
 Muông, người cho ăn cháo, ăn cơm,
 Trâu, người bắt nhai rơm, nhai
 cỏ.
 Khi muông thác tống chung, an thờ,
 Có gạo tiền cấp-táng toàn thân,
 Trách một lòng chủ ở bất công,
 Hậu ư bạc, bạc đem làm hậu.

(Lục súc tranh công)

Nhưng có mồng có mỗ thì gở với nhau, con chó dễ đâu nhịn-nhục :

Muông nghe nói, giận đau phở-phối,
 Liền chạy ra sủa mắng vang tai :
 « Trời đã sinh các hữu kỳ tài,
 Lớn việc nặng, bé thì việc nhẹ,

Bởi vì đó lớn vai, lớn vế,
 Thì chuyên lo nông-bổn bừa-cày.
 Vốn như đây ốm-yếu chân tay,
 Cũng hết sức gia-trung xem-xét.
 Trách sao khéo thối lòng tìm vết ?
 Giận thày-lay vạch lá tìm sâu.
 Ai ai đều phận-thủ như nhau ;
 Khẩn-khẩn cũng một lòng phỏ chủ.
 Kể đầu kia, người thì việc nọ,
 Đưa coi ngoài có đưa giữ trong.
 Đêm năm canh con mắt như chong ;
 Đưa đao-lặc nép oai khùng-động ;
 Ngày sáu khắc, lỗ tai hằng trống,
 Đưa gian-tham thấy bóng cũng
 kinh.

Lại đến ngày kị-lạp tiên-sinh,
 Cũng ra sức săn-chồn, đuổi sóc,
 Bao-quản chui gai, lột gấc,
 Chi-nài mùa mỗ, lòn hang.
 Anh trâu sao chẳng biết thương,
 Nỡ lại tra lời sanh-nạnh :
 Ăn thì ăn cơm thừa, canh cặn,
 Ăn thì ăn môn sượng, khoai sùng ;
 Tới bữa ăn chẳng luận ít nhiều,
 Có cũng rằng, không cũng chờ.
 Trâu rằng : trâu ăn rơm với cỏ,
 Mà còn có một thằng chần,
 Tốn áo quần cùng tốn cơm ăn,
 Nổi lại tới gạo tiền đằng khác ;
 Tinh chắt-lót một năm hai đặc,
 Về thằng chần đã hết một trâu.
 Cũng mạnh cày, mạnh kéo nên giàu,
 Hãy cho nhem mình trâu là quý.
 Vốn như đây gia-tài ủy-ký,
 Mà chủ không tốn kém đồng nào.
 Nếu không muông coi trước, giữ
 sau,

Thù của ấy về tay kẻ trộm.
 Trâu biết nói, trâu không biết xét,
 Suy mình muông công-nghiệp đã
 đầy,

Khi sống thì gin-giữ của đời,
 Khi thác xuống giữ cầu âm-giới,
 Người có phước, muốn đưa ra
 khỏi.

Ai vô nhơn, qua chẳng đặng đâu !
 Chủ có lòng suy trước, xét sau,
 Khi làm-tử, gạo tiền lỏng-làng.
 Chủ đã có công dày, ngãi rộng,
 Muốn dễ không tiếp rước đái-đưa ?
 Thấy anh trâu chưa biết cấn-do,
 Nói vài chuyện, kẻ chê muốn đại.»

(Luc súc tranh công)

Người chủ nhà là ông chủ-nhơn
 muôn thuở, vì quyền lợi của mình,
 giải-hòa hai kẻ bầy tôi cho mất
 ruột :

Thối đờng nhĩ ngã thiệt hơn,
 Phú lương bạn dĩ hòa vì qui !

Thế rồi kẻ bầy tôi trung-thành
 tận-tụy đến ngày rụng răng lỏng
 gối, mặc cho chủ không xét công
 mà cứ chưởi chó mắng mèo, bắt
 thân chó già kê nẽ mà mắng người
 đời đi làm chỗ sấn chim mồi, phản
 lại người đồng-chúng :

Sấn cheo bắt thỏ mấy năm trường,
 Nay đã già rồi chuẩn khó thương ;
 Nằm giữ cửa nhà lơ sửa chủ,
 Ra đồng kiếm ph... lẫn quên đường ;
 Xưa còn răng cứng mong ăn vụng,
 Nay đã hàm trơ hết gặm xương.
 Thấy vậy chỉ hèm đồ bất dụng,
 Sát sanh chẳng nỡ, để nhung-
 nhương.

BỘ TỬNG

(Xã Bình-Phan ; quận Chợ Gạo, Mỹ-Tho)

Người đã không lột da, chó dễ
 đâu trăm năm muôn tuổi ? Rốt
 cuộc dòng nước thời gian là năm
 mồ của con vật cũng như dòng
 nước đời là năm mồ của con người
 sau một đời chó sấn chim mồi nhục
 nhã :

Sống thì bắt thỏ, thỏ kêu rêu,
 Thác thả dòng sông, xác nổi phều.
 Vần-vện xác còn phơi lần-đần,
 Thúi-tha danh hồi nổi lêu-bên.
 Tời lui bịn-rịn bày tóm-tép,
 Đưa đón lao-xao lũ quạ đều.
 Một trận gió dồi cùng sống dập,
 Tan-tành xương thịt biết bao nhiêu.

HỌC-LẠC



Nhưng thói đời trách quá bạc
 đen, hết lúc bắt đi sấn lại tời hồi
 bắt đem làm thịt, vì miếng ăn mà
 người ta sát hại con vật trung-tín,
 tổ-chức thành một bữa tiệc linh-
 đình :

Nghe vẻ nghe vẻ,
 Nghe vẻ thịt chó.
 Đứa nào ở đó
 Bắc nước cạo lông ;
 Đứa nào ở không
 Đi mua đồ nấu ;
 Đứa nào xấu xấu
 Xất sã nạo dừa ;
 Đứa nào không ưa
 Thì đi chỗ khác.
 Kiến tâm một lát
 Là có món ăn,
 Đừng làm lằng-xằng,
 Người ta đàm-liếu :
 Con chó nhỏ xiểu,
 Sáu bảy người ăn !

Rồi trên xương thịt của chó,
 người ta tưới nước mắt hòa với
 rượu mà đọc văn-tế bằng một giọng
 khôi-hài :

Ăn thịt chó văn

Hỡi ôi !

Cũi vắng muông ngao,
 Trống buồn sấm cổ.
 Sống một bữa cũng thương một bữa,
 thương là thương vì đã mẫn đây ;
 Đứt nửa dây mà tiếc ẻ nửa dây,
 tiếc là tiếc ai xui mất đó.

Nhớ gấu xưa :

Hơi-hám lệ-làng,
 Hình-thù xó-ró ;
 Đói-kiểm ăn hay đừng chàng-ràng,
 Lạnh vào bếp hay ngồi chò-hổ.
 Độ thiên-thai nơi dẫu cung cần,

Đồ địa-đạo nhờ hơi thuốc thổ.
 Tiếng uần-oản nơi thành Đường-
 chúa, nằm dầu dầu mà liệt-quốc
 nhất qua ;
 Hơi ngằn-ngừ nơi chốn Thục-ba,
 sữa quẩu quẩu khi thái-dương
 đương lỗ.
 Tài đồng-được chi nhường Sở-
 Khoáng, thực năm canh mà kẻ
 chánh thiệt lòng ưa ;
 Sức hùng-hào chẳng kém Hằng-Lư,
 trừng,đôi mắt thẳng gian lơ tay
 mọ.
 Nào những thuở lướt bụi bờ sấn
 thổ lệ, bắt đặng hơi mà chí-khi
 hời hung-hăng ;
 Đến bây giờ nằm chền-quệt thể heo
 quay, nhìn mắt máu mặt đà
 nhẩn-nhỏ.

Ồi !

Đuôi uốn khúc rồng,
 Lưng cong hình hổ.
 Chu Chích tiếc nhân mây,
 Ông Phàn thêm ráo cồ.
 Thôi rồi chùm xương thịt, phách
 đôi lò than ;
 Con chi sắc vẹn vắn, hồn theo
 bãi gió.
 Sống chẳng nài muốn cụm rừng
 xanh ;
 Thác chi sá một chòm lửa đỏ.
 Mới khi hểm ngóng cổ cò cong lưng
 rải, chạy ào ào hả miệng bậm
 mồi ;
 Đến bây giờ trợn mắt độc túm giò
 nai, nằm thiếp thiếp nhẩn-răng
 nhiều mồi.

Cám thuở sống, đòn thì tươi, com
thì hăm, ở trên đời nhiều kẻ
đề-duôi ;

Thương khi về, thịt cũng béo, hơi
cũng thơm, ngon lỗ miệng nhiều
người hỏi độ.

Công-trình mấy thuở, nỡ ném
quăng cho thịt thúi gan hôi ;

Nuôi-nưng bấy lâu, phải tiểu-biểu
những khúc đời đĩa ló.

Ồi thôi thôi !

Làng xóm trẻ già,

Anh em lớn nhỏ !

Phải ra tay ra áo cùng nhau ;

Cho hết sức hết lòng với nó.

Lột trái dừa, đâm củ nghệ, lễ tống-
chung rượu lạt cặp vại ve ;

Mặn dĩa muối, lạt chén tương, dùng
an-tàng rau thơm thêm ít bó.

May lão sãi đem cho gói ớt, cũng
độ siêu với chúng cho bỏ ;

Vái linh-hồn trực vãng cầu tiêu,
xin thác hóa đừng làm kiếp chó.

Nhưng sự mĩa-mai của người
đời không dừng gót ở bước đường
cùng của chó. Thịt chó dãi người
chưa vừa, người ta muốn bắt chó
giữ-gìn cục cưng của họ nữa.

Phải anh có phép thần tiên
Hóa làm con chó theo em bên mình ;

Khi em hội-ngộ cùng tình,

Có anh châu-chức, giữ-gìn thân em ;

Khi em tử phạt, buồn duyên ;

Có anh làm bạn cho em đỡ buồn.

Em đâu cũng có anh luôn,

Gần em, anh sẽ nêu gương trung-
thành.

Đỗ Mơ

Mặc dầu có nhiều đưc-tánh được
nêu cao và mặc dầu có công-trận
đáng tán-tụng, con chó thường
hay bị lợi-dụng mà không được
dãi-ngộ cho vừa ;

Chó gầy, hồ mặt người nuôi,
Tôi gầy, hồ mặt chúa tôi chẳng là.

Chúa tôi mang tiếng chúa nhà,
Mượn được con ở khéo là lành-hạnh.

Rạng ngày đi vớt bèo được con
cả mè ranh,

Chúa ăn hết nạc, để dành xương cho.

Chúa trai là chúa hay lo,

Đêm nằm cắt việc ra cho mà làm.

Chúa gái là chúa ăn tham,

Đồng quà tấm bánh dứt nơm trong
buồng.

Ăn rồi chết rục, chết trương,
Chẳng nhớ thằng ở, chẳng thương

con đòi.

Ba năm được cái khổ sời,

Chiều ngang chiếc dĩa, chiều dài
nửa phan.

(Ca-dao)

Đã trót

Một lòng thờ chúa nghìn cân nặng,
Bền vững ai lay cũng chẳng dời.

Lê-Thánh-Tôn

(Chó đá)

nên năm Mậu-Tuất sắp về, chó
ngoắt đuôi sắp đến, mang hạnh-
phúc về cho mọi người, vì mèo
tới nhà thì khó, chó tới nhà thì
sang. Vậy năm Mậu-Tuất phải là
năm thanh-mậu.

THUẦN-PHONG

LÁ THƯ XUÂN

Dịu dịu nắng hòa Xuân mới,

U-hoài tình sủng duyên thơ ;

Tôi kể chuyện Xuân dân-tộc,

Gởi người em gái cố-đô.

.....
Anh nghe khúc nhạc Xuân sang,
Xao-xuyến như tình đôi tám,
Trời tự-do nắng dầy mang-mang.

Anh thấy tung-bưng vạn ngả,
Gái trai tô-điểm đô-thành ;
Lối ngõ, đường hoa gió quện,
Rộn-ràng những mái đầu xanh.

Anh qua xóm nghèo không hoa nắng,
Mái lá, tường tranh cũng khói-hương.
E-ấp muốn tình Xuân tưởng-niệm,
Làng quê muôn dặm mây vùn thương.

Anh thấy những người em gái,
Áo màu sắc sỡ trăm hoa,
Tóc tơ gió vờn bên trán,
Chào Xuân thèn-thẹn lời ca.

Có những giáo đường rực sáng,
Hồi chuông gọi một tâm-tư ;
Hoa nền miếu chùa trang-trọng,
Cầu cho quê cũ làng xưa.

Có những đồn xa, người lính chiến,
Quây-quần kể lại chuyện Quang-Trung.
Hẹn mùa Xuân nổi đường Nam-Bắc,
Duyên cũ, tình xưa dịu nhớ-nhung.

.....
Anh viết lá thư Xuân mới,
Gởi em vạn ý tim lòng.
Hò hẹn ngày mai thắng lợi,
Tự do trả lại Thăng-Long.

HOÀNG-NGỌC-LIÊN

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

IMPORT-EXPORT

Représentation



175 - 179, Duong Tu-Do — SAIGON

Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe semelle,
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S.A.

Société au Capital de VN\$. 8.000.000

Siège Sociale :

7, Bèn Chuong Duong — Saigon

Boîte postale 46

Téléphone 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION

REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e.

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH & WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O B.E.P.I C. ANVERS

HECHT LEVIS & KAHN DIVISION OF RUBBER CORPORATION
OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

TRUYỆN VUI

KHÂU ĐÍT CHUỘT

CỦA LÊ-VĂN-SIÊU

L.T.S. — Chúng ta đã biết Lê-Văn-Siêu, con người thực-nghiệp (qua loại sách do nhà Hàn-Thuyên xuất-bản), chúng ta đang hiểu Lê-Văn-Siêu, con người văn-hóa (qua bộ Văn-học-sử Việt-Nam và bức tranh cây Ván-hiến). Chúng ta quả không ngờ trong Lê-Văn-Siêu còn có con người thứ ba, con người văn-nghệ với ngòi bút hài-hước và châm-biến sâu, cay. Truyện vui này sẽ khiến người đọc cười và suy-nghĩ đề như lầy nổi ai-oán của những con chuột di-cư, đứng xa trông về nơi cố-thò, chỉ còn một lũ chuột điên lộng-lộn lén với nhau vì bí đại-tiên, bỡn ngón tay khéo-léo của mặt chị cán-bộ đặc-tái.

NHÀ tôi dạo này tự-nhiên sinh ra lắm chuột quá. Những con chuột chỉ nhỏ bằng đầu ngón chân, nhưng nhanh ghê lắm, chạy loăng-quăng trong nhà và cắn nhau chí-choé suốt ngày đêm.

Hai mắt chúng, lồi ra ngoài cái mặt choắt, đảo nhanh như những ngôi sao nhấp-nháy trên trời, dường như có thể nhìn thấy được cả đằng sau lưng. Lại thêm hai cái tai tròn, vênh lên trên đầu, y như một thứ ăng-ten để bắt tiếng động trong gió, chúng đã coi thường những sự dọa-dẫm của người.

Không rõ chuột có biết cười không, chứ mỗi khi bị trên-chọc, một con người to-lớn gấp trăm nó, cúi-kính và la-hét ầm-ĩ để đập tay thật mạnh xuống người nó, mà rồi chỉ đau é cả tay còn nó đã

chạy biến đâu mất rồi, thì thật là một trò cười cho chính con người đau tay nữa.

Có lần nó lên hẳn bàn viết của tôi để chơi. Cứ mặc nó, khi không thấy có gì ăn thì nó lại xuống. Còn phác thêm một cử-chỉ gì để đánh nó cũng bằng thừa, bởi nó cũng vẫn chạy xuống.

Kề ra có thêm giống chuột này, nhà cũng thêm được một cớ để vui. Nhưng những lúc có anh em đến chơi, trải chiếu trên sàn ngồi uống rượu, thì nó làm tôi đến é cả mặt. Nó vào hẳn trong mâm, cướp từng hột đậu phộng hay từng miếng thịt rồi chạy nhanh như chớp. Minh vừa thấy động nhìn xuống thì nó đã chạy xa rồi. Bạn tôi bảo : « Chà ! chuột nhà này dạn dĩ ! » Tôi phải chữa thẹn : « Ấy, chuột nhà nuôi để cho các cháu chơi ! Xin bác đừng đánh nó ! »

Nói là đừng đánh, chớ thực tôi tức lắm. Có khi tôi đương ngồi nghĩ chuyện đầu đầu, nó trèo hẳn lên bàn chân tôi, làm tôi giật mình, vừa định vớ lấy cái thước để đánh, thì nó đã chui tọt vào gầm tủ. Tôi khư-khư cái thước trong tay, ngồi hàng giờ để chờ, thì lại không thấy nó ra. Mà khi vừa đặt thước xuống, thì lại thấy nó.

Tôi đã đi mua những cái bẫy thật nhạy đặt khắp mọi xó nhà, mà cũng không ăn thua gì cả. Bẫy bầy chỉ bắt nổi những chuột lớn nặng. Còn đây là những chuột nhỏ, nhẹ và nhanh. Nó cướp mồi chạy thoát ra khỏi bẫy thì bầy mồi vừa kịp đập xuống. Chỉ càng khổ cho mình lại phải làm những miếng mồi khác.

Có người bạn lấy làm lạ hỏi tôi sao chẳng nuôi lấy một hai con mèo ?

— A ! điều đó thì thực quả là tôi rất sợ.

Mèo ở Sài Gòn này không chịu nằm trong xó bếp hay trên đồng chăn bông. Có lẽ tại trời nóng bức quá chăng ? — Mèo ở đây toàn leo mái nhà, đại tiện-liện gì cũng trên đó, mà « mèo chuột » i với nhau, cũng trên đó. Trời ạ ! Có khi một tiếng gào của một con vang lên, cả đàn bốn năm con kéo tới.

Rồi chúng nó đánh ghen với nhau sao đó trên mái nhà, ngói cứ xô hết cả đi, dưới nhà nghe cứ như tiếng sấm, tiếng sét. Kinh quá !

Đáng kinh-hãi hơn nữa là nhà thuê của người ta, không có trần. Ngói thì ngói úp. Một cục ngói văng ra thì cả mảng văng theo. Đề rồi nó mới theo khe rui mà rơi xuống. Vô-phước mà ngói rơi trúng đầu thì đến nằm nhà thương thì, chớ thừa kiện gì được ai ?

Ở trong những cái nhà mọc lên vì chiến-tranh ấy, cả nhà tôi đã phải đội nón đề-đề-phòng và lúc nào cũng hồi-hộp lo-sợ. Nhất là về chiều tối, vừa lên đèn đề cả nhà nói chuyện vui-vẻ với nhau, mà chợt có tiếng mèo kêu trên mái nhà, thì chẳng ai bảo ai, cả nhà cứ xanh cả mắt lên mà ôm đầu chạy, như chạy bom đạn hồi nào.

Tôi nuôi một mối từ-thù đối với mèo Sài Gòn này là vì thế.

Tại nơi tôi ở hiện nay, tôi đã giết tất cả sáu con mèo. Con nào bắt được, tôi cũng không đánh chết ngay. Tôi trói chặt bốn chân nó lại bằng dây kẽm, cho không thể cắn đứt được, rồi tôi treo lên cành cây cao, đổ rượu đế, thứ đế thật nặng và ngon vào miệng nó, cho nó tha-hồ say, mà ba-hoa suốt ngày đêm, đến lúc chết thì liệng ra xe rác.

Chẳng hiểu với tiếng ba-hoa ấy, nó có nhần-nhủ gì với đồng-loại của nó không, chớ từ đó không một con mèo hoang nào dám leo lên mái nhà tôi nữa.

Đã thế, bây giờ nhà có chuột, lại bảo tôi nuôi mèo để trừ thì thật là một điều phi-lý. Nhưng nếu không trừ thì cả nhà tôi khổ vì chuột. Vợ tôi bàn mua thuốc giết chuột về cho nó ăn. Tôi gạt đi, sợ nó chui trong các khe ngách mà chết thì hồi-thối không thể chịu được.

Tôi gạt đi như vậy để thủng-thẳng tìm kế gì hay hơn.

Nhưng mãi cũng không ra kế gì cả.

...

Rất may là nhà tôi mới có thêm chị vợ người bạn tôi là nữ-cán-bộ ở khu về. Chị ở đỡ trong nhà tôi ít lâu. Thấy nhà lắm chuột, chị cũng tỏ ý tức lắm.

Một hôm chị đứng nấu nước trong bếp, xịch thấy tiếng động trên nồi cơm đặt ở nóc chạn, chị nhìn ra : một con chuột đã cậy vung chui vào nồi. Chị đưa tay chạn vung nồi cơm, rồi gọi rầm nhà lên : bắt được con chuột rồi !

Thế là cả nhà tôi đổ xô vào bếp, cười vui như tết.

Cái nồi được đặt xuống sàn bếp, cho mọi con mắt chăm-chú nhìn vào. Tôi hỏi : « Nồi còn cơm không ? »

— Hết rồi, tôi để đây để sắp đem rửa.

Có người nói cho nước vào và đặt nồi lên bếp.

Có tiếng vỗ tay hoan-hô ở phía mấy đứa con nhỏ của tôi.

Tôi gạt đi nói như hô một hiệu-lệnh : phải bắt sống để treo lên và đổ rượu vào mồm nó !

Chị cán-bộ cười và nói :

— Cách ấy chưa hay. Tôi mới học được phép làm cho chúng nó tự cắn nhau rồi đem nhau đi mới hay chứ !

— Sao ? cách ấy ra sao ?

Chị cười ngặt-ngheo :

— Cách ấy, ngoài khu thường làm, là khâu đít nó lại, nó bí... mà thấy những bạn nó thông... thì tự-nhiên nó sẽ ghen tức mà cắn lung-tung, bao nhiêu những con lành-mạnh kia sẽ bỏ chạy đi cho bằng hết.

Tôi vỗ đùi khen : hay ! lại giận sao mình còn kém thông-minh đến không nghĩ ra được cách ấy.

Thế là vấn-đề bây giờ chỉ còn làm sao bắt được con chuột đã vào nồi. Cũng là một vấn-đề khó chứ không dễ. Bởi mở vung ra, thò tay vào thì nó lách mình chạy mất. Mà để nó trong nồi thì làm sao bắt được nó ? Khó thật !

Hội-dồng trong xó bếp của tôi, sau khi đã « xét vi » đủ mọi thứ, và thảo-luận sôi-nổi lắm về mọi phương-diện, đã

quyết-nghị dùng một miếng vải lớn trùm trên nồi cơm cho xòa xuống sàn bếp. Rồi mỗi người dủ cả phụ, lão, thanh thiếu-nhi, phải trịnh-trọng ngồi xồm đặt hai tay lên mép vải thành một vòng tròn cho chuột không có lối chạy ra. Rồi một người đẩy nhẹ cái vung cho hé ra một lỗ nhỏ. Thế là chuột theo lỗ ấy chui ra. Anh ta chạy dưới vải tìm lối thoát thân thì bàn tay của tôi chụp được.

Tiếng cười vang dậy cả bếp nhà tôi. Hàng xóm cũng đổ xô qua xem chuyện gì lạ.

Một lát, kim chỉ được đem tới. Chị cán-bộ, như một tay nữ-y-tá thành-thạo, bảo một người cầm gọn bốn chân nó lên, một người kéo đuôi nó ra, rồi chị khâu, khâu, ba bốn mũi kim là xong. Chị lấy kéo cắt sợi chỉ, rồi trịnh-trọng nói đỡ nó :

— Đây rồi mày lại vẫn tự-do như thường, nghe con ! Tôi cười rồi buông tay cho chuột chạy.

Nhờ kinh nghiệm ấy, chúng tôi bắt thêm được bốn năm con chuột nữa, cũng làm y như vậy rồi thả ra.

..

Tôi chú-ý thấy quả-nhiên một hai bữa sau, những tiếng kêu chi-chóc của chuột cắn nhau có vẻ dữ-dẫn hơn trước. Có con đương khi không, ngã từ trên sà nhà xuống. Tuy nó lại đứng dậy chạy được ngay, nhưng tôi biết đó đã là biểu-hiệu cuộc xung-sát ghê-gớm giữa chúng nó.

Tôi lại rắc thêm gạo ra đất cho chúng sẵn có ăn, khỏi phải xục-xạo tìm dẫu cho mất công. Rồi tôi ngồi uống nước, thủng-thẳng theo dõi những hành-động hào-hung của mấy con chuột mới có thêm bữa phép mới. Tôi nhớ lại câu chuyện tiểu-lâm kể một anh nghiện

xuống ruộng ngồi nhàn-nhỏ hàng giờ, khi thấy một anh đi đường cái quan ghé xuống ruộng chỉ thoáng một cái đã lên ngay, thì anh tỏ ý ao-ước : « tao thấy mày... mà tao thèm quá ! »

Tuy là nói lỡ lời, chớ anh nghiện này cũng vẫn còn văn-minh, không đến nỗi lòi đồng-loại của mình ra đánh như mấy con chuột bị đại-tiện kia.

Thì ra giống chuột chúng nó vẫn kém người. Chúng chỉ có cái thông-minh để lẩn tránh người mà không có cái thông-minh để sống với nhau.

Nếu chúng thông-minh để sống với nhau, thì chúng phải nhận ra chúng khổ sở như vậy không phải tại đồng-loại mà tại sợi chỉ, và vì thử không thể tự cũi được đầu xuống đất mình mà cắn sợi chỉ ấy, thì chúng vẫn có thể nhờ nhau cắn dùm ra cho một cách dễ-dàng. Rằng chúng nó sắc như dao, có thể gặm thủng được những tú gỗ lim cứng như sắt. Ấy thế mà bây giờ thì một sợi chỉ con-con cắn cũng không đứt. Thật là tội-nghiệp cho chúng nó vậy.

Bây giờ thì những con chuột lành-mạnh đã di-cư hết rồi. Chẳng biết vào vùng tự-do nào. Và chẳng biết có một cái Tổng-ủy Di-cư nào lo trợ-cấp cho chúng không. Trong nhà tôi chỉ còn bốn năm người anh hùng đương i-ạch với cái bụng của mình.

Bốn năm người anh-hùng ấy ngó bộ hung-dữ tợn !

Lông chúng nó xù lên như những lông rím. Mắt sâu hoắm vào, hỡi lông mặt dựng đứng cả lên. Chúng đi không nhanh-nhẹn như trước. Và hai mắt trước lòi ra có thể trông được mọi phía thì bây giờ bị lông che, chỉ trông được có một chiều. Bụng bạnh ra, đi thấy như sắp sát mặt đất. Đuôi dựng đứng lên trông y như những cán cờ của người

ta đi hiền-tĩnh về. Giá có chú cán-bộ nào ngồi cất vãi nhỏ ra làm những cái cờ xinh-xinh bằng độ mặt bao diêm mà đeo vào đuôi chúng, cho chúng « tuần-hành thị-uy » trong nhà tôi thì chắc là sự thành-công sẽ vĩ-dại lắm.

Chúng chạy ra chạy vào, miệng kêu chít-chít. Chỉ thiếu cái bát-sà-mâu nữa thì chúng thành những ông Trương-Phi của « Trung-quốc vĩ-dại » để găm thét ở cầu Trường-bản.

Tôi ngồi xem cùng với cả nhà mà phải bảo nhau có chân lên, sợ chúng diên có thể cắn bừa vào chân mình.

Chúng lồng-lộn lên, ngó bộ ghê-gớm lắm. (Chẳng trách đồng-loại của chúng đã chạy hết). Chúng vấp vào chân ghế cắn một miếng rồi lại nhả ra, lại chạy đến chân tủ cắn một miếng. Cứ thế miệng la, chân lão-đào, đuôi cán cờ dựng lên trời.

Trông thực y như những đại-gia văn-nghệ-sĩ đương nhàn-nhỏ chạy tiền ăn, mà vẫn đương dọa-nạt cục gạch hay cái chân ghế là mình sắp-sửa cho ra đời một cái gì to lớn lắm. Với cái khối rắn chắc trong bụng chúng, thì nhất-dịnh chúng tưởng-tượng cái gì to lớn ấy, ít nhất cũng phải bằng đến trái núi. Phen này chuột « để » ra trái núi thì thật là một sự lạ. Nhưng trái núi, đầu chỉ bằng một viên cứt chuột thôi, cũng không ra được ! Chì cán-bộ nhà tôi quả đã khéo tay !

Sáng hôm sau, khi tôi mở cửa bước ra thì bốn năm cái xác chuột đã nằm chồng queo giữa sân, đuôi vẫn ngổng lên.

Tôi bật cười, bất-giác nghĩ đến những người đương khâu đít chuột và những con chuột đương bị khâu đít trên thế-gian này.

LÊ-VĂN-SIÊU

20-11-1957

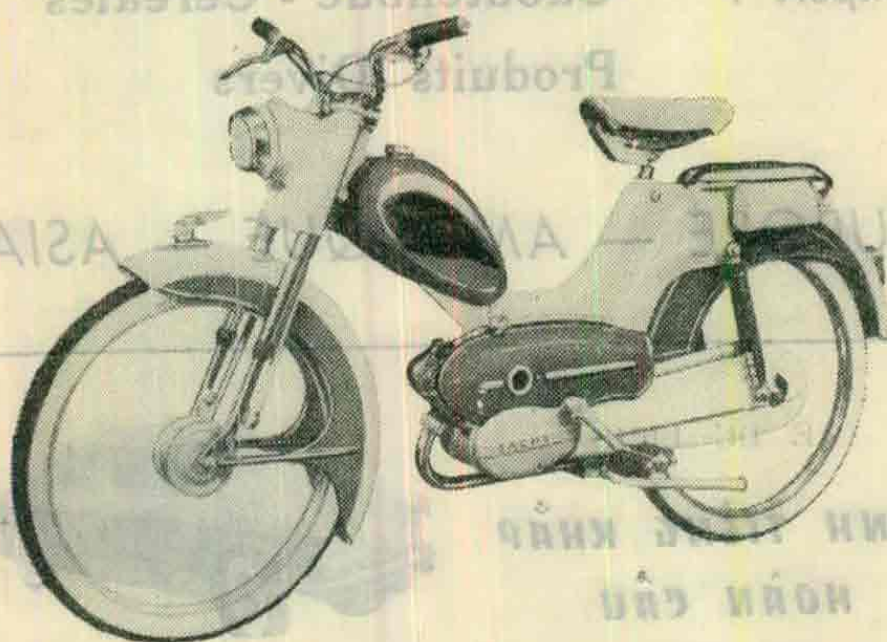
NAM-VIỆT CÔNG-THƯƠNG

Xuất — Nhập — cảng

Văn - phòng : 37, Thái-Lập-Thành

(Amiral Dupré) SAIGON

Điện - thoại : 22.992



ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

Xe gắn máy NAVICO

XƯỞNG RÁP :

Tại đường Trương-minh-Giảng (Tân-sơn-Nhứt)

Chi-ngánh tại Nam-vang :

179/7, đường Vithei Youkangthor

A. C. LANGLIET

155 Rue Lê-Thánh-Tôn — SAIGON

Tél. — 20651

Export : **Caoutchouc - Céréales**
Produits Divers

EUROPE — AMERIQUE — ASIA

XE DU LỊCH

**DANH TIẾNG KHẮP
HOÀN CẦU**

ĐẸP BỀN



SINGER *Gazelle*

do Hãng ROOTES Anh-cát-Lợi
sản xuất

ĐẠI LÝ ĐỘC QUYỀN TẠI VIỆT-NAM
HÃNG

VIỆT - HÀ

69, đường Tự-Do — SAIGON

☎ Giấy nói : 23.070



SUNBEAM RAPIER



HỘI TRĂM HOA

MẶC-THU

SẦM-TỬ-TRƯỜNG là một tay danh-họa đất Phú-Xuân, ưa khoáng-dật, có tính hay nói thẳng, làm mich lòng nhiều người. Vì vậy từ nhỏ Sầm đã ít giao-du, lớn lên tai nghe, mắt thấy nhiều nỗi nhơn-tình ấm-lạnh lại càng xa lánh bạn-bè, về ẩn trong ba gian lều cỏ tại phường An-Định. Cùng sống với Sầm, có người bợ giả, vóc hạc mình ve, âm-thầm như nửa bóng hoàng-hôn.

Thường nhật vác bút đi vẽ, thẳng-cảnh trong vùng, không đâu Sầm không đặt chân tới. Trước, sau nhà Sầm đều có vườn rộng hàng chục mẫu, trồng la-liệt nhiều giống hoa lạ. Sầm duy quý nhất có cây Dạ-Lan-Hương, thường tự tay bón tưới sớm, chiều. Cây Dạ-Lan-Hương vốn xưa được tay Sầm-Mẫu đem về trồng. Cùng ngày ấy bà cụ sanh ra Sầm, vì vậy thường trở cây nói đùa với gia-nhân : Đó là vị hôn-thê của Tiểu Công Tử !

Từ đó cây và người cùng lớn. Cây Dạ-Lan-Hương mỗi ngày mỗi tốt-tươi. Thân mảnh, lá mềm, mỗi khi gió động, uyển-chuyển như nếp áo giai-nhân. Sầm

thì tài-hoa mỗi ngày mỗi thêm nảy-nở, vầy mực thành sương, khối trên tranh. Nét bút xương-kinh như thấp-thoảng có bóng rờng trong mưa bão, kinh-ngạc dưới lòng sông. Tài lạ lan đi khắp vùng. Người chốn lân-tuất đều ngưỡng-mộ. Gái đẹp trong vùng nghe danh Sầm tài-hoa rất mực, muốn ngấp-nghe trao-duyên, thấy đều bị Sầm cự-tuyệt.

Phương Bắc có kẻ áo vải họ Hồ, bất đắc-chỉ, vào núi làm loạn, xưng lên tà-thuyết, nông-dân đói kém theo như nước chảy.

Mùa Xuân năm Mùi, họ Hồ đại-thắng trận Địa-Bản, kéo quân về đóng chiếm Kinh-Bắc, sát-khí ngất trời, giáp-binh sáng chói hàng trăm dặm.

Từ đấy họ Hồ xưng vương, đặt quốc hiệu là Bắc-Ngụy.

Rắp khao-thưởng tướng-sỹ và cũng đề dân-chúng Kinh-Bắc khiếp uy, Ngụy-Vương truyền mở tiệc « Trăm Hoa », ban lệnh-chỉ, truyền cùng một ngày, cùng một giờ, cùng một khắc, trăm thức hoa trong đế-đô cùng phải khai-hoa nở-nhụy.



Thiên-hạ nô-nức đi xem. Sầm nghe chuyện lạ, cũng thu-xếp hành-trang tới để-đỗ dự hội.

Sầm vốn ưa tỉnh-mịch, tìm trọ tại mái Tây chùa Trấn-Quốc.

Đêm ấy trăng sáng ngợp sân, gió hồ hây-hây. Sầm nghe có lửa-hừng trong người, bên một mình đối bóng, rót rượu suông uống thưởng trăng. Lửa lòng mỗi lúc mỗi rạt-rào theo men rượu. Vừa mới ngà say, xảy đầu thốc tới một ngọn gió mạnh, kể thấy một nhà sư sừng-sừng giữa sân chầm-chầm nhìn Sầm mà cười.

Sầm đứng dậy vòng tay thi lễ, toan hỏi đạo-danh. Nhà sư đã cười lớn :

— Gió mát, trăng thanh, rượu ngon, duy chỉ còn thiếu . . . gái đẹp. Ngồi đó uống suông một mình chẳng uống làm ru ? Sao lòng đã nghĩ đến mà chân không biết tìm đến ?

Sầm nghe nói trúng tâm-can, giật-mình kinh-sợ. Nhà sư đã đến bên bàn rượu kéo ghế ngồi tự rót rượu ra bát lớn vừa cười, vừa nói :

— Công-tử mời ta một bát nhé ! Đừng sợ thiệt-thời, lát nữa ta tìm thú vui cho !

Nói rồi không đợi Sầm trả lời, nâng bát làm một hơi cạn, đoạn lấy vạt áo lau mép quên-quệt. Sầm đoán chừng là một nhà sư phá-giới hoặc ít nữa thì cũng là một kẻ vô-hạnh núp bóng cửa thiền. Tuy vậy vẫn cung-kính mời-khách. Nhà sư cũng chẳng cần để ý tới Sầm, gỡ trong vạt áo lấy ra một đùi thịt chó thui, vừa nhồm-nhảm ăn, vừa ứng-ực uống, trông bộ rất ngon lành. Thoát chốc hồ rượu Hoàng-Hoa đã cạn gần quá nửa.

Chừng đã tạm đủ, khách mới chột nhờ tội chủ, nhìn Sầm giây lâu rồi gật gù khen :

— Công-tử thực là người hiếu-khách. Tiếc là không có duyên lâu-dài với đất Kinh-Bắc này, ở đây quá ba ngày tất có vạ lớn.

Sầm cười nhạt, lòng không lấy làm tin, cho rằng đấy chỉ là câu chuyện trả nợ miệng. Nhà sư dường như biết vậy, lảng sang chuyện khác :

— Bây giờ đến lượt ta đèn cho công-tử. Mai này cả trăm gái non phải dâng mình cung-hiến trình-tiết cho Ngụy-Vương. Tội gì ta không chọn lấy vài ả khá nhất mà thưởng-thức trước.

Sầm không quen nghe nói sống-sượng, đỏ mặt thẹn-thùng, chưa dám cất lời nhà sư đã nắm tay kéo đến trước một bức cổ-họa treo ở góc tường, tro bảo :

— Công-tử đọc coi chữ gì đó !

Sầm nheo mắt rần đọc thì thấy góc tranh có ba chữ « Bách Hoa Đồ ». Nét chữ đã mờ, viết theo lối đại-cổ-triển.

Nhìn lên bức tranh thấy vẽ đủ trăm thức hoa, linh-động như thực. Nét bút vô cùng tuyệt hảo.

Nhà sư ghé tai Sầm nói nhỏ :

—Ta đến chơi đó ! ... Rồi công-tử sẽ gặp được cố-nhân !

Dứt lời kéo mạnh tay Sầm xăm-xăm đi vào bức tranh. Sầm giật mình toan lùi lại thì nhà sư đã kéo đi sênh-sệch.

Lạ thay, Sầm không thấy có gì cản trở mà rõ-ràng đương bước vào một khu vườn bát-ngát, sức-nức hương thơm.

Nhà sư đi trước. Sầm bước sát theo sau. Thoắt chốc hai người đã tới trước một ngôi tửu-đình bát giác. Tám cửa đều có rèm son cuốn cao. Bên trong mâm rượu thịnh-hoạn, đầy-dủ các món sơn-hào, hải-vị đã bày sẵn trên bàn.

Nhà sư kéo Sầm ngồi, buông kín tám bức rèm xuống, đoạn vỗ tay làm hiệu, tức-thời nhã-nhạc vang lừng. Bên ngoài tám cửa bỗng nhiên có hàng trăm gái đẹp xôn-xao đi lại.

Sầm ghé mắt qua rèm, thấy rõ ả nào, ả nấy sắc nước hương trời, tuổi chỉ mười tám, đôi mươi, người nào cũng như thiên-tiên giáng hạ. Xiêm y mỗi nàng mỗi vẻ, riềm rúa như màu hoa, lả-lướt như cánh bướm. Điều Sầm chú ý là nét mặt nàng nào cũng rầu-rầu buồn-bã, lệ ướt vành-mi, môi son khô héo, tuồng như có tâm-sự gì đau-khổ vậy.

Nhìn sang bên, nhà sư rượu uống tí-tí, lát sau đã nằm quay trên kỷ ngũ kỹ, ngáy vang như sấm.

Chợt có bọn gái đứng sát dưới rèm thi-thào to, nhỏ. Sầm nghiêng tai nghe rõ từng lời.

Ả xiêm trắng :

— Ngày mai chưa tới khai-kỷ của em. Phải cố-gắng, chắc em khó sống nổi. Một trận gió mưa, chắc gì còn ngày tái-ngộ !

Ả xiêm vàng :

— Chị Bạch Liên khéo lo xa. Rủi có làm sao chẳng qua cũng là định-mệnh. Kể kia, trên lâm trái lòng trời, dưới lâm nghịch lòng dân, đâu có đặc-thể một thối-ru, cũng chẳng thể ngồi mãi đó vững.

Ả xiêm đỏ :

— Chị Hoàng-Cúc nói phải đó ! Nhưng đợi được tới lúc ấy, tám thân liễu yếu, đào thơ của chị em mình liệu có còn toàn vẹn ?

Ả xiêm vàng im lặng một lát rồi đáp :

— Người ta sống, chết ai cũng có định-kỷ. Mong, nó cũng không qua. Tiếc, nó cũng cứ tới. Thôi thì chỉ nên nghĩ đến điều mình làm được và cũng chẳng nên tránh điều mình không tránh nổi.

Ả xiêm trắng ngắt lời :

— Sao lại không tránh nổi ! Chắc chị Tiểu-Hồng đã có kế gì hay, vạn-nhất có





thể làm cho chị em ta an-toàn được chăng?

À xiêm đồ :

— Kể hay an-toàn thì không có. Định-mệnh đã giăng mắc thiên-la, địa-võng khắp nơi, đâu có đôi cánh chim Hồng, cũng còn khó thoát. Dạy em có kể này ! Kể tàn-bạo kia đặt ra hội « trăm-hoa đua nở » là để tỏ quyền-uy của mình. Chúng ta đâu biết việc làm bạo thiên, nghịch địa đó chỉ là dấu hiệu sụp-đổ của một cường quyền. Nhưng trước khi rũ cánh lìa nhánh, tưởng cũng nên cho thiên-hạ thấy quyền-uy ấy không trấn-áp được lòng tin của con người, chỉ áp chế được thể-xác nhất thời của chúng ta mà không khuất-phục được linh-hồn vĩnh-cửu của chúng ta. Em bàn với các chị : Đêm mai đúng giờ khai nhụy, chúng ta nở liền đấy rồi lại héo ngay liền đấy, để biến-đổi ý nghĩa « trăm hoa đua nở » thành « trăm hoa đua héo »;

các chị nghĩ thế nào? Nếu thuận thì chúng ta đi ước hẹn với các chị khác !

Cả bọn con gái vỗ tay cười khen là « điệu kể » rồi dắt tay nhau cùng đi.

Sầm-sinh mới biết đó là những hồn hoa xuất-hiện. Xảy từ phía Nam góc vườn đi lại một gái cực kỳ mỹ-lệ, nhằm phía Sầm ngồi, gót sen lặn tới. Dừng trước tủu-dinh giai-nhân ngo-ngác như muốn tìm ai.

Sầm không nên được, lên tiếng dặng-hắng. Giai-nhân then-thùng khép nép vạt xiêm, cúi đầu khẽ hỏi, giọng nhỏ-nhẹ như tiếng chim oanh :

— Thưa, có phải Sầm-lang từ Phú-Xuân tới đó chăng ?

Sầm kinh-ngạc, cuốn rèm vạt chào, hỏi vì sao mà biết.

Giai-nhân ngảnh mặt đi cười đáp :

— Mới đó mà đã quên ! Thiếp chẳng phải người xa lạ, cùng ở phường An-Định, với chàng vốn là chỗ lân-lý.

Sầm mời vào. Giai-nhân vén xiêm bước lên thềm.

Hỏi tên nàng đáp là Dạ-Lan-Hương. Sầm nhớ mãi không ra đã gặp ở đâu. Nhưng kề bên người đẹp da thịt ấm-áp, hơi thở thơm-thơm. Sầm không còn bụng dạ nghĩ chuyện nào khác.

Rượu cạn vài chung, sắc mặt nàng càng hồng-hào tinh-túc. Thu-ba đưa đầy, sóng mắt rợn tình. Kề bên, nhà sư vẫn ngáy vang mê-mệt. Sầm chẳng dằn lòng nổi, đòi chuyện lả-lơi. Nàng không kháng-cự, chỉ khẽ nói qua hơi thở :

— Đã chịu ơn chàng chăm-sóc từ nhỏ tới nay. Chẳng nở để nhụy hoa vui sướng vào mưa gió.

trên thân lựa đã hiện ra một thân cây già giặn tưởng như rờ tay thấy được. Duy gốc và ngọn đều thiếu, như có một nhát dao dẫn cắt.

Nguy-Vương tái mặt, sấn-sổ đứng lên. Sầm đã ung-dung đứng dậy, ném bút, cao tiếng thích-nghe :

— Cây này chính là vận-mệnh của đại-vương ! Tiệp-sĩ trộm nghe nói : Kẻ trí thấy nhà đồ thì lo chống. Kẻ bất trí thấy có người mách cho nhà sắp đồ thì lo giận. Đại-Vương đây ý hẳn muốn chuốc lấy tiếng bất trí đó chăng ?

Đại-Vương, lúc còn hàn-vi, muốn dân trông cậy, tới khi đắc-thế, trên làm trái lòng trời, khác gì cây mất ngọn, dưới làm nghịch lòng dân, khác gì cây mất gốc.

Cây mất ngọn thì không có lộc. Cây mất gốc thì không còn rễ. Lộc, rễ không còn, thử hỏi ngôi-vị của đại-vương còn vững được chăng ?

Lòng dân ngày nay mỗi ngày một xa lánh đại-vương. Tiếng tốt ngày xưa, nay chỉ còn là dư-ảnh. Kể khen đại-vương được công. Người chê đại-vương thì có tội. Việc xấu bưng-bít. Việc tốt phô ra, hỏi biết đâu mà sửa đổi cho hợp dân-tình.

Lòng người oán hận mỗi ngày một chồng-chất. Tuy nhất-đán không trông thấy, nhưng thực đã thành mối họa.

Đức đã mất, uy tất chẳng còn. Uy, đức không còn, tiếc thay, nghiệp lớn của đại-vương sẽ phải bỏ dở ?

Tôi e không sớm, trong, điều-chỉnh lại chính-sự, ngoài, vỗ yên muôn dân, khi hối đã muộn mà vạ lớn đã kề bên mình đó ! Tôi đâu có vì nói ngay mà xương rơi thịt nát cũng cam.

Nguy-Vương chưa từng nghe lời nói thẳng, dưng-dưng nổi giận, gọi giáp-sĩ đem Sầm ra chém.

Trong hàng danh-sĩ có lão Đại-Học-Sĩ họ Phan, bước ra ngăn :

— Giữa tiệc vui không nên đề mất một danh-sĩ. Lời gián nghị của Tử-Trường không phải có chỗ không đúng. Xin đề ngày mai nghị xét lại rồi luận tội cũng không muộn.

Nguy-Vương dẹp giận, quay hỏi Sầm :

— Cuồng sĩ nói ta không có uy-đức. Vậy thử xem lệnh ta truyền cho trăm hoa đua nở đêm nay có hiệu nghiệm hay chăng ?

Sầm cười lạt đáp :

— Đại-Vương rồi thấy trăm hoa khiếp uy đại-vương sẽ nở đều trong giây lát. Nhưng vì đại-vương đức thiếu, nên nở đấy rồi lại cũng sẽ tàn ngay đấy. Đến như hoa cỏ kia còn cưỡng lại hưởng chi là lòng người !

Sầm dám nói chắc vậy, chẳng qua nhớ lại chuyện nghe lỏm đêm qua giữa mấy hồn hoa đó thôi !

Chẳng ngờ, đúng như lời Sầm, tới giờ, tới khắc trăm thức hoa trong Thượng-Uyển cùng nở đều, sau đó một giây cùng héo rũ cả xuống.

Mọi người xôn-xao bàn tán. Sầm nhơn lúc đó, bẻ lấy một cành Dạ-Lan, lén ra ngoài trộm ngựa nhằm phía bờ sông đi thẳng. Tới nơi đã thấy nhà sư đợi đó.

Nhà sư trở con thuyền nhỏ buộc sẵn dưới sông bảo Sầm :

— Công-tử, nên xuôi theo phương Nam mà đi, nơi đó dầu chưa yên, song sẽ là nơi khởi-nghiệp. Ở đây tất sinh vạ lớn. Kinh-Bắc ngày nay đương sống

Mây mưa đã thỏa, Sầm mới căn-vấn nguyên do vì đâu mà đến. Nàng buồn-rầu giải tỏ sự tình. Nguyên chẳng phải là người, mà chính là hồn hoa Dạ-Lan. Chính cây Dạ-Lan do Sầm bón tưới. Mới đây vâng lệnh Hoa-Chủ phải rời Phú-Xuân đến để-dự hội « Trăm Hoa ». Nhờ có nhà sư dắt lối, đến đền-đáp ơn Sầm một đêm rồi vĩnh-biệt...

Sầm nghe chua-xót trong lòng. Vừa lúc nhà sư vuôn vai đứng dậy, ngáp luôn một thôi. Trông thấy cô gái nằm trong lòng Sầm, nhà sư cười-cợt :

— Hai người táo gan thực, dám làm chuyện dâu-bộc ngay trước mắt bần-tăng. May mà ngủ say, chứ không đã cho một gậy !

Nàng Dạ-Lan quá thẹn, áp mặt vào vạt áo của Sầm mà náu. Sầm đã biết nhà sư là một bậc chân-nhân đặc-đạo, bèn cúi lạy xin cứu mạng cho Dạ-Lan.

Nhà sư suy-nghĩ giây lâu, rồi gật đầu :

— Hai người vốn có tiền-duyên. Vả Sầm-mẫu lại đã có lời đính-ước. Thôi được ! Bây giờ hãy tạm xa nhau. Đêm mai nàng phải tới dự hội cho đủ mặt, kẻo Hoa-Chủ người quở trách. Công-tử là danh-sĩ Phú-Xuân, tất sẽ được mời. Nhớ trong tiệc rượu lên bệ lấy một cành Dạ-Lan rồi lên trốn ra bờ sông Hoàng-Hà. Đúng giờ Tí đã có ta đứng đón ở đó !

Nói rồi lại nắm tay Sầm kéo đi không cho kịp từ biệt. Lần trở về, nhà sư cắp Sầm ngang lưng đi vùn-vụt như bay. Bèn tai gió thổi ào ào, Sầm không dám mở mắt ra ngó. Kể thấy dừng lại, ném Sầm một cái mạnh xuống, nói lớn :

— Tới nhà rồi đó !

Sầm dụi mắt nhìn ra thấy đã nằm trên giường trọ trong chùa Trấn-Quốc. Bụng bồi-hồi tự không biết mộng hay thực.

Quả-nhiên ngày đó Sầm nhận được lệnh của Ngụy-Vương mời tới dự tiệc « Trăm Hoa ». Sầm, y-quan tề-chỉnh, đúng hẹn tới nơi. Thượng-Uiễn đèn giăng, hoa kết muôn phần rực-rỡ. Trong ngoài, giáp-sĩ gươm tuốt sáng ngời, Sầm đưa mắt nhìn quanh thấy đồag-dủ mặt danh-sĩ Kinh-Bắc. Ngụy-Vương ngự trên đôn da hồ, mặc áo vóc đại-hồng, khi thế kiêu-kiêu tự đắc.

Rượu được vài tuần Ngụy-Vương cao giọng hướng về Sầm nói :

— Tiệc vui đêm nay là một tiệc vui hiếm có từ ngày cô-gia cởi giáp ban sư, trước là để tỏ uy-đức của cô-gia sau là để cùng các danh-sĩ họp mặt. Ta nghe nói Tử-Trường là danh-họa đắt Phú-Xuân, có thể đồ mực thành mưa, vẩy bút thành gió. Vậy Tử-Trường có thể mang tài đó hiến dương uy-vũ của cô-gia được chăng ?

Sầm, vốn còn xúc-động về câu chuyện nã lòng đêm trước, nay lại nghe lời nói hỗn-xược của Ngụy-Vương, bản tính cương-trực càng dần lại càng bốc. Sầm đứng lên, hất đồ chén rượu xuống đất, cười lạt mà rằng :

— Có khó gì việc ấy ! Tiện-sĩ chỉ sợ tài hèn thêm làm bận mắt Đại-Vương !

Ngụy-Vương hớn-hở truyền lấy lụa tốt trải sẵn trên bàn. Trăm mắt đổ dồn vào bàn tay đại danh-họa, bấy lâu mới nghe mà chưa từng thấy.

Sầm ung-dung dầm bút vào nghiên, rồi buông bút xuống bức lụa. Chỉ thấy ngọn bút xoay qua, xoay lại, thoát chốc

trong thời kỳ vô-đạo, nhân-nghĩa coi như rơm-rác, thế tất chuyện diệt-vong chỉ là chuyện trong sớm chiều. Công-tử nên lấy đó răn mình. Mai sau vạn nhất có dịp vùng-vẫy, chớ có dùng tới thuật đó, dẫu chỉ để giành lấy phú-quý nhất thời.

Nói rồi cầm lấy cành Dạ-Lan thồi phủ một cái, nàng Dạ-Lan-Hương đã hiện ra trước mắt. Sầm mừng rỡ toan cảm ơn, nhà sư đã gạt đi, dắt hai người xuống thuyền, đoạn dùng sức hà hơi thổi mạnh vào thân thuyền. Con thuyền như bị cơn gió lớn rạt thốc ra giữa sông rồi vun-vút trôi xuôi.

Sầm chấp tay hướng về phía nhà sư vọng tạ. Từ đấy ba gian nhà cỏ trong phường An-Định, có đôi chim Uyên vui sống với mảnh vườn đầy hương-hoa, thơ, nhạc.

An vui như thế chẳng được bao lâu, Sầm động lòng danh-vọng, từ biệt Dạ-Lan-Hương xuống kẻ chợ. Ít lâu sau đem về theo một gái tuyệt-sắc. Tới nhà, Sầm không thấy nàng Dạ-Lan-Hương đâu mà cũng chẳng mấy bận tâm suy-nghĩ. Đêm đó cùng gái lạ chung giường.

Nửa đêm thoát nổi cơn mưa gió lớn. Sáng sau trở dậy, ra vườn đã thấy cây Dạ-Lan-Hương bật gốc lên khỏi mặt đất, hoa lá tả-tơi, bê-bết đất bùn trông rất thảm-thương.

Sầm nhớ người cũ chua xót trong lòng.

Đêm đến mộng thấy nàng Dạ-Lan hiện về, xiêm-y mũ miện vàng chen, ngọc dất, bảo Sầm :

— Thiếp đã được chọn làm Thần-Nữ Đông-Hải, tiện đường đi nhậm chức, ghé vào thăm chàng. Tình xưa, nghĩa cũ, vẫn dài cũng bởi lòng người. Chàng đã ham mới quên cũ, bỏ thực lấy giả, chuộng xác hơn hồn, tình nghĩa đôi ta tưởng đến đây cũng là trọn. Thiếp tiếc rằng chàng đã chẳng nhớ tới lời nhà sư căn dặn ngoài bờ sông ngày nọ.

Nói rồi uyển-chuyển đi ra, bước lên kiệu hạc bay mất. Sầm tỉnh dậy, mồ hôi ướt áo, hối tiếc ăn-năn. Ít lâu sau bỏ nhà đi biệt, không ai rõ đi đâu.

Vườn tạ từ đấy hoang-vu ; ba gian nhà cỏ chim quạ kéo về đầy làm tổ dưới mái.

MẶC-THU

Giàu sang không thể đổi được tâm, nghèo khó không thể thay được tiết, uy vũ không thể tỏa được chí.

MANH-TỬ

Chịu nhục để sống ở đời, người trượng phu lấy làm xấu hổ.

YÊN ĐAN-TỬ

Đại trượng phu nên dong người, chớ để người dong.

CHU-HI

91010210

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Lundi, Jeudi, Samedi
 BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi
 VIENTIANE — HONGKONG : Lundi
 HONGKONG — VIENTIANE : Mardi

VIENTIANE - SAIGON - VIENTIANE

par *Quadrimoteur*
STRATOLINER

Jeudi et Samedi

par *Douglas DC 3*
 Mardi et Dimanche



VIENTIANE - XIENGKHOANG : Lundi,
 Mercredi, Vendredi

VIENTIANE - LUANGPRABANG : Lundi,
 Mercredi, Jeudi, Vendredi.

Renseignements et Réservations

465, rue Lê-lanh-Tôn - SAIGON - Tél: 22.102

Vappo

1958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT-HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TÀI PHI-MÁ

9, Phạm-hồng-Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

TRƯỜNG-HẠN CA

của BẠCH-CU-DỊ

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1942, chúng tôi tình-cờ được xem bản dịch « TRƯỜNG-HẠN CA » sau đây. Nhân đem so-sánh với bản dịch của Tân-Đá, thấy nó không kém, lại nhận thấy báo « THANH-NGHỊ » có đăng bản dịch của Vũ-Đình-Liên, rồi hai bản dịch của Vũ-văn-Khoa, do Trần-văn-Giáp sao-lục, chúng tôi thấy cần phải cho bản dịch này ra đời. Chúng tôi (ở Sài-gòn) bèn gởi bản-thảo — gởi báo-đem — ra báo « Thanh-ngệ » (ở Hà-nội), nhưng chờ khá lâu chẳng thấy gì, chúng tôi có thư hỏi, song cũng chẳng được trả lời. Mãi đến nay — 45 năm sau — chúng tôi may-mắn được thấy lại bản dịch này, nhờ một người bạn trước kia sao lại và còn giữ được từ ấy đến nay. Nên chỉ chúng tôi vội-và cho nó « nằm trên giấy trắng mực đen ».

« TÌ-BÀ HÀNH » và « TRƯỜNG-HẠN CA » là hai bài thơ Trung-quốc có ảnh-hưởng nhiều đến văn thơ nước ta. Đứng về mặt văn-chương mà xét, « TRƯỜNG-HẠN CA » hay hơn « TÌ-BÀ HÀNH », nhưng bài sau này lại được người Việt ta biết nhiều hơn, phải chăng bởi lẽ « TRƯỜNG-HẠN CA » ít có tình cách nhân-bản bằng, và chưa được một ngọn bút tài hoa nào đem hết tài và tình mà diễn ra tiếng Việt như « TÌ-BÀ HÀNH »?

VUA Minh-hoàng (713-755) nhà Đường (618-907) vì say mê Dương-Quy-phi mà bỏ bê việc nước. Loạn An-Lộc-Son nổi lên (755 ?), vua phải bỏ Trường-an chạy vào Ba-Thục. Chạy đến Mã-ngôi, tướng sĩ không chịu đi nữa, giết người quyền-thần là Dương-Quốc-Trung, anh Quy-phi, và bức vua phải đem thắt cổ con người ngọc thì họ mới chịu phò vua, vì họ cho rằng Quy-phi là mầm sinh ra đại-loạn.

Luong-thực hết, quân-sĩ khổ mệt, căm-lúc, gắp bước đường cùng, vua đành giấu mặt « mà hi-sinh người yêu khuy nh quốc ».

Sau, loạn dẹp xong, Đường-Minh-hoàng về kinh-đô, thương nhớ người xưa không dứt.

Mỗi tình vương-giả này rồi sẽ bị chìm trong quên-lãng, nếu không có ngôi bút tài-hoa của Bạch-Cu-Dị (772-846) tô-diêm cho thêm phần lâm-li, chua-xót.

Cùng với « Tì-bà hành », « Trường-hạn ca » là bài thơ dài được truyền-tụng nhất của bậc thi-sử họ Bạch và ảnh-hưởng nhiều đến văn chương nước ta ; lấy hình-thức mà



nói thì « Trường-hận ca » hay hơn « Ti-bà hành », nhưng chưa được như « Ti-bà hành » có một bản dịch tài-tình truyền-tụng.

Chúng tôi dịch bài này cách đây 15 năm ; chúng tôi đã được xem qua 8 bản dịch, từ Tản-Đà, Vũ-Đình-Liên... đến Ngym, Vô-danh, thấy bản dịch chúng tôi còn có thể góp chút « tiếng » gì, nên nay xin cho thiên « Hận tình muôn thuở » ra mắt bạn đọc bốn phương.

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYÊN

..

NGUYỄN VĂN

1. — Hân hoàng trọng sắc tư khuynh quốc,
Ngự vũ đa niên cầu bất đắc.
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành
4. — Dưỡng tại thâm khuê (1) nhân vị thức.
Thiên sanh lệ chất nan tự khi :
Nhất triều tuyển tại quán vương trác.
Hồi mâu nhất tiểu, bách mị sanh,
8. — Lục cung phần đại vô nhan sắc,
Xuân hàn từ dục Hoa-thành trì,
Ôn tuyển thủy hoạt tầy ngưng chỉ.
Thị nhi phù khỉ (2) kiều vô lực.
12. — Thỉ thị tán thừa ân trạch thì.
Vân bán hoa nhan kim bộ điều.
Phù dung trưởng noãn độ xuân tiêu.
Xuân tiêu khổ đoản, nhất cao khỉ.
16. — Tùng thử quân vương bất tảo triều.
Thừa hoan thị yến vô nhân hạ,
Xuân tùng xuân du, dạ chuyền dạ.
Hậu cung giai lệ tam thiên nhân,

(1) Có bản chép : xuân khuê.

(2) Còn đọc là : khởi.

20. — Tam thiên sủng ái tại nhất thân.
Kim ốc trang thành kiều thị dạ,
Ngọc lâu yển bãi túy hóa xuân.
Tỉ muội đệ huynh giai liệt thổ,
24. — Khả liên quang thái sanh môn hộ ;
Toại linh thiên hạ phụ mẫu tâm
Bất trọng sanh nam, trọng sanh nữ.
Li-cung cao xứ nhập thanh vân,
28. — Tiên nhạc phong phiêu xứ xứ vân.
Hoãn ca mạn vũ ngưng ti trúc,
Tận nhật quán vương khan bất túc...
Ngư-dương bề cỡ động địa lai,
Kính phá Nghê-thường vũ y khúc.
Cửu trùng thành khuyết yên trần sanh,
Thiên thặng vạn kị (3) Tây-Nam hành.
Thúy hoa điều điều hành phục chỉ,
36. — Tây xuất đồ môn bách dư li,
Lục quân bất phát vô nại hà,
Uyển chuyển nga mi mã tiền tử.
Hoa điền ủy địa vô nhân thâu,
40. — Thúy kiều kim tước ngọc tao đầu.
Quán vương yểm diện cứu bất đắc,
Hồi khan huyết lụy tương hòa lưu.
Hoàng ai tán mạn phong tiêu tác,
44. — Vân sạm uỳnh-u đẳng Kiếm-các.
Nga-mi sơn hạ thiếu nhân hành,
Tinh kì vô quan nhật sắc bạc.
Thục giang thủy bích, Thục sơn thanh.
48. — Thánh chúa triều triều mộ mộ tình :
Hành cung kiến nguyệt thương tâm sắc,
Dạ vũ văn linh trường đoan thanh.
Thiên tuyền địa chuyển hồi long ngự,
52. — Đảo thử trừ trừ bất năng khứ.
Mã-ngôi pha hạ né thổ trung,
Bất kiến ngọc nhan, không tử xứ.

(3) Có bản chép : vạn thặng.

- Quán thần tương cố tận triêm y,
 56. — Đổng vọng đồ môn tín mã qui.
 Qui lai, trì uyển giai y cứu :
 Thái-dịch phù dung, Vị-ương liễu,
 Phù dung như diện, liễu như mi,
 60. — Đối thử như hà bất luy thủy !
 Xuân phong đào li hoa khai nhật,
 Thu vũ ngô đồng điệp lạc thì.
 Tây-cung Nam-nội đa thu thảo,
 64. — Lạc điệp mãn giai hồng bất tảo.
 Lê-viên đệ tử bạch phát tán,
 Tiểu phong a giám thanh nga lão.
 Tịch điện huỳnh phi tứ thiếu nhiên,
 68. — Cô đăng thiếu tận, vị thành miên.
 Trì trì chung cổ sơ trường dạ,
 70. — Cảnh cảnh tinh hà dục tự thiên.
 Uyên ương ngôa lãnh, sương hoa trọng,
 72. — Phỉ thủy khâm hàn, thủy dữ cộng ?
 Dưu dưu sanh tử biệt kinh niên,
 Hồn phách bất tăng lai nhập mộng.
 Lâm-cùng đạo sĩ Hồng-đồ khách
 76. — Năng dĩ tinh thành trí hồn phách,
 Vị cảm quân vương triền chuyển tư,
 Toại giao phương sĩ ản cần mịch,
 Bài văn ngự khí bốn như điện,
 80. — Thăng thiên nhập địa cầu chỉ biến :
 Thượng cùng Bích-lạc, hạ Hoàng-tuyền,
 Lưỡng xư mang mang giai bất kiến.
 Hốt văn hải thượng hữu tiên san,
 84. — San tại hư vô phiêu miểu(4) gian.
 Lâu các linh lung, ngũ văn khỉ,
 Kì trung xước xước đưa tiên tử ;
 Trung hữu nhất nhân tự Thái-Chân,
 88. — Tuyết phụ hoa mạo xam xỉ thị.
 Kim khuyết tây tương (5) khẩu ngọc quynh,
 Chuyển giao Tiểu-Ngọc bảo Song-Thành.

(4) Còn đọc là phiêu diêu.

(5) Cũng đọc là sư ng.

- Văn đạo Hàn gia thiên tử sử,
 92. — *Cửu hoa trường li mộng hồn kinh.*
Lãm ỹ thời chầm khỉ bởi hồi,
Chu bạc ngân bình (6) dĩ lý khai,
Vân kế bán thiên, tân thuy giác,
 96. — *Hoa quan bất chỉnh, hạ đường lai.*
Phong xuy tiên mê phiêu phiêu cử,
Do tự Nghê-thường vũ ỹ vũ.
Ngọc dung tịch mạc luy lan can :
 100. — *Lê hoa nhất chỉ xuân đài vũ.*
Hàm tình ngưng thế tạ quán vương.
Nhất biệt âm dung lưỡng miếu mang.
Chiêu-dương điền li ân ái tuyết,
 104. — *Bồng-lai cung trung nhật nguyệt trường.*
Hồi đầu hạ vọng nhân hoàn xứ,
Bất kiến Trường-an, kiến trần vu.
Duy tương cửu vật biểu thâm tình,
 108. — *Điền hợp kim xa (7) kì tương khứ.*
Xa lưu nhất cổ, hạp nhất thiên (8),
Xa phách hoàng kim, hạp phân điện.
Đản giao tâm tự kim điền kiên :
 112. — *Thiên thượng nhân gian hội tương kiến.*
Lâm biệt ân cần trọng kí từ,
Từ trung hữu thể lưỡng tâm tri,
Thất nguyệt thất nhật, Trường-sanh điện,
 116. — *Dạ bán vô nhân, tư ngữ thì :*
« Tại thiên nguyên tác bỉ dục điều,
« Tại địa nguyên vi liên lí chi ».
Thiên trường địa cửu hữu thì tận,
 120. — *Thử hận miên miên vô tuyệt kì (9).*

BÁCH-CƯ-DỊ
 — (772 - 864)

(6) Có bản chép : ngân cầu :

(7) Còn đọc là xoa, thoa.

(8) Còn đọc là phiến.

(9) Chúng tôi theo bản đăng trong quyển « Đường thi Tổng từ tuyển » của Diệp-Sơ-Sanh do « Chính-trung thư-cục » phát-hành vì nó tương-đối mới nhất (in lần đầu năm 1936, in lại lần sau hết vào năm 1950).

BẢN DỊCH :

HẠN TÌNH MUÔN THUỜ

1. — Vua Hàn ước mơ người quốc sắc,
Bao năm tìm kiếm luống công toi.
Họ Dương có gái hoa đương nở,
4. — Khóa kín buồng xuân, hạn lẽ loi.

Sắc đẹp trời sinh khôn bỏ phi :
Ngai vàng một sớm được ngồi chung.
Một cười khêu gọi trăm mê luyện,
8. — Xóa mất hồng nhan ở sáu cung.

Xuân lạnh, Hoa-thanh hồ sẵn đó,
Suối tuôn dòng ấm tắm hoa khôi.
Vua ban ân trạch ; con hầu nịnh,
12. — Sáng dậy phò nàng ẻo lả ngồi.

Ngày dạo sen vàng bay tóc mượt,
Đêm xuân trường ẩm ủ hoa đào.
Mặt trời lên vội, đêm xuân ngắn,
16. — Từ đây nhà vua nhăng thị trào.

Yến ẩm vui vầy thời chẳng ngọt ;
Đêm đêm xuân tứ lại xuân tình.
Ba ngàn cung nữ, ba ngàn mối,
20. — Sủng ái từ đây trứ một mình.
Lầu ngọc đêm thanh hầu thành chúa,
Tiệc tàn say ếp cái xuân xanh.

Anh em nhuần gọi ơn mưa móc,
24. — Nhà cửa hàn vi rạng rỡ lây.
Thiên hạ đêm lòng mơ phú quý,
Khinh trai trọng gái kể từ đây.

Li-cung cao tit lồng mây biếc,
28. — Tiên nhạc mê hồn vắng bốn phương.
Sớm tối ca êm hòa múa điệu,
Nào nùng tơ trúc đắm quân vương.

Ầm ầm chiêng trống Ngự-dương dấy,
32. — Khúc hát Nghê-thường hoảng vỡ tan.
Thành khuyết xôn-xao mù khói bụi,
Xe rồng dong ruổi hướng Tây-Nam.

- Khi đi khi nghỉ, cờ phơ phất.*
36. — *Trăm dặm đường Tây bước gập ghềnh,
Quán sữ, cấm hờn, không chịu tiến :
Mây ngai trước ngựa phải hi-sanh !*
- Hoa tai bỏ đất, không người nhặt,*
40. — *Trăm ngọc thoa vàng lả tả rơi.
Đứt ruột quán vương đành giấu mặt,
Ngoảnh nhìn máu chảy lệ ràn trôi !*
- Bụi vàng tản-mác điều-hiếu gió,*
44. — *Kiểm-các cheo leo sạn đạo dài.
Chân núi Nga-mi buồn bã vắng :
Tinh kì nhợt thềch, mặt trời phai.*
- Nước non Ba-Thục xanh xanh biếc ;*
48. — *Sớm tối nhà vua trữu nhớ nhung.
Quanh quẽ hành cung, trăng gọi thăm ;
Đêm mưa chuông vắng tiếng đau lòng.*
- Trời xoay đất chuyển quày long ngự ;*
52. — *Chốn cũ ngừng thăm dạ ngẩn ngơ.
Mặt ngọc giờ đâu ? trở tử địa,
Mã-ngói ẩm-đạm đất bùn nhơ.*
- Vua tôi nhỏ lệ đầm bấu áo ;*
56. — *Kính khuyết vời trông tế ngựa về.*
- Về tới, vườn ao như thuở trước :*
- Vị-vương lá liễu giống mây ai,*
- Phù dung Thái-dịch trông như mặt ;*
60. — *Cảnh cũ tình xưa, giọt lệ rơi !*
- Đào li nở hoa xuân gió thoảng,*
- Mưa thu đổ rụng lá ngô đồng.*
- Tây-cung Nam-nội đầy thu thảo,*
64. — *Phủ kín thềm hoang lá úa hồng.
Con hát Lê-viên sầu tóc bạc,
Tiêu phòng thái giám hận răng long.*

- Tối nhìn đom đóm bay le lói,
68. — Khêu càn đèn khuya, giấc chửa an.
Dăng đặc năm canh rền trống điểm,
Sóng Ngân lấp lánh báo đêm tàn.
- Mái lầu thánh thót rơi sương lạnh,
72. — Đắp chiếc mền đơn, nhớ độ nào...
Sống thác bao năm đẳng-đẳng biệt,
Hương hồn sao chẳng hiển chiêm bao!
- Lâm-cùng may có tay phượng sĩ.
76. — Một phép chiêu hồn dậy tiếng tăm.
Thương cảm quán vương trần trọc nhớ,
Mới sai đạo sĩ cổ truy lâm.
- Cởi mây lướt gió nhanh như chớp,
80. — Lên tận trời cao xuống đất sâu;
Bích-lạc, Hoàng-tuyền đi khắp chỗ,
Mệnh-mông nào thấy bóng ai đâu!
- Chợt nghe ngoài biển nơi không ảo,
84. — Lơ lửng mơ hồ có núi tiên.
Cung điện chấp chờn mây ngũ sắc,
Tiên nga tha thướt dạo trong đền.
Mặt hoa đa tuyết riêng nàng nọ,
88. — Phảng-phất hình-dung, tợ Thái-Chân.
- Gỗ cửa hiên Tây vàng rực-rỡ,
Báo tin Tiêu-Ngọc, nhẩn Song-Thành.
Nghe tin sứ giả đời vua Hán,
92. — Trương gấm hồn mơ bỗng giật mình.
- Dã dục ngồi lên, thu vật áo,
Rèm châu bình bạc, mở lần ra.
Tóc mây lệch nửa, nghiêng nghiêng mũ,
96. — Bước xuống thêm loan, đáng thần-thờ.
- Tay áo gió lay bay pháp phôi,
Trưởng như đương mùa Nghé-thường xưa...
Ấm thăm mặt ngọc lư thừa lệ,
100. — In một cảnh lệ điểm điểm mưa...

Ngắm sâu ngưng lệ, lạ quán vương.
 Từ thuở âm dương biệt mỗi phương,
 Trong điện Chiêu-dương, ân ái tuyệt,
 104.— Bồng-lai tiên cảnh, tháng năm trường.

Ngoảnh đầu trông xuống nơi trần thế,
 Chẳng thấy Trường-an, thấy bụi mù.
 Gởi tỏ tình thâm trong vật cũ :

108.— Thoa vàng hộp đá kinh dâng vua.

Hộp đá thoa vàng, đem bể nửa ;
 Nửa thời giữ lại, nửa đưa trao.
 Lòng sao chỉ nguyện như vàng đá,

112.— Hạ giới thiên đình sẽ gặp nhau.

Lúc sắp lui về, còn nhẩn nhủ,
 Nhắc lời thệ ước giữa đôi bên :
 Năm xưa, trùng thất, Trường-sinh điện,

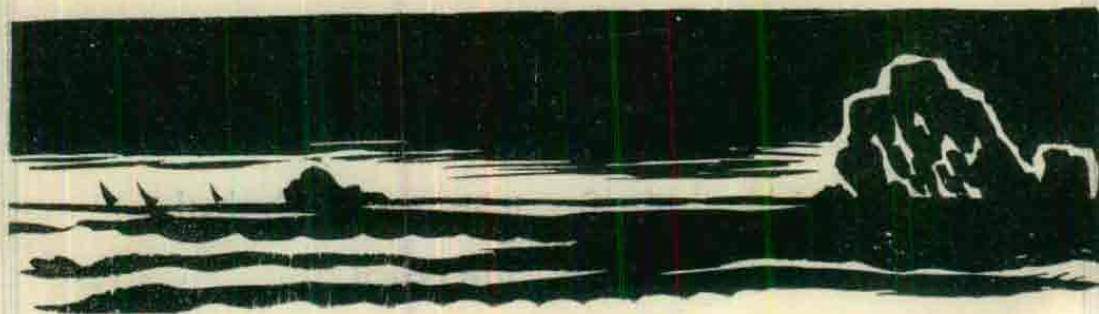
116.— Vắng vẻ đêm khuya thủ thi nguyên :

« Trên trời nguyên hóa chim liền cánh,
 « Dưới đất lâm cây nhánh đỉnh liền ».
 Trời đất lâu bền rồi sẽ tận,

120.— Hận này muôn thuở vẫn miên miên.

BẠCH-CU-DỊ

Yã-Hạc và Trình-Nguyên dịch
 (1942)



GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

Bank Of Communications

Hãng chính :

ĐÀI-BẮC (Trung - Quốc)



Đại-diện tại Việt-Nam

11, Nguyễn-Công-Trừ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ.T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BẢO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về
Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị
lớn khắp thế-giới.



B A C O N C Á O

Truyện của BÌNH-NGUYỄN-LỘC

MẶC dầu là tay « bán trời không mời thiên lôi », sáu Sửu vẫn nghe rờn rợn khi nhìn ra ngoài.

Thánh-giá trắng đứng mơ hồ trong ánh sáng lơ mơ của nghĩa-địa, sắp thành hàng ngũ đông-đức ; nhánh ngang của thánh-giá trông mường-tượng như những cánh tay người giăng ra để đón bắt ai.

Xa xa, một trụ vôi có dáng một người dờn bà đội khăn tang trắng, mặc áo dài tang trắng, đứng nhìn đám mồ trước mặt bà ta.

Gió đêm, cùng với dễ, trùn, hợp nhau mà than-vãn trên hàng nghìn mồ hoang mả lạnh, và thỉnh-thoảng, anh Sáu vắng nghe như có tiếng người rên-rỉ đầu đây.

Từ một ngôi mả cũ đằng xa, một ánh lửa lóe lên, nhỏ bằng ngón tay, từ từ bay lên cao rồi đi bơ-vơ qua các hàng thánh-giá. Lửa ma trời hay là đèn của một người soi ếch nào đó ?

Mưa dầm tháng tám rơi trên nước ao tù khiến anh Sáu có cảm giác rằng mình đang ngủ trên một chiếc thuyền, giữa dòng nước.

Lạnh quá, lạnh ngoài da, mà lạnh cả đến trong lòng.

Người sống một khi xâm nhập vào địa hạt của người chết, mới nhận được rằng cuộc đời, dầu khổ bao nhiêu cũng còn ấm chán.

Tại phố Phát-diệm, khúc phía trên này, họ Cầu-kho có một đất thánh mà từ vài năm nay nhà thờ không cho chôn trong đó nữa.

Dân số nghĩa-địa cứ mỗi ngày một tăng lên, mà không có một ai

chết lần thứ nhì cả để cho số sanh và số tử bù trừ nhau hầu đất đai trống bớt chỗ.

Ngoài thành phố, người ta để con, nhưng người ta lại chôn ông, nhà cửa thành thử không chặt thêm được.

Ở đây mồ mả sanh ra rồi già cõi dưới rêu xanh của sương gió, nhưng vẫn nằm lì đó đến muôn thu.

Vì vậy nghĩa địa phải chịu nạn-nhơn-mãn.

Nhà thờ không cho chôn xác thêm vào đó, rồi cũng chênh mảng việc trông nom đất thánh nên người sống đang thiếu đất, bèn ủa đến mà lấn người chết.

Nghĩa địa không có vách thành. Ban đầu vài người mạo hiểm cất nhà ngay trên ranh đất thánh. Thấy không ai nói gì, một số người khác lách qua khỏi mấy cái nhà vừa cất lên, để vô trong mà xây cất.

Họ cất vây tứ phía ngôi đất thánh và vòng vây cứ càng ngày càng siết chặt lại, người chết không còn lối nào để thoát ra được nữa cả.

Khi vòng vây siết đến lần mức chót, nghĩa là những ngôi mộ ở bia, thì cuộc xô lấn bắt đầu diễn ra một cách đau thương.

Người sống cũng biết đau lòng khi phải đâm lên những gò mả còn mới rành-rành (nhiều mộ bia, thánh-giá để năm chôn là 1951), nhưng họ, ác thay, lại cũng biết lạnh. Cho nên họ cứ cất nhà sát

những cây thánh giá bia, xin người chết thứ lỗi, miễn là có chỗ núp mưa mà thôi.

Không bao giờ kẻ sống và người chết lại sát cạnh nhau đến thế. Ông đã chết rồi, ông choán đất làm chi cho nhiều, trong khi tôi không có lấy một vuông nhỏ để mà cắm cây cột gỗ ; vậy ông thứ lỗi nhé ! Rồi ngày sau tôi cũng hoàn lại đất như ông vậy mà ; trên trần này chỉ là cõi tạm thôi, tranh nhau làm gì !

Cuộc xâm-lăng lằng-lẽ để tranh sống với người chết, gây ra một tai hại lạ kỳ.

Vùng đất ấy ngày xưa kia tuy cũng thấp mà vẫn khô ráo, nhờ con rạch Bần tháo nước ra sông Ông Lanh.

Nhưng từ khi đô-thành cho đắp con đại-lộ Trần-hưng-Đạo, cách đây mấy mươi năm, thì ngọn rạch Bần bị lấp, và nước mưa trên này bị bỏ tù lại đến chung thân khổ sai, vì khu ấy đất trũng mà !

Đất thánh không phải ở giữa rún đất nên không đọng nước. Nhưng vòng vây tai hại kia lại biến thành con đê ngăn nước đất thánh đổ xuống chỗ trũng hơn.

Thành thử phần nhiều ngôi mộ đã biến thành cù-lao, có cù-lao ròi-rạc, có mớ hộp thành quần-dảo, không còn làm sao ra đó được nữa.

Nước tù mang một màu khôn tả và một mùi cũng khôn tả ? Đáy ao biến thành bùn non, đi thì lún đến ống quyển.

Lau, sậy, dế, tha hồ mà mọc như ở nơi bưng biển xa.

Giữa đất thánh còn sót lại một ngôi mộ cổ xưa kiến-trúc theo bên lương mà có lẽ nhà thờ không nỡ phá đi, lúc lập ra đất thánh cho giáo dân này.

Ngôi mộ đồ-sộ nhứt nghĩa địa, xây bằng vôi và ô-đước, xanh đặc những rêu phủ. Lối kiến-trúc rất rắc-rối như một lâu đài, đầy đầy ngăn nắp với nào là đường vào lối ra quanh co và béc hiểm.

Hôm ấy những người của vòng vây đều ngạc-nhiên mà thấy một mái nhà lá dựng lên ngay trên ngôi mộ cổ ấy.

Nhà dựng đầu từ sớm mai đến trưa là xong cả. Họ cứ tự hỏi, và hỏi nhau làm thế nào mà chủ nấp nhà ấy lợi sinh để ra ngoài đó được. Đi tay không đã không được rồi, làm sao hẳn ta lại mang cả gỗ, tre và lá ra đó mà cất nhà?

Hỏi nhau không ai đáp được, mà cũng chẳng mong phỏng-vấn thẳng cha dì họm kia, họ đành thôi. Thét rồi mắt họ quen đi, nấp nhà ăn vào chon trời quen thuộc của họ, họ nhận cho nó ở đó mà không bận tới bàn lui gì nữa cả.

Sáu Sứ ngày trước có ở xóm Phát-diệm. Năm ấy có người treo cổ trong một nhà mồ ở bìa đất thánh. Anh đã vào đó với nhiều kẻ hiền kỳ khác để xem kẻ chết treo, nên được dịp biết rõ nghĩa địa.

Hôm tháng rồi anh bị truy-nã ráo-riết nên cố tìm một chỗ ẩn núp thật kín. Nhớ lại xóm cũ với cái nghĩa địa kia, anh về qua đó và rất hài lòng mà gặp hòn đảo này.

Không một viên Cảnh-sát nào đủ can-dảm lợi sinh, nhất là dầm chơn trong một thứ nước nhờn-nhớt để ra ngoài đảo Lỗ-Bình-Son của anh.

Nếu có cuộc bố ráp đại-qui-mô như mấy năm trước thì bất quá họ cũng đứng ngoài mà nhìn vào, hú bầy vài tiếng như hú dò bên kia sông, rồi dò không qua thì thôi. Họ nghĩ sót một con cá cũng chưa chết ai, mà biết đâu cá đó lại không phải là cá hiền, một tên ăn mày nào đó chớ gì.

..

Từ vòng vây ở ngoài, leo-lết vài ngọn đèn dầu của những kẻ lẩn đất người chết. Xa, thật xa ngoài kia, ánh sáng đô-thành làm nổi bật lên, đen thui, những ngôi nhà lầu những ngọn cây cao. Các thứ này giống hệt những hình bằng giấy đen, người ta cắt rồi dán lên nền trời.

Bỗng anh Sáu nghe rục-rịch dưới sàn ván. Hôm cất nhà xong, anh lót ván lên mộ, vừa để làm nền nhà, vừa để làm giường ngủ. Dưới ván rầm ấy lau, sậy bị đè đầu xuống, và sẽ chết lần mòn vì thiếu ánh sáng.

Anh Sáu quên, một thứ khác, cũng sống như lau sậy, mà biết cục-cựa nữa kia. Vì thế đêm nay

trời có trăng, anh đang ngồi ngó mòng ra đám rừng thành giá trắng thì anh phải một phen hết hồn trước sự hiện ra của một chú chồn to bằng con chó ta.

Chồn khua lau sậy sột soạt, rồi chui ra khỏi mộ, ngoái cổ lại dòm cái nhà mà đêm hôm qua đây chưa có. Suốt ngày hôm ấy nó nằm trong hang không dám lộ ra nên không biết ngoài này loài người làm gì mà lục-đục mãi.

Đôi mắt nó lóng lánh dưới ánh trăng, ngạc nhiên giây lát rồi bỏ đi. Nó đã quen với con người rồi nên không có vẻ gì sợ sệt cả.

Nhưng anh Sáu lại sợ. Anh có đọc truyện Phong-Thần nói chuyện mả Huỳnh-Đế có một bầy hồ-ly mà một con đã nổi danh trong lịch-sử, là cái con đã biến thành nàng Tô-Đắc-Kỷ. Nên thấy chồn trong ngôi mộ cổ chui ra anh liền-trởng ngay đến tích cũ rồi rợn người lên.

Nhưng anh trấn tĩnh lại được. Trong dân chúng, người ta tin chắc như đinh đóng rằng tóc người chết hóa thành con lươn, rồi con lươn hóa thành con chồn. Con chồn mà anh thấy, có lẽ chỉ là thối-thân của tóc người nằm dưới mồ, chứ không phải yêu quỷ gì đâu.

Độ nửa tiếng đồng hồ sau, anh Sáu thấy chồn về, mồm ngậm một con vịt.

— A ha, đồng đạo đây mà ! Anh Sáu cười mà nói thầm như vậy rồi cảm tình ngay với con thú này.

Cái đạo mà anh nói đó là đạo... chính ; trước kia, trước khi lường gạt và cướp giựt, anh cũng đã đi ăn cắp gà như chú chồn này vậy.

Ngày nay anh thôi ăn cắp, nhưng lại biến thành con cáo già chuyên môn gạt gẫm thiên hạ.

— Mầy cáo thì tao đây cũng cáo, vậy thì là bồ rồi.

Từ đó, hai con cáo chung đụng nhau mà không xích-mịch bao giờ cả.

Nghe động dưới sân, anh Sáu mỉm cười lầm bầm :

— Đồng nghiệp xuất quân đó da !

Anh Sáu nhờ cậy con chồn này lắm. Có nó ở dưới ấy thì không còn lo rần rít nữa. Anh mong có dịp trả ơn nó, nhưng nó có đòi bao giờ đâu để anh ra tay hào-phóng mua cho nó một con gà. Xóm lao động vây quanh nghĩa-địa, người ta nuôi gà vịt cả bầy, nó ăn đến già cũng chưa hết.

Bỗng anh Sáu nghe tiếng chó sủa vang dậy lên. Tiếng chó to lắm và oai-vệ lắm, có lẽ đó là tiếng chó béc-đê.

Rồi lại nghe nước khua lũm-chũm, với tiếng chó càng lúc càng đến gần anh. Anh Sáu bước ra dòm thì bạn của anh đang chạy bán sống bán chết trước một con chó to thấy mà bắt ớn.

Anh sáu thò tay vào trong rút cây chĩa ba ra ; cây chĩa anh sấn để chĩa ếch dưới nước, rồi lẹ như



chóp anh chia mũi chĩa đón đầu
chó cho chồn đủ ngày giờ chịu
vào mả.

Chó béc-dé chạy quá đà, bị mũi
chĩa đâm vào mõm đau điếng,
rống lên vài tiếng rồi trở bước,
vừa đi vừa day lại, sủa om như
chưởi thề.

Anh Sáu cười ha-hả rồi cúi xuống
sàn mà nói :

— Đêm nay tổ-trát rồi đó phải
không em ! Anh đây cũng bị rượt
thường lắm, nhưng đều thoát khỏi
cả. Bây giờ thì đổ ai mà dám theo
anh vào chốn này. Chỗ ở của tui
mình kín số đánh.

..

Sáng hôm ấy, anh Sáu đi uống
cà-phê, về tới nhà thì ngạc-nhiên
hết sức. Trên một ngôi mộ cận
mộ anh, một chòi lá đã dựng lên
rồi. Ngộ quá, nhà cửa sao mà mọc
mau lẹ như năm mối. Uống xong
tách cà-phê, đọc xong trang nhưt
một tờ nhật báo là một túp lều

cũng vừa dựng lên xong. Phải mà,
chỉ có bốn cây cột thôi thì chậm
sao được !

Anh Sáu ngạc-nhiên mà thấy có
một người thừ nhì lại biết con
đường bí-mật đưa vào đó. Anh lại
tức vì túp lều ấy chặn ngay đầu
đường bí-mật của anh.

Số là anh Sáu biết lợi dụng mấy
ngôi mộ chung quanh nên mới vào
đây được. Anh phải đi quanh co
nhiều nơi, nhảy từ mộ này qua mộ
khác, ra cửa nhà thì ra hướng
đông, nhưng ra khỏi nghĩa địa lại
ra ở hướng tây, nghĩa là anh phải
đánh một cái vòng rất lớn và rất
cong queo.

Túp lều tranh ấy cất ngay trên
ngôi mộ anh dùng làm đầu cầu
cuối cùng để nhảy vào nhà anh.
Thì anh còn làm sao mà về nhà
được, nếu hấn không cho anh
nhảy ngang qua nhà hấn ?

Anh tức giận lắm toan vào lều
màn thẳng cha này một mạch cho
nó phải giải tỏa hiềm-đạo của anh,
anh mới nghe cho.

Anh Sáu vô đuôi nhảy một cái
như bay đi và rơi xuống phiến đá
mộ bia đặt nằm theo lối Âu-châu,
trên có khắc mấy dòng chữ như
sau :

Ci-git :

Alphonse Thomas Nguyễn-Văn-Nở

décédé en sa 78è année

Priez pour lui (1)

Phiến đá lớn bằng bộ ván hai,
và thẳng cha chủ nhà này dùng

(1) Nơi đây yên nghỉ :

Ông An-Phòng Tô-Ma Nguyễn-văn-Nở,
thất lộc năm 78 tuổi.

Hãy cầu nguyện cho ông.

phiến đá ấy để làm bộ ván luôn, nên không thấy nó lồi gì trên ấy cả mà lại để lên đó nào là va-ly, dép... à... mà sao lại dép dòn bà?

Túp lều che có phần nửa tấm bìa thôi; cửa lều là một bức màn bằng vải bông cũ. Anh Sáu bước tới vén màn lên thì ô này là, chủ nhơn bà (chớ không phải chủ nhơn ông) là một thiếu-phu tóc quăn.

Chủ nhơn bà bình-tĩnh chào anh Sáu bằng một mỉm cười yên-lặng.

Có lẽ chồng chị ta đi làm rồi chẳng? Nhưng vẫn là là chị không có vẻ lao-dộng chút xíu nào hết. Móng tay chị đỏ choét và nhơn hoắt, nước da mặt của chị bị phấn ăn chỗ thì mét chằng, chỗ thì thâm đen sì, mắt chị mệt dừ và sâu hóm như mắt cô đào hát bội.

Y phục của chị cũng không phải là y phục của những kẻ đầu tắt mặt tối: lai quần gấn ren, áo cổ bà-lai thêu rằn-rit xanh đỏ. Tóc thì kẹp thành đuôi ngựa, cột bằng ruy-băng màu.

Chị ngồi trên chiếc rương thiếc nhỏ, mơn đồ từ khi độc nhứt trong chòi, mỉm cười rồi giáy lát hắt hàm hời anh.

— Có tiền mãi lộ không? Nếu không mô không cho đi ngang qua đây. Mô đóng đồn ở đây rồi, ai bước qua phải đóng thuế.

Anh Sáu thọc tay vào túi quần tây cũ của anh, đứng thẳng lên coi oai vệ như một tướng cướp trong xi-nê, cười gằn rồi ngạo nghễ đáp:

— Hỡi cô nữ-tướng mã-thượng giang hồ, nữ tướng không có lâu la thì đòi tiền mãi lộ ai được. Nữ tướng có giỏi thì bước ra ngoài đánh với ta vài mươi hiệp cho rõ tài cao thấp.

Nữ-tướng cười xòa vì nghe giọng điệu thì biết đã gặp tay đồng-điệu. Tuy bắt nạt hần không được nhưng bắt bớ với hần có thể càng lợi hơn.

Anh Sáu xem qua thì biết nữ-tướng thuộc vào hạng người nào trong xã-hội rồi. Đây cũng là một kẻ trốn chui như anh, như con cáo dưới giương anh. Cả ba đều là chồn, nhưng con chồn cái này đã tu luyện nhiều năm nên mang được hình người. Đây là một thứ hồ-ly không hợp hồn nho-sĩ mà chỉ hốt bạc cắc của mấy anh lao-dộng thôi.

Đầu anh Sáu dựng nóc chòi, anh khó chịu quá nên ngồi xuống.

— Ở đây không sợ mang tội à? Anh hỏi đùa.

— Chớ còn anh?

— Tôi thì khác. Ngồi mả của tôi cũ lắm rồi. Đó là một cái nhà của một người chết đã đi đầu thai kiếp khác rồi.

Con chồn cái bỗng bỏ cái cười, buồn nét mặt lại rồi chỉ ra ngôi tiểu-giáo-đường trước nghĩa-địa.

Tiểu-giáo-đường tuy chỉ để làm lễ mỗi khi đám xác vào tới đây thôi, nhưng cũng đồ sộ bằng một nhà thờ ở thôn-quê. Tuy ngôi đã bị tốc nhiều nơi, gạch, đá trên tường

nhieu viên đã long ra và rớt xuống, cửa sổ gỗ đã bung hết, cửa kính màu đã bể nát, nhưng toàn thể công trình kiến-trúc gô-tích ấy vẫn còn mang cái phong-độ vĩ-dại của thời Trung-Cổ Âu-châu.

— Anh thấy không ? Chị ta nói, Nếu mình dám vào trong đó mà ở thì đâu có phạm tội như vậy.

Anh Sáu thở dài rồi không thèm chào hỏi gì cả, vỗ đùi nhảy bay qua nhà anh.

Từ đó bộ ba chịu đựng nhau để sống chung nhau.

Họ khác nhau ý tứ, phong tục, thói quen, lối sống, nhưng cả ba con cáo đều có một mối bận khoăn chung là cả ba đều sợ : con cáo chánh hiệu con... cáo thì sợ chó béc-dê, con cáo già, sợ công-an, còn con hồ-ly cáo cái thì sợ lính kiểm-tục.

Trong cảnh khổ giống nhau, tuy họ không tương - đắc với nhau được mà vẫn phải tương-thân để bảo vệ nhau, khi cần, mà nhứt là để an-ủi lẫn nhau.

Anh Sáu không thích đòn bà lắm. Hay nói cho đúng ra, anh đã chán-chê đòn bà, nhứt là chán những hạng đòn bà như con hồ-ly không bao giờ chịu xưng tên này.

Nhưng mà những đêm mưa dầm buồn quá, nằm giữa cánh đồng mà được người trò chuyện với, thì nó ấm biết bao.

Những đêm như vậy, con hồ-ly không đi kiếm ăn được, mà cũng

không đủ sức mạnh để nhảy qua nhà anh Sáu vì hòn đảo của anh ở xa mãi ngoài giữa dòng nước, nên hồ-ly ta thấp lên một ngọn nền, rồi ngồi bó gối mà ca trập lất bần nhạc « Đêm đông ».

*Đêm đông, ca-nhi đối gương
ôm sầu riêng bóng.*

Gió dầm sầm vào Tiểu-giáo-đường đằng trước kia, tung-hoành giữa gian phòng trống rỗng mênh-mông rồi vừa hú vừa chui ra khỏi các cửa sổ, nghe bắt lạnh mình.

Mấy cây thùy-liễu hiêm-hoi đã kháng-cự được với lau sậy để sống sót, đứng khom đầu khóc sụt-mướt dưới trận mưa dầm, trong ánh trăng mờ.

Một hàng hàng như bầy cừu nằm nghỉ, gặm cỏ héo-hon và vô-vị, hút đắng cay trên miếng đất mồ côi (1).

Đây là chốn mà mộng đời bị cắt đứt nửa chừng, kẻ chết yên nghỉ thiên thu, mà người sống cũng khó mong trở về với xã-hội bên ngoài

Anh Sáu nhảy bay qua nhà hồ-ly, như một tay kiếm khách phi-dạ-hành, rồi hai kẻ ở ngoài vòng pháp luật ấy mới cùng nhau tâm-sự.

Không phải kể chuyện cho khách nghe, hồ-ly khỏi phải thi-vị-hóa buổi thiếu thời của mình. Không cần lờ ai, con cáo già cũng khỏi anh-hùng-hóa bước giang hồ của hẳn.

(1) Ý này của P.S. và X.V.

Họ đánh bài, mà hạ bài cho nhau thấy. Bao nhiêu thúi tha nhơ nhớp trong đời họ, họ phơi cả ra như sau đêm mưa, họ phơi gổ trên mớ cho nó bớt âm-âm khó chịu.

Trời mưa cuối mùa cứ dai-dẳng ngày này qua ngày khác. Con hồ-ly ban đầu ăn xôi, ăn bánh mì, chả-lụa trừ cơm. Mãi rồi nó cũng không còn tiền để mua xôi nữa. Đất Sài-gòn, những ngày cuối tháng mà mưa dầm, thì tiền bạc nó cũng sợ lạnh, không hề dám ló ra ngoài. Nó có ló ra, con hồ-ly mới ăn nem nướng được ; còn nó mà trùm chần thì chồn cái cũng đành phải trùm mền mà nhịn đói.

Anh Sáu cũng chẳng thấy đi uống cà-phê sáng cho ấm bụng. Cũng chẳng thấy khỏi thuốc bay ra khỏi mái lều của anh như mọi ngày, và lâu lâu không còn nghe mẩu thuốc vút xuống ao, tắt kêu xèo một cái.

Cả hai, vì tự ái hão, đều giả đau để nằm nhà. Anh Sáu yên thân hơn, còn dám ngồi dậy lết ra lết vô. Còn con hồ-ly thì sợ anh sáu đi ngang qua đó biết mình giả đồ chẳng, nên cứ trùm chiếu mãi từ sáng đến chiều.

Khó chịu quá, ngột quá, mà anh Sáu không đi ngang qua lần nào để thấy là nàng ta đang đau ốm thì có tức hay không chứ ?

Hết mưa rồi nắng. Anh Sáu ra đi. Ngang qua nhà hồ-ly, anh lấy chơn lật chiếu ra thì thấy hồ-ly nằm xui-lơ. Nàng đau ốm thật đó, đau một chứng bệnh cổ-diễn của loài người, là bệnh... đói.

Anh Sáu mau bước nhảy như con khỉ từ ngôi mộ này đến ngôi mộ khác và rớt cuộc ra tới đầu ngõ hẻm trở ra phố.

Thiên hạ cứ một ngày một khôn ra, cho nên, mặc dầu là cáo già, anh Sáu không còn gat-gâm ai được nữa.

Anh buồn hiu trở lại đào-viên mà ba người bạn đã mặc-lặng kết-nghĩa với nhau hôm mấy tháng trước.

— Chị đã bớt hay chưa ? Anh hỏi bầy cho có chuyện.

— Có uống mẹ gì đâu mà đỡ bớt.

— Chị nghe trong mình làm sao ?

— Không biết. Nhưng nếu ăn được một chén cháo là khỏe.

Anh Sáu hiểu ngay. Anh lại thở ra, ngồi bó gối bên cạnh một người mà anh sẽ chịu đồng cảnh vài ngày nữa đây. Sở dĩ anh còn đi đứng được là nhờ anh mạnh sức, lay lắt nổi thêm vài ngày.

Chiều xuống sớm quá vì mây kéo đen nghịt trời. Ngoài kia, vệt vào chuồng kêu cạp cạp. Nghe tiếng vịt kêu, anh sáu nhớ lại người bạn thứ ba.

— Hừ, nó coi vậy mà no đó.

Bỗng một ý nghĩ nảy ra. Anh vừa mừng thì lại nghe như ai xát ột trong ruột anh.

Nhưng biết làm sao ! Đi ăn trộm vịt, không đáng gì cả, mà rủi ro thì khổ. Trong lúc mình đang trốn mà, đại gì làm những chuyện xằng nhơ nhỏ.

Anh Sáu đứng lên, nhảy bay qua nhà anh, rồi ngồi nhìn mưa bắt đầu rơi lũm-chũm trên mặt ao tù.

Một con nhái hay con gì không rõ, nhảy xuống nước lội róc-rách đi về đâu không biết. Gió hú trong tiểu-giáo-đường, gió than-vãn ở các nhà mồ. Xa xa tiếng động cơ xe nổ lên, nhắc-nhở rằng cuộc sống ở bãi tha ma này trầm lắng quá.

Anh Sáu rút cây chĩa ba, lết ra tới trước mả mà ngồi.

Anh cúi mặt xuống miếng đất đọng nước, mắt lom lom rình.

Bỗng có tiếng sột soạt do con chồn khuya lau, sậy, nay đã chết khô rồi. Anh Sáu hồi hộp nghe tìm anh đập thình-thình trong lồng ngực anh. Lại ! Anh đã giết người, mà nhớ ra là anh đã không nghe thấy may sợ hãi. Có sao đêm nay...

Kìa một cục đen đen thò ra khỏi sàn ván. Anh Sáu cầm chĩa ba mà nhắm rồi sượt một cái, mũi chĩa đâm chúi xuống trúng ngay cổ con chồn.

Chồn hét lên một tiếng kêu đau và kinh sợ, rồi thối. Trong bãi tha ma hoang vắng, không một tiếng vang lặp lại tiếng kêu thương của con vật vừa bị bạn phản-bội này.

..

Dân lưu-manh vẫn thế. Họ cũng biết xúc-cảm, nhưng chỉ xúc-cảm vậy vậy thôi. Họ nhỏ trên máu con chồn vài giọt nước mắt rồi thít nó liền mà không nghe nhòm răng.

Thế là đêm đó, hai con chồn đói xoi một con chồn no.

Họ chỉ ăn-hận một vài giây thôi, vì đâu sao người bạn xấu số ấy cũng chỉ là một con chồn. Ai dư nước mắt mà khóc thú vật cho lâu.

Trời cứ mưa, mưa như cầm chân mà đổ, mưa như một oanh-tạc cơ định về căn-cứ đổ rốc hết bao nhiêu bom còn sót lại trên tàu, mưa cho hết ráo nước dề rồi khô hạn được trong sáu tháng dài, mưa đêm chưa phỉ lại mưa ngày, mưa cho đến xương kẻ dưới mồ chắc cũng lạnh thấu tủy khô.

Ăn được bữa cháo chồn, hồ-ly nghe khỏe như chị đã đoán. Sáng hôm ấy chị ra đi, căn-dặn anh Sáu ở nhà, chị sẽ có tiền, một số tiền khá to, đâu như năm trăm, do một anh tình non hứa biếu và hẹn hôm ấy trao cho vì hôm trước là ngày lương.

Anh Sáu thích quá, muốn ôm hồ-ly mà hôn một cái. Nhưng hồ-ly dơ thấy mà bắt nòn, nên anh thôi.

Độ lối chín giờ sáng, anh Sáu đang nằm ca sáu câu mùi-mần :

Cảnh vị nhơn sầu, xơ-xác ngọn vi-lau, nước triều mênh-mông chảy...

thì bỗng nghe tu hít thối hoen-hoét ở cùng từ phía quanh nghĩa-địa. Rồi giây lát sau, hồ-ly nhảy như khỉ qua các năm mồ, theo sau chị là hai người đòn ông còn trẻ.

— Trời ơi, anh Sáu kêu, mình đã đại kể cho nó nghe duyên cớ trốn tránh của mình ! Nó bán mình mà ăn đấy !

Chồn ơi, hồn mi có thiêng chẳng, về mà xem kể phản-bội mi sắp bị trừng phạt đây.

Anh Sáu bó tay, không chống cự. Anh nhìn hồ-ly, không oán-giận mà chỉ tội-nghiệp thôi. Hồ-ly trốn cái nhìn của anh, ngồi dáy mặt vò vách lá mà đếm tiền.

Đêm nay, gió sao mà hú nghe ghê rợn hơn đêm nào cả.

Hồ-ly giết nầy mình, dáo-dác nghe-ngóng. Gì mà như là anh Sáu ho bèn ấy ! Chị đánh diêm lên để thắp nến. Trời ơi, mới hôm qua đây, anh Sáu còn nằm bên đèn kể lại những bước phiêu-lưu của anh ! Hơi thở của anh, chị như còn nghe văng-vẳng. Cái mặt xương của anh đậm nét lên dưới ánh đèn, như là còn ẩn-hiện mơ hồ trên tấm mộ bia !

Trời ơi ! Kéo cuộc đời nhơ-nhóp nầy biết đến bao giờ mới thôi ? Đã nhơ-nhóp lại đề hèn, bước từ phản-bội nầy qua phản-bội khác, cho đến một khi kia, thì sẽ chỉ còn phản-bội được chinh mình.

Hồ-ly rùng mình một cái, không phải vì lạnh, cũng không phải vì sợ ma, mà vì chị bỗng sợ-hãi chính mình, sợ-hãi con người đã vơi cạn hết chất người.

Chị ôm mặt mà khóc oà, rồi lầm-bầm van vái lắm thắm :

— Trời Phật ơi, Chúa ơi, tha tội cho tôi, ngày mai tôi sẽ ra khỏi chốn này và ra khỏi vực đen của đời tôi nữa !

BÌNH-NGUYỄN-LỘC



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP-Á NGÂN-HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại Saigon

29, Bến Chương-Dương, 29

Điện thoại : 23.434/35/36

Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN-HÀNG



**Đại-diện các Ngân-Hàng
trên thế-giới**



Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

XUẤT-CÀNG — NHẬP-CÀNG

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

Siège Social : 74 Rue St-Lazare — PARIS

AGENCE DE SAIGON

32, Đại-lộ Hàm-Nghi (R. C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

Bureaux auxiliaires

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél : 22.142

CHOLON :

386, Đại-lộ Đồng-Khánh

Tél : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

**CAMBODGE : PHNOM - PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG - CHAM**

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯƠNG
(VI-HUYỀN-ĐẠC dịch)



LƯỢC DẪN

Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-đoàn, tức Quyền-phái, mà ông Diêu-Tư-An, một phú-thương, phải đem gia-quyển về quê nhà ở Hoàng-Châu, để lánh nạn.

Chẳng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mộc-Lan bị thất-lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buôn người, trên Vận-hà. Ông và người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích.

Cũng là duyên trời dục-dối nên ông Tăng-văn-Phác, một cố-hữu của Diêu-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nhân ông Tăng cũng đem gia-đình về thăm quê nhà, ông đưa Mộc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Diêu-gia rõ.

Sau một thời-gian, Diêu-tiên-sinh dịch-thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Diêu-tiên-sinh bắt cô con gái ông bà Tăng-Văn-Phác làm ký-phụ, ký-mẫu. Hai gia đình Diêu, Tăng, trở nên thân-mật hơn xưa, vì cụ Tò-mẫu tức thân-mẫu ông Tăng, có ngờ ý muốn xin Mộc-Lan cho cậu Tân-A, người con trai út của họ Tăng.

Cuộc loạn-lạc đã yên. Hai cha con cô Mộc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia-quyển họ Diêu lại đoán-tý ở chốn Kinh-sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để tựu-chức.

Mối giao-tình giữa hai nhà Diêu, Tăng, đã khăng-khít, lại càng thêm khăng-khít.

Nào ngờ đâu, Bàn-A người con trưởng bên Tăng-gia bỗng lâm trọng bệnh. Theo một tục-lệ cố-hữu và nhân Bàn-A đã đính-hôn với Man-Ny, nên Tăng-gia mời thân-mẫu nàng và nàng lại Kinh, làm lễ cưới « Xung-Hi », để hóa may, cô cứu được bệnh-nhân chàng. Vậy, trong các hồi dưới đây, hai mẫu, nữ Man-Ny, lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thân-kinh và sau đó, Bàn-A và Man-Ny thành-hôn, mặc dầu cậu còn ngoại bệnh.

Tăng-phu-nhân ngồi bên cạnh thân-mẫu của Man-Ni hơn một tiếng đồng-hồ. Bà nói : « Nghĩ cũng lạ thật ! Ai lại, năm tuần nay, các việc ma chay, cúng-tế, mình sắp đặt tề-chỉnh ; lại được tổ-mẫu thái-thái chỉ-bảo đầu vào đây, lễ đã đủ lễ, tôi thiết-tưởng vong-linh của biểu-đệ chẳng còn có điều gì oán-thoán thì phải, ấy thế mà làm sao lại có cái việc vong-hồn nhập vào người và lên tiếng, thì cũng thật là kỳ-quái ! »

Bà nói như vậy là có ý nói xa-xôi để bảo rằng Lý-di-má lên đồng giả và cố tình kiếm chuyện.

Thân-mẫu của Man-Ni nghe Tăng-phu-nhân nói như vậy thì chỉ biết biểu-thị tấm lòng biết ân đối với phu-nhân, Lão-thái-thái và cả nhà ; ai cũng đã tận-tâm giúp-giáp hai mẹ con, thực là đến đâu, đến đấy. Vốn là một người đàn-bà hiền-hậu và thuần-cần nên bà không nói qua một lời gì đối với cái nhà má họ Lý cả.

Bàn-A cũng đem các hành-động của cái anh hòa-thượng vô-lối kia cáo-tố với thân-mẫu cậu. Rồi mỗi người bổ-sung vào một lời. Tăng-phu-nhân ngẫm-ngĩ rồi bảo :

« Thôi được, để mai đây, tôi sẽ bạch với pháp-sư để yêu-cầu người sai-phái gã dò đi khỏi đàn-tràng này, là yên chuyện. »

Man-Ni nghe Tăng-phu-nhân nói như vậy, cô hết sức cảm-phục và nghĩ thầm rằng, phu-nhân cư-xử quả đúng mực một bà quan, bà điều-chỉnh việc nhà với một nghi-thái thiết đáng tôn, đáng kính.

Đúng mười một giờ thì Tăng-phu-nhân, cùng với Bàn-A trở về bên viện-thất. Bà không quên dặn-dò thêm các việc, cùng là phái hai người nhà ở lại khách-dường để giúp đỡ các việc.

Đêm hôm đó, Man-Ni cứ trần-trọc thân canh, không thể nào ngủ đi được. Thân mẫu nàng cho rằng nàng thao-thức vì bị cái mẽ sợ vừa rồi, bà có biết đâu, phùng-lâm của nàng đương bị một mối cảm-giác cực-kỳ hỗn-loạn xâm-chiếm, một thứ hỗn-loạn không thể lấy lời nói mà diễn-tả được. Không, nàng chẳng nghĩ-ngợi gì cả; nàng đương dè-mé bởi cái « men-dời » mà nàng vừa mới nhấp; cả cái hương-vị của cuộc sống đã làm thức-linh cái bản-thể của nữ tính nó tiềm-phục ở đáy lòng nàng. Quả thật, định-mệnh đối với nàng thiết là khắt-khe và đáng sợ biết chừng nào, mà chính ngay lúc này đây, nó đang đợi nàng, để đem đến cho nàng những nỗi đau thương, buồn-thảm!

Một người con-gái của một gia-đình rất mực nghiêm-khắc và thủ-cự, mà lại dám để cho một

người con trai thân-cận mình đến mực ấy và cùng nhau thụ thụ tương thân, như thế là chẳng khác gì đã đem chung-thân ký-thác vào tay người ấy rồi vậy. Theo cái quan-niệm của Khổng-giáo thì nàng đã không còn trinh-khiết nữa, bởi vì cái thể-chất của một người con gái thiết không khác gì một tấm kính-ảnh có tính cảm-quang; nó chỉ nhận in lấy hình-ảnh của một người đàn ông, và chỉ in có mỗi một lần thôi.

Kể ra, cái tâm-trạng trên đây không thể nào có được ở một cô gái làm chiêu-dãi-viên ở một cao-lâu, tửu-quán hay ở trà-thất, chẳng hạn. Vả, Man-Ni sinh-trưởng theo một thứ giáo-dưỡng của phụ-thân nàng, trong nghi-thức của nho-phong, nên cái việc vừa xảy đến, đối với nàng, thiết là vô-cùng thảm-thiết. Nàng, mình lại bảo mình: « Bàn-kha ơi! Em, từ nay là hoàn-toàn của anh rồi đấy! »

Bàn-A cùng với thân-mẫu cậu về tới Bắc-Kinh, thì vừa hết xuân sang hạ.

Ngoài cái tối hôm tuần thứ năm của tang-lễ, hai cô cậu không còn dịp nào thân-cận nhau nữa, vì Man-Ni đã trở lại tri-trọng và rút-rất như xưa. Có trông thấy mặt nhau chẳng nữa, cũng chỉ trong một thoáng; bốn con mắt giao nhau, nửa phần tha thiết, nửa phần lạnh-nhạt.

Trong thâm-tâm của Bàn-A, Bàn-A cũng hiểu rằng Man-Ni là một thứ

virus-vật không thể nào tiếp-xúc được một cách dễ-dàng, nên cậu lại càng thấy yêu nàng, yêu bằng một tấm-linh không bao giờ phai-lạt hay ma-diệt được. Tuy-nhiên, cậu rất thiết-thực, cậu không thần-tiên-hóa người yêu, đến bảo rằng người yêu của cậu, mười phần, vẹn mười. Nàng cũng đẹp vừa-vừa thôi, nàng chỉ thường-thường như những người thường khác; nàng nhu-nhược, mảnh-dẻ, gầy-yếu, và trong nửa tháng vừa qua, nàng lại bị thủng-thăng ho. Nàng lại hơi có tính dố-ky; đó là một điểm mà cậu đã chú-ý nhận ra, thứ nhất, những khi cậu kể các chuyện về cái cuộc sống xa-hoa dài-các ở đất đế-dò, và trong những dịp hội-hè, tết-nhất, cậu có vô tình nói lời các cô-nương, của các gia-đình trăm-anh, thế-phiệt, chẳng hạn, thì hai mắt nàng sáng lên, đôi môi nàng run-run, nàng hỏi dồn: « ai thế hả anh? », rồi nàng yên-lặng nhìn đi đằng khác, có ý như tự nhủ thầm rằng: « mình chỉ là một cô gái quê-mùa, bĩ-lậu, một cô em họ xa, lại là con nhà nghèo ». Tuy nàng cũng nhận thấy rõ ràng rằng nàng rất được yêu và nàng cũng có một trình-độ giáo-dục khá dĩ thích-đáng để làm một người bạn trăm-năm của cậu; nhưng, khi nàng nghĩ tới các cô thiên-kim tiền-thư ở đất đế-dò hoa-lệ mà cậu đã gặp hoặc sẽ được gặp, thì nàng không thể nào không run-sợ. Ấy

thế mà, cậu thì cứ luôn luôn vui sống ở cái nơi phồn-hoa đó; còn nàng, nàng phải mỗi-mòn kéo dài cái chuỗi ngày làm-thường ở chốn thâm-hương cùng-dã này.

Nghĩ lại cho cùng, nàng cũng không thể trách-móc cậu được một điều gì. Sau tuần thất-thất, khi đưa đám ra đồng, cậu mặc tang-phục của một người con rể và đi trước linh-cữu tử-tế. Thế rồi, ở phía tả cái linh-bài có viết danh-danh, dòng chữ: « nữ, Man-Ni, dữ tế, Tăng-Bân-A, đồng bái khấp ». Thế nghĩa là con gái Man-Ni và con rể Tăng-Bân-A, cùng khóc lay. Đó là một ý-chỉ của Lão-thái-thái vì cụ muốn cho việc hôn-nhân của hai đứa cháu cụ được xác-định hẳn-hoi và phòng khi cụ có nhắm mắt đi, không còn ai có thể thay đổi đi được nữa. Ngần ấy điều làm cho nàng an tâm và không phải phân vân lo-nghĩ gì cả.

Giữa Man-Ni và Bân-A có một việc nó làm cho hai người, bần-tĩnh mãi với nhau, trước khi Bân-A đi Bắc-Kinh; đó là việc, hai người làm thế nào mà thông-tin cho nhau được. Theo lẽ-tục, thì hai bên không được phép viết thư cho nhau, nhưng Man-Ni nghĩ ra một kế là, mỗi khi biên thơ lên thăm Lão-thái-thái và Tăng-quyển, nàng sẽ kèm thư của nàng vào; tuy vậy nàng thấy vẫn chưa ổn vì nàng không được viết thư riêng

cho cậu, kia mà. Vả, cho dầu nàng có viết như vậy, bức thư sẽ nhạt-nhẽo vô-vị, vì không khi nào nàng lại dám bộc-lộ hết tâm-linh của mình. Nàng lại nghĩ hay là nhờ Mộc-Lan chuyển-giao... Còn một kế sách tuyệt-đối nữa là, Bàn-A nói với hai thân của cậu để xin với Lão-thái-thái cho nàng lên hẳn ngay Bắc-Kinh, để cùng đi học với Mộc-Lan. Có lẽ mấy việc sau đều không thể thực-hiện được. Ấy thế là thắm-thoắt, hai người đã xa nhau ngót hai năm trời đằng-dằng. Nàng ao-ước tới mùa xuân năm tới, thì bảo cậu, thế nào cũng cố xin về tảo-mộ để hai người gặp nhau ở Sơn-

Đồng vậy. Bàn-A có yêu-cầu như thế nhưng song thân cậu không chấp-thuận, vì lo-ngại đường xa, dặm thẳng và mất nhiều ngày giờ quá; như vậy, việc học của cậu sẽ bị phương-trở.

Rồi, năm đó, chỉ có Quế-Cô mang đứa con nhỏ ba tuổi về quê. Man-Ni buồn soán-suýt hỏi dò Quế-Cô về các biểu-huynh-đệ ở Bắc-Kinh, cùng là danh-tự của những chị a-hoàn mới đến ở, ở nhà họ Tăng.

Hết chương VI

LÂM-NGŨ-ĐUỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

(Còn nữa)

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE:

2, Nguyen-Truong-Tô (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

Vente : Hydrogène — Ammoniaque — Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc. . .

Matériel pour souder oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

Tạp-chí **BÁCH-KHOA**

Trong những số tới :

- HUỖNH-VĂN-LANG** : Tôi thăm viếng Hòa-Lan
- HOÀNH-MINH-TUỖNH** : « Giáo-hội bản-quốc tự-trị ».
Thông điệp đức Giáo-hoàng
- VUỜNG-HÒA-ĐỨC** : Thị-trường tổ-hợp Âu-châu
- THANH-BÌNH** : Vai trò của chánh-quyền trong
công-cuộc kinh-doanh, kiến-
thiết kinh-tế.
- TIỂU-DÂN** : Hai vấn-đề quan yếu của Thế-
giới năm 1958
- QUANG-HUẨN** : Trung-Đông bài-học lịch-sử
- NGUYỄN-VĂN-BA** : Âm-dương và Mâu-Thuần
- ĐẶNG-VĂN-NHÂM** : Ảnh hưởng Ấn-Độ và Trung
Hoa đối với các Tháp Chùa
Việt Nam
- TRẦN-THỊ-PHÔNG** : Nghệ thuật cắm hoa
- NGUYỄN-VĂN-XUNG** : Một nhận định về văn-học
Việt Nam: Thế-kỷ thứ XIX
có nên truy phong là Đại
thế-kỷ ?
- PHAN-KHOANG** : Nguyên nhân của thái độ
người Việt-Nam đối với
Xuân và Tết.
- MẶC-THU** : Gái bãi lau
- VÕ-PHIỄN** : Đêm xuân trăng sáng
- VI-HUYỀN-ĐẮC** : Cậu tôi.
- B.NH-NGUYỄN-LỘC** : Cho tay này lấy tay kia
- LÊ-VĂN** : Lòng nghèo rộng mở đón Xuân
sang
- NGUYỄN-PHÚC** : Cò độc.
- HƯ-CHU** : Tình-sử.

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được các sách sau đây :

— « Xác lá rừng thu » thi phẩm đầu của Diên Nghị, gồm 25 bài thơ, dày 70 trang, giá 35\$, do tác giả gửi tặng.

— « Đề hiểu thơ Đường luật » của ông Hư-Chu gồm tất cả những luật của thơ Đường sách dày 150 trang, giá 40\$, do tác giả gửi tặng.

— « Nhận định về một vài vấn đề văn chương, giáo dục, triết lý, tôn giáo » của ông Nguyễn văn Trung, sách dày 125 trang, giá 35\$, do tác giả gửi tặng.

— « Giảng văn lớp đệ thất » gồm một phần cò văn và một phần tán văn của ông Vũ Kỳ, sách dày 160 trang, giá 37\$.

— « Le Français Correct » sách giáo khoa của ô. Phạm-lất-Đắc, sách dày 168 trang, giá 38\$, do nhà xuất bản A.B.C. gửi tặng.

— « Những bệnh có thể tránh » của Bác sĩ Bảo-Hương Lê-văn-Ngôn, sách dày 145 trang, giá 25\$, do nhà xuất bản Đất Nước gửi tặng.

Trân trọng cảm ơn các tác giả cùng các nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu với các bạn đọc thân mến.

BÁCH-KHOA

THẺ LỆ MUA BẢO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90 \$ 00** — 1 năm 24 số : **180 \$ 00**

Giá tiền trên đã tính cả cước-phí

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Bưu phiếu xin để cho : Ô. HUỲNH-VĂN-LANG

Hộp thư số 339 - SAIGON

HÀNG



Giày nõi : 305

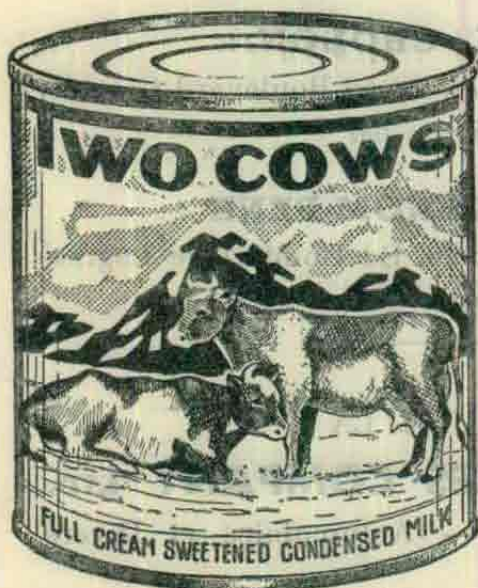
Giày thêp : KOL CHOLON

51A-53A, đại-lộ Hồng-Bàng
CHOLON

SẢN XUẤT

- Kem và xà-bông đánh răng,
- Các loại nút-ve, hộp, nắp, ống đựng thuốc cho các dươc-phòng bằng chất nhựa Phénoplaste, mélamine, polyétylène,
- Các thứ bàn chải đánh răng bằng nylon,
- Các thứ ống nước bằng chất vinyle,
- Nút áo,
- Các thứ vật-dụng điện-khí,
- Dao bào râu, chén.

Sữa « HAI CON BÒ »



Được
Viện PASTEUR
SAIGON

chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bổ cho trẻ em dùng

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

Traite toutes les Affaires de Banque

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

AGENCE A CHOLON :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

AGENCE A PHNOM-PENH :

20, Boulevard Norodom (ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** - Đốt cháy liền
U - Khởi mất ngay giờ
T - Không khói, không bụi
A - Dùng nấu nướng các thứ
G - Không làm nhứt đầu hay cay mắt
A - Khởi phải coi chừng ngọn lửa
Z - Một bình hơi dùng:

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 kí-lô-vát điện

HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung, sử nên
Kính tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập lại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, Londre E.C.2



Saigon Chi - Cục

CHI-CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhiệt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil C^y)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông

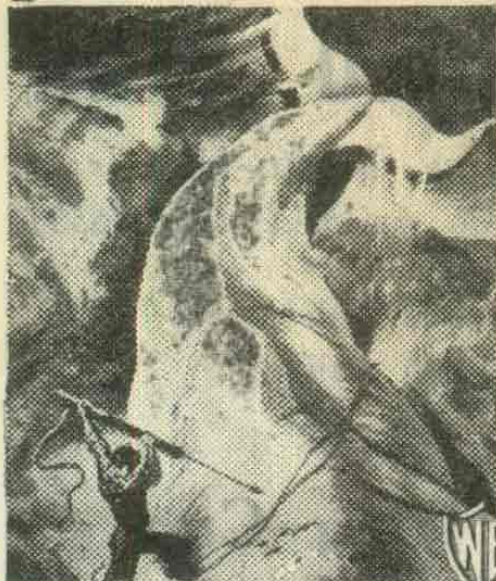


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng



CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU

NEVER SUCH A SIGHT! NEVER SUCH MIGHT!



WARNER BROS. PRESENT
**GREGORY
PECK**

**RICHARD & LEO
BASEHART GENN**

IN THE
JOHN HUSTON

PRODUCTION OF HERMAN MELVILLE'S

MOBY DICK

COLOR BY **TECHNICOLOR**

SCREEN PLAY BY PAUL BRADBURY AND JOHN HUSTON • A MOULIN PICTURE DIRECTED BY JOHN HUSTON • PRESENTED BY WARNER BROS.

WILL BE PLAYED FROM DECEMBER 24 TO 31 1957

à la fois treuil et palan!

*pour levée, tirée,
téléport, remorque
et tracteur...*



Toutes forces
par mouflage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(B" S.C.D.C.)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés.

Modèle "SUPER"
(Universel)
Forces : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(Travaux souterrains)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

**1 Tirfor rend
1000 services!**
Demandez-nous la
brochure.

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài-gòn — Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÚY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo - Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS

Tai-nạn

Hỏa-Hoan

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANÇAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE,
HONGKONG - TANANARIVE - TAMATAVE - ABIDJAN - DOUALA



BLUE BIRD
Quốc-Gia
Quẹt
là
kinh-tế
nền
Hộp
Dùng
phụng-sự

Société Indochinoise Forestière
et des Allumettes
(SIFA)

346, Bến Ván - Đồn

Điện-thoại 21.950

Điện-tin Forestière

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C° LTD)

30-32 Đường Pasteur — SAIGON

Tel. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL & INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes & mo- biles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perceuses
		BERNADOU	
MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois			



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whisky V.O. (Canadian)
NOILLY	Vermouth	FOUR ROSES	Bourbon
PRAT			



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «des deux bœliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVEN ETOILE

THIRIEZ & GARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder & à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)

« MÉLIA »

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eau de Cologne & Lotions de PREMIÈRE QUALITÉ

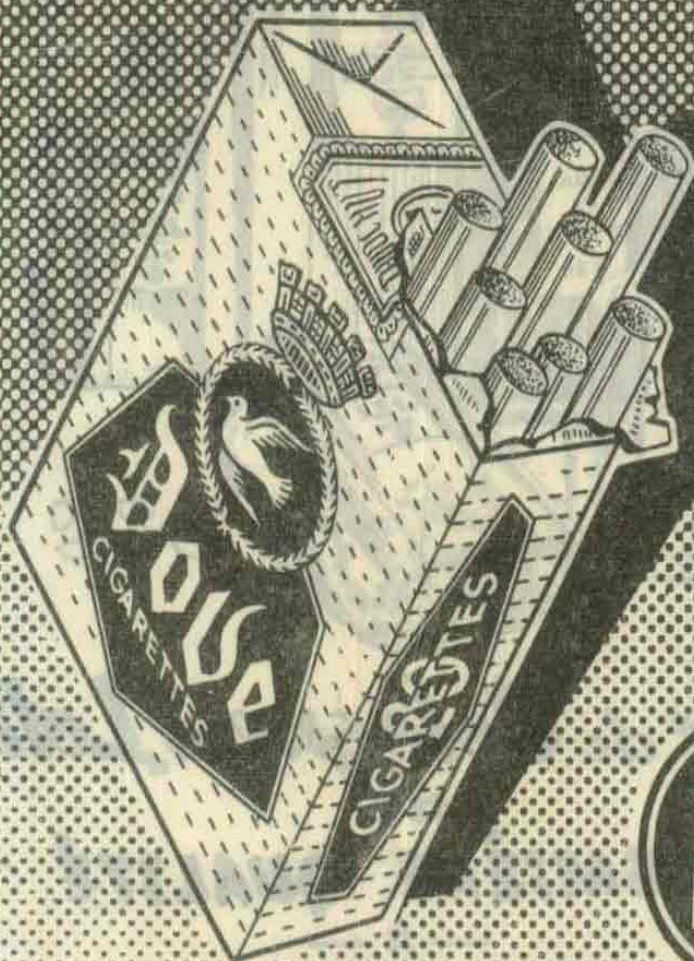
Rượu luyện tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hóa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-gần.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dự trả 1q), do nơi Văn-Phòng Công-Ty
135, Pasteur — SAIGON

Dove



15⁸

Thuốc thơm hảo hạng

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

[illegible]

Nhà Sáo KHAI-TRÍ
52, Bui-lô Lê-Lợi, SÀI-GON.

GIÁ: 20 \$ 00

Nhà in Đông-Nam Á — Saigon

